

Edgar Cayce về Sự
Luân hồi
về
Nghiệp quả Gia đình



KEVIN J. TODESCHI

Table of Contents

[Title page](#)

[Copyright](#)

[Dedication](#)

[Contents](#)

[Preface](#)

[Chapter 1: Edgar Cayce on Family Karma](#)

[Chapter 2: Karmic Relationships with a Spouse](#)

[Chapter 3: Karmic Relationships Between Children and Parents](#)

[Chapter 4: Karmic Relationships Between Siblings](#)

[Chapter 5: Miscellaneous Karmic Relationships](#)

[Chapter 6: Overcoming Personal Karma](#)

[Chapter 7: Karma Versus Grace](#)

[Conclusion](#)

[Notes](#)

[References and Recommended Reading](#)



Edgar Cayce về Luân Hồi và Nghệp Quả Gia Đình

Selected Books by Kevin J. Todeschi

Non-Fiction

Dreams, Images and Symbols

Dream Interpretation (and More) Made Easy

Edgar Cayce's ESP

Edgar Cayce on the Akashic Records

Edgar Cayce on Reincarnation and Family Karma

Edgar Cayce on Soul Growth

Edgar Cayce on Soul Mates

Edgar Cayce on the Book of Revelation

Edgar Cayce's Twelve Lessons in Personal Spirituality

God in Real Life

Fiction

A Persian Tale

The Rest of the Noah Story



Edgar Cayce về Luân hồi và Nghệp quả Gia đình

Kevin J. Todeschi



Yazdan Publishing • Virginia Beach • Virginia

Copyright 2011

By Kevin J. Todeschi

Printed in the U.S.A.

All rights reserved. No part of this book may be used or reproduced in any manner whatsoever without written permission except in the case of brief quotations embodied in critical articles of reviews.

Yazdan Publishing

P.O. Box 4604

Virginia Beach, VA 23454

[Previously published by A.R.E. Press as Family Karma]

ISBN 13: 978-0-9845672-3-2

Edgar Cayce Readings © 1971, 1993-2007

by the Edgar Cayce Foundation.

All Rights Reserved.

Cover design by Richard Boyle

Text and design layout by Cathy Merchand

Be not deceived; God is not mocked:
for whatsoever a man soweth, that shall he also reap.
Galatians 6:7

Contents

Preface

Chapter One

Edgar Cayce on Family Karma

Chapter Two

Karmic Relationships with a Spouse

Chapter Three

Karmic Relationships Between Children and Parents

Chapter Four

Karmic Relationships Between Siblings

Chapter Five

Miscellaneous Karmic Relationships

Chapter Six

Overcoming Personal Karma

Chapter Seven

Karma Versus Grace

Conclusion

Notes

References and Recommended Reading



Preface



Life is a completely lawful experience. This statement is an absolute truth regardless of our personal feelings to the contrary: Life IS a completely lawful experience.

Although no one could dispute the fact that innumerable laws govern, shape and guide our everyday lives, perhaps many would question the absolute lawfulness of life. To be sure, we have laws regarding behavior, property, driving, business, relationships, taxes, quality control, international affairs, transportation, education, personal conduct—the list goes on and on. Among these laws, we have laws that apply to everyone, such as laws against criminal activity. We also have laws that are geared to a more limited audience, such as laws prohibiting insider trading. We have laws that apply only to individual neighborhoods, such as covenant agreements, and we have laws that apply only to specific religions (such as dietary laws), cultures (such as appropriate attire and dress) or countries (such as travel and trading restrictions). Laws are an everyday constant in our lives.

However, it is not necessarily because of human-made laws that life is completely

Đời sống là một kinh nghiệm hoàn toàn theo luật tắc. Khẳng định này là một chân lý tuyệt đối, bất kể cảm xúc cá nhân của chúng ta có trái ngược thế nào: Đời sống LÀ một kinh nghiệm hoàn toàn theo luật tắc.

Dẫu không ai có thể phủ nhận rằng vô số luật lệ cai quản, định hình và dẫn dắt đời sống thường nhật của chúng ta, có lẽ nhiều người vẫn hoài nghi về tính hợp luật tắc tuyệt đối của đời sống. Quả thật, chúng ta có những luật liên quan đến cư xử, tài sản, giao thông, kinh doanh, các mối quan hệ, thuế khóa, kiểm soát chất lượng, đối ngoại, vận tải, giáo dục, hạnh kiểm cá nhân—danh sách này còn kéo dài. Trong số đó, có những luật áp dụng cho mọi người, như luật chống hành vi phạm tội. Cũng có những luật nhắm đến một nhóm hạn chế hơn, như luật cấm giao dịch nội gián. Có những luật chỉ áp dụng cho các khu dân cư cụ thể, như các cam kết theo quy ước cộng đồng; và có những luật chỉ áp dụng cho các tôn giáo riêng (chẳng hạn các luật ăn kiêng), các nền văn hóa (như chuẩn mực y phục) hoặc các quốc gia (như hạn chế đi lại và thương mại). Luật lệ là hằng số hằng ngày trong đời sống chúng ta.

Tuy nhiên, đời sống hoàn toàn theo luật tắc không nhất thiết là vì các luật do con người

lawful; in fact, sometimes it is actually in spite of these laws that personal lawfulness still comes into being. Life is a completely lawful experience because there is a higher law that is universal in scope and yet remains generally unknown by countless individuals the world over. It is a law that is in effect at all times, that is applicable in every circumstance, and that comes into play in every situation. It is a law that is relevant to and associated with every deed, every thought, every spoken word and every activity. This law governs all people everywhere—without exception—and it has been in existence since the dawn of Creation. This law is the law of karma, and in a very real and literal sense it is the most lawful of all laws governing humankind.

Karma is a Sanskrit word that means action. It is associated with cause and effect and the fact that each individual is constantly meeting the consequences of her or his previous choices. Although the workings of karma are repeatedly illustrated in scripture, generally most students of the Bible overlook or simply don't recognize the information as being applicable to the law of karma. However, phrases such as, "Thou hast been in Eden the garden of God ... Thou wast perfect in thy ways from the day that thou wast created, till iniquity was found in thee" (Ezekiel 28:13, 15); "He that leadeth into captivity shall go into captivity ... " (Revelation 13:10); " ... with what measure ye mete, it shall be measured to you again," (Matthew 7:2, Mark 4:24, Luke 6:38) and, Jesus' statement that " ... all they that take the sword shall perish with the sword" (Matthew 26:52), for example, are just a few of the many biblical examples that clearly describe the consequential activity of karmic law.¹

Sometimes individuals who are new to the law of karma and the process in which reincarnation works may protest that these concepts appear to mitigate the divine gift of

đặt ra; thực tế, đôi khi chính bất chấp các luật ấy mà tính hợp luật tắc của cá nhân vẫn biểu hiện. Đời sống là một kinh nghiệm hoàn toàn theo luật tắc vì có một Định luật cao hơn, phổ quát về phạm vi nhưng vẫn thường vô tri đối với vô số người khắp thế giới. Định luật này luôn tác động, thích hợp trong mọi hoàn cảnh, và xuất hiện trong mọi tình huống. Đó là Định luật liên quan và gắn với mọi hành vi, mọi tư tưởng, mọi lời nói và mọi hoạt động. Định luật này chi phối mọi người ở khắp nơi—không ngoại lệ—và đã hiện hữu từ thuở Khai Nguyên của Sáng Thế. Định luật ấy là định luật nghiệp quả, và theo nghĩa rất thực và đúng đắn, đó là định luật hợp luật tắc nhất trong mọi định luật chi phối nhân loại.

"Karma" là một từ Sanskrit nghĩa là hành động. Nó gắn với nhân quả và thực tế rằng mỗi cá nhân liên tục gặp gỡ những hệ quả của các chọn lựa đã qua của mình. Dấu hoạt động của nghiệp quả được minh họa lặp đi lặp lại trong Kinh điển, đa phần những người học Kinh Thánh thường bỏ qua hoặc đơn giản không nhận ra đó là những thông tin áp dụng cho định luật nghiệp quả. Tuy nhiên, các câu như: "Người đã ở trong Ê-đen, vườn của Đức Chúa Trời ... Đường lối người trọn lành từ ngày người được dựng nên, cho đến khi gian ác tìm thấy nơi người" (Ê-xê-chi-ên 28:13, 15); "Kẻ nào bắt người khác vào tù, ắt sẽ vào tù ..." (Khải Huyền 13:10); " ... các người lường bằng dấu nào thì sẽ được lường bằng dấu ấy," (Ma-thi-ơ 7:2; Mác 4:24; Lu-ca 6:38) và lời Đức Jesus rằng " ... ai dùng gươm sẽ chết vì gươm" (Ma-thi-ơ 26:52), chỉ là vài trong nhiều ví dụ Kinh Thánh mô tả rõ ràng hoạt động hệ quả của định luật nghiệp quả.¹

Đôi khi những người mới tiếp cận định luật nghiệp quả và tiến trình tái sinh vận hành phản đối rằng các khái niệm này dường như làm suy giảm hồng ân thiêng liêng của ý chí

free will; actually, however, the reverse is true. Without karma and reincarnation, the inequities of life seem to become the ultimate responsibility of the Creator and free will is only ours in attempting to deal with what God has apparently randomly bestowed upon us. At the very least, this short-sighted understanding would suggest that free will is not all that free, and ultimately it would indicate that a fair and all-loving Creator is not as fair and all-loving as we would hope Him to be.

According to famed world religion scholar Huston Smith, rather than undermining freedom of choice, karma instead assures the exacting nature of free will, a completely moral universe, and total personal responsibility:

Each individual is wholly responsible for his or her present condition and will have exactly the future he or she is now creating. Most people are not willing to admit this. They prefer, as the psychologists say, to project—to locate the source of their difficulties outside themselves. They want excuses, someone to blame that they may be exonerated ... [However,] Everybody gets exactly what is deserved ...

(Smith, pg. 64)

Similarly, Rudolf Steiner (1861-1925), the great Austrian philosopher, educator, and founder of the Anthroposophical Society, connected an individual's karmic experiences with absolute personal freedom of choice:

So, in the last analysis, it is we who with the highest part of our being have willed our karma. Whenever we bemoan our destiny on earth and complain of our ill-fortune, we are railing against our own choice, not the choice of some arbitrary god or gods who have done us a bad turn. In consequence, the

tự do; thực ra, điều ngược lại mới đúng. Nếu không có nghiệp quả và tái sinh, những bất công của đời sống dường như trở thành trách nhiệm tối hậu của Đấng Sáng Tạo, và ý chí tự do của chúng ta chỉ còn là việc cố gắng đối phó với những gì có vẻ như Thượng đế đã ban phát một cách ngẫu nhiên. Ít nhất, cách hiểu thiếu cận này sẽ ngụ ý rằng ý chí tự do chẳng mấy tự do, và rốt cuộc nó còn gợi rằng một Đấng Sáng Tạo công bằng và đầy Tình thương lại không công bằng và không đầy Tình thương như chúng ta hy vọng.

Theo học giả tôn giáo thế giới lừng danh Huston Smith, thay vì làm suy yếu tự do chọn lựa, nghiệp quả lại bảo đảm tính chính xác của ý chí tự do, một vũ trụ hoàn toàn đạo đức, và trách nhiệm cá nhân trọn vẹn:

Mỗi cá nhân hoàn toàn chịu trách nhiệm về tình trạng hiện tại của mình và sẽ có đúng y tương lai mà chính mình đang kiến tạo. Đa số người ta không sẵn lòng thừa nhận điều này. Như các nhà tâm lý học nói, họ thích phóng chiếu—đặt nguồn gốc khó khăn của họ ra bên ngoài bản thân. Họ muốn những cái cớ, muốn ai đó để đổ lỗi hầu được trắng án ... [Tuy nhiên,] Ai nấy đều nhận đúng cái đáng nhận ...

(Smith, tr. 64)

Tương tự, Rudolf Steiner (1861-1925), triết gia và nhà giáo dục vĩ đại người Áo, người sáng lập Hội Nhân trí học (Anthroposophical Society), đã nối kết các kinh nghiệm nghiệp quả của cá nhân với tự do chọn lựa tuyệt đối:

Vậy, xét đến cùng, chính chúng ta, với phần cao nhất của hữu thể mình, đã muốn nghiệp quả của mình. Bất cứ khi nào chúng ta than vãn số phận trần gian và oán trách bất hạnh, là chúng ta đang nổi giận chống lại chính lựa chọn của mình, chứ không phải lựa chọn của một vị thần hay các vị thần độc đoán nào đã

one vice from which no one with knowledge of karma should permit himself is envy, either envy of anyone else's life situation, or of his talents, fortune or friends. For we have what we have chosen and earned, and what is good for us. Here our earthly freedom begins. We can, as we say so truly, "make the best of" our circumstances; we can fully accept them in the knowledge that they are what we need for our spiritual progress. We have built our house, and now it is our task to live in it.

(Easton, pg. 156)

Sometimes, even proponents of reincarnation and karma have a difficult time accepting the responsibility of actions committed by a "former self" in previous lives. However, when this occurs, it generally entails the perspective of a mere seven to ten decades in activity, rather than seeing the soul's various experiences as one continuous existence. The Hindu proverb of the mango tree clearly illustrates the nature of this continuity:

There was a kingdom in which one man was caught stealing a mango from another man's property. The property owner obtained an audience with the king and brought the thief with him before the monarch to receive justice. Immediately, the thief proclaimed his innocence:

"Your Majesty, I am not guilty of a crime for I did not take this man's mango—the one he planted in the ground is different than the one I took. I have committed no crime for his mango remains where he planted it."

However, the king agreed with the property owner stating, "You are guilty because the last mango resulted from the first one. The

chơi xấu ta. Vì thế, điều xấu xa duy nhất mà người hiểu biết về nghiệp quả không nên cho phép mình phạm phải là lòng đố kỵ—đố kỵ với hoàn cảnh sống của ai khác, hay với tài năng, vận may hoặc bạn bè của họ. Bởi chúng ta có cái mà chúng ta đã chọn và đã gây dựng, và cái gì là tốt cho chúng ta. Tại đây bắt đầu tự do trần gian của chúng ta. Chúng ta có thể, như người ta vẫn nói rất đúng, "làm hết điều tốt nhất có thể" với hoàn cảnh; chúng ta có thể chấp nhận trọn vẹn chúng trong tri thức rằng đó là những gì chúng ta cần cho tiến bộ tinh thần của mình. Chúng ta đã xây ngôi nhà của mình, và giờ là phận vụ của chúng ta phải sống trong đó.

(Easton, tr. 156)

Đôi lúc, ngay cả những người ủng hộ tái sinh và nghiệp quả cũng khó chấp nhận trách nhiệm về các hành động mà một "bản thân trước kia" đã phạm trong những đời trước. Tuy nhiên, khi điều này xảy ra, thường là vì góc nhìn chỉ giới hạn trong chừng bảy đến mười thập niên hoạt động, thay vì thấy các kinh nghiệm đa thời của linh hồn như một tồn tại liên tục. Ngạn ngữ Ấn Độ về cây xoài minh họa rõ nét tính liên tục này:

Có một vương quốc, nơi một người bị bắt quả tang hái trộm một trái xoài trên đất của người khác. Chủ đất xin được yết kiến nhà vua và đưa kẻ trộm đến trước bệ ngọc để nhận phán quyết. Ngay lập tức, kẻ trộm kêu oan:

"Tâu Bệ hạ, thần không có tội, vì thần không lấy trái xoài của người này—trái mà hắt trồng xuống đất khác với trái thần lấy. Thần chẳng phạm tội gì, vì trái xoài của hắt vẫn còn nơi hắt trồng."

Nhưng vua đồng ý với chủ đất và phán: "Người có tội, vì trái xoài sau này là kết quả của trái trước kia. Trái người lấy là sự tiếp nối

one you took is a continuation of the one that was planted.”

In spite of this illustration of individual continuity, some people might then protest, “Well then, why don’t I remember my past lives?” The truth of the matter, however, is that countless individuals have been able to become consciously aware of their own past lives, and all individuals actually do remember at an unconscious level. In terms of acquiring a conscious awareness, numerous books like Carol Bowman’s *Children’s Past-lives*, Brian Weiss’s *Only Love Is Real*, and decades of research by individuals like Dr. Ian Stevenson, author of *Twenty Cases Suggestive of Reincarnation*, all confirm that people from all walks of life and backgrounds have been able to discover the reality of reincarnation and karma in their personal lives.

In terms of an unconscious awareness, each individual’s biases, talents, fears, expectations, and thoughts and opinions of other cultures, races, religions, and time periods in history, often have roots in unconscious memories of past-life experiences. In addition, because the law of karma is inextricably woven to the nature of humankind, throughout history an unconscious awareness of this law has also resulted in depictions of karma in the world’s religious scriptures, in legend, in archetypal or universal stories, in fairy tales, and in myth.

Certainly one of the most famous mythic depictions of how an individual is unable to escape her or his “karmic fate” is told in the story of Oedipus. In brief, Oedipus was born to the king and queen of Thebes. The couple’s joy over the birth of their baby was short-lived when it was prophesied that their son was destined to kill his father and marry his mother. In order to avert the prophecy, the couple ordered their child taken away and killed. A servant carried the

của trái đã được trồng.”

Mặc cho mình họa về tính liên tục cá nhân này, có người vẫn phản bác: “Vậy thì, vì sao tôi không nhớ các đời trước?” Sự thật là vô số người đã có thể ý thức biết các đời trước của chính mình, và thực ra mọi người đều nhớ ở tầng vô thức. Về mặt đạt đến nhận biết có ý thức, nhiều cuốn sách như *Children’s Past-lives* của Carol Bowman, *Only Love Is Real* của Brian Weiss, và hàng thập niên nghiên cứu của những người như Tiến sĩ Ian Stevenson, tác giả *Twenty Cases Suggestive of Reincarnation*, đều xác nhận rằng người từ mọi nẻo đường đời và bối cảnh đã có thể khám phá thực tại của tái sinh và nghiệp quả trong đời sống riêng mình.

Xét về nhận biết vô thức, các thiên kiến, sở năng, sợ hãi, kỳ vọng, cùng những ý nghĩ và quan kiến về các nền văn hóa, các chủng tộc, các tôn giáo và các thời kỳ lịch sử nơi mỗi cá nhân thường bén rễ từ những ký ức vô thức của các kinh nghiệm tiền kiếp. Thêm nữa, bởi định luật nghiệp quả gắn khít với bản tính nhân loại, xuyên suốt lịch sử, nhận biết vô thức về định luật này cũng đã dẫn tới các mô tả nghiệp quả trong Kinh điển tôn giáo thế giới, trong truyền thuyết, trong các câu chuyện nguyên mẫu hay phổ quát, trong cổ tích, và trong thần thoại.

Chắc chắn một trong những minh họa thần thoại nổi tiếng nhất về việc một cá nhân không thể trốn tránh “định mệnh nghiệp quả” của mình là câu chuyện Oedipus. Tóm lược, Oedipus sinh ra cho vua và hoàng hậu thành Thebes. Niềm hân hoan của cặp vợ chồng sớm vụt tắt khi có lời sấm truyền rằng con trai họ định mệnh sẽ giết cha và cưới mẹ. Để tránh lời sấm, họ ra lệnh đưa đứa trẻ đi và giết. Một gia nhân bồng đứa bé ra khỏi thành, nhưng động lòng trắc ẩn, y không làm theo

infant out of the city, but rather than following orders the servant took pity and simply abandoned the baby in the forest—leaving the boy's fate to the whims of the gods and the elements.

Shortly thereafter the infant was found by a shepherd, who took the babe to Corinth. The boy was immediately adopted by the king and queen of Corinth, as they had no children of their own. The child was named Oedipus and was raised as a prince in the city, unaware of his background or adoption.

When Oedipus reached adulthood, he consulted the Oracle at Delphi about his destiny. When the Oracle proclaimed that he was fated to kill his father and marry his mother, Oedipus vowed to leave Corinth as a means of averting the prophecy. He journeyed to Thebes and en route argued with and subsequently killed a wealthy traveler. Unbeknownst to him, it was the king of Thebes—his own father. After his arrival in Thebes, a winged sphinx monster continually threatened the city. Because the people lived in such fear, the citizens declared that whoever defeated the monster would be married to the widowed queen and elevated to the stature of king. The task finally fell to Oedipus, who killed the monster and married the queen, unwittingly fulfilling the second half of the prophecy and his own fate by marrying his birth mother.

The consequential activity of karmic law is also clearly illustrated in a variety of biblical examples, including Jesus' parable of the talents:

For the kingdom of heaven is as a man travelling into a far country, who called his own servants, and delivered unto them his goods.

And unto one he gave five talents, to another

lệnh mà bỏ đứa trẻ trong rừng—phó mặc số phận cậu bé cho ý muốn các vị thần và các yếu tố tự nhiên.

Không lâu sau, một người chăn cừu tìm thấy đứa bé và đem về Corinth. Đứa bé lập tức được vua và hoàng hậu Corinth nhận làm con nuôi, vì họ không có con. Đứa trẻ được đặt tên là Oedipus và lớn lên như một hoàng tử, không hề hay biết về nguồn gốc hay việc nhận nuôi.

Khi trưởng thành, Oedipus đến hỏi Đền thờ sấm truyền ở Delphi về định mệnh mình. Khi sấm công bố rằng số phận anh là giết cha và cưới mẹ, Oedipus thể rời Corinth để tránh lời sấm. Anh đi đến Thebes, trên đường tranh cãi rồi giết một lữ khách giàu có. Không biết rằng đó chính là vua Thebes—cha ruột của mình. Tới Thebes, một quái vật nhân sư có cánh liên tục đe dọa thành. Vì dân chúng quá sợ, họ tuyên bố ai đánh bại được quái vật sẽ được cưới hoàng hậu góa và lên ngôi vua. Cuối cùng, sứ mệnh rơi vào tay Oedipus; anh giết quái vật và cưới hoàng hậu, vô tình hoàn tất nửa sau của lời sấm và định mệnh của mình bằng việc cưới chính mẹ ruột.

Hoạt động hệ quả của định luật nghiệp quả cũng được minh họa rõ trong nhiều ví dụ Kinh Thánh, gồm cả dụ ngôn về nén bạc của Đức Jesus:

Vì vương quốc thiên đàng giống như một người chuẩn bị đi xa, gọi các đầy tớ đến và giao của cải mình cho họ.

Cho người này năm nén bạc, người kia hai

two, and to another one; to every man according to his several ability; and straightway took his journey.

Then he that had received the five talents went and traded with the same, and made them other five talents.

And likewise he that had received two, he also gained other two.

But he that had received one went and digged in the earth, and hid his lord's money.

After a long time the lord of those servants cometh, and reckoneth with them.

And so he that had received five talents came and brought other five talents, saying, Lord, thou deliveredst unto me five talents: behold, I have gained beside them five talents more.

His lord said unto him, Well done, thou good and faithful servant: thou hast been faithful over a few things, I will make thee ruler over many things: enter thou into the joy of thy lord.

He also that had received two talents came and said, Lord, thou deliveredst unto me two talents: behold, I have gained two other talents beside them.

His lord said unto him, Well done, good and faithful servant; thou hast been faithful over a few things, I will make thee ruler over many things: enter thou into the joy of thy lord.

Then he which had received the one talent came and said, Lord, I knew thee that thou art an hard man, reaping where thou hast not sown, and gathering where thou hast not straved:

And I was afraid, and went and hid thy talent in the earth: lo, there thou hast that is thine.

nén, và người nữa một nén; mỗi người theo khả năng riêng; rồi chủ lên đường.

Người nhận năm nén liền đi buôn bán và làm lợi được năm nén khác.

Cũng vậy, người nhận hai nén cũng kiếm thêm được hai nén.

Nhưng người nhận một nén đi đào đất và giấu tiền của chủ mình.

Lâu ngày, chủ các đầy tớ ấy trở về và tính sổ với họ.

Người đã nhận năm nén đến trình năm nén khác, nói: Thưa chủ, chủ đã giao cho tôi năm nén; kìa, tôi đã làm lợi thêm năm nén nữa.

Chủ nói với người ấy: Tốt lắm, đầy tớ ngay lành và trung tín; người đã trung tín trong việc nhỏ, ta sẽ đặt người coi sóc nhiều; hãy vào hưởng niềm vui của chủ người.

Người nhận hai nén cũng đến và nói: Thưa chủ, chủ đã giao cho tôi hai nén; kìa, tôi đã làm lợi thêm hai nén nữa.

Chủ nói với người ấy: Tốt lắm, đầy tớ ngay lành và trung tín; người đã trung tín trong việc nhỏ, ta sẽ đặt người coi sóc nhiều; hãy vào hưởng niềm vui của chủ người.

Bấy giờ người đã nhận một nén đến và nói: Thưa chủ, tôi biết chủ là người nghiêm khắc, gặt nơi mình không gieo, thu nơi mình không rải:

Nên tôi sợ, đã đi giấu nén bạc của chủ dưới đất; kìa, của chủ đây.

His lord answered and said unto him, Thou wicked and slothful servant, thou knewest that I reap where I sowed not, and gather where I have not strawed:

Thou oughtest therefore to have put my money to the exchangers, and then at my coming I should have received mine own with usury.

Take therefore the talent from him, and give it unto him which hath ten talents.

For unto every one that hath shall be given, and he shall have abundance: but from him that hath not shall be taken away even that which he hath.

And cast ye the unprofitable servant into outer darkness: there shall be weeping and gnashing of teeth.

(Matthew 25:14-30)

Rather than suggesting that God is threatening to send an individual to hell if she or he isn't financially responsible, or that the divine is somehow concerned with the quantity of "talents" (or money) that an individual can procure, the parable instead depicts the consequential activity of individual choice, will, and activity. In other words, life is a completely lawful experience that "rewards" or "reprimands" individual behavior. To be sure, some might simply see the parable as describing the "ultimate" reward or punishment occurring after earthly life, but if this is the case why did the servant with the two talents not receive the exact same reward as the servant with five? Along these same lines, why would a servant who simply came across as being lazy, ignorant, or fearful receive eternal damnation? Rather than suggesting that there are various levels of reward in Heaven or that lazy people might go to hell, Jesus is instead describing the exacting nature of the law in terms of cause and effect. This law is

Chủ đáp: Hỡi đầy tớ dốt và biếng nhác, người biết ta gặt nơi không gieo, thu nơi không rải:

Thì lẽ ra người phải đem tiền ta gửi cho người đổi tiền; để khi ta đến, ta sẽ lấy lại vốn lẫn lời.

Vậy hãy lấy nén bạc của nó mà cho người có mười nén.

Vì ai đã có thì sẽ được cho thêm và sẽ dư dật; còn ai không có, thì điều mình có cũng sẽ bị lấy đi.

Còn tên đầy tớ vô dụng kia, hãy quăng nó ra nơi tối tăm bên ngoài; ở đó sẽ có khóc lóc và nghiến răng.

(Ma-thi-ơ 25:14-30)

Thay vì gợi rằng Thượng đế đe dọa đày ai đó xuống địa ngục nếu người ấy không biết quản lý tài chính, hoặc rằng Đấng Thiêng Liêng bận tâm với số lượng "nén bạc" (hay tiền) mà một người tích lũy, dụ ngôn thực ra mô tả hoạt động hệ quả của chọn lựa, ý chí và hành động cá nhân. Nói cách khác, đời sống là một kinh nghiệm hoàn toàn theo luật tắc, "thưởng" hay "quở trách" hành vi cá nhân. Chắc chắn, có người có thể chỉ xem dụ ngôn mô tả phần thưởng hay hình phạt "tối hậu" sau đời sống trần gian, nhưng nếu vậy thì tại sao đầy tớ có hai nén không nhận phần thưởng y hệt đầy tớ có năm nén? Tương tự, vì sao một đầy tớ chỉ có vẻ lười biếng, thiếu hiểu biết hay sợ hãi lại phải chịu án phạt đời đời? Thay vì gợi rằng trên Trời có nhiều mức phần thưởng hay rằng người lười có thể xuống địa ngục, Đức Jesus đang mô tả tính chính xác của định luật nhân quả. Định luật ấy cũng được biết đến là định luật nghiệp quả.

also known as the law of karma.

This same lawfulness is reflected in a variety of myths and fairy tales, as well as individuals' responses to those stories in terms of their subconscious expectation that in the end everything will turn out lawful, just, for the best, and even "happily ever after." Otherwise, the story just doesn't "feel" right. In other words, there is an innate understanding and expectation that the laws governing the universe are completely orderly and that everyone eventually gets exactly what he or she deserves. An understanding of this law is illustrated in innumerable classics that have been passed down from one generation to another. Whether it's the fact that Dorothy finally returns home in the Wizard of Oz, in spite of numerous obstacles; or that Cinderella, rather than one of her stepsisters, marries the prince; or that Frodo eventually overthrows the dark lord Sauron and the ring of power, we are comforted by the fact that the universe is completely lawful.

However, in spite of this innate understanding of the lawfulness of life, even individuals who are familiar with the term "karma" are often mistaken as to what it actually means. Karma is not a debt, it is not a punishment, it is not an inescapable fate, it is not really something that exists "between" people, and ultimately it is not even "good" or "bad" in character. Karma is simply an interactive, energetic force that is set in motion through our intent, desire, thought, deed, and word, and as a result molds and shapes the resulting consequence of all our actions. It is a universally applicable and dynamic constant that is interwoven with everything associated with being human.

With this in mind, twentieth-century Christian mystic Edgar Cayce (1877-1945) suggested that karma might be more closely understood as memory. Rather than being a

Sự hợp luật tắc ấy còn được phản ánh trong nhiều thần thoại và cổ tích, cũng như trong phản ứng của người nghe trước các câu chuyện đó—nơi tầng vô thức, họ chờ đợi rằng rốt cuộc mọi sự sẽ diễn tiến hợp luật, công chính, tốt đẹp, và thậm chí "vui vẻ mãi về sau." Bằng không, câu chuyện sẽ không "có cảm giác" đúng. Nói cách khác, có một hiểu biết và kỳ vọng bẩm sinh rằng các định luật cai quản vũ trụ hoàn toàn trật tự, và mọi người rốt cuộc đều nhận đúng điều họ đáng nhận. Sự hiểu biết này được minh họa trong vô số tác phẩm kinh điển truyền qua nhiều thế hệ. Dù là Dorothy rốt cuộc trở về nhà trong Phù thủy xứ Oz, bất chấp vô vàn chướng ngại; hay Cô bé Lọ Lem cưới hoàng tử chứ không phải một trong các chị cùng cha khác mẹ; hay Frodo rốt cuộc đánh bại chúa tể hắc ám Sauron và chiếc nhẫn quyền năng—chúng ta thấy yên lòng vì vũ trụ hoàn toàn hợp luật tắc.

Tuy nhiên, bất chấp hiểu biết bẩm sinh này về tính hợp luật tắc của đời sống, ngay cả những người quen thuộc với từ "nghiệp" cũng thường hiểu sai ý nghĩa thực sự của nó. Nghiệp không phải là món nợ, không phải là hình phạt, không phải là định mệnh không thể tránh, thật ra cũng không phải là cái gì đó "giữa" người với người, và rốt cùng thậm chí nó không mang "tốt" hay "xấu" về phẩm tính. Nghiệp đơn giản là một lực tương tác, năng động được khởi động qua ý hướng, ước muốn, tư tưởng, hành vi và lời nói của chúng ta, nhờ đó nắn đúc và định hình hệ quả của mọi hành động. Đó là một hằng số năng động, có thể áp dụng phổ quát, đan cài vào mọi thứ liên quan đến thân phận làm người.

Với điều này trong tâm, nhà thần bí Cơ Đốc giáo thế kỷ XX Edgar Cayce (1877-1945) gợi ý rằng nghiệp có thể được hiểu gần gũi hơn như là ký ức. Thay vì là món nợ giữa người

debt between people or even an unchangeable destiny, Cayce believed that karma was more like a pool of unconscious memory that was drawn upon by an individual and influenced his or her choices. To be sure, this karmic memory could affect experiences and relationships; however, free will remained the strongest component in determining how an individual experienced his or her life.

Called “the father of holistic medicine” and “the most documented psychic of all time,” Cayce became known for his incredible accuracy and for a psychic legacy that continues to help and inspire individuals the world over, long after his death. Since the publication of Cayce’s first biography in 1943, *There Is a River*, literally hundreds of books have been written about his life and work. In addition to his information on health and intuition, Cayce became known for his insights into ancient history, ecumenical spirituality, dream interpretation, and for being one of the first individuals in the Western Hemisphere to thoroughly explore the workings of reincarnation, karma, and the journey of the soul.²

In outlining how karmic law operated in individuals’ lives, Cayce once told a twenty-three-year-old Christian student studying electrical engineering that it might actually be compared to the body’s assimilation process. Once assimilated, this memory could then be said to have an influence upon a person’s destiny, for it was something that had to be met within the individual. Its activity also exemplified, according to Cayce, the scientific lawfulness of cause and effect:

Well that karma be understood, and how it is to be met. For, in various thought—whether considered philosophy or religion, or whether from the more scientific manner

với người hay là định mệnh bất biến, Cayce tin rằng nghiệp giống như một bể ký ức vô thức mà một cá nhân rút dùng và ảnh hưởng đến các chọn lựa của mình. Quả thực, ký ức nghiệp quả này có thể tác động đến các kinh nghiệm và các mối quan hệ; tuy nhiên, ý chí tự do vẫn là thành phần mạnh mẽ nhất quyết định cách một người trải nghiệm đời sống của mình.

Được gọi là “người cha của y học toàn diện” và “nhà thông linh được ghi chép nhiều nhất mọi thời,” Cayce được biết đến nhờ độ chính xác phi thường và một di sản thông linh tiếp tục trợ giúp và truyền cảm hứng cho người khắp thế giới, lâu sau khi Ông qua đời. Từ khi cuốn tiểu sử đầu tiên về Cayce xuất bản năm 1943, *There Is a River*, đã có hàng trăm sách viết về đời và công trình của Ông. Ngoài thông tin về sức khỏe và trực giác, Cayce còn được biết đến nhờ những thấu triệt về lịch sử cổ đại, tinh thần đại kết, giải mộng, và vì là một trong những người đầu tiên tại Bán cầu Tây khảo cứu thấu đáo về vận hành của tái sinh, nghiệp quả, và hành trình của linh hồn.²

Khi phác họa cách định luật nghiệp quả vận hành trong đời sống mỗi người, Cayce từng nói với một sinh viên Cơ Đốc giáo 23 tuổi học kỹ thuật điện rằng nghiệp có thể so sánh với tiến trình đồng hóa của thân thể. Một khi được đồng hóa, ký ức này có thể nói là ảnh hưởng đến định mệnh của một người, vì đó là điều phải được gặp gỡ bên trong cá nhân. Theo Cayce, hoạt động của nó cũng minh họa tính hợp luật tắc khoa học của nhân và quả:

Vâng, cần hiểu nghiệp là gì, và phải gặp nó ra sao. Bởi, trong các hệ tư tưởng khác nhau—dù được xem là triết học hay tôn giáo, hoặc theo cách tiếp cận khoa học hơn về nhân và

of cause and effect—karma is all of these and more.

Rather it may be likened unto a piece of food, whether fish or bread, taken into the system; it is assimilated by the organs of digestion, and then those elements that are gathered from same are made into the forces that flow through the body, giving the strength and vitality to an animate object, or being, or body.

So, in experiences of a soul, in a body, in an experience in the earth. Its thoughts make for that upon which the soul feeds ...

Then, the soul re-entering into a body under a different environ either makes for the expending of that it has made through the experience in the sojourn in a form that is called in some religions as destiny of the soul, in another philosophy that which has been builded must be met in some way or manner, or in the more scientific manner that a certain cause produces a certain effect.

Hence we see that karma is all of these and more.

440-5³

When a twenty-seven-year-old woman asked for further clarification as to what kind of “karmic debt” existed between herself and various family members, Cayce suggested that she had the concept all wrong. Rather than being a debt between people, in reality karma was a debt with self. To be sure, this debt was often worked out in association with others, but an individual’s karma (or memory) was connected to her or him alone. The woman was told:

... What is karmic debt? This ye have made a bugaboo! This ye have overbalanced within

quả—nghiệp là tất cả những điều ấy và còn hơn thế nữa.

Đúng hơn, nó có thể được ví như một miếng thức ăn, cá hay bánh, được đưa vào hệ thống; nó được các cơ quan tiêu hóa đồng hóa, rồi những yếu tố thu nhận từ đó được chuyển thành các lực lưu chuyển trong thân thể, đem đến sức mạnh và sinh lực cho một vật có sự sống, hay một hữu thể, hay một thân xác.

Vậy, trong các kinh nghiệm của một linh hồn, trong một thân xác, trong một kinh nghiệm ở cõi đất. Các tư tưởng của nó tạo nên cái mà linh hồn nương đó mà “ăn” ...

Rồi, khi linh hồn tái nhập vào một thân xác dưới một môi trường khác, hoặc là làm tiêu đi cái nó đã gây nên qua kinh nghiệm trong cuộc lưu trú trong một hình thể, điều mà trong vài tôn giáo gọi là định mệnh của linh hồn, trong một triết học khác gọi là cái đã được xây dựng thì phải được gặp trong một cách nào đó hay hình thức nào đó, hoặc theo cách khoa học hơn rằng một nguyên nhân nhất định tạo nên một hệ quả nhất định.

Bởi vậy, chúng ta thấy nghiệp là tất cả những điều ấy và còn hơn thế nữa.

440-53

Khi một phụ nữ 27 tuổi hỏi làm rõ hơn “món nợ nghiệp” giữa chính mình và các thành viên gia đình khác nhau là gì, Cayce gợi rằng cô đã hiểu sai hằn khái niệm. Thay vì là món nợ giữa người với người, thực tại nghiệp là món nợ với chính mình. Quả thật, món nợ ấy thường được giải trong tương giao với người khác, nhưng nghiệp (hay ký ức) của một cá nhân gắn với riêng người đó. Người phụ nữ được nói:

... “Nợ nghiệp” là gì? Các người đã biến nó thành một bù nhìn! Các người đã làm lệch

thymself! ... it is merely self being met, in relationships to that they themselves are working out and not a karmic debt between but a karmic debt of self that may be worked out between the associations that exist in the present! And this is true for every soul.

1436-3

In addition, rather than seeing karma as some miserable burden that would forever mar an individual's life, Cayce told a forty-seven-year-old housewife that the way in which she met her karmic memory actually determined her life's experience. It was not that karma somehow set in stone her destiny, rather what was most important was how she used her free will in relationship to that karmic memory. For the woman and others, the attitude and will was the greatest determinant in each individual's unfolding life experience:

These may become stepping-stones or stumbling blocks, according to what one may do about one's ideals in the present ...

But no urge, no karmic force even surpasses the will of the entity in any given experience or choice to be made!

For Life is continuous, and is Infinite!

Then, the retardment or advancement of each soul—as this entity—depends upon how well it comprehends or applies its understanding.

1554-2

The use of the will plays an important role in life because each individual is a complex combination of positive traits as well as

cán cân bên trong chính mình! ... nó chỉ là tự thân được gặp, trong các tương quan với điều mà chính họ đang giải quyết, và không phải là món nợ nghiệp giữa [người với người] mà là món nợ nghiệp của tự thân, có thể được giải quyết qua những mối liên hệ hiện hữu trong hiện tại! Và điều này đúng với mọi linh hồn.

1436-3

Thêm nữa, thay vì xem nghiệp như một gánh nặng khốn khổ sẽ mãi in dấu lên đời người, Cayce nói với một bà nội trợ 47 tuổi rằng cách bà gặp gỡ ký ức nghiệp quả mới thật sự quyết định kinh nghiệm sống của bà. Không phải nghiệp khắc chặt định mệnh của bà, mà điều quan trọng nhất là bà dùng ý chí tự do thế nào trong tương quan với ký ức nghiệp ấy. Với bà và người khác, thái độ và ý chí là yếu tố quyết định nhất trong diễn tiến đời sống của mỗi người:

Những điều này có thể trở thành những tảng đá vấp ngã hay những bậc thang tiến lên, tùy theo người ta làm gì với các lý tưởng của mình trong hiện tại ...

Nhưng không một xung lực nào, không một mãnh lực nghiệp nào vượt trội ý chí của thực thể trong bất kỳ kinh nghiệm hay chọn lựa nào!

Vì Sự sống là liên tục, và là Vô Hạn!

Vậy, sự thối lui hay tấn tới của mỗi linh hồn—như thực thể này—tùy thuộc vào mức nó thấu hiểu hay vận dụng sự hiểu biết của mình tốt đến đâu.

1554-2

Việc sử dụng ý chí đóng vai trò quan trọng trong đời sống vì mỗi người là sự phối trộn phức tạp giữa các phẩm chất tích cực và

negative patterns that potentially come into play in every experience and every relationship encounter. All individuals have the capacity to choose to emulate the very best they have within themselves or the very worst. Taken to an extreme, each of these choices, made positively or negatively, one at a time, over a long period of time, could ultimately lead to someone becoming very good or very evil. In addition, in terms of personal relationships, individuals sometimes have both positive and negative past-life patterns and karmic memories in connection with the very same person.

For example, in 1943 a husband and wife each obtained their own past-life reading from Edgar Cayce. The wife was given a series of lifetimes, including two in which she had known her present-day husband. In one of those incarnations she had been in the Holy Land and had been greatly influenced by the Apostle Paul, becoming a healer and a woman of great faith. She was also given a lifetime in ancient Egypt in which she had served in one of the healing temples (3478-2). Other incarnations included being a nurse and working with spiritual healing.

Conversely, the husband, an osteopath, was given a series of his own lifetimes and was told that the two having the greatest bearing on him at the time of the reading were those in which he had known his wife—in the Holy Land and in Egypt (3360-1). During the Holy Land experience, he had also been involved in the early Christian movement at the same time as his wife but had been fearful of persecution, causing him to eventually forsake his interest. This experience apparently caused him to distrust his wife (perhaps out of a fear that she could have divulged his one-time affiliation) and her to distrust him (perhaps wondering how genuine his interest had been in the first place). That distrust remained with them at the level of karmic

những khuôn nếp tiêu cực có thể nhập cuộc trong mọi kinh nghiệm và mọi tương tác quan hệ. Ai cũng có khả năng chọn noi theo điều tốt đẹp nhất trong mình hoặc điều tệ hại nhất. Đẩy đến cực điểm, mỗi chọn lựa như thế—tích cực hay tiêu cực, từng lần một, xuyên suốt thời gian dài—rốt cuộc có thể đưa ai đó trở nên rất thiện hay rất ác. Thêm nữa, xét về quan hệ cá nhân, có khi người ta mang cả những khuôn nếp quá khứ tích cực lẫn tiêu cực và ký ức nghiệp liên hệ với cùng một người.

Chẳng hạn, năm 1943, một cặp vợ chồng mỗi người đều xin một bài đọc tiền kiếp từ Edgar Cayce. Người vợ được nêu một loạt đời sống, trong đó có hai đời bà từng quen với người chồng hiện tại. Trong một kiếp, bà ở Đất Thánh và chịu ảnh hưởng sâu đậm của Sứ đồ Phao-lô, trở thành một người chữa lành và một phụ nữ có đức tin lớn. Bà còn được nêu một đời ở Ai Cập cổ đại, khi bà phụng sự trong một đền chữa lành (3478-2). Những kiếp khác gồm làm y tá và làm việc với chữa lành tinh thần.

Ngược lại, người chồng, một bác sĩ chỉnh cốt, cũng được nêu các đời sống của Ông và được cho biết hai kiếp có ảnh hưởng lớn nhất lúc bài đọc diễn ra chính là những kiếp Ông từng quen biết vợ hiện tại—tại Đất Thánh và ở Ai Cập (3360-1). Trong kinh nghiệm Đất Thánh, Ông cũng tham gia phong trào Cơ Đốc thời kỳ đầu cùng thời với vợ, nhưng đã sợ bị bức hại, khiến về sau Ông từ bỏ mối quan tâm ấy. Kinh nghiệm này dường như khiến Ông ngờ vực vợ (có lẽ vì sợ bà có thể tiết lộ mối liên hệ một thời của Ông), còn bà thì ngờ vực Ông (có lẽ tự hỏi sự quan tâm ban đầu của Ông có chân thành không). Nỗi ngờ ấy còn lại nơi họ ở cấp ký ức nghiệp.

memory.

During the husband's lifetime in ancient Egypt, he had been a member of the king's inner circle and had been present whenever discussions arose regarding the dissemination of ideas related to the health of body, mind, and spirit. In that capacity he had apparently come into contact with his present wife, as she had been involved in a similar healing work. They got together, becoming very close in that experience. He had also experienced a lifetime as a Native American healer who drew upon the medicinal properties of herbs. To be sure, both husband and wife had a variety of karmic memories related to healing work.

Cayce informed the couple that because of their common interest in healing, they could have been very close but had learned to doubt one another in the Holy Land. In order to deal with these two seemingly opposing karmic memories—being close and at the same time having an air of distrust—they were advised to draw upon the positive memory from their Egyptian experience as a source of inspiration and helpfulness. During that period they had both been involved in the healing of body, mind, and spirit in service to others and it was something they were encouraged to continue in the present. The wife was told that she possessed an innate ability to work with prayer and spiritual healing, such as laying-on-of-hands, and her physician-husband admitted his own interest in spiritual healing. It's important to point out that it wasn't really necessary for them to consciously remember their former lifetimes in Egypt. Instead, by picking up talents, strengths, and interests that they had shared at the present time, they could apparently draw upon their positive karmic memory with one another and overcome the negative one.

Conversely, an example of the negative

Trong đời Ông ở Ai Cập cổ, Ông là thành viên cận cận của nhà vua và có mặt mỗi khi bàn bạc việc phổ biến các ý tưởng liên quan đến sức khỏe của thân, tâm và thần. Trong cương vị đó, Ông từng gặp gỡ người vợ hiện tại, vì bà cũng tham gia một công tác chữa lành tương tự. Họ đến với nhau, trở nên rất gần gũi trong kinh nghiệm ấy. Ông cũng từng là một thầy thuốc người bản địa châu Mỹ, biết dùng dược tính của các loại thảo mộc. Quả thật, cả vợ lẫn chồng đều có nhiều ký ức nghiệp liên hệ đến công việc chữa lành.

Cayce cho biết vì chung mối quan tâm đến chữa lành, họ lẽ ra có thể rất khăng khít, nhưng đã học cách nghi ngờ nhau ở Đất Thánh. Để xử lý hai ký ức nghiệp tưởng như đối chọi—vừa gần gũi vừa phảng phất nghi kỵ—họ được khuyên nên rút từ ký ức tích cực của đời Ai Cập như một nguồn cảm hứng và trợ giúp. Thời ấy, cả hai cùng tham gia chữa lành thân, tâm và thần trong phục vụ tha nhân, và đó là điều họ được khích lệ tiếp nối trong hiện tại. Người vợ được nói rằng bà có năng lực bẩm sinh để làm việc với cầu nguyện và chữa lành tinh thần, như đặt tay; còn người chồng bác sĩ cũng thừa nhận mối quan tâm của mình tới chữa lành tinh thần. Điều đáng nói là họ không nhất thiết phải nhớ một cách ý thức các đời sống ở Ai Cập. Thay vào đó, bằng cách nối tiếp các sở năng, thể mạnh và mối quan tâm chung trong hiện tại, họ có thể rút từ ký ức nghiệp tích cực với nhau và vượt thắng ký ức tiêu cực.

Ngược lại, một ví dụ về biểu hiện tiêu cực của

expression of karmic memory occurred in the life of a middle-aged woman in her fifties named Bonnie Rosen.⁴ The mother of eight grown children, Bonnie had always been extremely close to her son Isaac. Although mother and son had incarnated together on a number of occasions, one of their strongest connections had occurred during the time of the Old Testament character Aaron. During that period, mother and son had been connected as wife and husband, and the close bond they had felt for one another continued into the present, at least until Isaac got married.

Because of her deep feelings of attachment, Bonnie was not at all friendly with Isaac's wife. Obviously, at an unconscious level, part of her felt replaced by the younger woman. Over time, Bonnie became so resentful of Isaac's wife that friends even noted how absurd the situation had become. An enthusiast of the Cayce material, Bonnie had a number of readings, including readings for cancer, which eventually developed. On a number of occasions, she made it very clear to Edgar Cayce that she didn't want her daughter-in-law finding out about her condition: "... I want no meddling in of [my daughter-in-law]. If you ever send any of my readings to his [my son's] house, you and I won't be friends," (325-51) and "I do not want my readings to go to his home, as she [my daughter-in-law] is the fault of all my illness." (325-60)

Rather than thinking that the situation was simply because of a negative past-life experience with the daughter-in-law, Isaac's wife eventually told Edgar Cayce's secretary, Gladys Davis, that she was certain that the two of them could have been friends had they met under different circumstances. After all, the two women came from similar backgrounds and social circles. Notations in Bonnie Rosen's file suggest instead that she had misdirected her memory of a closeness she had felt for her son in their previous

ký ức nghiệp xảy ra trong đời một phụ nữ trung niên ngoài năm mươi tên Bonnie Rosen.⁴ Là mẹ của tám người con đã trưởng thành, Bonnie luôn cực kỳ gần gũi với con trai Isaac. Dầu mẹ và con đã đầu thai cùng nhau nhiều lần, một mối kết nối mạnh mẽ nhất của họ xảy ra vào thời nhân vật Cựu Ước A-rôn. Khi ấy, mẹ và con lại kết nối với nhau trong vai trò vợ và chồng, và mối dây gắn bó thân thiết họ từng cảm nhận tiếp tục đến hiện tại—ít nhất là cho đến khi Isaac kết hôn.

Vì gắn bó sâu sắc, Bonnie không hề thân thiện với vợ của Isaac. Hiển nhiên, ở tầng vô thức, một phần trong bà cảm thấy mình bị người phụ nữ trẻ hơn thay thế. Theo thời gian, Bonnie trở nên oán giận vợ của Isaac đến độ bạn bè cũng nhận ra sự vô lý của tình cảnh. Là người hứng thú với tài liệu Cayce, Bonnie có nhiều bài đọc, gồm cả các bài về ung thư, căn bệnh sau đó phát triển. Nhiều lần, bà nói rất rõ với Edgar Cayce rằng bà không muốn con dâu biết về tình trạng của mình: "... Tôi không muốn [con dâu tôi] xen vào. Nếu ông bao giờ gửi bất kỳ bài đọc nào của tôi đến nhà [con trai tôi], ông với tôi sẽ chẳng còn là bạn," (325-51) và "Tôi không muốn các bài đọc của tôi đến nhà nó, bởi vì cô ta [con dâu tôi] là nguyên nhân của mọi bệnh tật của tôi." (325-60)

Thay vì nghĩ rằng tình cảnh chỉ vì một trải nghiệm tiền kiếp tiêu cực với con dâu, vợ của Isaac rồi cuộc nói với thư ký của Edgar Cayce, Gladys Davis, rằng cô chắc chắn hai người có thể đã là bạn nếu gặp nhau trong hoàn cảnh khác. Rồi cuộc, họ xuất thân từ những nền tảng và vòng giao tế tương tự. Các ghi chú trong hồ sơ của Bonnie Rosen lại gợi rằng bà đã định hướng sai ký ức về tình yêu và sự gắn bó sâu sắc từng dành cho con trai trong mối quan hệ trước kia, và trở nên ghen tuông khi có người khác chiếm vị trí bà từng giữ. Sau

relationship and had become jealous when someone else took the place she had formerly held. After Bonnie's death, Gladys noted in the files: "The attachment to her son was so great ... there was no room left for his wife for her affection in this incarnation." (325-63 Report File) This case suggests that although the karmic memory of love and the close bond that mother and son had shared could have enabled the two to love one another unconditionally, instead Bonnie's attitude and choices led her to become resentful and jealous. Undoubtedly, her response led to additional karmic memory for her in relationship to both her son and her daughter-in-law—memory that will have to be met at some point in the future.

A fascinating example of meeting karmic memory in a family relationship occurred in the life experience of Carol and William Sloan—a married couple that had been together for eighteen years. It was Carol who requested the reading, asking Edgar Cayce for help in dealing with her situation that she described as follows:

Dear Mr. Cayce:

I have had a number of people speak to me of your remarkable and precise work ... There has been a long history of emotional tension which I have more or less taken care of thru meditation. One aspect of the tension is due to 18 years of married life with no physical connection with my husband. He has always been impotent thru no fault of his. There is simply not the physical development necessary. I do not think it necessary to go into the reasons why I stayed with him all these years. There was a few liaisons [liaisons] on my part at first until I found the Arcane School & received its very fine instructions in meditation.

I got along very well, considering, until a former suitor came precipitately into my life

when Bonnie qua đời, Gladys ghi trong hồ sơ: "Sự quyến luyến dành cho con trai quá lớn ... đến nỗi chẳng còn chỗ cho vợ nó trong phần tình cảm của bà trong kiếp này." (325-63 Report File) Trường hợp này cho thấy, dấu ký ức nghiệp về tình yêu và gắn bó sâu sắc mà mẹ và con từng chia sẻ có thể đã giúp họ yêu thương nhau vô điều kiện, thì thái độ và chọn lựa của Bonnie lại dẫn bà đến oán giận và ghen tuông. Chắc chắn, phản ứng ấy đã tạo thêm ký ức nghiệp cho bà trong mối quan hệ với cả con trai và con dâu—ký ức mà một lúc nào đó trong tương lai sẽ phải được gặp lại.

Một ví dụ thú vị về việc gặp gỡ ký ức nghiệp trong quan hệ gia đình xảy ra trong kinh nghiệm sống của Carol và William Sloan—một cặp vợ chồng chung sống đã mười tám năm. Carol là người yêu cầu bài đọc, nhờ Edgar Cayce giúp giải quyết tình cảnh mà bà mô tả như sau:

Kính gửi ông Cayce:

Tôi đã nghe không ít người nói với tôi về công việc đáng kinh ngạc và chính xác của ông ... Đã có một lịch sử dài của căng thẳng cảm xúc mà tôi phần nào chăm sóc được thông qua tham thiền. Một khía cạnh của căng thẳng là do 18 năm hôn nhân mà không có kết nối thân xác với chồng tôi. Anh ấy luôn bất lực, không phải do lỗi của anh. Đơn giản là không có sự phát triển thể chất cần thiết. Tôi nghĩ không cần đi vào các lý do vì sao tôi ở lại với anh suốt những năm ấy. Ban đầu tôi có vài mối quan hệ ngoài hôn nhân, cho đến khi tôi tìm thấy Trường Arcane và nhận được những chỉ dẫn rất hay về tham thiền.

Tôi đã xoay sở rất tốt, xét tình cảnh, cho đến khi một người từng cầu hôn tôi bỗng bất ngờ

last Fall. He is now married (nearly 10 years). From the minute we met again, the flame came back to him in its full intensity, AND I responded. I am trying to release us—but I find my health going down ... I SEEK TO KEEP VERY BUSY. One doctor said since the periphery veins on my legs showed a tendency to “breaking,” I needed the female hormone Estrogen ... I fear to take it in case it would increase my feminine desire ...

My husband knows I am asking you for help—but HE DOES NOT know the situation ... I would not leave my husband for a number of reasons which you may see, and also, he has evolved into a very beautiful character ...

2329-1 Background Information

One of the woman’s questions included the following: “Would a liaison with some trusted friend help me so I could function positively and rhythmically in carrying on the normal business of home life and work?” She added, “I hesitate because he has a wife and I LIKE her ... I don’t want to hurt anyone.”

During the course of the woman’s reading, Edgar Cayce described the events and the karmic memory that had led to the present situation. Apparently, in a previous life during the Crusades the couple had also been together. At the time, the husband felt a calling to go off and fight in the Holy War. One of his worries, however, concerned his wife’s fidelity and the fact that he could not trust her to remain faithful until his return. As a result he forced her into wearing a chastity belt. Obviously, the situation had lawfully resulted in his being impotent in the present. In other words, since he had once attempted to control someone else sexually, the karmic memory of that situation had drawn to him the experience of being controlled (or perhaps losing control) at the level of his own sexuality.

trở lại đời tôi mùa Thu năm ngoái. Giờ anh ấy đã có vợ (gần 10 năm). Ngay từ phút chúng tôi gặp lại, ngọn lửa trong anh bùng lên với toàn bộ cường độ của nó, VÀ tôi đáp lại. Tôi đang cố buông nhau ra—nhưng tôi thấy sức khỏe mình đi xuống ... TÔI CỐ GIỮ CHO RẤT BẬN. Một bác sĩ nói vì các tĩnh mạch ngoại biên ở chân tôi có xu hướng “vỡ,” tôi cần hormone nữ Estrogen ... Tôi sợ dùng nó vì e nó sẽ làm tăng dục vọng nữ tính ...

Chồng tôi biết tôi đang nhờ ông giúp—nhưng ANH ẤY KHÔNG biết tình cảnh ... Tôi sẽ không rời bỏ chồng vì nhiều lý do mà ông có thể thấy, và cũng vì anh ấy đã trở nên một nhân cách rất đẹp ...

2329-1 Thông tin bối cảnh

Một trong các câu hỏi của người phụ nữ gồm: “Một mối quan hệ với một người bạn đáng tin cậy nào đó có giúp tôi có thể vận hành tích cực và nhịp nhàng để tiếp tục các công việc bình thường của gia đình và công việc không?” Bà thêm, “Tôi do dự vì anh ấy có vợ và tôi THÍCH cô ấy ... Tôi không muốn làm tổn thương ai.”

Trong bài đọc của người phụ nữ, Edgar Cayce mô tả những sự kiện và ký ức nghiệp dẫn đến tình cảnh hiện tại. Rõ ràng, trong một kiếp trước vào thời Thập tự chinh, cặp đôi này cũng đã ở bên nhau. Khi ấy, người chồng cảm thấy tiếng gọi lên đường chiến đấu trong Cuộc Thánh chiến. Một mối lo của anh là sự chung thủy của vợ và việc anh không thể tin rằng cô sẽ giữ trọn tiết hạnh cho đến khi anh trở về. Vì thế, anh ép vợ mang đai trinh tiết. Rõ ràng, tình cảnh ấy đã hợp luật tắc dẫn đến việc anh bất lực trong hiện tại. Nói cách khác, vì anh từng tìm cách kiểm soát người khác về mặt tình dục, ký ức nghiệp của tình huống ấy đã kéo đến cho anh kinh nghiệm bị kiểm soát (hay có lẽ là mất kiểm soát) ở chính bình diện tính dục của mình.

Had the situation stopped there, the karmic memory might have been his alone, but the readings suggest instead that the woman began to hate her husband with a vengeance, swearing to eventually seek her revenge. The act of hate, anger and uncontrolled frustration created a karmic memory of its own:

This brought periods of disturbing forces of many natures; the determining to sometime, somewhere, be free, and to “get even ...”

... the forcing to remain in a state of chastity brought detrimental determinations to the entity.

That these have and do become portions of the entity’s experience, then, is only the meeting of self.

2329-1

In other words, the woman had drawn to herself a situation that would enable her to meet a similar period of “chastity” and yet overcome the hatred and vengeful attitude she had once held toward her husband. Rather than seeing the experience as a miserable burden, Cayce advised the wife that she had the ability to view her situation as an “opportunity” to meet herself. He added: “Know that the birthright of every soul is choice, or will.” With that in mind, he also provided her with suggestions for working on her relationship with her husband and for interacting with her former boyfriend in a way that would not adversely affect either of them in terms of their spiritual ideals. After receiving the information, the woman wrote back:

Thank you so much for the VERY helpful Life Reading. I’ve read it over and over and much is made clear to me. As you say, at first

Giả như tình cảnh dừng ở đó, ký ức nghiệp có lẽ chỉ thuộc về riêng anh, nhưng các bài đọc lại gợi rằng người phụ nữ đã bắt đầu oán ghét chồng dữ dội, thề rằng rồi sẽ trả thù. Hành động đầy hận thù, giận dữ và bức bối không kiểm soát ấy tự thân tạo ra một ký ức nghiệp riêng:

Điều này mang đến những giai đoạn nhiễu loạn thuộc nhiều kiểu; quyết tâm rằng vào lúc nào đó, ở đâu đó, phải được tự do, và phải “trả đũa ...”

... sự cưỡng ép phải ở trong trạng thái trinh khiết đã mang đến những quyết định bất lợi cho thực thể.

Rằng những điều này đã và đang trở thành những phần của kinh nghiệm của thực thể, thì rõ ràng cũng chỉ là cuộc gặp gỡ với chính mình.

2329-1

Nói cách khác, người phụ nữ ấy đã tự thu hút về mình một hoàn cảnh cho phép Bà gặp lại một giai đoạn “tiết dục” tương tự và đồng thời vượt thắng lòng oán ghét cùng thái độ báo thù mà trước kia Bà từng ôm giữ đối với chồng mình. Thay vì xem kinh nghiệm ấy như một gánh nặng khốn khổ, Cayce khuyên người vợ rằng Bà có khả năng nhìn hoàn cảnh của mình như một “cơ hội” để gặp lại chính mình. Ông nói thêm: “Hãy biết rằng quyền bẩm sinh của mọi linh hồn là sự lựa chọn, tức ý chí.” Với tâm niệm đó, Ông cũng đưa ra cho Bà những gợi ý để xử lý mối quan hệ với người chồng, và để tương tác với người bạn trai cũ theo cách không gây phương hại cho bất kỳ ai trong tiêu chuẩn các lý tưởng tinh thần của họ. Sau khi nhận được thông tin, người phụ nữ viết hồi âm:

Xin vô cùng cảm ơn về Bài Đọc Đời Sống RẤT hữu ích. Tôi đã đọc đi đọc lại và nhiều điều trở nên sáng tỏ với tôi. Như Ông nói, ngay lần

reading one can not get all the implications, but gradually it reveals itself. Your reading gave me REAL help in regard to the tie between my husband and myself.

As is evidenced in each of these cases, from the standpoint of the Edgar Cayce material karmic memory is essentially an unconscious reservoir of information. Although this memory may draw certain events and individuals to one another, the way in which an individual responds to that memory determines her or his actual life experience. Through the process of exploring stories such as these and the life choices and experiences of others we may gain insights into the ways in which free will and individual attitude can literally create personal destiny. By observing the successful experience of others in meeting their personal karma through choice and application, it's possible to become inspired about meeting our own. Conversely, by witnessing the mistakes of others we might avoid similar problems in our own lives.

This book was written in an attempt to examine the workings of karma, especially as it plays out in the dynamics of family relationships. Rather than drawing attention to the consequential activity of personal karma, it is hoped that it might instead illustrate the lawfulness of life, the exacting nature of individual responsibility, and the ever-present hopefulness of personal free will. In the end, perhaps it might make some small contribution to humanity's understanding of the fact that life is a completely lawful experience and that God is truly as fair and as loving as we have always wished for our Creator to be.

đọc đầu tiên người ta không thể nắm hết mọi hàm ý, nhưng dần dần nó tự bộc lộ. Bài đọc của Ông đã giúp đỡ THỰC SỰ cho tôi về mối ràng buộc giữa chồng tôi và bản thân tôi.

Như được chứng thực qua từng trường hợp, theo quan điểm của tư liệu Edgar Cayce, ký ức nghiệp về căn bản là một kho tàng thông tin vô thức. Dấu ký ức này có thể kéo các sự kiện và những cá nhân đến với nhau, cách một người đáp ứng với ký ức ấy mới quyết định kinh nghiệm sống thực sự của y. Thông qua việc khảo cứu những câu chuyện như thế cùng những lựa chọn sống và kinh nghiệm của người khác, chúng ta có thể thấu suốt những cách thức mà tự do ý chí và thái độ cá nhân thật sự có thể tạo nên định mệnh riêng. Bằng cách quan sát sự thành công của người khác trong việc gặp gỡ nghiệp riêng nhờ lựa chọn và áp dụng, chúng ta có thể được truyền cảm hứng để đối diện nghiệp của chính mình. Trái lại, bằng việc chứng kiến sai lầm của người khác, chúng ta có thể tránh những vấn đề tương tự trong đời mình.

Cuốn sách này được viết với nỗ lực khảo sát sự vận hành của nghiệp, nhất là khi nó biểu hiện trong động học của các mối quan hệ gia đình. Thay vì tập trung vào tính hệ quả của nghiệp cá nhân, hy vọng rằng nó có thể minh họa tính hợp luật của Sự Sống, bản chất nghiêm ngặt của trách nhiệm cá nhân, và niềm hy vọng luôn hiện diện nơi tự do ý chí của mỗi người. Sau cùng, có lẽ nó có thể đóng góp một phần nhỏ vào sự hiểu biết của nhân loại về sự thật rằng đời sống là một kinh nghiệm hoàn toàn theo luật, và rằng Thượng đế thật sự công bình và nhân ái như chúng ta hằng ước mong Đấng Sáng Tạo của mình là như vậy.



1

Edgar Cayce on Family Karma—Edgar Cayce về Nghiệp Gia Đình

For indeed the laws are ever, “As ye sow, so shall ye reap—as ye mete it to thy fellow man, so will it be meted to thee again.” Individuals constantly meet themselves, then.

And when they, as the story of old, blame someone else it is the continuous warring within themselves. For their selves, their consciousness, their soul, knows! 1538-1

Quả thực các định luật vẫn luôn là: “Người gieo gì, sẽ gặt nấy—người đo cho người đồng loại thế nào, thì cũng sẽ được đo cho như thế.” Vì vậy, con người liên tục gặp lại chính mình.

Và khi họ, như trong chuyện xưa, đổ lỗi cho người khác, thì đó là cuộc chiến triền miên trong chính họ. Bởi vì cái tôi của họ, tâm thức của họ, linh hồn của họ, biết rõ! 1538-1



I always had a very difficult time in my relationship with my father,” reported Karen Turner when she was in her sixties, “at least until I was an adult with a family of my own. Growing up, I was very much afraid of him, and he always made it very clear to me that I was not his favorite daughter.” Conversely, Karen absolutely worshipped her mother: “I just loved her. She was such a wise teacher. If you had a question, she would talk to you in a way that the answer eventually came out of your own mouth. She was really good with children and young people.”

“Tôi luôn gặp rất nhiều khó khăn trong mối quan hệ với cha mình,” Karen Turner kể lại khi Bà ở độ tuổi sáu mươi, “ít nhất là cho đến khi tôi trưởng thành và có gia đình riêng. Khi lớn lên, tôi rất sợ ông, và ông luôn tỏ rõ với tôi rằng tôi không phải là cô con gái mà ông yêu quý nhất.” Trái lại, Karen hoàn toàn tôn thờ mẹ mình: “Tôi chỉ yêu mẹ. Bà là một người thầy thật khôn ngoan. Nếu bạn có câu hỏi, Bà sẽ trò chuyện theo cách mà câu trả lời dần dần được thốt ra từ chính miệng bạn. Bà rất giỏi với trẻ em và người trẻ.”

Karen and her younger sister, Arlene, were raised by their parents, Jim and Barbara, in Princess Anne County, Virginia. The girls loved dancing, both performance dancing and dancing in groups. When the two were growing up there were lots of opportunities to go to dances with groups of other kids. Karen recalls that the dances were just one activity that illustrated the different kind of relationship each girl shared with her father:

Whenever I asked my dad if the two of us could go dancing, without even thinking about it he would respond with an absolute, "No!" However, if Arlene asked him if we could go dancing he would say yes immediately. Even as a child this became so obvious to me that whenever Arlene and I wanted to do anything, we got my sister to ask for the two of us.

Jim also came across as very domineering and controlling with his wife. The couple had a difficult relationship and there was a time when Barbara even had a nervous breakdown. In modern terminology they might have been called co-dependent, as they seemed to be unable to get along and yet also unable to do without the other.

Complicating the family situation was the fact that Jim and Barbara had become very close to another couple, Bradley and Vicki. Perhaps it was due to the challenges in her own marriage that Barbara found herself completely drawn to Bradley and he found himself drawn to her. Looking back, Karen can even remember an occasion as a child when she and her mother accompanied Bradley to the beach: "He had his daughter with him and I remember how my mother and he just talked and talked, and kept looking at one another. Even then, it seemed quite unusual to me." In time, rumors circulated that Barbara and Bradley were having an affair, causing Jim and Vicki to sever all ties between the two couples.

Karen và em gái, Arlene, được cha mẹ là Jim và Barbara nuôi dưỡng tại Quận Princess Anne, Virginia. Hai cô gái rất yêu thích khiêu vũ, cả diễn xuất lẫn khiêu vũ theo nhóm. Khi họ lớn lên, có rất nhiều cơ hội để đi nhảy cùng các nhóm bạn. Karen nhớ lại rằng những buổi nhảy ấy chỉ là một trong nhiều hoạt động minh họa kiểu quan hệ khác nhau mà mỗi cô có với cha mình:

"Bất cứ khi nào tôi hỏi cha liệu hai chị em có thể đi nhảy không, chưa kịp nghĩ ông đã đáp một tiếng 'Không!' dứt khoát. Thế nhưng, nếu Arlene hỏi ông liệu chúng tôi có thể đi nhảy không, ông lập tức đồng ý. Ngay từ khi còn nhỏ, điều này đã hiển nhiên đến mức hễ tôi và Arlene muốn làm điều gì, chúng tôi đều nhờ em tôi hỏi thay cho cả hai."

Jim cũng tỏ ra rất độc đoán và thích kiểm soát đối với vợ. Hai người có một mối quan hệ khó khăn và có thời điểm Barbara thậm chí bị khủng hoảng thần kinh. Trong thuật ngữ hiện đại, họ có thể bị gọi là "đồng phụ thuộc", vì họ dường như không thể hòa hợp mà cũng không thể thiếu nhau.

Làm cho tình thế gia đình phức tạp hơn là việc Jim và Barbara trở nên rất thân thiết với một đôi vợ chồng khác, Bradley và Vicki. Có lẽ vì những thách thức trong hôn nhân, Barbara thấy mình hoàn toàn bị cuốn hút bởi Bradley và ông ta cũng bị cuốn hút bởi Bà. Nhìn lại, Karen thậm chí còn nhớ một lần khi còn nhỏ, Bà và mẹ đi cùng Bradley ra bãi biển: "Ông ấy đưa con gái của mình theo, và tôi nhớ mẹ và ông cứ trò chuyện mãi, cứ nhìn nhau. Ngay khi đó, điều ấy đã có vẻ khá khác thường với tôi." Theo thời gian, có tin đồn rằng Barbara và Bradley có quan hệ tình ái, khiến Jim và Vicki cắt đứt mọi dây dưa giữa hai cặp.

Through a friend, Barbara heard about the work of Edgar Cayce. Thinking that a reading might at least help to make her home life more “congenial,” she sought Cayce’s help in the spring of 1940. The information proved to be so insightful that within a matter of months Barbara had obtained readings for her husband and her two daughters. Even Jim became interested in the material. The story presents a truly fascinating example of the dynamics of family karma.

According to the family’s information, each of them had been together during the 1600s in Williamsburg, Virginia. It was in that time and place that much of the family’s karmic memory had been created. The readings stated that Jim had been instrumental in the Williamsburg community as essentially a farmer and an individual who was skilled with the distribution of supplies and materials for the other settlers. During that experience, his name had been Monroe Grossman.

Monroe was a respected member of his community and the father of one disobedient daughter named Sarah. Seen as being somewhat rebellious and wild even as a child by the conservative Williamsburg community, Sarah had been nicknamed “the little Indian.” According to the readings, when Sarah reached young womanhood she created “some disturbing conditions” through her actions (2175-3). Apparently, she created quite a scandal by her free nature and, to his horror, Monroe eventually discovered that his unwed daughter was pregnant. It made for an interesting example of karmic cause-and-effect to learn that Sarah had returned as Barbara and that Bradley had been the same young man from the Williamsburg lifetime with whom she had had the affair.

Because of his daughter’s actions, Monroe essentially abandoned Sarah, evicting her

Qua một người bạn, Barbara biết đến công việc của Edgar Cayce. Nghĩ rằng một bài đọc có thể ít nhất giúp đời sống gia đình mình trở nên “dễ chịu” hơn, Bà tìm đến sự trợ giúp của Cayce vào mùa xuân năm 1940. Thông tin nhận được tỏ ra thâm nhập đến mức chỉ trong vài tháng, Barbara đã xin các bài đọc cho chồng và hai cô con gái. Ngay cả Jim cũng quan tâm đến tư liệu này. Câu chuyện là một thí dụ thật sự hấp dẫn về động học của nghiệp gia đình.

Theo thông tin của gia đình, tất cả họ từng ở cùng nhau vào những năm 1600 tại Williamsburg, Virginia. Chính trong thời gian và nơi chốn ấy mà phần lớn ký ức nghiệp của gia đình đã được tạo nên. Các bài đọc cho biết Jim từng giữ vai trò quan trọng trong cộng đồng Williamsburg, về căn bản là một nông dân và một người có kỹ năng phân phối nhu yếu phẩm, vật liệu cho những người định cư khác. Trong kinh nghiệm ấy, tên ông là Monroe Grossman.

Monroe là một thành viên được kính trọng trong cộng đồng và là cha của một cô con gái bất tuân tên Sarah. Bị cộng đồng bảo thủ ở Williamsburg xem là có phần nổi loạn và hoang dã ngay từ nhỏ, Sarah được đặt biệt danh là “cô bé da đỏ”. Theo các bài đọc, khi Sarah đến tuổi thanh nữ, cô đã tạo ra “một vài tình cảnh rối rắm” qua hành động của mình (2175-3). Rõ ràng, cô đã gây nên một tai tiếng lớn bởi bản tính phóng túng và, trước nỗi kinh hoàng của ông, Monroe rất cuộc phát hiện cô con gái chưa chồng của mình mang thai. Thật là một minh họa thú vị về nhân-quả nghiệp khi biết rằng Sarah đã tái sinh thành Barbara, và Bradley chính là chàng trai cùng đời Williamsburg năm xưa mà cô đã thất thân.

Vì hành động của con gái, về cơ bản, Monroe đã ruồng bỏ Sarah, đuổi cô ra khỏi nhà. Rõ

from his home. It was clear that he wanted her to face the dire consequences of her actions. To his great disgust and anger, another Williamsburg woman took pity on Sarah and invited the young girl to live with her. The cause of Jim's antagonism toward his daughter Karen became clear when it was learned that Karen had once been the woman who had volunteered to help the pregnant Sarah.

Arlene's role in the karmic situation was that she had also been a member of the Williamsburg community and very close to Monroe Grossman, who was apparently a widower. It appeared that Arlene had been her father's girlfriend in their most recent lifetime together, certainly explaining why she had always been Jim's favorite.

To be sure, the family's karmic connection was not limited to the 1600s or Williamsburg. Karen and Arlene had both been involved in music and the arts during an Egyptian lifetime. Actually, the two girls had frequently been involved in entertaining, music, and dance throughout a number of their respective incarnations, explaining their intense attraction to entertaining and dance in the present. Interestingly enough, both girls would grow to become even more involved in performance dance—the two often working together. In time, because of her aptitude Arlene even won a scholarship to study dance at Carnegie Hall.

Jim learned that he had been connected to Barbara in a number of previous lifetimes, most notably Williamsburg, Palestine and Atlantis. In Palestine, the two had been married and very close, contributing to their desire to be reacquainted in the Williamsburg experience where things had not turned out quite so well. In Atlantis the two had also apparently been close but their differing opinions and extended circle of friends had been quite different, and those

ràng ông muốn cô đối diện những hậu quả nghiệt ngã do chính mình gây nên. Đến nỗi chán ghét và giận dữ, một phụ nữ khác ở Williamsburg đã động lòng thương Sarah và mời cô gái trẻ về sống cùng mình. Nguyên nhân nỗi đối kháng của Jim đối với con gái Karen trở nên rõ ràng khi người ta biết rằng Karen từng là người phụ nữ đã tình nguyện giúp đỡ Sarah đang mang thai.

Vai trò của Arlene trong tình huống nghiệp là Bà cũng từng là một thành viên cộng đồng Williamsburg và rất thân cận với Monroe Grossman, người có vẻ là một góa vợ. Hóa ra Arlene từng là bạn gái của cha mình trong kiếp sống gần nhất ấy, giải thích vì sao Bà luôn là người con mà Jim yêu quý nhất.

Chắc chắn mối liên hệ nghiệp của gia đình không chỉ giới hạn ở những năm 1600 hay Williamsburg. Karen và Arlene đều từng dính dự vào âm nhạc và nghệ thuật trong một kiếp Ai Cập. Thực ra, hai cô gái thường xuyên dính dự vào trình diễn, âm nhạc và khiêu vũ trong nhiều lần lâm phạm khác nhau, giải thích sức hấp dẫn mãnh liệt của họ đối với trình diễn và khiêu vũ ở hiện tại. Thật thú vị, cả hai sau này còn gắn bó sâu hơn với khiêu vũ trình diễn—thường làm việc cùng nhau. Theo thời gian, vì năng khiếu của mình, Arlene thậm chí đoạt học bổng học khiêu vũ tại Carnegie Hall.

Jim biết rằng ông đã có liên hệ với Barbara trong nhiều kiếp sống trước, nổi bật là ở Williamsburg, Palestine và Atlantis. Ở Palestine, hai người từng là vợ chồng và rất gần gũi, làm phát sinh ước muốn tái ngộ trong trải nghiệm tại Williamsburg, nơi mọi sự không diễn ra được như mong đợi. Ở Atlantis, hai người cũng có vẻ thân thiết nhưng ý kiến khác biệt và vòng bạn bè rộng rãi khác nhau đã khiến những khác biệt ấy góp phần vào các vấn đề cha-con ở

differences had contributed to the father-daughter problems in seventeenth-century Williamsburg. Jim was also told that he had known each of his daughters in a variety of other experiences, and each of those experiences contributed both positively and negatively to his overall relationship with them in the present.

During a follow-up reading, Jim inquired how the long ago past influenced an individual in the present. The answer came that past lives contributed to an individual's faults and virtues and were drawn upon in the present when an individual was able to deal with the memory of those influences. Cayce used the analogy of going to school to explain how that memory actually worked in an individual's life:

This may be comparable to the experience of an entity as it undertakes its studies, its lessons, in school. Not that there is in the everyday life the remembering of daily experiences in school, yet those daily experiences create the background with which the entity—as in its daily contact with problems—reviews in a memory those problems that were part of the experience during such days of what is commonly called education, or unfoldment.

Just so in the daily experience of an individual entity through the various lessons learned, gained or lost in the earthly experiences, it builds a background to which the entity-mind responds as it applies itself in meeting the daily problems that arise.

One may ask, as this entity—why, then, does one not recall more often those experiences?

The same may be asked of why there is not the remembering of the time when two and two to the entity became four, or when C A T

Williamsburg thế kỷ mười bảy. Jim cũng được cho biết ông từng quen biết mỗi cô con gái trong nhiều trải nghiệm khác, và mỗi trải nghiệm ấy đã góp phần cả tích cực lẫn tiêu cực vào mối quan hệ tổng thể của ông với họ ở hiện tại.

Trong một bài đọc tiếp theo, Jim hỏi quá khứ xa xưa ảnh hưởng một cá nhân ở hiện tại như thế nào. Câu trả lời là các kiếp sống trước góp phần vào các khuyết điểm và đức hạnh của một người và được khơi dựng ở hiện tại khi người ấy có thể xử lý ký ức về những ảnh hưởng đó. Cayce dùng phép so sánh đi học để giải thích ký ức ấy vận hành thực sự thế nào trong đời sống một cá nhân:

“Điều này có thể sánh với kinh nghiệm của một thực thể khi nó đảm nhận việc học, các bài học của mình, ở trường. Không phải trong đời sống hằng ngày có sự ghi nhớ các kinh nghiệm mỗi ngày ở trường, nhưng chính những kinh nghiệm hằng ngày ấy tạo nên cái nền mà với nó, thực thể—khi tiếp xúc hằng ngày với các vấn đề—sẽ duyệt lại trong ký ức những vấn đề vốn là một phần của kinh nghiệm trong những ngày ấy của điều mà người ta thường gọi là giáo dục, hay khai mở.

Cũng như vậy trong kinh nghiệm hằng ngày của một thực thể cá nhân, qua những bài học khác nhau đã học, thu đạt hoặc bỏ lỡ trong các trải nghiệm trần gian, nó xây dựng một nền tảng mà tâm trí của thực thể sẽ đáp ứng khi áp dụng vào việc đối diện những vấn đề phát sinh mỗi ngày.

Người ta có thể hỏi, như thực thể này—vậy tại sao người ta lại không thường xuyên hồi tưởng những kinh nghiệm ấy hơn?

Cũng có thể hỏi vì sao không có sự nhớ lại thời điểm khi hai cộng hai đối với thực thể trở thành bốn, hoặc khi C-A-T ghép thành từ

spelled cat. It always did! Ye only became aware of same as it became necessary for its practical application in the experience! 2301-4

During her own follow-up reading, Barbara asked for further insights into some of the problems she was still experiencing in the present. She was told that both Bradley and Vicki had been her close friends during the Williamsburg experience. Bradley had been the one with whom she had had the affair, and Vicki had been a young woman much like herself who often engaged in what Cayce called “questionable experiences” for the time. Although Barbara and Jim were no longer in contact with the other couple, when she asked what her attitude toward Bradley should be in the present, the response came: “loving indifference.” Apparently, it would be the easiest way for her to work out her karmic situation with Jim. When she asked how she could help the couples reconcile their friendship, she was encouraged to let it happen naturally as an outgrowth of living in the same vicinity rather than attempting to fix the problem; otherwise her motives would be questioned.

Barbara also asked how her daughter Karen had helped her during the Williamsburg experience. Cayce replied that after her questionable relationships as Sarah, and becoming pregnant, Karen essentially enabled her mother to begin her life anew, “by bringing the entity into her own home, into her own activities, into her own relationships, see?” (2175-3) Barbara also inquired as to why she felt so strongly that unwed mothers needed help and sympathy. The response was obvious: “You were almost one yourself, if you hadn’t been picked up!” Apparently in the Williamsburg experience, Sarah Grossman had found a husband before ever giving birth to her child.

In time, the readings for all of the family

chỉ ‘con mèo’. Nó vẫn luôn như thế! Chỉ khi cần áp dụng thực tiễn trong kinh nghiệm sống, người mới nhận biết điều ấy!” 2301-4

Trong bài đọc tiếp theo của riêng mình, Barbara xin thêm thấu hiểu về một vài vấn đề Bà vẫn gặp ở hiện tại. Bà được cho biết cả Bradley lẫn Vicki đều là bạn thân của Bà trong trải nghiệm Williamsburg. Bradley là người mà Bà đã ngoại tình, còn Vicki là một cô gái rất giống Bà, thường dính vào những gì Cayce gọi là “những trải nghiệm đáng ngờ” so với chuẩn mực thời ấy. Dù Barbara và Jim không còn liên lạc với đôi vợ chồng kia, khi Bà hỏi thái độ của mình đối với Bradley ở hiện tại nên như thế nào, câu đáp là: “điềm nhiên trong thương yêu.” Rõ ràng đó là cách dễ nhất để Bà xử lý tình cảnh nghiệp với Jim. Khi Bà hỏi làm sao giúp hai đôi hòa giải tình bạn, Bà được khuyến khích để điều ấy diễn ra tự nhiên như hệ quả của việc sống trong cùng một khu vực hơn là cố gắng sửa chữa vấn đề; nếu không, động cơ của Bà sẽ bị nghi ngờ.

Barbara cũng hỏi con gái Karen đã giúp Bà thế nào trong trải nghiệm Williamsburg. Cayce đáp rằng sau các mối quan hệ đáng ngờ của Sarah, và mang thai, Karen về cơ bản đã cho phép mẹ mình bắt đầu lại cuộc đời, “bằng cách đưa thực thể vào trong chính ngôi nhà của cô ấy, vào trong sinh hoạt của chính cô ấy, vào trong các mối liên hệ của chính cô ấy, thấy không?” (2175-3) Barbara cũng hỏi vì sao Bà cảm thấy mạnh mẽ rằng các bà mẹ chưa chồng cần được giúp đỡ và cảm thông. Câu trả lời hiển nhiên: “Chính Bà đã suýt là một người như thế, nếu Bà không được cứu mang kịp thời!” Rõ ràng là trong trải nghiệm Williamsburg, Sarah Grossman đã tìm được chồng trước khi sinh con.

Theo thời gian, các bài đọc cho mọi thành

members proved especially helpful in explaining how the karmic situation had been created, as well as providing guidance as to how it could be overcome in the present. Years later, Barbara would tell author Gina Cerminara, who was compiling an article about the efficacy of the Cayce work,⁵ that the readings had made sense out of the entire experience for her. She understood that Jim had become domineering in an effort to prevent her from becoming “wayward” in the present. Although their marriage had begun with a pattern of dominance and resentment, in time their situation was met in love and understanding and the couple was able to overcome those personality traits that had once caused friction. The readings had counseled Barbara and Jim to take time to focus on their personal and home life. They were encouraged to work on self-development, becoming more involved in things of a spiritual nature. It was also recommended that they find balance in their life together: “Take time for play, take time for recreation, take time for physical, mental and spiritual development.” (2301-2) Eventually when habitual patterns (such as Jim’s dominance) began to arise, they were met with “detachment and a sense of humor.” The article ended with the notation that, “the marriage has become harmonious, with both partners seeking to cooperate in building soul qualities ... ” (2175-3 Report File)

The last two family members to work through the family karma were Karen and her father. Karen admits that it wasn’t really until after she had a family of her own and her mother had died of breast cancer that she and her father were truly able to work on their relationship together. As time passed, the two became ever closer. Karen says that she was eventually able to understand her father and why he had become the kind of person she had experienced as a child. His

viên gia đình tỏ ra đặc biệt hữu ích trong việc giải thích tình huống nghiệp đã được tạo ra như thế nào, cũng như cung cấp chỉ dẫn về cách vượt qua nó ở hiện tại. Nhiều năm sau, Barbara kể với tác giả Gina Cerminara, người đang biên soạn một bài viết về hiệu lực công trình của Cayce,⁵ rằng các bài đọc đã giúp Bà hiểu trọn vẹn trải nghiệm. Bà hiểu rằng Jim trở nên độc đoán nhằm ngăn Bà trở nên “lạc lối” ở hiện tại. Dấu hôn nhân của họ khởi đầu bằng mô thức áp chế và oán giận, theo thời gian, hoàn cảnh của họ đã được đón nhận bằng tình thương và thấu hiểu và đôi vợ chồng đã có thể vượt qua những đặc tính phạm ngã từng gây ma sát. Các bài đọc khuyên Barbara và Jim dành thời gian tập trung vào đời sống cá nhân và gia đình. Họ được khuyến khích làm việc trên sự tự phát triển, tham dự nhiều hơn vào những điều có tính tinh thần. Cũng được khuyến nghị rằng họ tìm sự quân bình trong đời sống chung: “Hãy dành thời gian cho vui chơi, dành thời gian cho giải trí, dành thời gian cho phát triển thể chất, trí tuệ và tinh thần.” (2301-2) Rồi lại, khi những mô thức quen thuộc (như sự áp chế của Jim) bắt đầu trỗi dậy, chúng được đón nhận bằng “thái độ tách rời và óc hài hước.” Bài viết kết thúc với ghi chú rằng, “cuộc hôn nhân đã trở nên hài hòa, với cả hai cùng tìm cách hợp tác trong xây dựng các phẩm chất linh hồn ... ” (2175-3 Hồ sơ Báo cáo)

Hai thành viên cuối cùng làm việc qua nghiệp gia đình là Karen và cha Bà. Karen thừa nhận rằng thực sự phải đến khi Bà có gia đình riêng và mẹ Bà qua đời vì ung thư vú thì Bà và cha mới thật sự có thể cùng nhau xử lý mối quan hệ. Theo thời gian, hai người ngày càng gần gũi. Karen nói rằng rốt cuộc Bà có thể hiểu cha mình và vì sao ông trở thành kiểu người mà Bà đã trải nghiệm khi còn nhỏ. Tác phong ấy không chỉ do các kinh nghiệm tiền kiếp mà còn do sự nuôi dưỡng

demeanor was due not only to his past-life experiences but also to his upbringing and being essentially abandoned through the death of both of his parents when he was only a child. It proved to be just one more interesting karmic payback since he had once abandoned his own daughter during his life as Monroe Grossman. According to Karen, long before her father's death they had managed to work through their Williamsburg karma, overcoming any remaining misunderstanding or antagonism, so that Karen could say without hesitation, "We were very close and I truly loved him."

Years later when Karen was asked how she felt she, her sister, and her parents had all worked through their various karmic connections and entanglements, she replied simply, "very well." In the end, all family members had learned from one another and become better people for having had the opportunity of being together.

As suggested by the story of Karen Turner, her sister, and her parents, family relationships are essentially an archaeological dig of past-life experiences, patterns, and relationships that influence present-day interactions within each family. Like a reservoir of unconscious memory these influences definitely have an effect in terms of predisposing each family member to various feelings, inclinations and experiences, but free will remains the strongest determinant of the outcome that memory has on the individual in the present. On one occasion a couple seeking a joint life reading and marital advice from Edgar Cayce was told that, regardless of whether or not a past-life connection had been a positive experience, karmic memory often attracted individuals together. However, what two people did with that memory and their relationship in the present was most dependent upon the will

và việc ông gần như bị bỏ rơi bởi cái chết của cả cha lẫn mẹ khi ông chỉ là một đứa trẻ. Điều đó tỏ ra là một "hoàn trả nghiệp" thú vị nữa, vì ông từng ruồng bỏ chính con gái mình trong kiếp làm Monroe Grossman. Theo Karen, từ rất lâu trước khi cha qua đời, họ đã xử lý xong nghiệp Williamsburg, vượt qua mọi hiểu lầm hay đối kháng còn lại, để Karen có thể không chút do dự nói rằng, "Chúng tôi rất gần gũi và tôi thật sự yêu ông."

Nhiều năm sau, khi Karen được hỏi Bà cảm thấy Bà, em gái và cha mẹ đã cùng nhau xử lý các mối nối nghiệp và rối rắm khác nhau như thế nào, Bà chỉ đáp gọn: "rất tốt." Sau cùng, mọi thành viên đều đã học hỏi lẫn nhau và trở nên những con người tốt hơn nhờ có cơ hội được ở bên nhau.

Như câu chuyện của Karen Turner, em gái và cha mẹ Bà gợi ý, các mối quan hệ gia đình về căn bản là một cuộc khai quật khảo cổ những kinh nghiệm, mô thức và mối quan hệ tiền kiếp vốn ảnh hưởng đến tương tác hiện tại trong mỗi gia đình. Như một hồ chứa ký ức vô thức, những ảnh hưởng này chắc chắn tác động theo hướng định thiên hướng cho mỗi thành viên gia đình đến những cảm xúc, khuynh hướng và trải nghiệm khác nhau, nhưng tự do ý chí vẫn là yếu tố quyết định mạnh nhất đối với kết quả mà ký ức ấy có trên cá nhân ở hiện tại. Có lần một đôi vợ chồng xin một bài đọc đời sống chung và lời khuyên hôn nhân từ Edgar Cayce được cho biết rằng, bất kể mối nối tiền kiếp là tích cực hay không, ký ức nghiệp thường thu hút các cá nhân đến với nhau. Tuy nhiên, hai người làm gì với ký ức ấy và mối quan hệ của họ ở hiện tại lại phụ thuộc nhiều nhất vào ý chí và việc áp dụng các lý tưởng tinh thần:

and the application of spiritual ideals:

All entities—as these two entities—meet for a purpose ... Whether these have been for weal or woe does not prevent the attraction. Thus, whether that attraction is to be for the advancement or the undoing of something in themselves depends, again, upon what is the ideal of each. 2533-7

From the perspective of the Cayce information, life's relationships and experiences are drawn to an individual in an effort to assist that soul in becoming a better person, eventually becoming aligned to a pattern of spiritual perfection. When a thirty-eight-year-old man once asked Cayce about the rationale behind the law of rebirth, the response came: "The Creator intended man to be a companion with Him ... How many [lifetimes] will it require for thee to be able to be a companion with the Creative Forces where ever you are?" (416-18) In other words, the purpose of life is not simply to be born into a family, go to school, get a job, acquire material goods, create a family of one's own, grow older and then eventually die, leaving one's descendents and family members to repeat the very same cycle. Instead, the purpose of life is to go through a series of experiences that will eventually enable the soul to awaken to its ultimate level of spiritual awareness. On one occasion, that level of awareness was described as "the awareness within each soul, imprinted in pattern on the mind and waiting to be awakened by the will, of the soul's oneness with God." (5749-14) Awakening to that level of conscious awareness is the destiny of each and every soul.

In Cayce's cosmology it is through an ongoing process of personal spiritual growth and development that each individual learns, grows and constantly meets self—self's past experiences, relationships, inclinations, talents, and

"Mọi thực thể—như hai thực thể này—gặp nhau vì một mục đích ... Dù điều đó là tốt hay xấu cũng không ngăn được sức hút. Do đó, việc sức hút ấy sẽ dẫn đến thăng tiến hay phá hỏng điều gì đó nơi chính họ, một lần nữa, tùy thuộc vào lý tưởng của mỗi người." 2533-7

Từ góc nhìn của thông tin Cayce, những mối quan hệ và kinh nghiệm đời sống được lôi cuốn đến với một cá nhân nhằm giúp linh hồn ấy trở nên một con người tốt hơn, rốt cuộc được chỉnh hợp với một khuôn mẫu hoàn thiện tinh thần. Khi một người đàn ông ba mươi tám tuổi hỏi Cayce về lý lẽ đằng sau định luật tái sinh, câu đáp là: "Đấng Sáng Tạo đã định con người làm bạn đồng hành với Ngài ... Sẽ cần bao nhiêu [kiếp sống] để người có thể làm bạn đồng hành với Các Lực Sáng Tạo, bất cứ nơi đâu người hiện hữu?" (416-18) Nói cách khác, mục đích của đời sống không chỉ là sinh ra trong một gia đình, đi học, có công việc, tích lũy của cải, lập gia đình riêng, già đi rồi rốt cuộc chết, để con cháu và người thân lặp lại đúng chu kỳ ấy. Thay vào đó, mục đích của đời sống là đi qua một chuỗi kinh nghiệm sẽ rốt cuộc cho phép linh hồn thức tỉnh đến cấp độ tối hậu của tỉnh thức tinh thần. Có lần, cấp độ tỉnh thức ấy được mô tả là "tỉnh thức ở trong mỗi linh hồn, được in ấn theo khuôn trên thể trí và chờ được ý chí đánh thức, về sự nhất thể của linh hồn với Thượng đế." (5749-14) Thức tỉnh đến mức tỉnh thức có ý thức ấy là định mệnh của mọi linh hồn.

Trong vũ trụ quan của Cayce, qua tiến trình liên tục của tăng trưởng và phát triển tinh thần cá nhân, mỗi người học hỏi, lớn lên và liên tục gặp lại chính mình—các kinh nghiệm quá khứ của cái tôi, các mối quan hệ, khuynh hướng, tài năng và khuyết điểm—

faults in the form of karmic memory. With this in mind, when a twenty-two-year-old man once asked Edgar Cayce, “From which side of my family do I inherit most?” The reply came: “You have inherited most from yourself, not from family! The family is only a river through which it (the entity, soul) flows!” (1233-1)

Rather than believing that karma created an unavoidable or inevitable destiny, Edgar Cayce instead saw karmic memory as simply an influence or an impulse. In fact, on one occasion when discussing karma in a reading given to a thirty-five-year-old bookkeeper Cayce stated, “What is karma but giving way to impulse?” (622-6) suggesting that free will always remained the strongest determinant in creating an individual’s actual life experience as individuals always had the choice not to fall into old habit patterns. The importance of the human will in co-creating one’s life is clearly illustrated in the karmic situation of the Merrill family—a family of three individuals, each of whom obtained life readings from Edgar Cayce in 1938. By some accounts, the family was not very close. Apparently the Merrill family was prone to arguments, willfulness and even personal excess, especially in terms of alcohol. Their story, excerpted from the Cayce archives is essentially as follows:

The father’s name was Stephen; he was a forty-four-year-old advertising executive. The mother was Eliza—a forty-year-old housewife. The couple had one child—an eleven-year-old boy named Samuel. In addition to discovering their past lives, they hoped to understand their present talents and abilities as well as hear about any weaknesses that needed to be worked on. Because Cayce’s perspective of karma is exacting and individualized—in other words two people may come together to resolve karmic memory but each might be working on something entirely different—an

dưới hình thức ký ức nghiệp. Với điều này trong tâm, khi một người đàn ông hai mươi hai tuổi hỏi Edgar Cayce: “Tôi thừa hưởng phần lớn từ phía gia đình nào?”, câu đáp là: “Người thừa hưởng phần lớn từ chính mình, không phải từ gia đình! Gia đình chỉ là một dòng sông mà qua đó (thực thể, linh hồn) tuôn chảy!” (1233-1)

Thay vì tin rằng nghiệp tạo ra một định mệnh không thể tránh hoặc tất yếu, Edgar Cayce lại xem ký ức nghiệp chỉ như một ảnh hưởng hay một xung lực. Thực tế, có lần khi bàn về nghiệp trong một bài đọc cho một người làm sổ sách ba mươi lăm tuổi, Cayce nói: “Nghiệp là gì nếu không phải là sự nhượng bộ trước xung lực?” (622-6) gợi ý rằng tự do ý chí luôn vẫn là yếu tố quyết định mạnh nhất trong việc tạo nên kinh nghiệm sống thực sự của một cá nhân, vì con người lúc nào cũng có quyền chọn không rơi vào các mô thức thói quen cũ. Tầm quan trọng của ý chí con người trong việc đồng sáng tạo đời sống được minh họa rõ trong tình huống nghiệp của gia đình Merrill—một gia đình ba người, mỗi người đều nhận bài đọc đời sống từ Edgar Cayce vào năm 1938. Theo một số tường thuật, gia đình này không mấy khăng khít. Rõ ràng gia đình Merrill dễ tranh cãi, ương bướng và thậm chí phóng túng cá nhân, nhất là với rượu. Câu chuyện của họ, trích từ lưu trữ Cayce, về căn bản như sau:

Tên người cha là Stephen; ông là một giám đốc quảng cáo bốn mươi bốn tuổi. Người mẹ là Eliza—một nội trợ bốn mươi tuổi. Họ có một con trai—một cậu bé mười một tuổi tên Samuel. Ngoài việc khám phá các kiếp sống trước, họ hy vọng hiểu được tài năng và khả năng hiện tại cũng như nghe về bất kỳ điểm yếu nào cần làm việc. Bởi vì quan điểm của Cayce về nghiệp là nghiêm nhặt và cá biệt—nghĩa là hai người có thể đến với nhau để giải nghiệp ký ức nhưng mỗi người có thể đang làm việc trên điều gì đó hoàn toàn khác—tổng quan về các mối nối nghiệp của nhà Merrill được kể chủ yếu từ góc nhìn của

overview of the Merrill's various karmic connections is told primarily from the point-of-view of the couple's son.

During the course of the reading, Edgar Cayce described Samuel's innate strengths and weaknesses, as well as some of the previous life experiences in which those traits had also been evident. Perhaps surprisingly, the reading began by warning the parents that their child would be prone to drink and that alcohol would be a tremendous temptation. In fact, each of their life readings suggested that all three had experienced lifetimes in ancient Egypt thousands of years previously when some of the temples had turned away from the practice of the healing arts and instead began taking part in excesses of every immoral nature. Perhaps it was this same experience that resulted in a warning to Samuel's parents that their son would be prone to loose morality. In spite of the warning, however, the readings assured the couple that proper guidance directed toward the raising of their son would enable this tendency to be worked through and overcome, enabling the boy to become grounded and live out a productive life.

When the parents asked how they were doing in terms of raising their son in a constructive manner, Eliza was told that, at the time of the reading, she was being very helpful (1602-4). Similarly, Stephen Merrill was informed that he had an innate ability to work with young people as a helpful and inspiring influence and had, as a matter of fact, served in a similar capacity during an incarnation at the time of Alexander the Great (1564-1). What was important for both parents to keep in mind was that rather than preaching at their son, they needed to guide and direct him by their own example.

The couple was told that the most recent past life having a bearing on their son's present was as a fundamentalist minister in

người con trai.

Trong quá trình bài đọc, Edgar Cayce mô tả các điểm mạnh và điểm yếu bẩm sinh của Samuel, cũng như một vài kinh nghiệm tiền kiếp mà trong đó những phẩm tính ấy cũng đã hiện rõ. Có lẽ thật đáng ngạc nhiên, bài đọc mở đầu bằng lời cảnh báo cha mẹ rằng đứa trẻ sẽ có khuynh hướng uống rượu và rượu sẽ là một cám dỗ rất lớn. Thực vậy, mỗi bài đọc đời sống của họ gợi rằng cả ba từng trải qua các kiếp sống ở Ai Cập cổ hàng ngàn năm trước, khi một số đền thờ đã quay lưng với việc hành trì nghệ thuật chữa lành và thay vào đó bắt đầu sa vào những thái quá của đủ mọi lạc thú vô luân. Có lẽ cũng vì trải nghiệm ấy mà Samuel được cảnh báo sẽ có khuynh hướng buông thả về đạo đức. Dẫu lời cảnh báo như vậy, các bài đọc bảo đảm với đôi vợ chồng rằng sự hướng dẫn thích hợp nhằm vào việc giáo dưỡng con trai sẽ cho phép khuynh hướng này được xử lý và vượt thắng, giúp cậu bé trở nên vững vàng và sống một đời hữu ích.

Khi cha mẹ hỏi họ đang làm thế nào trong việc nuôi dạy con theo hướng xây dựng, Eliza được cho biết vào thời điểm bài đọc, Bà đang rất hữu ích (1602-4). Tương tự, Stephen Merrill được báo rằng ông có một khả năng bẩm sinh làm việc với người trẻ như một ảnh hưởng hữu ích và truyền cảm hứng, và thực tế từng phục vụ tương tự trong một kiếp vào thời Alexander Đại đế (1564-1). Điều quan trọng cho cả hai cha mẹ ghi nhớ là thay vì thuyết giảng con, họ cần hướng dẫn và dẫn dắt cậu bằng chính gương sống của mình.

Đời sống gần đây nhất có liên hệ đến hiện tại của con trai họ là làm một mục sư chính thống ở Massachusetts, trong cùng thời kỳ

Massachusetts, during the same period in which Stephen had been a frontiersman and trapper. During that experience, Samuel had been raised by rather stern and severe parents, which resulted in him becoming somewhat severe and stern in his own outlook. Although he had gained in spiritual growth during the experience because of his service to others, the same experience had made him prone to be judgmental of others. That lifetime had also given him a love of routine as well as further cultivated his soul talents in the areas of writing and music. The boy's lifetime as a minister had reinforced the soul's tendency to be somewhat argumentative and willful, to which the parents were advised: "Hence the necessity of using love, patience, forbearance and long suffering in the directing of that as would be the change of the mind of the entity through especially the next two or three, yes four years." (1581-1)

Prior to his life as a minister, Samuel had been a member of the Jewish priesthood during the rule of the Roman Empire. In that experience, one of his chief duties had been to blow the ram's horn, announcing various services in the temple. In addition to reinforcing his love of music and his desire for structure and being connected to a religious order, the experience had been rich with ritual. He had also learned to be somewhat of a diplomat in that experience, but at the same time he had acquired a great love of secrecy and the habit of using information to coerce others into doing what he wanted them to do. This also created a tendency in which he was prone to be attracted to power for personal and material benefit.

In another reading given later to the boy's mother, Cayce stated that on a number of occasions Eliza, Samuel, and Stephen had each been in the earth during the same periods in history. Although they had often been connected or knew each other,

Stephen là một người khai phá và thợ bẫy thú. Trong trải nghiệm ấy, Samuel được nuôi dạy bởi cha mẹ khá nghiêm khắc và hà khắc, khiến cậu trở nên có phần khắc nghiệt và nghiêm nhặt trong cái nhìn của mình. Dẫu cậu đã tăng trưởng tinh thần trong trải nghiệm nhờ sự phục vụ tha nhân, trải nghiệm ấy cũng làm cậu dễ phán xét người khác. Kiếp sống đó cũng đem lại cho cậu tình yêu kỷ luật, nề nếp và tiếp tục bồi bồi tài năng linh hồn trong lĩnh vực viết lách và âm nhạc. Kiếp làm mục sư đã củng cố khuynh hướng tranh luận và ương bướng của linh hồn, vì thế cha mẹ được khuyên: "Do đó cần sử dụng tình thương, kiên nhẫn, khoan dung và nhẫn nại trong việc hướng dẫn để thay đổi tâm trí của thực thể, nhất là trong hai, ba, vâng bốn năm tới." (1581-1)

Trước kiếp làm mục sư, Samuel từng là một thành viên của hàng tư tế Do Thái dưới thời Đế quốc La Mã. Trong trải nghiệm ấy, một nhiệm vụ chính của cậu là thổi tù và bằng sừng cừu, báo hiệu các buổi cử hành trong đền thờ. Bên cạnh việc củng cố tình yêu âm nhạc và ước muốn nề nếp, gắn bó với một trật tự tôn giáo, trải nghiệm ấy phong phú với nghi lễ. Cậu cũng học được phần nào tính ngoại giao, nhưng đồng thời lại tiếp thu một tình yêu lớn đối với sự bí mật và thói quen dùng thông tin để ép người khác làm điều mình muốn. Điều đó cũng tạo nên một khuynh hướng hấp dẫn quyền lực vì lợi ích cá nhân và vật chất.

Trong một bài đọc sau này dành cho người mẹ của cậu, Cayce nói rằng trong nhiều lần, Eliza, Samuel và Stephen đều có mặt trên trần thế cùng thời kỳ trong lịch sử. Dẫu họ thường có liên hệ hay biết nhau, đôi khi họ chỉ đơn giản là hiện diện trong cùng một thời

sometimes they had simply been present in the same historical epoch. In other words some of the family karma each was working through in the present had been created individually, not necessarily with one another, but they had been drawn back together as a means of addressing the karmic memory that they shared in common (1602-2).

As one example, according to the readings Samuel's mother, Eliza, also had a soul tendency of being attracted to power. During the lifetime that Samuel had been engaged with the ritual of the Jewish temple service, Eliza had been a member of the Jewish community but employed by the Romans as one who gathered information for the purpose of tax assessment. She had been drawn to the Roman authority because of their power. This tendency had also been evident previously during a Chaldean incarnation when she had been taken prisoner and eventually rose to become the wife of her captor, adopting a "queenly nature" in the process. Eliza's inclination to be attracted to those in power was described by Cayce, as follows:

Hence we find the entity in the present is interested in and drawn towards those in high places, in many ways and manners. Not that the entity may be said to be a social climber, but one by whose natural instincts—as would be called in psychological language—is attracted, drawn to those who are in such positions ... 1602-1

In a follow-up reading when Eliza asked whether the "visions and impressions" she had from time to time of Rome were from that experience or from another Roman incarnation, Cayce replied that they were connected to her Jewish incarnation when she had worked for the Romans: "As we find, it is rather the visioning of the experiences the entity had with those who were in authority." (1602-4) Certainly, Eliza's

đại lịch sử. Nói cách khác, một phần nghiệp gia đình mà mỗi người đang xử lý ở hiện tại đã được tạo riêng lẻ, không nhất thiết với nhau, nhưng họ được hút về lại cùng nhau như một phương tiện để giải quyết ký ức nghiệp mà họ có chung (1602-2).

Làm thí dụ, theo các bài đọc, mẹ của Samuel, Eliza, cũng có khuynh hướng linh hồn bị hấp dẫn bởi quyền lực. Trong kiếp sống khi Samuel dính dự vào nghi lễ phục vụ đền thờ Do Thái, Eliza là một thành viên cộng đồng Do Thái nhưng được người La Mã thuê làm người thu thập thông tin nhằm mục đích đánh thuế. Bà bị hút về phía chính quyền La Mã vì quyền lực của họ. Khuynh hướng này đã bộc lộ trước đó trong một kiếp Chaldea khi Bà bị bắt làm tù nhân và rồi cuộc trở thành vợ của kẻ bắt giữ mình, trong quá trình ấy hình thành một "bản chất hoàng hậu". Khuynh hướng của Eliza bị hấp dẫn bởi những người có quyền lực được Cayce mô tả như sau:

"Do đó, trong hiện tại chúng ta thấy thực thể quan tâm đến và bị hút về những người ở vị trí cao, theo nhiều cách và hình thức. Không phải có thể nói thực thể là người chạy theo thang bậc xã hội, mà là người theo bản năng tự nhiên—như ngôn ngữ tâm lý sẽ gọi—bị hấp dẫn, bị lôi cuốn đến những người ở các vị thế như vậy ..." 1602-1

Trong một bài đọc tiếp theo khi Eliza hỏi liệu "những thị kiến và ấn tượng" đôi lúc Bà có về La Mã xuất phát từ trải nghiệm đó hay từ một kiếp La Mã khác, Cayce đáp rằng chúng liên hệ đến kiếp làm người Do Thái khi Bà làm việc cho người La Mã: "Như chúng ta thấy, đúng hơn đó là sự thị kiến các trải nghiệm mà thực thể đã có với những người nắm quyền." (1602-4) Rõ ràng, các thị kiến của Eliza đơn giản là biểu hiện của ký ức linh

visions were simply a manifestation of her soul memory.

In one of Samuel's earlier incarnations on the continent of Asia, he had served as a kind of emissary of music and had become adept at using music to represent all manner of human emotion. The same period had also enabled him to become quite skilled in writing and teaching others. In fact, the boy's talents with music and writing had become a part of each of his subsequent incarnations. Interestingly enough, perhaps as a means of enabling them to learn from and be inspired by one another, the readings stated that Eliza also had a writing talent that had long been a part of her soul history and could be made manifest in the present.

Previously, each of the family members had lived incarnations in ancient Egypt. Stephen had been employed essentially as an emissary to the king, taking messages and edicts to other lands. Eliza had evidently been drawn to activities and temple services that put her in close proximity to the king and other members of the royal household. Samuel had worked in one of the temples, assisting individuals in the purification of both body and mind. Although mostly a positive experience, it was also during that period when strong drink had been brewed and the temple services had been turned for a time from the purification of individuals into debauchery and the satisfying of every carnal desire. Although not specified, their Egyptian lifetimes may have been at the root of the tendency for the entire family to be prone to personal excess.

Eliza and Stephen were also informed that they had been together during the English Crusades—an experience that had created a great deal of anxiety with Eliza when her loved ones went off to war. Interestingly enough, a fear of war had also been a part of Eliza's previous experience during the Chaldean lifetime when her husband was

hồn.

Trong một kiếp sớm hơn trên lục địa Á châu, Samuel từng phục vụ như một sứ giả của âm nhạc và thành thực trong việc dùng âm nhạc để biểu hiện đủ loại cảm xúc con người. Cùng thời kỳ đó cũng giúp cậu khá điêu luyện trong viết lách và dạy người khác. Thú vị thay, có lẽ như một phương tiện để họ học hỏi và truyền cảm hứng cho nhau, các bài đọc cho biết Eliza cũng có tài viết lách vốn đã là một phần lâu dài trong lịch sử linh hồn Bà và có thể làm hiển lộ ở hiện tại.

Trước đó, mỗi thành viên gia đình đều có các kiếp sống ở Ai Cập cổ. Stephen về cơ bản làm một sứ giả cho nhà vua, mang chiếu chỉ và mệnh lệnh đến các xứ khác. Eliza dường như bị thu hút bởi các hoạt động và nghi lễ đền thờ đặt Bà ở gần nhà vua và những thành viên khác của hoàng gia. Samuel làm việc trong một đền, trợ giúp mọi người trong việc thanh lọc cả thân lẫn tâm. Dẫu phần lớn tích cực, chính trong thời kỳ ấy rượu mạnh được cất và các nghi lễ đền thờ đã một thời đổi hướng, từ việc thanh lọc con người sang trác táng và thỏa mãn mọi dục vọng phàm tục. Dẫu không nêu rõ, các kiếp Ai Cập ấy có thể là nguồn gốc khuynh hướng chung của cả gia đình đối với phóng túng cá nhân.

Eliza và Stephen cũng được cho biết rằng họ từng ở cùng nhau vào thời Thập tự chinh của người Anh—một trải nghiệm đã tạo nên nỗi lo âu lớn nơi Eliza khi những người Bà yêu thương ra trận. Thú vị thay, nỗi sợ chiến tranh cũng là một phần trải nghiệm trước đó của Eliza trong kiếp Chaldea khi chồng Bà thường bị lôi kéo vào chiến tranh. Thực tế,

often drawn into war. In fact, when Eliza asked Cayce why she was so frightened of lightning, his reply was that the sound of the lightning reminded her of the sounds of war.

The entire Merrill family was encouraged to direct some of their energies into the pursuit of things of a spiritual nature and to direct “body, mind and purpose” toward the will of the Creator. Along these lines, when Eliza inquired whether or not she could attain the spiritual “illumination I am seeking,” the response came: “Live it—be it, and ye will receive—as ye seek!” (1602-1)

In ending Samuel’s reading and providing direction, Cayce suggested that trained aright the boy could become a genius or a protégé. The parents were encouraged to keep in mind the boy’s negative tendencies and to train him by example. They were also reminded that it was through music or writing that Samuel could best make his life experience a productive one in the present:

In those fields as a writer, or a musician, or a combination of these, may there be offered the greater opportunities for development in the present sojourn. In the music—not stringed instruments, but rather the horn or those natures of same, or the reed.

In these channels may the entity become not only mentally and morally but spiritually a guiding light!

But beware of those things that so easily beset ...

For in this direction and in these channels, as we find, may the entity now known as [1581] become one of power, one of fame—yea, one of fortune. 1581-1

khí Eliza hỏi Cayce tại sao Bà lại sợ sấm sét đến vậy, Ông đáp rằng âm thanh của sấm nhắc Bà nhớ tiếng động của chiến tranh.

Cả gia đình Merrill được khuyến khích hướng một phần năng lực của họ vào việc theo đuổi các điều có tính tinh thần và hướng “thân, tâm và mục đích” về ý chí của Đấng Sáng Tạo. Theo hướng này, khi Eliza hỏi liệu Bà có thể đạt được “sự soi sáng mà tôi đang tìm cầu” hay không, câu trả lời đến là: “Hãy sống điều đó—hãy là điều đó, rồi người sẽ nhận được—theo như điều người tìm cầu!” (1602-1)

Khi kết thúc bài đọc của Samuel và đưa ra chỉ hướng, Cayce gợi rằng nếu được rèn luyện đúng đắn cậu có thể trở thành một thiên tài hoặc một người được đỡ đầu. Cha mẹ được khuyến khích ghi nhớ các khuynh hướng tiêu cực của cậu và rèn luyện cậu bằng gương sống. Họ cũng được nhắc rằng chính qua âm nhạc hoặc viết lách, Samuel có thể khiến kinh nghiệm sống của mình ở hiện tại trở nên hữu ích nhất:

“Trong các lĩnh vực như một người viết, hoặc một nhạc sĩ, hoặc sự kết hợp của cả hai, sẽ có những cơ hội lớn hơn cho sự phát triển trong kiếp trú hiện tại. Trong âm nhạc—không phải nhạc cụ dây, mà là kèn đồng hoặc những nhạc cụ cùng tính chất, hoặc kèn dăm.

Trong những kênh này, thực thể không chỉ có thể trở thành một ánh sáng dẫn đường về phương diện tinh thần mà cả về trí tuệ và đạo đức!

Nhưng hãy coi chừng những điều rất dễ bủa vây ...

Vì theo hướng này và trong những kênh này, như chúng ta thấy, thực thể hiện được biết là [1581] có thể trở thành một người quyền lực, một người danh vọng—vàng, một người tài

lộc.” 1581-1

Shortly after receiving the reading, Stephen and Eliza thanked Edgar Cayce for his advice and stated that as far as they could tell the information had perfectly described everything they knew about their son:

Even at this early date it is possible for us to know your interpretations of his character, weaknesses and strengths, are absolutely correct. We see the tendencies you mention as already active and we feel, with the assistance you have given, we can do much to bring out the finest, overcoming the undesirable, making him thereby, a member of society worthy to work for the fulfillment of the Divine Plan for Man on Earth. Our sincere thanks to you ... Again, thanks for your valuable and helpful services ... ” 1581-1 Report File

The following year, the youth had an additional reading and inquired about some of the visions or “flashes of past-lives” he had been seeing: “a Norseman, a Spaniard about the time of Ponce de Leon—one of being on Columbus’ ship—a Roman soldier—an American Indian.” (1581-2) Cayce responded by confirming the fact that many of the images were valid past-life memories: he had known and worked with the Indians during his incarnation as the Massachusetts minister—the same lifetime when he had journeyed from England to North America. He had also been a Norseman, as well as a Spaniard at the time of Ponce de Leon—incarnations that were valid but not necessarily important enough for Cayce to mention as having a meaningful bearing upon the present.

According to notations on file, for a time Samuel did focus on music by taking up the flute; he was also doing relatively well in school. One of his mother’s letters to the Cayce family included the following: “[1581]

Không lâu sau khi nhận bài đọc, Stephen và Eliza cảm ơn Edgar Cayce về lời khuyên và nói rằng theo như họ nhận thấy, thông tin đã mô tả hoàn toàn chính xác mọi điều họ biết về con trai:

“Ngay tại thời điểm sớm như thế này, chúng tôi đã có thể biết các diễn giải của Ông về tính cách, điểm yếu và điểm mạnh của cháu là hoàn toàn đúng. Chúng tôi thấy các khuynh hướng Ông nêu đã hoạt động và chúng tôi cảm thấy, với sự trợ giúp Ông đã trao, chúng tôi có thể làm được nhiều điều để phát huy điều tốt đẹp nhất, khắc phục điều không mong muốn, khiến cháu trở thành một thành viên xã hội xứng đáng để làm việc cho sự thành tựu Thiên Cơ cho Con Người trên Trái Đất. Xin chân thành cảm ơn Ông ... Một lần nữa, cảm ơn Ông về những dịch vụ quý giá và hữu ích ...” (1581-1 Hồ sơ Báo cáo)

Năm sau, cậu thiếu niên có thêm một bài đọc và hỏi về một số thị kiến hay “những chớp ảnh tiền kiếp” cậu đã nhìn thấy: “một người Bắc Âu, một người Tây Ban Nha vào thời Ponce de Leon—một lần ở trên con tàu của Columbus—một lính La Mã—một thổ dân châu Mỹ.” (1581-2) Cayce đáp bằng cách xác nhận rằng nhiều hình ảnh là ký ức tiền kiếp xác thực: cậu từng biết và làm việc với người Da đỏ trong kiếp làm mục sư ở Massachusetts—chính kiếp sống mà cậu đã vượt Đại Tây Dương từ Anh sang Bắc Mỹ. Cậu cũng từng là người Bắc Âu, cũng như người Tây Ban Nha vào thời Ponce de Leon—những kiếp sống có thật nhưng không nhất thiết quan trọng đến mức Cayce phải nêu như có ảnh hưởng ý nghĩa đối với hiện tại.

Theo ghi chú lưu trữ, một thời gian Samuel tập trung vào âm nhạc bằng cách học thổi sáo; cậu cũng học hành khá tốt ở trường. Một bức thư của mẹ cậu gửi gia đình Cayce có đoạn: “[1581] yêu cô giáo nhạc mới và có vẻ

loves his new music teacher and seems to be a most satisfactory pupil, which pleases me. He is going thru some interesting little problems at school and in his mind—and I feel, handling them quite well, but I am certainly on the jump, keeping up with situations as they arise ...”

Unfortunately, however, the proper upbringing and “teaching by example” appeared to be short-lived. One premise contained in the Edgar Cayce material is the fact that, since it is just as easy to reawaken a negative karmic pattern from the past as a positive one, individuals need to establish and work with a spiritual ideal. Actually, Cayce called the setting of spiritual ideals, the “most important experience” of every soul (357-13). Rather than focusing on emulating the positive, the Merrills soon seemed to fall into some of their negative patterns. The souls’ tendencies toward the extremes and alcohol became an ever-increasing problem. One family acquaintance eventually reported the couple drank quite heavily and that she had once heard Eliza boast “that it was nothing for them to drink a pint of whiskey before dinner, as a regular routine.” (1564-3 Report File)

Perhaps due in part to the influence of alcohol, by 1949 Stephen’s health had deteriorated to such an extent that he contracted tuberculosis and died. According to file notations, the illness had essentially alienated the family from others and forced them to keep pretty much to themselves. Eliza died four years later of cancer. And Samuel died of a heart attack in 1967 at the age of forty-one. The final notation on file is from Eliza’s brother in February 1969, who made the following report after Stephen, Eliza, and Samuel Merrill were all deceased:

Don’t know whether or not you are aware that the entire Merrill family has passed on. Stephen went first, about 1948 [1949], a

là một học trò rất vừa ý, điều này làm tôi vui. Cháu đang trải qua vài vấn đề nhỏ thú vị ở trường và trong tâm trí—và tôi cảm thấy, xử lý chúng khá tốt, nhưng quả là tôi phải chạy đôn chạy đáo để theo kịp khi các tình huống phát sinh ...”

Tuy nhiên, đáng tiếc là việc nuôi dạy đúng đắn và “dạy bằng gương” dường như không kéo dài. Một tiền đề trong tư liệu Edgar Cayce là, vì đánh thức lại một mô thức nghiệp tiêu cực từ quá khứ cũng dễ như đánh thức một mô thức tích cực, các cá nhân cần thiết lập và làm việc với một lý tưởng tinh thần. Thực ra, Cayce gọi việc thiết lập các lý tưởng tinh thần là “trải nghiệm quan trọng nhất” của mọi linh hồn (357-13). Thay vì tập trung mô phỏng điều tích cực, gia đình Merrill nhanh chóng dường như rơi vào một vài mô thức tiêu cực. Khuynh hướng linh hồn hướng đến thái cực và rượu trở thành một vấn đề ngày càng tăng. Một người quen của gia đình rất cuộc kể rằng đôi vợ chồng uống khá nặng và bà đã một lần nghe Eliza khoe rằng “chẳng có gì là lạ khi họ uống cỡ nửa lít rượu mạnh trước bữa tối, như một thói quen thường nhật.” (1564-3 Hồ sơ Báo cáo)

Có lẽ một phần vì ảnh hưởng của rượu, đến năm 1949 sức khỏe của Stephen suy sụp đến mức ông mắc bệnh lao và qua đời. Theo ghi chú, căn bệnh này về cơ bản khiến gia đình bị xa lánh và buộc họ hầu như chỉ sống tách biệt. Eliza mất bốn năm sau vì ung thư. Và Samuel qua đời vì cơn đau tim năm 1967, thọ bốn mươi một tuổi. Ghi chú cuối trong hồ sơ là từ em trai của Eliza vào tháng Hai năm 1969, người đã báo như sau sau khi Stephen, Eliza và Samuel Merrill đều đã qua đời:

“Không biết các ông có hay không rằng cả gia đình Merrill đã mất. Stephen đi trước, khoảng năm 1948 [1949], vì bệnh lao. Eliza

victim of tuberculosis. Eliza followed him about four years later as a result of cancer. She had a troubled and very painful end. Finally, Samuel succumbed about two years ago (age 41) to a coronary. The Merrill's were not a very close-knit, harmonious, or homogeneous group. Family life was subject to quite a bit of strife. On the basis of unfinished business, I presume these family members will meet again. And since my early life was so inextricably intertwined with theirs, I suppose I will also most probably share in their future lives and experiences. 1602-1 Report File

As is evident by the Merrill family story, each individual is composed of a complex combination of past-life talents, faults, experiences and relationships. Rather than suggesting that the outcome of the family's twentieth-century life experience was destined because of their family karma, instead the Cayce information provided a much more positive possible outcome had free will simply been turned into more appropriate channels. Had the appropriate choices been made, Samuel might have excelled at music and reawakened his love for structure and even the ministry. In other words, although karmic memory may have predisposed Samuel, Stephen and Eliza to certain impulses and inclinations, that karma did not determine the outcome. It was the apparent misuse of the will that caused the family to fall into some of their negative habit patterns from the past. The Merrills, not karma, determined the direction of their lives one choice and one decision at a time.

It is important to point out that karmic memory itself is not ultimately "good" or "bad" in character, it's simply memory. However, that memory possesses positive and helpful components as readily as it contains negative and destructive ones. That said, much of the information in the Cayce files on family karma seems to be

theo ông khoảng bốn năm sau do ung thư. Bà có một đoạn cuối cuộc đời đầy rối ren và rất đau đớn. Cuối cùng, Samuel qua đời khoảng hai năm trước (tuổi 41) vì bệnh mạch vành. Gia đình Merrill không phải là một nhóm gắn kết, hài hòa hay đồng chất. Đời sống gia đình chịu khá nhiều bất hòa. Dựa trên những việc còn dang dở, tôi cho rằng các thành viên này sẽ gặp lại nhau. Và vì tuổi thơ của tôi đã gắn bó không sao gỡ khỏi với họ, tôi cho rằng tôi cũng rất có thể sẽ cùng chia sẻ với họ trong những đời sống và trải nghiệm tương lai." (1602-1 Hồ sơ Báo cáo)

Như câu chuyện gia đình Merrill cho thấy, mỗi cá nhân được cấu thành bởi một kết hợp phức hợp các tài năng, khuyết điểm, trải nghiệm và mối quan hệ tiền kiếp. Thay vì gờ rằng kết cuộc đời sống thế kỷ hai mươi của gia đình được định sẵn bởi nghiệp gia đình, thông tin Cayce lại đưa ra một khả thể tích cực hơn nhiều nếu như tự do ý chí chỉ cần được chuyển vào những kênh thích đáng hơn. Nếu đưa ra các chọn lựa thích hợp, Samuel có lẽ đã xuất sắc trong âm nhạc và đánh thức lại tình yêu với kỷ cương và thậm chí với chức vụ mục sư. Nói cách khác, dấu ký ức nghiệp có thể đã định thiên hướng Samuel, Stephen và Eliza nghiêng về những xung lực và khuynh hướng nhất định, nghiệp ấy không quyết định kết cuộc. Đường như chính sự lạm dụng ý chí đã khiến gia đình rơi vào một vài mô thức thói quen tiêu cực từ quá khứ. Chính gia đình Merrill, chứ không phải nghiệp, đã quyết định hướng đi của đời mình qua từng chọn lựa và từng quyết định một.

Điều quan trọng cần chỉ ra là ký ức nghiệp quả tự thân rất ráo không "tốt" hay "xấu" về bản chất; đó đơn thuần là ký ức. Tuy vậy, ký ức ấy có những thành tố tích cực và hữu ích cũng tự nhiên như nó bao hàm những yếu tố tiêu cực và phá hoại. Dầu thế, nhiều thông tin trong hồ sơ Cayce về nghiệp quả gia đình có vẻ nghiêng về sự vượt thắng nghiệp quả

slanted toward the overcoming of negative karma, but this is simply due to the fact that individuals did not generally come to Edgar Cayce for help with a positive relationship. The case history of Carol Davis illustrates an individual with a positive karmic memory of her mother and brother, and a more challenging memory of her father:

Carol Davis was a thirteen-year-old girl who received a reading at the request of her father. Described as high-strung, prone to daydream, and somewhat rebellious, Cayce began the reading by suggesting that the information was being provided as a means of being helpful to Carol as well as her parents as they guided, raised and educated their child. He went on to suggest that the girl was extremely imaginative, intuitive and even visionary; unfortunately this trait was being too often “subjugated” by the parents who apparently were trying to curb their daughter’s imagination and direct her mind into more serious pursuits. Cayce’s advice to the couple was to “allow a great deal more of the visions to be expressed by the entity ... give them the opportunity for expression, and not ‘preach at’ the entity!” (2443-1)

When the father asked whether or not his daughter had known other family members previously and whether those associations had been “amicable and pleasant,” the reading responded: “Most of those in the family have been in one or the other period of the entity’s previous sojourns, or some in most every one of them. For, again, remember, as indicated—as ye sow, ye reap; and ye meet individuals in those activities.”

Carol’s relationship with her mother was extremely positive and was essentially a continuation of the same relationship she had once shared with the woman in Macedonia, where her present mother had

tiêu cực, nhưng điều này chỉ do thực tế là người ta thường không tìm đến Edgar Cayce để xin trợ giúp về một mối quan hệ tích cực. Lịch sử ca bệnh của Carol Davis minh họa một người có ký ức nghiệp quả tích cực với mẹ và anh/em trai của mình, và một ký ức thử thách hơn với cha:

Carol Davis là một cô gái mười ba tuổi nhận được một bài đọc theo yêu cầu của cha. Được mô tả là thần kinh căng thẳng, hay mơ mộng và có phần bất phục tùng, Cayce mở đầu bài đọc bằng cách gợi ý rằng thông tin được cung cấp như một phương tiện hỗ trợ cho Carol cũng như cho cha mẹ cô khi các vị hướng dẫn, dưỡng dục và giáo dục con. Ngài tiếp tục gợi ý rằng cô bé vô cùng giàu tưởng tượng, trực giác và thậm chí có tâm nhìn; đáng tiếc là phẩm tính này quá thường xuyên bị cha mẹ “đè nén”, các vị dường như đang cố kiểm chế trí tưởng tượng của con gái và hướng trí óc cô vào những theo đuổi nghiêm cẩn hơn. Lời khuyên của Cayce với đôi vợ chồng là “cho phép thực thể bộc lộ nhiều hơn nữa các thị kiến ... trao cho các thị kiến cơ hội để được biểu đạt, và đừng ‘giảng đạo’ với thực thể!” (2443-1)

Khi người cha hỏi liệu con gái ông có từng biết những thành viên khác trong gia đình trước đây hay không và liệu các mối liên hệ ấy có “hòa nhã và dễ chịu” không, bài đọc đáp: “Phần nhiều những người trong gia đình đã có mặt trong một hay một thời kỳ khác của những lần du hóa trước đây của thực thể, hoặc một vài người hiện diện trong hầu như mọi lần. Vì, hãy nhớ, như đã chỉ ra—gieo gì, gặt nấy; và các người gặp lại những cá nhân trong các hoạt động ấy.”

Mối liên hệ của Carol với mẹ cô cực kỳ tích cực và về căn bản là sự tiếp nối cùng một mối quan hệ cô từng chia sẻ với người phụ nữ ấy ở Macedonia, nơi người mẹ hiện tại cũng từng là mẹ cô. Trái lại, chính kinh nghiệm

also been her mother. Conversely, it was that same Macedonian experience from which frequent challenges with her father arose in the present. Apparently, her father had been some type of city authority or governor and Carol had often sided against him to the point where the two had become enemies. Cayce suggested that their frequent “tiffs” in the present were simply the continuation of the same kind of disagreements they had experienced earlier when each was “being pitted against the other.” From that same past-life experience Carol had often seen her will and her decisions suppressed, oppressed and even ignored because of the fact that she was a woman. It was for that reason, the reading suggested, that Carol would attempt to use her femininity as a means of getting what she wanted instead of allowing the fact that she was a woman to be the obstacle it had once been: “For, the inclination will be to lead the opposite sex ‘on’ ...”

In other incarnations in Atlantis and Persia, Carol had been closely associated with her present-day brother. Obviously, she continued that positive relationship into the present. It was also from the Atlantis lifetime that Carol’s innate emotion of being “high-strung” had first developed. At that time, many people were making preparations to leave the continent because of anticipated destruction and disaster. However, rather than leaving, Carol instead chose to ignore the warnings and ended up remaining behind. Cayce added, “Hence we find latent within the present experience a dread of something, the entity knows not what; a fear of being in that position of not taking the warnings given, and yet rebelling—deep within—self against that of rule ...”

As was often the case, the reading advised the parents to teach and nurture their daughter by example rather than by “preaching at” her, which was part of the karmic memory she shared with her father:

Macedonia đó là nguồn gốc những va chạm thường xuyên với cha cô trong hiện tại. Rõ ràng, cha cô từng là một dạng quyền bính thành thị hay thống đốc, và Carol nhiều phen đứng về phía đối lập đến mức hai người trở thành kẻ thù. Cayce gợi ý rằng những “cãi cọ lật vật” thường xuyên của họ trong hiện tại đơn giản là sự tiếp diễn cùng kiểu bất đồng mà họ từng trải nghiệm trước kia khi mỗi người “bị đặt đối đầu với người kia”. Cũng từ trải nghiệm tiền kiếp ấy, ý chí và các quyết định của Carol nhiều lần bị kìm nén, áp chế và thậm chí bị phớt lờ chỉ vì cô là phụ nữ. Vì lẽ đó, bài đọc gợi ý, Carol sẽ tìm cách dùng nữ tính của mình như một phương tiện để đạt điều cô muốn, thay vì để việc mình là phụ nữ trở thành chướng ngại như nó từng là: “Vì, khuynh hướng sẽ là dẫn dắt giới khác phái ‘theo’ ...”

Trong các lần lâm phạm khác ở Atlantis và Ba Tư, Carol có gắn bó mật thiết với người anh/em trai hiện tại. Hiển nhiên, cô tiếp tục mối liên hệ tích cực ấy vào hiện thời. Cũng từ đời Atlantis mà cảm xúc bẩm sinh “thần kinh căng thẳng” của Carol lần đầu phát triển. Khi ấy, nhiều người đang chuẩn bị rời lục địa vì dự báo về hủy diệt và tai ương. Tuy nhiên, thay vì rời đi, Carol chọn phớt lờ các lời cảnh báo và rớt cuộc ở lại. Cayce bổ sung: “Do đó, chúng ta thấy tiềm ẩn trong trải nghiệm hiện thời một nỗi sợ hãi điều gì đó, thực thể không biết là gì; một nỗi sợ lâm vào tình thế không chịu nghe theo cảnh báo đã ban, và rồi lại phản kháng—sâu thẳm bên trong—chính mình trước những điều thuộc về quy luật ...”

Như thường lệ, bài đọc khuyên cha mẹ hãy dạy dỗ và nuôi dưỡng con gái bằng nêu gương hơn là bằng việc “giảng đạo” với cô, vốn là một phần của ký ức nghiệp quả cô chia sẻ với cha: “Vì, có thể đạt được nhiều hơn

“For, much more may be gained by love and counsel, and pleasantness, than by rebuke ...” They were also encouraged to let her express her imagination, to pursue music, especially singing as a mode of expression, and to allow her to take part in sports, “especially tennis and such as handball, swimming, skating and the like.” By so doing, Carol would be guided in the proper direction and any negative karmic memory she possessed with her father could be overcome.

Keeping in mind that relationships with individuals change throughout a soul’s various incarnations in the earth, very often people have “family karma” from the past with individuals who are not necessarily part of their immediate family in the present. For example, the case history of Robert Carlson demonstrates how individuals from various karmic connections (family and otherwise) are constantly drawn to the evolving soul in the present as a means of dealing with that which had been “sown and reaped” previously.

Robert Carlson was a naval officer stationed in Norfolk, Virginia, when he had his first life reading from Edgar Cayce. Although only twenty-eight at the time, he had already been married and divorced. By his own admission, he frequently found himself drawn to all kinds of women and during the course of two readings he asked about the advisability of marriage to a number of them, their names being Willetta, Lucille, Betty, two Barbaras, Briannon, and a Kathleen. For a time, he and Kathleen were seriously dating and had even discussed the possibility of marriage—a possibility to which Kathleen’s mother and stepfather were strongly opposed. After all, Robert was ten years older than their daughter; he had already been married and divorced, and he seemed to be involved with far too many

bằng tình thương và lời khuyên, và sự dễ chịu, hơn là bằng khiển trách ...” Họ cũng được khuyến khích để cô bộc lộ trí tưởng tượng, theo đuổi âm nhạc, đặc biệt là ca hát như một phương thức biểu đạt, và cho phép cô tham gia thể thao, “nhất là tennis và những môn như bóng ném, bơi lội, trượt băng và tương tự.” Làm như vậy, Carol sẽ được hướng dẫn theo chiều đúng đắn và mọi ký ức nghiệp quả tiêu cực cô mang đối với cha có thể được vượt thắng.

Ghi nhớ rằng các mối liên hệ với những cá nhân thay đổi xuyên suốt nhiều lần lâm phạm của một linh hồn nơi trần thế, rất thường khi người ta có “nghiệp quả gia đình” từ quá khứ với những cá nhân không nhất thiết là thành phần gia đình gần gũi trong hiện tại. Chẳng hạn, lịch sử ca bệnh của Robert Carlson cho thấy các cá nhân từ nhiều mối kết nối nghiệp quả khác nhau (gia đình và ngoài gia đình) liên tục được lôi kéo đến với linh hồn đang tiến hóa trong hiện tại như một phương tiện đối diện với những gì đã “gieo và gặt” trước đây.

Robert Carlson là một sĩ quan hải quân đồn trú ở Norfolk, Virginia, khi ông nhận bài đọc đời sống đầu tiên từ Edgar Cayce. Dù mới hai mươi tám tuổi khi ấy, ông đã từng kết hôn và ly hôn. Chính ông thừa nhận mình thường thấy bị cuốn hút bởi đủ loại phụ nữ và trong hai bài đọc, ông hỏi về khả năng kết hôn với một số người trong họ, các tên là Willetta, Lucille, Betty, hai Barbara, Briannon và một Kathleen. Có thời gian, ông và Kathleen hẹn hò nghiêm túc và thậm chí đã bàn chuyện kết hôn—một khả năng mà mẹ và cha dượng của Kathleen kịch liệt phản đối. Rốt cuộc, Robert lớn hơn con gái họ mười tuổi; ông đã kết hôn và ly hôn, và xem chừng vướng vào quá nhiều phụ nữ.

women.

In his life reading, Robert was told that one of his frailties was his tendency to consort with too many women for the wrong purpose. It was a tendency that had been a part of his soul's nature for thousands of years—a karmic memory that had begun in Atlantis when he had forsaken his own spiritual beliefs in order to satisfy his carnal whims. In the language of the readings: “And these brought inharmony. These brought those periods of mental, physical—yea, spiritual disturbances that continue to be met in itself ... even unto now.” (1776-1)

His attraction to the women he asked about were traced to relationships he had had with each of them in the past, sometimes as relatives, including spouses, siblings, etc., and sometimes as associates and friends. Cayce told him: “These have crossed thy past oft.” Some of the strongest past-life associations with the women he inquired about were as follows:

Willetta had been a close personal friend during Robert's most recent incarnation at the time of the colonization of America. During that lifetime, Robert had been misjudged and essentially outcast for his friendship with the Native American Indians. From that experience, Robert had learned to become somewhat judgmental of others, as well as of himself, and Willetta's acceptance of him from that period was the basic cause of his attraction to her.

The reading suggested that Lucille and he had frequently been together in essentially adversarial roles. The unresolved contention between the two in numerous experiences was the basis for the memory that drew them back together as a means of providing them with the opportunity to overcome the problems that still existed between them.

Trong bài đọc đời sống, Robert được cho biết một trong những yếu kém của ông là khuynh hướng giao du với quá nhiều phụ nữ vì mục đích sai lạc. Đó là một khuynh hướng đã là một phần của bản tính linh hồn ông hàng ngàn năm—một ký ức nghiệp quả bắt đầu ở Atlantis khi ông chối bỏ niềm tin tinh thần của mình để thỏa mãn dục vọng xác thịt. Ngôn ngữ bài đọc: “Và những điều này mang lại bất hòa. Những điều này mang lại những giai đoạn xáo trộn trí tuệ, thể xác—vâng, tinh thần mà thực thể tiếp tục phải đối mặt ... cho đến tận bây giờ.” (1776-1)

Sự hấp dẫn của ông đối với các phụ nữ ông hỏi đến được truy nguyên về các mối liên hệ ông từng có với từng người trong quá khứ, đôi khi là thân thích như vợ/chồng, anh/chị/em v.v., đôi khi là bạn hữu và cộng sự. Cayce nói với ông: “Những người này đã nhiều phen đi ngang quá khứ của người.” Một vài mối liên hệ tiền kiếp mạnh mẽ nhất với các phụ nữ ông hỏi đến như sau:

Willetta từng là người bạn thân tình trong lần lâm phạm gần nhất của Robert vào thời kỳ thuộc địa hóa châu Mỹ. Trong đời ấy, Robert bị xét đoán sai và hầu như bị ruồng bỏ vì tình bạn của ông với người da đỏ bản địa. Từ trải nghiệm đó, Robert học cách trở nên phân nào hay phán xét người khác cũng như chính mình, và sự tiếp nhận ông của Willetta trong giai đoạn ấy là nguyên nhân cơ bản cho sự hấp dẫn ông dành cho cô.

Bài đọc gợi ý rằng Lucille và ông thường xuyên ở bên nhau trong những vai trò đối kháng. Sự tranh chấp chưa giải quyết giữa hai người trong nhiều trải nghiệm là nền tảng cho ký ức kéo họ trở lại với nhau như một phương tiện trao cho họ cơ hội vượt thắng những vấn đề còn tồn tại giữa hai người.

With Betty, he was told he had experienced a variety of relationships. They were drawn together in the present because they had often been in the earth at the same periods in history in places like Colonial America, Rome, Palestine, Persia, Egypt, and Atlantis. That shared soul history caused them to have much in common; however, as the reading stated, their personal, spiritual ideals were “far, far afield,” from one another.

His attraction to Barbara number one was called “quite questionable,” (1776-2) suggesting that the connection was mostly that of a sexual nature. Whereas Barbara number two had been with him during the Colonial America experience, apparently as a close acquaintance. In regards to Briannon, Robert was told to consider her simply “a passing fancy.” In terms of his karmic connection to Kathleen, Cayce gave three periods that were having a direct bearing on the present: Palestine, Persia and Egypt. It was the Persian and Egyptian experiences, however, that were the strongest.

Four months after Robert had asked about her in his reading, Kathleen obtained a reading of her own. She specifically wanted further information on her relationship with Robert and how they could best work out their “individual problems in the present.” (1981-2) She specifically wanted to know whether or not marriage might be the best way to work through their problems, in spite of the objections of her parents.

Cayce told her that the biggest obstacle the two had to overcome was the “weakness of being able to be overpowered by the personality of the other.” That weakness had manifested itself in Persia when, as brother and sister, Robert had apparently convinced her to use her female charms in an effort to entrap a foreign leader. Conversely, in ancient Egypt, Kathleen had been Robert's consort and had essentially pushed him into

Với Betty, ông được cho biết mình đã trải qua nhiều dạng quan hệ. Họ bị hút vào nhau trong hiện tại vì họ thường cùng có mặt nơi trần gian ở những thời kỳ lịch sử giống nhau tại các nơi như nước Mỹ thuộc địa, La Mã, Palestine, Ba Tư, Ai Cập và Atlantis. Lịch sử linh hồn chung ấy khiến họ có rất nhiều điểm tương đồng; tuy nhiên, như bài đọc nói, lý tưởng tinh thần cá nhân của họ lại “cách biệt rất xa” nhau.

Sự hấp dẫn của ông đối với Barbara thứ nhất được gọi là “rất đáng ngờ,” (1776-2) gợi rằng kết nối chủ yếu mang tính xác thịt. Còn Barbara thứ hai từng ở với ông trong trải nghiệm nước Mỹ thuộc địa, dường như là một thân quen gần gũi. Về Briannon, Robert được bảo hãy xem cô chỉ là “một thoáng say mê vụt qua.” Về mối kết nối nghiệp quả của ông với Kathleen, Cayce nêu ba thời kỳ có ảnh hưởng trực tiếp đến hiện tại: Palestine, Ba Tư và Ai Cập. Tuy nhiên, những trải nghiệm ở Ba Tư và Ai Cập là mạnh hơn.

Bốn tháng sau khi Robert hỏi về cô trong bài đọc của ông, Kathleen nhận một bài đọc riêng. Cô muốn thông tin sâu hơn về mối quan hệ của cô với Robert và cách tốt nhất để họ cùng giải quyết “các vấn đề riêng trong hiện tại.” (1981-2) Cô đặc biệt muốn biết liệu kết hôn có thể là cách tốt nhất để cùng vượt qua các vấn đề của họ, bất chấp sự phản đối của cha mẹ cô.

Cayce nói với cô rằng chương ngại lớn nhất hai người phải vượt qua là “yếu đuối vì dễ bị phạm ngã của người kia áp đảo.” Yếu đuối ấy đã biểu hiện ở Ba Tư khi, trong vai anh trai và em gái, Robert dường như thuyết phục cô dùng sự quyến rũ nữ tính của mình để giành lấy một lãnh tụ ngoại bang. Trái lại, ở Ai Cập cổ, Kathleen là ái cơ của Robert và thực chất đã thúc đẩy ông đắm thân vào những hoạt động thiên về tinh thần hơn. Dù hữu ích cho

activities of a more spiritual nature. Although helpful in terms of their joint spiritual growth, it had still involved the use of coercion and control to achieve what she wanted.

With these two experiences in mind, Cayce told Kathleen that “they each desire their own way.” In terms of the couple’s future, the reading assured her that it was a matter of free will. Although their karmic memory (as companions, brother-sister, and other relationships) had drawn them together, what they did with that memory was up to Kathleen and Robert alone. Depending upon their choices, as well as whether or not they worked with spiritual ideals and purposes in their relationship, a marriage between the two could either become “a beautiful companionship” or it could also be “made to the belittling of one or the other.”

As if to confirm her chances of getting married to someone, Kathleen asked if there was someone else who could make her happier than Robert. Cayce replied that there were many individuals that she could end up marrying: “... we might find twenty-five or thirty such, if you chose to make it so! It is what you make it!” In terms of the memory with Robert, he advised: “There is an experience to be worked out, if you want to do it now. If you have to do it sooner or later, you just as well do it now—if you want to.”

Although the couple apparently stayed together for a short while, in the end they did not marry. In time, they went their separate ways. According to notes on file, in spite of the fact that Robert had been told in his readings not to marry until he got out of the service, he did marry while still enlisted. In fact, he married a woman he hadn’t even known or asked about at the time of his readings. That marriage lasted seven years. He eventually divorced and married a third time.

sự tăng trưởng tinh thần chung của họ, điều đó vẫn đáng đáng đến việc dùng sự cưỡng ép và kiểm soát để đạt cái cô muốn.

Ghi nhớ hai trải nghiệm này, Cayce nói với Kathleen rằng “mỗi người đều muốn theo ý mình.” Về tương lai của đôi bạn, bài đọc bảo đảm với cô rằng đó là vấn đề của ý chí tự do. Dù ký ức nghiệp quả (như bạn đồng hành, anh-em, và những mối liên hệ khác) đã kéo họ đến với nhau, họ làm gì với ký ức ấy là tùy thuộc riêng Kathleen và Robert. Tùy theo các chọn lựa của họ, cũng như việc họ có làm việc với các lý tưởng và mục đích tinh thần trong mối quan hệ hay không, hôn nhân giữa hai người có thể trở thành “một tình bạn đẹp đẽ” hoặc cũng có thể “bị biến thành điều làm hạ thấp một trong hai.”

Như để xác nhận khả năng lấy chồng của mình, Kathleen hỏi liệu có ai khác có thể làm cô hạnh phúc hơn Robert không. Cayce đáp rằng có nhiều người cô có thể rất cuộc sẽ kết hôn: “... chúng ta có thể tìm ra hai mươi lăm hay ba mươi người như thế, nếu cô chọn làm như vậy! Chính là điều cô tạo nên!” Về ký ức với Robert, Ngài khuyên: “Có một trải nghiệm cần được giải quyết, nếu cô muốn làm ngay bây giờ. Nếu cô phải làm sớm hay muộn, thì cũng nên làm ngay bây giờ—nếu cô muốn.”

Dù đôi bạn dường như ở bên nhau một thời gian ngắn, rốt cuộc họ không kết hôn. Theo thời gian, họ rẽ lối. Theo ghi chú trong hồ sơ, mặc dù Robert được khuyên trong các bài đọc là không nên kết hôn cho đến khi xuất ngũ, ông vẫn kết hôn khi còn tại ngũ. Thực tế, ông cưới một người phụ nữ mà vào thời điểm nhận các bài đọc, ông thậm chí chưa từng biết hay hỏi đến. Cuộc hôn nhân đó kéo dài bảy năm. Cuối cùng ông ly dị và cưới lần thứ ba.

Kathleen waited until she was twenty-nine to get married. Her report file states that she ended up marrying an engineer, moved to Pennsylvania, had three children, and was very happy. In a follow-up report sent to the Edgar Cayce Foundation in the 1970s, Kathleen reported that she felt she had lived “a very good life.”

As stated previously, it's not that individuals come together as a means of forcing one another to deal with the karma that exists between them, instead that memory essentially resides within each individual alone. It is the relationship interaction that often causes each person to eventually face the karmic memory he or she possesses. A fascinating account of how karmic memory essentially affects the self is told in the story of Sara Peabody.

Sara Peabody was forty-six years old at the time of her Cayce reading. All her life she had been emotionally crippled with an uncontrollable fear of childbirth. By her own admission she had spent years and a fortune going to various doctors in an attempt to become healed of the condition. At her wit's end, she felt discouraged and continued to suffer great mental anguish, compounded by the fact that none of her friends understood such an irrational fear. Having no where else to turn, she eventually sent a request for help to Edgar Cayce. Her letter stated, in part:

I am almost on the eve of insanity and suicide. The most miserable woman on earth and almost a dope fiend. All my life my mother, who had suffered ... [horribly] with birth of 6 six children, talked so much to me about pregnancy that when I married 18 years ago I was so scared of pregnancy that now I am living away from a dear sweet husband because I cannot bear to have him in my sight or near me. I have prayed and tried Psychology, Christian [Science] and

Kathleen đợi đến năm hai mươi chín tuổi mới kết hôn. Hồ sơ báo cáo của cô cho biết cô lấy một kỹ sư, chuyển đến Pennsylvania, có ba con, và rất hạnh phúc. Trong một báo cáo cập nhật gửi Quỹ Edgar Cayce những năm 1970, Kathleen cho biết cô cảm thấy mình đã sống “một cuộc đời rất tốt đẹp.”

Như đã nêu trước đó, không phải con người đến với nhau như một cách cưỡng bức nhau đối diện với nghiệp quả tồn tại giữa họ; trái lại, ký ức ấy chủ yếu cư trú trong từng cá nhân riêng lẻ. Chính sự tương tác trong mối quan hệ thường khiến mỗi người rốt cuộc phải đối mặt với ký ức nghiệp quả mà y sở hữu. Một tường thuật hấp dẫn về việc ký ức nghiệp quả chủ yếu tác động đến tự ngã như thế nào được kể trong câu chuyện của Sara Peabody.

Sara Peabody bốn mươi sáu tuổi vào lúc nhận bài đọc của Cayce. Suốt đời cô bị què quặt về cảm xúc bởi nỗi sợ không thể kiểm soát đối với sinh nở. Cô tự thừa nhận mình đã tiêu tốn nhiều năm và một khoản tiền lớn tìm đến đủ loại bác sĩ để mong chữa lành tình trạng này. Cùng đường, cô cảm thấy chán nản và tiếp tục chịu đựng nỗi thống khổ tinh thần ghê gớm, cộng thêm việc không bạn bè nào hiểu nổi một nỗi sợ phi lý như vậy. Không còn nơi nào để nương nhờ, cuối cùng cô gửi một yêu cầu trợ giúp đến Edgar Cayce. Lá thư của cô viết một phần như sau:

Tôi gần như ở bờ vực điên loạn và tự sát. Người phụ nữ khốn khổ nhất trên đời và hầu như là một kẻ nghiện thuốc. Suốt đời tôi, mẹ tôi, người đã chịu đựng ... [kinh khủng] khi sinh 6 sáu đứa con, đã nói quá nhiều với tôi về thai nghén đến mức khi tôi kết hôn 18 năm trước tôi đã sợ mang thai đến nỗi giờ tôi đang sống xa một người chồng hiền yêu quý vì tôi không thể chịu nổi khi thấy anh ấy hoặc anh ấy ở gần tôi. Tôi đã cầu nguyện và thử Tâm lý học, Christian [Science] và Unity

Unity all to no avail. Do you think there is any hope for me. I wanted children and LOVED my husband but was so scared of sexual intercourse and now am worse than ever and as I say ready for suicide which I had planned this week when your booklet came and I am now begging in a hopeless, pitiful way for help—I am so melancholy all the time that suicide will have to come unless a ray of hope appears soon. If in any way you can help me PLEASE, PLEASE ANSWER IMMEDIATELY for I am suffering tortures.

4286-1 Report File

In order to assist Sara with her problem, Cayce first outlined a series of physical measures, as her longstanding nerves and anxiety had apparently created problems within her physical body, making the situation even worse. She was advised that she needed to get away and learn to relax—the readings even recommended a sanitarium. Other recommendations included a change of diet and exercise, prayer, osteopathy, and aromatherapy, as a means of learning to relax.

Having had previous experiences in a sanitarium, Sara refused to go to another one. However, she thought a life reading outlining the karmic reasons for her fear might be helpful. Cayce agreed to help, stating, “for I assure you I want to be of help if possible. You are worth all the time and effort that I can possibly give, to get you set aright about this.” The reading was acquired a short time thereafter and began describing Sara’s most recent past life, as follows: “In the one before this we find in those days when the first settlers came into this land. The entity was then among those who gave in the development of those lands, and came among those first settlers ... ” (4286-3)

nhưng đều vô hiệu. Ông có nghĩ rằng có hy vọng nào cho tôi không. Tôi muốn có con và YÊU chồng nhưng tôi quá sợ chuyện giao hợp và giờ còn tệ hơn bao giờ hết và như tôi nói, sẵn sàng tự sát, điều mà tôi đã lên kế hoạch trong tuần này khi cuốn sách nhỏ của ông đến và giờ tôi đang van xin một cách tuyệt vọng, đáng thương để được giúp đỡ—tôi u uất suốt đến mức tự sát sẽ phải xảy ra trừ khi một tia hy vọng sớm xuất hiện. Nếu bằng bất kỳ cách nào ông có thể giúp tôi XIN, XIN HÃY TRẢ LỜI NGAY LẬP TỨC vì tôi đang chịu những cực hình.

Hồ sơ Báo cáo 4286-1

Để hỗ trợ Sara với vấn đề của cô, Cayce trước hết phác thảo một loạt biện pháp thể chất, vì các chứng dây thần kinh lâu năm và lo âu dường như đã tạo ra vấn đề trong thân thể cô, làm tình hình tệ hơn. Cô được khuyên cần rời xa để học cách thư giãn—bài đọc thậm chí đề nghị một dưỡng đường. Các khuyến nghị khác gồm thay đổi chế độ ăn và vận động, cầu nguyện, nắn chỉnh xương và hương liệu trị liệu như một phương tiện học cách thư giãn.

Vì từng có trải nghiệm ở dưỡng đường, Sara từ chối đến thêm một nơi nữa. Tuy nhiên, cô nghĩ một bài đọc đời sống phác họa những lý do nghiệp quả cho nỗi sợ của cô có thể hữu ích. Cayce đồng ý giúp, nói rằng: “vì tôi quả quyết tôi muốn giúp nếu có thể. Cô đáng giá với tất cả thời gian và nỗ lực mà tôi có thể dành, để giúp cô được chỉnh đốn về việc này.” Bài đọc được thực hiện không lâu sau đó và bắt đầu mô tả tiền kiếp gần nhất của Sara như sau: “Trong lần trước ngay trước lần này, chúng ta thấy vào những ngày các người định cư đầu tiên đến mảnh đất này. Thực thể khi ấy thuộc về những người đã góp phần vào sự phát triển của những vùng đất ấy, và đến giữa những người định cư đầu tiên ... ” (4286-3)

The reading went on to state that during that incarnation Sara had experienced the worst fate a mother could endure: she had been witness to all of her children being taken and apparently burned alive by those who were not happy with the arrival of settlers to the continent. The reading suggested that the experience had caused her to become wrathful with God for not protecting her children. The agony and torment of that experience had also caused her to vow never again to endure such personal pain. Apparently, the karmic memory of witnessing her children's death had caused her to be fearful of childbirth as a means of not having to ever again experience a similar loss. At long last, Sara had a rational explanation for her irrational fear.

The reading went on to suggest that, because of this horrendous experience, Sara often sabotaged herself and her own happiness, frequently preventing herself from obtaining goals or those things that she desired out of fear, that if they were obtained, they would simply be taken away from her. She was encouraged to redirect her energies (and her self-directed fear) into serving others. Although the particular kind of service was up to Sara, she was encouraged to help others who had lost their way to find their own relationship with the divine; in so doing she was assured that she would find her self. In the process, she would "bring joy, peace, comfort, to others, [and] pleasure to self." By following this approach, Sara could at last bring healing to the karmic memory that she had longed to heal within herself.

In addition to family relationships providing a means for the meeting of karmic memory within the self, the readings frequently pointed out examples of how various souls had been drawn back together in order to provide a helpful influence in terms of soul growth and personal

Bài đọc tiếp tục cho biết trong kiếp đó, Sara đã trải qua số phận tệ hại nhất mà một người mẹ có thể chịu: cô chứng kiến tất cả các con bị bắt và dường như bị thiêu sống bởi những kẻ không hài lòng với sự xuất hiện của những người định cư trên lục địa. Bài đọc gợi ý rằng trải nghiệm ấy đã khiến cô nổi giận với Thượng đế vì Ngài không bảo vệ các con cô. Nỗi thống khổ và dày vò của trải nghiệm đó cũng khiến cô thể sẽ không bao giờ chịu đựng nỗi đau cá nhân ấy nữa. Rõ ràng, ký ức nghiệp quả về việc chứng kiến cái chết của các con đã khiến cô sợ sinh nở như một phương cách để không bao giờ phải trải qua một mất mát tương tự nữa. Sau cùng, Sara có một lời giải thích hợp lý cho nỗi sợ phi lý của mình.

Bài đọc còn gợi ý rằng, vì trải nghiệm kinh hoàng ấy, Sara thường tự phá hoại chính mình và hạnh phúc của mình, thường xuyên ngăn bản thân đạt được những mục tiêu hay những điều mình mong muốn vì sợ rằng nếu đạt được, chúng sẽ bị lấy khỏi cô. Cô được khuyến khích chuyển hướng năng lượng (và nỗi sợ do chính mình gây nên) vào việc phụng sự người khác. Dù loại phụng sự nào là tùy Sara, cô được khích lệ giúp những người đã lạc lối tìm lại mối liên hệ riêng của họ với Đấng Thiêng liêng; khi làm vậy, cô được bảo đảm sẽ tìm thấy chính mình. Trong quá trình ấy, cô sẽ "mang lại niềm vui, bình an, an ủi cho người khác, [và] niềm vui cho bản thân." Theo đường hướng này, Sara rất cuộc có thể đem sự chữa lành đến ký ức nghiệp quả mà cô khao khát được chữa lành trong chính mình.

Bên cạnh việc các mối quan hệ gia đình cung cấp một phương tiện để gặp gỡ ký ức nghiệp quả trong tự ngã, các bài đọc thường xuyên nêu những ví dụ về việc các linh hồn khác nhau được kéo trở lại với nhau nhằm mang đến ảnh hưởng hữu ích cho sự tăng trưởng linh hồn và chuyển hóa cá nhân. Chẳng hạn,

transformation. For example, when Evelyn Carter asked Edgar Cayce about the past-life origin of her closeness to her granddaughter Donna, Cayce replied that it was simply a continuation of the relationship they had shared in Persia.

During that incarnation, Evelyn had been Donna's mother and the two had experienced a great deal of personal spiritual growth by their involvement in a movement that would eventually become the Zoroastrian religion. The helpfulness of that influence resided as a soul memory for both grandmother and granddaughter.

When Evelyn inquired as to how she could best assist and guide her granddaughter in the present, the reading explained that in various incarnations the girl had acquired the tendency to be somewhat lazy and was prone to putting things off or just doing enough to get by. Part of the reason that the two had been drawn back together was so that Evelyn could help her granddaughter overcome her laziness and reawaken the spiritual longing that had once been a part of their joint soul history (1391-1 and 1401-1).

Because free will remains the strongest component in any relationship, however, a less-than-desirable outcome in the bringing of two souls back together can be seen in the example of a husband and wife that came to Edgar Cayce in 1942 and obtained life readings. During the course of the wife's reading, she asked how her husband might assist her in her career—she was an actress and he was a radio station manager. During the course of the husband's reading, he inquired about the karmic connections between them.

Cayce outlined a series of lifetimes for each of them—apparently the two had been together in a variety of relationships. Cayce also suggested that each possessed innate talents and faults that would impact their

when Evelyn Carter asked Edgar Cayce about the past-life origin of her closeness to her granddaughter Donna, Cayce replied that it was simply a continuation of the relationship they had shared in Persia.

Trong lần lâm phạm ấy, Evelyn là mẹ của Donna và hai người đã trải nghiệm một mức độ lớn lao của tăng trưởng tinh thần cá nhân bằng sự dấn thân vào một phong trào mà rồi sẽ trở thành tôn giáo thờ lửa Zoroastrian. Sự hữu ích của ảnh hưởng đó cư ngụ như một ký ức linh hồn cho cả bà lẫn cháu.

Khi Evelyn hỏi bà có thể trợ giúp và hướng dẫn cháu gái tốt nhất ra sao trong hiện tại, bài đọc giải thích rằng trong nhiều lần lâm phạm, cô bé hình thành khuynh hướng có phần lười biếng và hay trì hoãn hoặc chỉ làm đủ để đối phó. Một phần lý do hai người được kéo trở lại với nhau là để Evelyn có thể giúp cháu vượt thắng tính lười và đánh thức lại khát vọng tinh thần từng là một phần của lịch sử linh hồn chung của họ (1391-1 và 1401-1).

Tuy nhiên, vì ý chí tự do vẫn là thành tố mạnh nhất trong mọi mối quan hệ, một kết cục kém mong muốn trong việc đưa hai linh hồn trở lại có thể thấy trong ví dụ của một đôi vợ chồng đến gặp Edgar Cayce năm 1942 và nhận các bài đọc đời sống. Trong bài đọc của người vợ, bà hỏi chồng có thể trợ giúp bà thế nào trong sự nghiệp—bà là diễn viên còn ông là quản lý đài phát thanh. Trong bài đọc của người chồng, ông hỏi về các mối kết nối nghiệp quả giữa hai người.

Cayce nêu một loạt tiền kiếp cho mỗi người—rõ ràng hai người từng ở bên nhau trong nhiều mối liên hệ. Cayce cũng gợi rằng mỗi người đều có sẵn các tài năng và khiếm khuyết sẽ tác động đến đời sống họ trong

lives in the present. In the husband's case, he was a brilliant conversationalist and had been trained in past-lives as a professional speaker; it was a talent he was encouraged to pick up in the present. In terms of his shortcomings, he was told that he had the tendency to lose control of himself and his anger far too easily. Conversely, the wife was informed that she had a flair for the dramatic arts and possessed an excellent singing and speaking voice. In terms of her shortcomings, she was prone to be critical of others, as well as moody and self-condemning.

Their readings suggested that the lifetime having the greatest impact on them in the present came from a sojourn in ancient Rome. At the time, the husband had been a servant and speechwriter who pitied himself for his station in life. During that period the wife had been a man and a professional speaker and actor. Apparently the husband had served his present wife in something of a slave-master capacity and there existed some unresolved karmic memory between the two from that experience that needed to be worked through in the present. The reading counseled them: "... there are those things in the present to be met from that sojourn." (2706-1) When the husband inquired how they might constructively work on their karma, Cayce suggested that they work with the idea that ultimately "each is a complement to the other," even in terms of their careers. The wife was encouraged to allow her husband to assist her as an instructor in speaking and voice, much as he had done previously in Rome. When she asked what she could do to make her marriage a "lasting success," Cayce advised: "Know that it is a fifty-fifty proposition. Don't build it on 'What may I get?' but rather on 'What may I give?'" (2655-1)

Unfortunately, in spite of the fact that the couple was counseled about their past lives,

hiện tại. Về phía người chồng, ông là một nhà đàm luận xuất sắc và từng được đào luyện trong các tiền kiếp như một diễn giả chuyên nghiệp; đó là tài năng ông được khuyến khích tiếp tục trong hiện tại. Về khiếm khuyết, ông bị cho là dễ đánh mất tự chủ và cơn giận của mình quá dễ dàng. Ngược lại, người vợ được cho biết bà có khiếu nghệ thuật kịch và có giọng hát, giọng nói tuyệt hảo. Về khiếm khuyết, bà có xu hướng chỉ trích người khác, cũng như u uất và tự kết án.

Các bài đọc gợi rằng lần lâm phạm có ảnh hưởng lớn nhất lên họ trong hiện tại đến từ một chuyến du hóa ở La Mã cổ. Khi ấy, người chồng là một gia nô và người viết diễn văn, tự thương thân vì thân phận. Trong giai đoạn đó, người vợ là nam giới và là một diễn giả, diễn viên chuyên nghiệp. Rõ ràng người chồng đã phục vụ người vợ hiện tại của mình trong một dạng quan hệ chủ-nô và tồn tại một ký ức nghiệp quả chưa giải quyết giữa hai người từ trải nghiệm đó cần được làm việc qua trong hiện tại. Bài đọc khuyên họ: "... có những điều trong hiện tại cần được đối diện từ chuyến du hóa ấy." (2706-1) Khi người chồng hỏi họ có thể xây dựng nghiệp quả một cách tích cực thế nào, Cayce gợi rằng họ làm việc với ý tưởng rất rõ ràng "mỗi người là sự bù đắp cho người kia," ngay cả trong phương diện sự nghiệp. Người vợ được khích lệ cho phép chồng phụ giúp bà như một người hướng dẫn về diễn thuyết và giọng nói, như ông từng làm ở La Mã. Khi bà hỏi bà có thể làm gì để khiến cuộc hôn nhân trở thành "thành công bền vững," Cayce khuyên: "Hãy biết rằng đó là một phương trình năm mươi-năm mươi. Đừng xây trên 'Tôi có thể nhận được gì?' mà hãy trên 'Tôi có thể cho gì?'" (2655-1)

Đáng tiếc, bất chấp việc đôi vợ chồng được khuyên bảo về các tiền kiếp, các kết nối

their karmic connections and their respective strengths and weaknesses, they were unable to remain together and they eventually divorced. It's impossible to ascertain how much of the husband's temper or how much of the wife's critical nature led to the downfall of their marriage. What we can know for certain, however, is that whatever negative karmic memory remained or was created in their most recent life together will need to be worked through at some point in the future because life is a completely lawful experience.

Part of the lawfulness of life is the fact that there is a meaningful intent within the dynamic of every family relationship. To be sure, because of the nature of free will, each soul does not necessarily make the best use of that intent in terms of life choices. Ultimately, however, all families are drawn together for the purpose or with the intention of helping each individual become a better person. Sometimes that help might come through a positive relationship, such as a supportive spouse whose actions and nurturing guidance encourages her or his partner to become all that the individual was meant to be. Conversely, a negative relationship such as having a critical parent might enable the child to eradicate any similar patterns from within him or herself. With this in mind, even the most difficult relationship can ultimately be helpful in terms of soul growth and personal transformation.

Edgar Cayce believed that every aspect of family karma was simply the soul meeting itself. Throughout history all individuals have experienced both positive and negative relationships with every person in their families. Those relationships leave a residue of memory within the self—a memory that must be dealt with and transformed in the soul's ongoing process of evolving consciousness. It is not that individuals encounter family karma as a punishment,

ngiệp quả và những mạnh–yếu tương ứng, họ vẫn không thể ở lại với nhau và rút cuộc ly hôn. Không thể xác định chính xác cơn nóng giận của người chồng hay tính hay chỉ trích của người vợ đã dẫn đến sự đổ vỡ đến mức nào. Điều chúng ta có thể biết chắc là mọi ký ức nghiệp quả tiêu cực còn lại hoặc được tạo ra trong đời sống gần nhất bên nhau của họ sẽ cần được làm việc qua vào một thời điểm nào đó trong tương lai vì đời sống là một trải nghiệm hoàn toàn theo định luật.

Một phần tính hợp luật của đời sống là thực tế rằng có một chủ ý đầy ý nghĩa bên trong động lực của mọi mối quan hệ gia đình. Chắc chắn, bởi bản chất của ý chí tự do, mỗi linh hồn không nhất thiết tận dụng tốt nhất chủ ý ấy trong các chọn lựa đời sống. Tuy nhiên, rất rõ ràng, mọi gia đình được kéo lại với nhau nhằm mục đích hoặc với ý định giúp mỗi cá nhân trở thành một con người tốt hơn. Đôi khi sự trợ giúp ấy có thể đến qua một mối quan hệ tích cực, như một người phối ngẫu nâng đỡ, có hành động và sự dịu dàng nuôi dưỡng khích lệ bạn đời trở thành tất cả những gì người ấy được định là. Trái lại, một mối quan hệ tiêu cực như có cha mẹ hay chỉ trích có thể giúp đứa trẻ loại bỏ những mô thức tương tự từ trong chính mình. Với nhận thức này, ngay cả mối quan hệ khó khăn nhất rốt cuộc cũng có thể hữu ích cho tăng trưởng linh hồn và chuyển hóa cá nhân.

Edgar Cayce tin rằng mọi phương diện của nghiệp quả gia đình chỉ đơn giản là linh hồn gặp chính mình. Xuyên suốt lịch sử, mọi cá nhân đều đã trải nghiệm cả mối quan hệ tích cực lẫn tiêu cực với mọi người trong gia đình họ. Những mối quan hệ ấy để lại một cặn ký ức trong tự ngã—một ký ức phải được đối diện và chuyển hóa trong tiến trình liên tục của linh hồn nhằm phát triển tâm thức. Không phải các cá nhân đụng độ nghiệp quả gia đình như một hình phạt, mà là họ chọn

rather it is that they choose to work through that memory and heal it so that they can eventually learn to love everyone in the same manner that the Creator loves—unconditionally. Ultimately, what may be most astonishing about the Cayce information on family karma is what it suggests about the soul's deep connection to all other beings, the state of awareness that is the destiny of each and every soul, and the inevitability of the soul's ultimate relationship with the Creator.

làm việc qua ký ức đó và chữa lành nó để rồi rốt cuộc có thể học cách yêu thương mọi người theo cùng một cách mà Đấng Sáng Tạo yêu thương—vô điều kiện. Sau cùng, điều có lẽ gây kinh ngạc nhất về thông tin Cayce liên quan nghiệp quả gia đình là điều nó gợi mở về mối liên kết thâm sâu của linh hồn với mọi hữu thể khác, về trạng thái nhận biết là định mệnh của từng linh hồn, và về tính tất yếu của mối quan hệ rất ráo giữa linh hồn và Đấng Sáng Tạo.



2

Karmic Relationships with a Spouse—Các Mối Quan Hệ Nghiệp Quả với Người Phối Ngẫu

For, they are necessary one to the other in filling those purposes for which their activities are in this present experience.

As to application, this must be according to the choice of each. They should be cooperative, one with another.

The way ye know. The application ye must make. 849-60

Vì, họ cần thiết cho nhau trong việc làm trọn những mục đích mà các hoạt động của họ trong trải nghiệm hiện tại hướng đến.

Về áp dụng, điều này phải tùy theo chọn lựa của mỗi người. Họ nên hợp tác, người này với người kia.

Con đường các người biết. Sự áp dụng các người phải thực hiện. 849-60



The Edgar Cayce readings suggest that souls are drawn together on account of their past-life connections and because they have the opportunity to learn from one another in the present. In terms of marriage, rather than presenting the idea that there is one perfect “soul mate” for each person, the readings suggest instead that individuals possess many soul mates. In fact, soul mate relationships can manifest between couples, between parents and children, between various family members, and between friends or even enemies. Actually, any individual with whom there is an intense emotional connection (positive or negative)

Các bài đọc của Edgar Cayce gợi rằng các linh hồn được kéo đến với nhau vì các mối liên hệ tiền kiếp và vì họ có cơ hội học hỏi lẫn nhau trong hiện tại. Về hôn nhân, thay vì đưa ra ý tưởng rằng có một “bạn hồn” hoàn hảo dành cho mỗi người, các bài đọc lại gợi rằng cá nhân có nhiều bạn hồn. Thực tế, các mối quan hệ bạn hồn có thể biểu hiện giữa các cặp đôi, giữa cha mẹ và con cái, giữa các thành viên gia đình khác nhau, và giữa bạn bè hoặc thậm chí kẻ thù. Thực ra, bất kỳ cá nhân nào với whom có một kết nối cảm xúc mãnh liệt (tích cực hoặc tiêu cực) rất có khả năng là một bạn hồn, với người đó tồn tại một mối liên hệ vì sự tăng trưởng và phát triển hỗ

is in all likelihood a soul mate with whom there is a relationship for mutual growth and development.⁶ With this in mind, any marriage generally entails the coming together of “soul mates.”

During the period that Cayce was giving readings, literally hundreds of couples sought and received relationship advice. There were individuals who came as a means of trying to gain insight or understanding as to why a certain situation had occurred in their marriage. Others sought counsel that could help them in experiencing a mutually beneficial relationship. On occasion there were those who inquired about marrying a specific individual. In the most difficult of situations, some looked for guidance as to the advisability of a separation or a divorce. Taken together, the Edgar Cayce information on marriage present basic recommendations for an ideal marriage, just as they contain guidance in terms of the rationale for divorce.

As far as recommendations for a helpful marriage, the readings suggest several principles that need to be at the heart of any mutually beneficially relationship: (1) marriage is a 50/50 proposition; (2) individuals in a marriage need to establish a “unity of purpose” (e.g., what are we trying to achieve in this relationship?); and, (3) selflessness rather than selfishness is necessary for both individuals. When a twenty-eight-year-old lawyer and his fiancée sought relationship guidance in order to achieve their “desires for matrimonial happiness and successful lives,” Cayce gave the couple a definition of love—a love that would enable them to keep their marriage alive:

Remember each, love is giving; it is a growth. It may be cultivated or it may be seared. That of selflessness on the part of each is

tương.6 Với nhận thức này, bất kỳ cuộc hôn nhân nào nói chung cũng bao hàm sự hội tụ của “bạn hôn.”

Trong thời kỳ Cayce thực hiện các bài đọc, có hàng trăm cặp đôi tìm kiếm và nhận lời khuyên về mối quan hệ. Có những người đến để cố gắng nắm bắt hoặc hiểu vì sao một tình huống nào đó đã xảy ra trong hôn nhân của họ. Những người khác tìm kiếm lời khuyên có thể giúp họ trải nghiệm một mối quan hệ cùng lợi ích. Đôi khi có những người hỏi về việc kết hôn với một cá nhân cụ thể. Trong những tình huống khó khăn nhất, có người mong tìm chỉ dẫn về tính thích đáng của việc ly thân hoặc ly hôn. Tổng thể mà xét, thông tin Edgar Cayce về hôn nhân trình bày những khuyến nghị căn bản cho một hôn nhân lý tưởng, đồng thời chứa đựng chỉ dẫn về lý do cho việc ly hôn.

Về các khuyến nghị cho một hôn nhân hữu ích, các bài đọc gợi vài nguyên tắc cần phải nằm ở trọng tâm của bất kỳ mối quan hệ hỗ tương lợi ích nào: (1) hôn nhân là một phương trình 50/50; (2) những người trong hôn nhân cần thiết lập một “sự hợp nhất về mục đích” (ví dụ: chúng ta đang cố đạt điều gì trong mối quan hệ này?); và (3) vị tha thay vì ích kỷ là điều cần thiết cho cả hai. Khi một luật sư hai mươi tám tuổi và vị hôn thê tìm lời khuyên mối quan hệ để đạt “mong ước về hạnh phúc lứa đôi và cuộc sống thành đạt,” Cayce trao cho đôi bạn một định nghĩa về tình yêu—một tình yêu giúp họ giữ cho hôn nhân luôn sống động:

Hãy nhớ mỗi người, tình yêu là cho đi; nó là sự tăng trưởng. Nó có thể được nuôi dưỡng hoặc có thể bị thiêu rụi. Sự vô kỷ nơi mỗi

necessary. Remember, the union of body, mind and spirit in such as marriage should ever be not for the desire of self but as one. Love grows; love endures; love forgiveth; love understands; love keeps those things rather as opportunities that to others would become hardships.

Then, do not sit still and expect the other to do all the giving, nor all the forgiving; but make it rather as the unison and the purpose of each to be that which is a complement one to the other, ever.

939-1

Generally, when individuals sought help because of a difficult marital relationship, Edgar Cayce provided counsel that described the karmic memory that created the situation in the first place, as well as advice for working through and healing the problem in the present. Most often, the readings did not recommend divorce, as it was seen as simply a postponement of a lesson or a situation that would eventually need to be faced. However, there were occasions when divorce or separation was recommended. Individuals were advised to end their relationship if one of the following was occurring in their marriage: (1) if the individual was in physical, mental or spiritual danger by remaining with the other person; (2) when two people had come together and each had overcome what required to be worked out together; and, (3) when one individual had overcome the lesson and the other refused to. For example, on one occasion a fifty-three-year-old woman was encouraged to follow-through on a divorce and told: "thy usefulness one to another has passed." (3179-1)

In another instance, a forty-seven-year-old housewife was reassured that she had apparently met the karmic memory created

người là cần thiết. Hãy nhớ, sự hợp nhất của thân, trí và tinh thần trong hôn nhân phải luôn không phải vì dục vọng của riêng mình mà là như một. Tình yêu lớn lên; tình yêu bền bỉ; tình yêu tha thứ; tình yêu thấu hiểu; tình yêu giữ những điều với nhau như những cơ hội mà đối với kẻ khác sẽ trở thành gian khổ.

Vậy, đừng ngồi yên và trông đợi người kia làm hết việc cho đi, hay hết thấy sự tha thứ; mà hãy biến nó thành sự hòa điệu và mục đích của mỗi người để trở nên điều bù đắp cho người kia, luôn luôn.

939-1

Nói chung, khi người ta tìm trợ giúp vì một mối quan hệ hôn nhân khó khăn, Edgar Cayce đưa lời khuyên mô tả ký ức nghiệp quả đã tạo ra tình huống ngay từ đầu, đồng thời đưa ra chỉ dẫn để làm việc qua và chữa lành vấn đề trong hiện tại. Phần nhiều, các bài đọc không khuyến nghị ly hôn, vì điều đó được xem chỉ là sự hoãn lại một bài học hoặc một tình huống rất cuộc vẫn cần được đối diện. Tuy nhiên, có những lúc ly hôn hoặc ly thân được khuyến nghị. Người ta được khuyến khích chấm dứt mối quan hệ nếu một trong những điều sau xảy ra trong hôn nhân: (1) nếu cá nhân gặp nguy hại về thể chất, tinh thần hoặc tinh thần khi ở lại với người kia; (2) khi hai người đã đến với nhau và mỗi người đã vượt qua điều cần phải làm việc chung; và (3) khi một người đã vượt qua bài học còn người kia thì từ chối. Ví dụ, có lần một phụ nữ năm mươi ba tuổi được khuyến khích theo đuổi việc ly hôn và được nói: "ích dụng của các người đối với nhau đã qua." (3179-1)

Trong một trường hợp khác, một nội trợ bốn mươi bảy tuổi được trấn an rằng bà dường như đã gặp ký ức nghiệp quả được tạo ra

in her most recent past life with her husband. In spite of the fact that the marriage had failed and was predicted to come to an end within the year, Cayce reassured her when she asked the question, “Has the karmic debt between us been paid during our 19 years of marriage?” He replied, “Been paid—and more.” (1554-2) Connecting this meeting of self with her own soul growth, the reading added: “Then, the retardment or advancement of each soul—as this entity—depends upon how well it comprehends or applies its understanding.”

Conversely, the case of a thirty-seven-year-old accountant named Jerry suggested that divorce was not yet an option as there was still more to learn. Jerry and his wife had been having problems and had even discussed the possibility of divorce. It was the second marriage for each of them, and a series of financial and emotional challenges had put them in a state of turmoil. Cayce suggested that in previous lives the two of them had encountered one another on numerous occasions, most recently in the eighteenth century. Then his present-day wife had been something of a bar moll and loose woman who often sought out “a good time.” Jerry had apparently been a rancher that had left his wife to be with her. The couple was told that the feelings and problems they were experiencing in the present were simply the karmic response to their past relationship. Rather than thinking that their marriage had been a mistake, they were encouraged to know that is was, “not of chance but a purposeful experience for each ...” Cayce went on to say:

... each may be a helpmeet one to the other in attaining and gaining such an understanding of the purposes for that meeting, that association, as to attain the correct concept of the purpose of their incoming or entrance into this material experience.

trong tiền kiếp gần nhất với chồng. Bất chấp thực tế hôn nhân đổ vỡ và được dự báo sẽ kết thúc trong vòng một năm, Cayce trấn an bà khi bà hỏi: “Nợ nghiệp giữa chúng tôi đã được trả trong 19 năm hôn nhân chứ?” Ngài đáp: “Đã trả—và còn hơn thế.” (1554-2) Kết nối cuộc gặp gỡ với chính mình này với sự tăng trưởng linh hồn của bà, bài đọc thêm: “Vậy thì, sự trì trệ hay thăng tiến của mỗi linh hồn—như thực thể này—tùy thuộc vào mức độ nó lĩnh hội hay áp dụng sự thấu hiểu của mình.”

Trái lại, trường hợp của Jerry, một kế toán ba mươi bảy tuổi, gợi rằng ly hôn chưa phải là lựa chọn vì còn nhiều điều để học. Jerry và vợ gặp vấn đề và thậm chí đã bàn đến khả năng ly hôn. Đây là cuộc hôn nhân thứ hai của cả hai, và một loạt khó khăn tài chính và cảm xúc đã đặt họ trong tình trạng rối ren. Cayce gợi rằng trong những đời trước hai người từng gặp nhau nhiều lần, gần đây nhất vào thế kỷ mười tám. Khi ấy, người vợ hiện tại là một cô đào quán rượu lăng lợ, thường tìm kiếm “một cuộc vui.” Jerry dường như là một chủ trại bỏ vợ để đến với cô ta. Đôi bạn được cho biết những cảm xúc và vấn đề họ đang trải nghiệm trong hiện tại đơn thuần là phản ứng nghiệp quả với mối quan hệ trong quá khứ. Thay vì nghĩ rằng cuộc hôn nhân của họ là sai lầm, họ được khuyến khích hiểu rằng nó, “không phải ngẫu nhiên mà là một trải nghiệm có chủ đích cho mỗi người ...” Cayce nói tiếp:

... mỗi người có thể là bạn trợ giúp cho người kia trong việc đạt và giành được sự thấu hiểu về các mục đích cho cuộc gặp gỡ ấy, mối liên hệ ấy, để đạt quan niệm đúng về mục đích của việc họ nhập vào hay bước vào trải nghiệm vật chất này.

Know that this has not been completed in the present, and thus is to be met in each!

Then why not now?

1650-2

In every instance, rather than seeing challenges in relationships as some kind of punishment, the readings instead suggest that these difficulties are simply the lawful meeting of individual memory within each individual. Cayce's advice to couples was to see self as being ultimately responsible and not the other individual as being the source of blame: "They each are faced with themselves! It is nothing but themselves they are faced with!" (1173-11)

Another very interesting example of karma is the case of Walter Youngston, a thirty-four-year-old attorney who sought relationship advice in the form of an Edgar Cayce life reading. Married to his wife, Susan, for ten years, about seven years into their marriage his wife had begun going out and having "clandestine" relationships with other men. Later, Walter began having an affair of his own with a woman named Frances, with whom he was now in love. When Susan found out about the affair, her response was to disavow any further affairs of her own and profess her "renewed love" for her husband. Walter's essential reason for having the reading was the following question: "Should I try to rebuild my married life with my present wife or separate from her and agree to a divorce ... Should I then marry Frances ...?" The conflicting emotions Walter felt about the situation are evident in the fact that over the next 2½ years he would obtain three readings about the problem.

The first reading discussed the past-life experience most responsible for creating the karmic experience essentially as follows:

Hãy biết rằng điều đó chưa hoàn tất trong hiện tại, và như thế là điều mỗi người phải đối diện!

Vậy tại sao không phải là bây giờ?

1650-2

Trong mọi trường hợp, thay vì xem những thách thức trong mối quan hệ như một dạng hình phạt, các bài đọc lại gợi rằng các khó khăn này đơn thuần là sự gặp gỡ hợp luật của ký ức cá nhân trong mỗi con người. Lời khuyên của Cayce dành cho các cặp đôi là hãy xem tự ngã là chịu trách nhiệm sau cùng chứ không phải người kia là nguồn cơn để đổ lỗi: "Mỗi người đang đối mặt với chính mình! Họ chẳng đối mặt với gì khác ngoài chính họ!" (1173-11)

Một ví dụ rất đáng chú ý khác về nghiệp quả là trường hợp Walter Youngston, một luật sư ba mươi bốn tuổi, tìm lời khuyên mối quan hệ qua một bài đọc đời sống của Edgar Cayce. Kết hôn với vợ là Susan mười năm, khoảng bảy năm sau cưới, vợ ông bắt đầu ra ngoài và có các mối quan hệ "lén lút" với người đàn ông khác. Sau đó, Walter bắt đầu một mối tình của riêng mình với một phụ nữ tên Frances, người ông nay đã yêu. Khi Susan phát hiện chuyện ngoại tình, phản ứng của bà là chối bỏ mọi mối quan hệ nào nữa và bày tỏ "tình yêu đổi mới" dành cho chồng. Lý do cốt lõi Walter xin bài đọc là câu hỏi: "Tôi có nên cố gắng xây dựng lại đời sống hôn nhân với người vợ hiện tại hay ly thân với cô ấy và đồng ý ly hôn ... Vậy tôi có nên cưới Frances ...?" Những xung đột cảm xúc Walter cảm thấy về tình huống này hiển hiện ở chỗ trong 2½ năm sau đó ông sẽ nhận ba bài đọc về vấn đề này.

Bài đọc đầu mô tả trải nghiệm tiền kiếp chịu trách nhiệm nhất cho việc tạo ra tình huống nghiệp quả, đại thể như sau: Trong thời kỳ

During the period when the Israelites wandered the desert for 40 years, Walter had been a member of the tribe and once again the husband of Susan, his lawful wife. Rather than strictly following the laws of the Israelite community, however, Walter instead fell into lust with a “heathen” woman. As a result, he effectively “put away” his own wife, forsaking her to be with the other woman. Not only had he committed adultery, but the act of being with a non-Israelite woman was completely against the spiritual tradition of his people. It came as no karmic surprise to find that the woman with whom he had committed adultery had returned in the present as Frances.

In addition to describing the circumstances that had created the present-day situation, Cayce also chastised Walter for so frequently falling short of his own spiritual values and ideals throughout many of his lifetimes: “For, few records have we had here where there are greater possibilities, and few that have done less about their abilities in some of the experiences ... Hence too often the entity has lost sight, and does lose sight of the purposes of a soul or entity entering a material experience.” (2052-1) Later, the reading explained that the information was not simply trying to get him to be a “goody-goody, but good for something!” He was encouraged to work on his relationship with his wife, to go out of his way to purposefully do good, and to become a source of encouragement to others.

Less than three months later Walter had a second reading about the situation. He could not break off his attraction to Frances, nor could he bring himself to completely trust Susan. Cayce encouraged him to reconcile with his wife. The reading also suggested that some personal introspection might be helpful in determining that his wife was not solely responsible for their problems. The information made it clear, however, that

người Israel lang thang trong sa mạc bốn mươi năm, Walter là một thành viên của bộ tộc và một lần nữa là chồng của Susan, người vợ hợp pháp của ông. Tuy nhiên, thay vì nghiêm cẩn tuân theo luật lệ của cộng đồng Israel, Walter đã sa vào dục vọng với một phụ nữ “ngoại đạo”. Hệ quả là ông đã “ruồng bỏ” vợ mình, lìa xa bà để đến với người phụ nữ kia. Không chỉ phạm tội ngoại tình, mà việc ở với một phụ nữ không thuộc dân Israel còn hoàn toàn trái ngược truyền thống tinh thần của dân tộc ông. Không có gì lạ về mặt nghiệp quả khi thấy rằng người phụ nữ ông ngoại tình cùng đã trở lại hiện tại trong vai Frances.

Bên cạnh việc mô tả hoàn cảnh tạo nên tình huống hiện thời, Cayce cũng quở trách Walter vì quá thường xuyên hụt hẫng với các giá trị và lý tưởng tinh thần của chính mình xuyên suốt nhiều đời sống: “Vì, chúng tôi có rất ít hồ sơ ở đây nơi có những khả năng lớn lao hơn, và ít ai đã làm được ít hơn về các khả năng của mình trong một vài trải nghiệm ... Do đó thực thể quá thường đánh mất, và quả thực đánh mất mục đích của một linh hồn hay một thực thể khi bước vào trải nghiệm vật chất.” (2052-1) Sau đó, bài đọc giải thích rằng thông tin không đơn thuần cố khiến ông trở thành một kẻ “ngoan đạo rởm, mà là ngoan đạo để làm được điều gì đó!” Ông được khuyến khích làm việc với mối quan hệ cùng vợ, chủ ý làm điều thiện, và trở thành nguồn khích lệ cho người khác.

Chưa đầy ba tháng sau, Walter có bài đọc thứ hai về tình huống này. Ông không thể cắt đứt sự hấp dẫn đối với Frances, cũng không thể khiến mình hoàn toàn tin Susan. Cayce khuyến khích ông hòa giải với vợ. Bài đọc cũng gợi rằng một chút tự phản tỉnh có thể hữu ích để nhận ra rằng vợ ông không hoàn toàn chịu trách nhiệm cho vấn đề của họ. Tuy nhiên, thông tin nêu rõ rằng đường hướng hành động là vấn đề của ý chí tự do. Ở

Walter's course of action was a matter of free will. On a positive note, Walter was told that his relationship with Susan could become one in which they were truly happy together if the proper choices were made. His advice included the following:

This is a choice which must be made in self. There has been or may be felt within self that there are question marks as to the conduct of the companion. Art thou free from censure, thyself? How thinkest thou? Art thou more righteous than she?

There are those possibilities of this becoming a union in which both may become real helpmates one for the other. As to whether or not this is most desirable, must be a decision made twixt thee and thy companion! But analyze the purposes, the desires of each. Have you each learned your lesson? Are you each willing to leave all else and be one in purpose, in desire—which is the law of companionship of man and wife? Or will there be the demanding of the one, and the lack of sincerity on the part of the other?

... These are questions and answers as to same, that may be had only within thy own conscience—according to what has been and is thy ideal. 2052-2

The reading reminded Walter Youngston that the choice was up to him.

In spite of the readings' advice, for a time Walter went back and forth between both women. Finally, he got an illegal "quickie" divorce and married Frances. However, shortly thereafter he felt guilty and returned to Susan. Frances became upset and moved out of state, which was part of the impetus that prompted Walter to obtain his third and final reading. The primary question Walter asked was the following: "Considering that he seems to love them both in different ways

điểm tích cực, Walter được nói rằng mối quan hệ của ông với Susan có thể trở thành một mối liên kết trong đó cả hai thực sự hạnh phúc bên nhau nếu có những chọn lựa đúng. Lời khuyên của Ngài gồm những điều sau:

Đây là một chọn lựa phải được thực hiện trong tự ngã. Đã có hay có thể cảm thấy trong tự ngã rằng có những dấu hỏi về tư cách của người bạn đời. Người có vô can chăng, chính người? Người nghĩ sao? Người công chính hơn nàng chăng?

Có những khả năng để điều này trở thành một mối liên kết trong đó cả hai có thể trở thành những bạn trợ giúp thật sự cho nhau. Còn điều đó có đáng mong mỏi nhất hay không, phải là một quyết định được thực hiện giữa người và người bạn đời! Nhưng hãy phân tích các mục đích, các khát vọng của mỗi người. Các người đã học bài học của mình chưa? Các người có sẵn lòng bỏ hết mọi thứ khác và hòa làm một trong mục đích, trong khát vọng—điều đó là luật của mối bạn bầu giữa nam và nữ chăng? Hay sẽ có sự đòi hỏi từ một phía, và thiếu thành thực ở phía bên kia?

... Đây là những câu hỏi và các câu trả lời cho cùng điều đó, chỉ có thể được tìm thấy trong lương tâm của chính người—tùy theo điều đã và đang là lý tưởng của người. 2052-2

Bài đọc nhắc Walter Youngston rằng chọn lựa là ở nơi ông.

Bất chấp lời khuyên trong các bài đọc, một thời gian Walter qua lại giữa cả hai người phụ nữ. Cuối cùng, y làm thủ tục ly dị "chớp nhoáng" bất hợp pháp và cưới Frances. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau y cảm thấy áy náy và quay về với Susan. Frances bối rối và chuyển ra khỏi bang, điều này là một phần động lực thúc đẩy Walter xin bài đọc thứ ba và cuối cùng. Câu hỏi chính Walter đặt ra như sau: "Xét rằng y dường như yêu cả hai theo những cách khác nhau và không muốn

and doesn't want to injure either one, you will advise the entity as to his choice between Susan ... (in New York) and Frances ... (in Ohio)."

The reading began by stating that the reason the situation was still a problem was because of Walter's predisposition to self-indulgence and self-gratification and that he found Frances physically "superior" to Susan, with whom he still had his primary obligation. He was strongly encouraged to discontinue his relationship with Frances, except as a means of perhaps helping her to find her next step in life. In terms of his relationship with Susan, he was told: "There needs to be the closer relationships with the entity whom this body, this entity so belittled in that experience ... " (2052-3) Additional advice was given as to how to improve his relationship with his wife. When Walter again asked about the advisability of leaving Frances and the effect it would have upon her, the answer came: "better for all concerned."

When the reading was complete, Edgar Cayce's secretary, Gladys Davis, wrote a letter and sent it to Walter along with the copy of his reading:

Dear Mr. Youngston:

Your problem is a very interesting one from the standpoint of our research on the law of cause and effect, according to the laws governing reincarnation ... You may not have understood fully the significance of your incarnation when you were the husband of Susan and forsook her for Frances ... It was against the law of Moses for the Israelites to associate with women outside of their group. You, with many others, broke that law ...

Naturally, you cannot in the present be free from Susan—you have an obligation which dates back to that period when you not only

làm tổn thương ai, xin quý vị khuyên thực thể chọn giữa Susan ... (ở New York) và Frances ... (ở Ohio)."

Bài đọc mở đầu bằng lời khẳng định rằng lý do tình huống vẫn còn là vấn đề là vì khuynh hướng tự nuông chiều và tự thoả mãn của Walter, và rằng y thấy Frances về mặt thể chất "trội hơn" Susan, người mà y vẫn còn nghĩa vụ chính yếu. Y được khuyến khích mạnh mẽ chấm dứt mối quan hệ với Frances, ngoại trừ như một phương tiện có lẽ giúp cô tìm bước tiếp theo trong đời. Về mối quan hệ với Susan, y được bảo: "Cần có những mối liên hệ gần gũi hơn với thực thể mà thân này, thực thể này đã hạ thấp trong kinh nghiệm ấy ..." (2052-3) Những lời khuyên bổ sung được đưa ra về cách cải thiện mối quan hệ với người vợ. Khi Walter lại hỏi về việc có nên rời bỏ Frances hay không và ảnh hưởng điều đó sẽ gây ra cho cô, câu trả lời đến: "tốt hơn cho tất cả những ai liên hệ."

Khi bài đọc kết thúc, thư ký của Edgar Cayce, bà Gladys Davis, viết một lá thư gửi Walter kèm theo bản sao bài đọc của y:

Kính gửi Ông Youngston:

Vấn đề của Ông rất đáng quan tâm từ quan điểm nghiên cứu của chúng tôi về luật nhân quả, theo các định luật chi phối sự tái sinh ... Có thể Ông chưa thấu hiểu trọn vẹn thâm nghĩa của lần lâm phạm khi Ông là chồng của Susan và đã bỏ rơi bà để theo Frances ... Theo luật của Moses, người Israel bị cấm giao du với phụ nữ ngoài nhóm của họ. Ông, cùng với nhiều người khác, đã phạm luật ấy ...

Đương nhiên, trong hiện tại Ông không thể tự do thoát khỏi Susan—Ông có một nghĩa vụ bắt nguồn từ thời kỳ mà Ông không chỉ

thought so little of her that you belittled her in the eyes of all the people by turning to a heathen woman, but you thought so little of the laws given to Moses by God that you broke them in such a way as to become a curse to many. Even if you got a divorce in the present, you would still be tied to Susan. When a spiritual law is broken, it must be met in the spiritual realm. When a material law is broken, it must be met in the material realm. In that sojourn you broke both the material and the spiritual law. Consequently, in the present you have the opportunity to meet it in both realms—by remaining true to your material vows not only in the flesh but in the spirit ...

You asked if the Readings ever advise divorce. Yes, they do. In several instances a divorce has been advised, where the two people had either overcome what they had to work out together or else one had overcome and the other would not. But first every means has to be used to make things work. I notice from your letter some years ago you spoke of Susan going through a period of seeing other men clandestinely. Can't you understand, from the above, how that would be her natural inclination—if you were becoming cold with her? Not having been able to depend on you in that long ago period, no doubt she has felt many times the urge to defy you or to do something to hurt you ... because of the hurt you did to her long ago. These thoughts and feelings do not die, but they live on and on within us, from age to age, until we have either become so degraded as to have no conscience or else so spiritual-minded as to become one in purpose with our Creator. The dependent love which Susan holds for you is exactly what you need—it is giving you the opportunity to make up for that other time ... With Susan holding the proper attitude of love and protectiveness which you should holding the proper attitude of love and

coi thường bà đến mức hạ thấp bà trước mắt mọi người bằng cách quay sang một người đàn bà ngoại giáo, mà Ông còn coi nhẹ đến thế các luật mà Thượng đế ban cho Moses đến nỗi Ông đã phá giới theo cách trở thành mối tai ương cho nhiều người. Dẫu trong hiện tại Ông có ly dị, Ông vẫn bị ràng buộc với Susan. Khi một định luật tinh thần bị vi phạm, nó phải được giải quyết trong cõi tinh thần. Khi một định luật vật chất bị vi phạm, nó phải được giải quyết trong cõi vật chất. Trong kiếp du hành này, Ông đã phạm cả luật vật chất lẫn luật tinh thần. Do đó, trong hiện tại Ông có cơ hội để đối diện trong cả hai cõi—bằng cách giữ trọn các lời thề vật chất của mình không chỉ nơi xác thịt mà còn trong tinh thần ...

Ông hỏi liệu các Bài Đọc có bao giờ khuyên ly dị. Có. Trong vài trường hợp, đã khuyên ly dị, khi hai người hoặc là đã vượt qua những điều cần cùng nhau giải quyết, hoặc một người đã vượt qua còn người kia không chịu. Nhưng trước hết phải dùng mọi phương cách để mọi sự vận hành. Tôi để ý từ lá thư vài năm trước Ông có nói Susan trải qua thời kỳ lén lút gặp gỡ người đàn ông khác. Ông không thể hiểu được sao, từ những điều trên, đó sẽ là khuynh hướng tự nhiên của bà—nếu Ông trở nên lạnh nhạt với bà? Vì không thể nương cậy vào Ông trong thời xa xưa ấy, hẳn bà đã nhiều lần thấy thôi thúc muốn thách thức Ông hoặc làm điều gì đó để làm tổn thương Ông ... vì vết thương Ông đã gây cho bà thối trước. Những ý nghĩ và cảm xúc ấy không chết đi, mà chúng sống mãi trong chúng ta, từ đời này sang đời khác, cho đến khi chúng ta hoặc trở nên suy đồi đến mức không còn lương tâm, hoặc trở nên đủ thiên hướng tinh thần để hợp nhất mục đích với Đấng Tạo Hoá của mình. Tình yêu lệ thuộc mà Susan dành cho Ông chính là điều Ông cần—nó đang cho Ông cơ hội bù đắp cho lần trước ... Với Susan giữ thái độ đúng đắn của tình yêu và che chở mà Ông lẽ ra phải có, Ông có thể hạnh phúc—bởi vì Ông sẽ biết một cách bẩm sinh rằng mình đang làm điều đúng, và Ông có thể làm

protectiveness which you should have, you could be happy—because you would know innately that you were doing the right thing, and you could make her happy. With your attitude changed, I am sure that you can find such happiness with Susan that you have never dreamed of ...

I hope you will take this letter in the spirit with which it is sent. My desire was to clarify matters as I see them. Sincerely, Gladys Davis, Secretary to Mr. Cayce

2052-3 Report File

In spite of the readings' advice, Walter went back and forth between the two women until each apparently abandoned him. Three years later, Walter wrote that he was then pursuing another relationship with a woman nearly twenty years his junior. That relationship eventually failed as well, and afterwards Walter sent another letter stating that he felt "lonely and emotionally devastated" and often wanted to simply give up on life. During the 1950s, Walter moved to Japan because of his job and wrote to A.R.E. requesting information, as well as copies of his own readings. After that request no further information on his subsequent relationships is on file; however, the lawfulness of karmic memory makes it clear that for his own growth and development Walter will inevitably have to face the situation with Susan and Frances at some point in the future.

The following example of karma in marriage presents a situation in which a couple was brought back together for the opportunity of meeting self, and the eventual outcome was that one apparently learned the necessary lesson and one apparently did not. During the course of a reading, a thirty-six-year-old woman was told that during a Grecian past life her husband had been her weakness in

bà hạnh phúc. Khi thái độ của Ông thay đổi, tôi tin chắc rằng Ông có thể tìm thấy nơi Susan một hạnh phúc mà Ông chưa từng mơ tới ...

Tôi hy vọng Ông sẽ đón nhận lá thư này trong tinh thần mà nó được gửi đi. Điều tôi mong là làm rõ mọi điều theo cách tôi nhìn thấy. Trân trọng, Gladys Davis, Thư ký của Ông Cayce

Hồ sơ tường trình 2052-3

Bất chấp lời khuyên trong các bài đọc, Walter tiếp tục qua lại giữa hai người phụ nữ cho đến khi dường như cả hai đều bỏ rơi y. Ba năm sau, Walter viết rằng y đang theo đuổi một mối quan hệ khác với một phụ nữ kém y gần hai mươi tuổi. Mối quan hệ đó cuối cùng cũng đổ vỡ, và sau đó Walter gửi thêm một lá thư nói rằng y cảm thấy "cô độc và suy sụp tinh cảm" và thường chỉ muốn buông xuôi cuộc đời. Trong thập niên 1950, Walter chuyển đến Nhật Bản vì công việc và viết cho A.R.E. xin thông tin, cũng như bản sao các bài đọc của chính y. Sau yêu cầu đó, không còn hồ sơ nào về các mối quan hệ tiếp theo của y; tuy nhiên, tính tất yếu theo định luật của ký ức nghiệp quả cho thấy rõ ràng vì sự trưởng thành và phát triển của chính mình, Walter rồi sẽ không thể tránh đối diện tình huống với Susan và Frances vào một thời điểm nào đó trong tương lai.

Ví dụ sau đây về nghiệp trong hôn nhân nêu ra một tình huống trong đó một cặp đôi được đưa trở lại với nhau để có cơ hội "gặp chính mình", và kết cục là dường như một người đã học được bài học cần thiết còn người kia thì không. Trong một bài đọc, một phụ nữ ba mươi sáu tuổi được cho biết rằng trong một tiền kiếp Hy Lạp, chồng bà từng là điểm yếu của bà theo nghĩa khiến bà chao đảo khỏi

terms of getting her to sway from her spiritual and religious beliefs. In time, this had created a great deal of fear and doubt for her in that former experience. In the present, the fear and doubt had returned as she found herself with the same husband who was now an alcoholic. In describing why the woman had attracted the situation to her, the reading explained: "For each soul must meet itself and its activity in the earth; whether in a particular sojourn or in whatever the activity may be. For Life is one! And what ye sow ye must also reap." (845-1) Because of the workings of karmic memory, the same fear and doubt had to return and yet her response to that experience had to be very different in order to overcome it. In the present, she was encouraged to become the strength that her husband needed and yet this time she was not to sway from her own convictions or beliefs.

The woman returned for a follow-up reading more than one year later. On that occasion, Cayce told her that she was doing very well in providing strength for her husband, even in spite of the fact that he appeared to be making little progress in overcoming his addiction. When the woman asked about another relative with whom she was having difficulties and why these experiences kept coming into her life, the reading replied: "For each soul, each entity, constantly meets self. And if each soul would but understand, those hardships which are accredited much to others are caused most by self. Know that in those you are meeting thyself!" (845-4)

In terms of her relationship with her husband and her own personal development, she had made changes that the reading called "helpful"—changes that would enable her to be pulled down no longer by her connection to this soul. She had not swayed from her own convictions and beliefs. It was apparently for all of these reasons that the reading advised her that she could become an even greater help by

niềm tin tinh thần và tôn giáo của mình. Theo thời gian, điều đó đã tạo ra rất nhiều sợ hãi và hoài nghi cho bà trong kinh nghiệm trước kia. Trong hiện tại, nỗi sợ và hoài nghi đã quay lại khi bà thấy mình ở cùng người chồng cũ nay là một kẻ nghiện rượu. Giải thích vì sao người phụ nữ đã hấp dẫn tình huống ấy đến với mình, bài đọc nói: "Vì mỗi linh hồn phải gặp chính mình và hoạt động của mình trong cõi trần; dù trong một lần du hành cụ thể hay trong bất kỳ hoạt động nào. Vì Sự sống là một! Và điều gì các người gieo, các người cũng phải gặt." (845-1) Do cơ chế của ký ức nghiệp quả, cùng nỗi sợ và hoài nghi ấy phải quay trở lại, nhưng phản ứng của bà trước kinh nghiệm đó phải rất khác đi để có thể vượt qua nó. Trong hiện tại, bà được khuyến khích trở thành điểm tựa mà chồng bà cần, nhưng lần này bà không được chao đảo khỏi những tín niệm hay xác tín của riêng mình.

Người phụ nữ quay lại xin một bài đọc tiếp theo hơn một năm sau. Lần đó, Cayce nói với bà rằng bà đang làm rất tốt trong việc nâng đỡ chồng, dù thực tế ông dường như ít tiến bộ trong việc vượt qua cơn nghiện. Khi người phụ nữ hỏi về một người thân khác mà bà đang gặp khó khăn và vì sao những kinh nghiệm này cứ đến trong đời bà, bài đọc đáp: "Vì mỗi linh hồn, mỗi thực thể, không ngừng gặp chính mình. Và nếu mỗi linh hồn chỉ chịu thấu hiểu, thì những gian khó vốn thường quy cho người khác lại phần lớn do tự mình gây nên. Hãy biết rằng trong những điều ấy, người đang gặp chính mình!" (845-4)

Xét mối quan hệ với chồng và sự phát triển cá nhân, bà đã thực hiện những thay đổi mà bài đọc gọi là "hữu ích"—những thay đổi giúp bà không còn bị kéo xuống bởi mối liên hệ với linh hồn này. Bà đã không chao đảo khỏi các tín niệm và xác tín của mình. Có lẽ vì tất cả những lý do đó mà bài đọc khuyên bà có thể trở thành một trợ lực còn lớn hơn bằng cách tìm đến lý do hoặc lý thân—một bước đi sẽ khiến ông cuối cùng nhận ra tầm

seeking a divorce or separation—a move that would make him finally realize the extent of his problem.

The case of a thirty-four-year-old wife and mother contained in the Cayce files demonstrates how past-life behavioral patterns are frequently part of the karmic memory that impacts individuals' relationships in the present. During the course of her life reading, the woman learned the possible reason behind her husband's authoritarian nature and the dominant role he tried to play in their relationship. While reviewing the woman's past-life history, Cayce told her that her husband had once purchased her for two thousands pounds of tobacco during an early American incarnation. While giving the reading and discussing her interaction with her husband, Cayce asked her: "He bought you! Doesn't he act like it at times?" To which the woman responded: "He sure does!" (1222-1)

In a contemporary example of karmic servitude and role reversal, Mindy Larsen tells the story of being "emotionally imprisoned" by her verbally abusive, controlling, alcoholic husband for ten years. During that time her self-esteem was shattered and she saw her dream of what it would be like to be married to this one-time "love of her life" totally destroyed. One day, in the midst of her depression and despair she remembers asking God aloud: "Why? Why? Why is this happening to me?" Immediately, she saw a scene unfold before her eyes that seemed to come from her own long ago past:

I was in a land of sand and hills—much like Saudi Arabia. I saw myself as the male leader of a tribe of nomads. Hard times had come. I suddenly knew that my present-day husband was then a woman in bondage and service to the tribe. All at once, I heard a voice say very clearly, "He was once your

mức vấn đề của mình.

Trường hợp một người vợ ba mươi bốn tuổi và là mẹ, được lưu trong hồ sơ Cayce, cho thấy các khuôn nếp hành vi từ tiền kiếp thường là một phần của ký ức nghiệp quả ảnh hưởng đến các mối quan hệ của cá nhân trong hiện tại. Trong bài đọc đời sống của mình, người phụ nữ biết được nguyên nhân khả dĩ đằng sau bản tính độc đoán của chồng và vai trò áp chế ông cố nắm trong mối quan hệ. Khi duyệt lại lịch sử tiền kiếp của người phụ nữ, Cayce nói rằng chồng bà từng mua bà bằng hai nghìn pao thuốc lá trong một lần lâm phạm đầu thời Mỹ. Khi đang cho bài đọc và bàn về sự tương tác của bà với chồng, Cayce hỏi bà: "Ông ấy đã mua cô! Đôi lúc ông ấy không cư xử như thế sao?" Người phụ nữ đáp: "Có chứ!" (1222-1)

Trong một ví dụ đương đại về "nô dịch" nghiệp và đảo vai, Mindy Larsen kể câu chuyện bị "giam cầm về mặt cảm xúc" bởi người chồng nghiện rượu, kiểm soát và thường xuyên bạo hành bằng lời, suốt mười năm. Trong thời gian đó, tự trọng của bà bị nghiền nát và giấc mơ về cuộc hôn nhân với "tình yêu một thuở" hoàn toàn tan vỡ. Một ngày kia, giữa cơn trầm uất và tuyệt vọng, bà nhớ đã hỏi to với Thượng đế: "Tại sao? Tại sao? Tại sao điều này lại xảy đến với con?" Lập tức, bà thấy một cảnh tượng mở ra trước mắt dường như đến từ quá khứ xa xăm của chính mình:

Tôi ở trong một vùng đất đầy cát và đồi—giống như Ả Rập Saudi. Tôi thấy mình là một nam thủ lĩnh của một bộ tộc du mục. Thời buổi trở nên khắc nghiệt. Tôi bỗng biết rằng người chồng hiện tại của tôi khi ấy là một phụ nữ bị ràng buộc và phục dịch cho bộ tộc. Đồng thời, tôi nghe một giọng nói rất rõ ràng:

prisoner, now you are a prisoner of his love.”

The experience helped Mindy understand the connection she had to her husband and enabled her to give up her “victim role” and instead take responsibility for her actions thereafter. She began working on forgiveness and detachment—finally being able to let go of “what could have been.” She sought counseling, read, prayed, learned to meditate, and undertook a process she described as: “finding out about me, God, and what did I want.” In the end, Mindy and her husband divorced but rather than holding any anger toward him, she is grateful for her new-found emotional and physical freedom:

I am now free to grow. I am a better person. I am independent. I really look forward to being of service in some way— perhaps becoming involved with helping those who are victims of domestic abuse, or getting involved in hospice work, which I have done before. Meanwhile, I plan to simply enjoy my garden and each and every moment that God has given to me.

Another karmic role-reversal situation occurred in the case of Kitty Windsor and her husband, Peter. Married for twenty-one years, Kitty hadn’t the slightest inkling that the two of them were on the verge of divorce. However, one day Kitty was shocked to discover that Peter was having an affair with a much younger woman:

When I confronted him, he packed up and left without any discussion whatsoever. I was absolutely devastated. I couldn’t believe my husband of twenty-one years could be so heartless and uncaring. I was devastated. I didn’t believe I could ever forgive him or even attempt to make a new start in life as a fifty-year-old woman.

Her devastation led her to pursue a past-life

“Anh ta từng là tù nhân của người, nay người là tù nhân của tình yêu của anh ta.”

Trải nghiệm ấy giúp Mindy hiểu mối liên hệ giữa bà và chồng, và khiến bà từ bỏ “vai nạn nhân”, thay vào đó chịu trách nhiệm cho những hành động về sau. Bà bắt đầu thực hành tha thứ và tách rời—rốt cuộc có thể buông bỏ “những gì lẽ ra đã có thể”. Bà tìm đến tư vấn, đọc sách, cầu nguyện, học tham thiền, và khởi sự một tiến trình bà mô tả là: “tìm hiểu về chính tôi, về Thượng đế, và tôi muốn gì.” Cuối cùng, Mindy và chồng ly dị, nhưng thay vì ôm lòng giận dữ với ông, bà biết ơn tự do cảm xúc và thể chất vừa tìm lại được:

Giờ tôi tự do để tăng trưởng. Tôi là một con người tốt hơn. Tôi độc lập. Tôi thật sự mong mỗi được phụng sự theo cách nào đó—có lẽ dẫn thân giúp những nạn nhân của bạo hành gia đình, hoặc tham gia công việc hospice, điều tôi từng làm trước đây. Trong khi ấy, tôi dự định chỉ đơn giản tận hưởng khu vườn của mình và từng khoảnh khắc mà Thượng đế đã ban cho tôi.

Một tình huống đảo vai nghiệp khác xảy ra trong trường hợp của Kitty Windsor và chồng bà, Peter. Kết hôn hai mươi một năm, Kitty không hề có mảy may ý nghĩ rằng cả hai đang trên bờ vực ly dị. Tuy nhiên, một ngày kia Kitty bàng hoàng phát hiện Peter đang ngoại tình với một phụ nữ trẻ hơn nhiều:

Khi tôi đối chất với ông ấy, ông thu xếp đồ đạc và rời đi mà không hề bàn bạc gì. Tôi hoàn toàn sụp đổ. Tôi không thể tin nổi người chồng hai mươi một năm của mình lại có thể vô tâm và hờ hững đến thế. Tôi sụp đổ. Tôi không tin mình có thể bao giờ tha thứ cho ông ấy, hoặc thậm chí cố gắng xây dựng lại đời mình như một phụ nữ năm mươi tuổi.

Nỗi suy sụp thúc đẩy bà tìm đến một phiên

regression as a means of coming to terms with the situation. According to Kitty, the regression coupled with her divorce ending up being “the turning point in my life—physically, mentally and spiritually.” She describes witnessing her regression experience like a movie playing inside of her head:

It was like being a witness to a movie—a movie of a past life between Peter and myself. I saw a young couple, very much in love. His name was George; her name was Penelope. They lived in England during the 17th century and worked as servants in a large manor house. She was a house servant and he was a groomsman in the stables.

They had grown up together as servants in the manor house, and they had always loved one another. They loved to ride out together on horses and take picnics into the countryside to have under the trees. Eventually they married.

I saw a scene from later in their relationship. George was staring out the window toward the manor house—longing for something better than his station in life, and hoping to see the woman of the manor, whom he now dreamed of being with. Penelope was sitting in bed and crying because George had become so mean. She was pregnant and George found her ugly and misshapen, causing her to sink into a deep depression.

George’s every thought was of the woman in the manor house—everything about her looked so much better than what he had. When it came time for Penelope to deliver the child, both she and the baby died during the birth process. George was sad, but he viewed it as his opportunity to finally get what he really wanted. To his surprise, the woman of the manor rebuffed him, for he was “only a groomsman.”

In time, George realized that he had lost the

thoái lui tiền kiếp như một cách đối mặt với tình huống. Theo Kitty, việc thoái lui cộng với vụ ly dị rốt cuộc trở thành “bước ngoặt của đời tôi—về thể xác, tinh thần và tình thần.” Bà mô tả việc chứng kiến trải nghiệm thoái lui như một bộ phim chiếu trong đầu:

Nó giống như làm khán giả xem một bộ phim—một bộ phim về một tiền kiếp giữa Peter và tôi. Tôi thấy một đôi trai gái trẻ, rất yêu nhau. Tên anh là George; tên cô là Penelope. Họ sống ở Anh vào thế kỷ 17 và làm người hầu trong một dinh thự lớn. Cô là người hầu trong nhà, còn anh là người chăm ngựa ở chuồng.

Họ lớn lên cùng nhau trong dinh thự, và họ luôn yêu nhau. Họ thích cưỡi ngựa ra ngoài cùng nhau và đem đồ ăn đi dã ngoại dưới những tán cây nơi thôn dã. Cuối cùng họ kết hôn.

Tôi thấy một cảnh về giai đoạn sau trong mối quan hệ. George đang nhìn ra cửa sổ về phía dinh thự—khao khát điều gì đó tốt hơn giai tầng của mình, và hy vọng được gần gũi người phụ nữ chủ dinh mà anh giờ đang mơ tưởng. Penelope ngồi trên giường và khóc vì George đã trở nên độc ác. Cô mang thai và George thấy cô xấu xí, méo mó, khiến cô chìm vào trầm cảm sâu sắc.

Mọi ý nghĩ của George đều là về người phụ nữ trong dinh—mọi thứ nơi bà dường như tốt đẹp hơn tất cả những gì anh có. Khi đến lúc Penelope sinh nở, cả cô và đứa trẻ đều chết trong quá trình sinh. George buồn bã, nhưng anh xem đó là cơ hội để cuối cùng đạt được điều mình thật sự muốn. Ngạc nhiên thay, người phụ nữ trong dinh khước từ anh, vì anh “chỉ là một người chăm ngựa.”

Theo thời gian, George nhận ra rằng anh đã

only woman he had ever loved. He grieved so much that he literally drank himself into an early death. It was the shock of my life to understand that I had been George and Peter had been Penelope—karma strikes again.

Kitty then understood that the pain she was experiencing was the very same pain she had put her husband through in their English incarnation. It was that understanding that really enabled her to begin her own healing process. It was as if a light bulb had gone off inside her head and everything began to make sense to her. Kitty describes the experience as a “godsend.” She was able to forgive her husband first and then herself second for having done essentially the same thing previously: “It felt like a weight lifted off my shoulders, and I began to trust that the universe would handle things rather than my being fearful and having to have control. I now believe that other people are put in our path for a reason, to work out problems, to rejoice in each other’s company, but ultimately to help with each other with soul growth.” Finally, Kitty says with a smile, “I still find it interesting that when my husband and I first began dating I gave him a plant, and for some inexplicable reason (at the time) he decided to name it George.”

đánh mất người phụ nữ duy nhất anh từng yêu. Anh đau buồn đến mức thực sự uống rượu đến chết sớm. Tôi sốc kinh hoàng khi hiểu rằng tôi từng là George và Peter từng là Penelope—nghiệp quả lại một lần nữa ứng nghiệm.

Rồi Kitty hiểu rằng nỗi đau bà đang trải qua chính là nỗi đau bà từng gây cho chồng trong lần lâm phạm ở Anh. Sự thấu hiểu ấy thật sự giúp bà khởi đầu tiến trình chữa lành cho chính mình. Như thể có một bóng đèn bật sáng trong đầu và mọi thứ bắt đầu trở nên có nghĩa. Kitty mô tả trải nghiệm như một “ân huệ của Trời”. Bà có thể tha thứ cho chồng trước rồi sau đó tha thứ cho chính mình vì đã làm về bản chất cùng một điều trước kia: “Tôi có cảm giác như trút được gánh nặng khỏi vai, và tôi bắt đầu tin rằng vũ trụ sẽ an bài mọi thứ, thay vì tôi phải sợ hãi và cần kiểm soát. Giờ tôi tin rằng những người khác được đặt trên con đường của chúng ta vì một lý do, để giải quyết vấn đề, để hân hoan trong sự đồng hành, nhưng sau rốt là để giúp nhau trong sự tăng trưởng của linh hồn.” Cuối cùng, Kitty mỉm cười nói, “Tôi vẫn thấy thú vị là khi tôi và chồng mới bắt đầu hẹn hò, tôi tặng ông ấy một chậu cây, và vì một lý do khó giải thích (lúc đó) ông quyết định đặt tên nó là George.”

A more positive outcome for a relationship in which one individual was not entirely faithful is told in the contemporary story of Irene and Judy, a lesbian couple. The two have managed to stay together in spite of the cross-country distance between them and a problem that occurred early on in their relationship. Although the geographic distance has been challenging at times, their respective professional careers enable each of them to do quite a bit of traveling. “And so we try to see each other at least once a month,” Judy says, “plus cell phones and daily conversations make the distance seem less of a problem.”

The two were introduced by mutual friends during their respective travels and there was an instant attraction between them. According to Judy, “We dated for a while and finally decided to get together in spite of living on separate coasts. Although it might have seemed like an obstacle to other couples, it just seemed like we were supposed to be with each other.”

After they became a couple, Judy realized it wasn’t the geographic distance that would prove to be their biggest challenge; instead, it was Irene’s difficulty remaining faithful in the relationship. “I was hurt and shocked when I found out what was happening,” Judy admits. “I couldn’t believe it, but at the same time I didn’t want to lose her.” One night, after a long-distance argument, Judy had a dream that seemed to explain how the two had ended up in their present situation:

Một kết cục tích cực hơn cho một mối quan hệ mà một người không hoàn toàn chung thủy được kể trong câu chuyện đương đại của Irene và Judy, một cặp đôi nữ đồng giới. Hai người đã cố gắng ở bên nhau bất chấp khoảng cách xuyên quốc gia giữa họ và một rắc rối xảy ra từ sớm trong mối quan hệ. Dầu khoảng cách địa lý đôi lúc là thách thức, sự nghiệp chuyên môn của mỗi người cho phép họ đi lại khá nhiều. “Và vì thế chúng tôi cố gắng gặp nhau ít nhất mỗi tháng một lần,” Judy nói, “hơn nữa điện thoại di động và trò chuyện hằng ngày khiến khoảng cách có vẻ bớt là vấn đề.”

Hai người được bạn bè chung giới thiệu khi mỗi người đang đi công tác và họ lập tức bị hấp dẫn lẫn nhau. Theo Judy, “Chúng tôi hẹn hò một thời gian và cuối cùng quyết định đến với nhau dù sống ở hai bờ biển khác nhau. Dầu điều đó có thể như một chướng ngại với các cặp đôi khác, với chúng tôi nó dường như là điều phải thế—chúng tôi được định là sẽ ở với nhau.”

Sau khi thành đôi, Judy nhận ra rằng không phải khoảng cách địa lý sẽ là thách thức lớn nhất; thay vào đó là khó khăn của Irene trong việc giữ chung thủy trong mối quan hệ. “Tôi bị tổn thương và sốc khi biết chuyện,” Judy thừa nhận. “Tôi không thể tin nổi, nhưng đồng thời tôi không muốn mất cô ấy.” Một đêm, sau một cuộc cãi vã đường dài, Judy có một giấc mơ dường như giải thích cách mà hai người rơi vào tình cảnh hiện tại:

I seemed to be in New York at the turn of the 20th century. I was living in a brownstone with my husband, who I knew was Irene. Although much of our life together was rewarding and we seemed to be happy, I found out my husband was cheating on me. Part of me felt shamed, but I couldn't bring myself to confront him about what was happening. I was very insecure and worried that I might lose him.

Upon awakening, Judy realized that the insecurity she felt in the dream was very much like the insecurity she had felt in relationships throughout her entire life: "I have a real fear of abandonment." At the same time, however, she realized that she had to do something to change the pattern. After much introspection, Judy realized that the only answer was to give Irene an ultimatum, even if it meant losing her: "I knew that Irene needed to overcome her pattern in relationships, just as I needed to overcome my personal insecurities and fears of being alone."

After Judy confronted her, Irene promised to change. The couple continued to work together, and in time they became even closer. The two picked up the positive memory of their connection with one another as well as the challenges they had faced in the past, using the first to overcome the second, and according to Judy, "We have never been happier."

Another contemporary account is the story of Helene Mayes, who not only describes a karmic connection between her and her husband, Brian, but also suggests that she was psychically connected to Brian long before they were ever married. Helene says she first "saw" Brian when she was an eleven-year-old during the Cuban missile crisis of the 1960s. In the midst of one of her daily "hide under your desk in case of attack bombing drills" she saw a sailor:

Tôi như đang ở New York vào buổi giao thời của thế kỷ 20. Tôi sống trong một căn nhà ổ đá nâu với chồng tôi, người mà tôi biết là Irene. Hầu phần lớn đời sống cùng nhau của chúng tôi rất trọn vẹn và có vẻ hạnh phúc, tôi phát hiện chồng mình phản bội tôi. Một phần trong tôi cảm thấy xấu hổ, nhưng tôi không thể khiến mình đối chất với anh về những gì đang xảy ra. Tôi rất thiếu an toàn và lo sợ rằng tôi có thể mất anh.

Khi tỉnh dậy, Judy nhận ra rằng sự bất an trong mơ rất giống với sự bất an mà cô đã cảm thấy trong các mối quan hệ suốt cả đời: "Tôi thật sự sợ bị bỏ rơi." Tuy nhiên, đồng thời cô nhận ra mình phải làm điều gì đó để thay đổi khuôn mẫu. Sau nhiều suy tư nội tâm, Judy hiểu rằng câu trả lời duy nhất là đặt cho Irene một tối hậu thư, dẫu điều đó có thể đồng nghĩa với việc mất cô ấy: "Tôi biết Irene cần vượt qua khuôn mẫu trong các mối quan hệ của cô ấy, cũng như tôi cần vượt qua những bất an cá nhân và nỗi sợ cô đơn."

Sau khi Judy đối chất, Irene hứa sẽ thay đổi. Cặp đôi tiếp tục cùng làm việc, và theo thời gian họ trở nên gần bó hơn nữa. Cả hai chạm vào ký ức tích cực về sự gắn kết của mình cũng như những thử thách từng đối mặt trong quá khứ, dùng điều trước để vượt qua điều sau, và theo lời Judy, "Chúng tôi chưa bao giờ hạnh phúc hơn."

Một câu chuyện đương đại khác là chuyện của Helene Mayes, người không chỉ mô tả mối nối nghiệp giữa bà và chồng, Brian, mà còn cho rằng bà đã kết nối thông linh với Brian rất lâu trước khi họ kết hôn. Helene nói bà lần đầu "thấy" Brian khi mười một tuổi, vào thời khủng hoảng tên lửa Cuba thập niên 1960. Giữa một trong những buổi "chui dưới bàn để phòng tập kích ném bom" hằng ngày, bà thấy một người thủy thủ:

I “flashed” on an image of a sailor on a carrier. He had curly, auburn hair and was gazing out to the ocean. I later told my mom, “I hope we don’t have a war because the man I am going to marry is on a ship out there.” She told me that I had an over-active imagination. At the time, I figured he had to be about ten years older than I was.

Years passed and Helene essentially put the incident behind her. She met and fell in love with a man named Brian, who was ten years her senior. The incident was brought to mind, however, one day when they were packing books for their new home:

Shortly after we were married, we were going through a box of books and we came across his Navy yearbook from the Essex—the aircraft carrier he was on.

As I leafed through the pages, Brian said he had been stationed on the carrier during the Bay of Pigs incident. I finally came to a page that pictured a sailor with curly, auburn hair and a jaunty hat. I nearly fell over when I realized it was Brian. It was the same pose I had seen from the age of eleven. Brian told me he loved standing on the fantail of the ship and staring out to sea overlooking the ocean.

During her twenties, Helene had a dream that portrayed when she and Brian had last been together. Helene says that the dream was an “incredibly vivid experience” in which she saw herself as a member of the resistance or underground in France during World War II. In the dream, she was with a group of women meeting American soldiers at a bridge to exchange information they had about Nazi troop movements. Rather than simply being an exchange of information, apparently some of the women had developed relationships with the American soldiers, including herself. Helene knew that one of the soldiers was Brian. In

Tôi “thoáng thấy” hình ảnh một người thủy thủ trên một hàng không mẫu hạm. Anh có mái tóc xoăn, màu hung đỏ và đang nhìn ra biển cả. Sau đó tôi nói với mẹ: “Con hy vọng chúng ta sẽ không có chiến tranh vì người đàn ông con sẽ cưới đang ở trên một con tàu ngoài đó.” Mẹ bảo tôi có trí tưởng tượng quá mức. Lúc đó, tôi nghĩ anh ấy phải lớn hơn tôi chừng mười tuổi.

Nhiều năm trôi qua và Helene về cơ bản quên bằng sự kiện ấy. Bà gặp và yêu một người tên Brian, lớn hơn bà mười tuổi. Tuy nhiên, sự việc được gợi lại một ngày khi họ đang đóng gói sách cho ngôi nhà mới:

Không lâu sau khi chúng tôi cưới, chúng tôi đang xem một thùng sách và tình cờ gặp cuốn kỷ yếu Hải quân của anh từ chiếc Essex—hàng không mẫu hạm anh từng phục vụ.

Khi tôi lật qua các trang, Brian nói anh từng đóng trên tàu trong sự kiện Vịnh Con Heo. Cuối cùng tôi dừng ở một trang có hình một thủy thủ tóc xoăn, màu hung đỏ đội chiếc mũ lệch ngạo nghễ. Tôi suýt ngã khi nhận ra đó là Brian. Đó chính là tư thế tôi đã thấy từ khi mười một tuổi. Brian nói anh thích đứng ở phần đuôi tàu và nhìn bao quát biển khơi.

Trong những năm đôi mươi, Helene có một giấc mơ mô tả lần cuối cùng bà và Brian ở bên nhau. Helene nói giấc mơ là một “trải nghiệm vô cùng sống động” trong đó bà thấy mình là thành viên của lực lượng kháng chiến hay hoạt động ngầm ở Pháp trong Thế chiến II. Trong mơ, bà cùng một nhóm phụ nữ gặp lính Mỹ ở một cây cầu để trao đổi thông tin họ có về các cuộc chuyển quân của phát xít. Đường như không chỉ là trao đổi thông tin, một số phụ nữ đã nảy sinh quan hệ với lính Mỹ, gồm cả bà. Helene biết một trong các người lính là Brian. Trong mơ, bà thấy các phụ nữ và binh sĩ gặp nhau trên cầu. Đột nhiên, quân Đức nổ súng phục kích.

the dream, she saw the women and soldiers come together on a bridge. All at once the Nazis opened fire in an ambush. Helene saw herself wounded, falling off the edge of the bridge into the black water below where she drowned. Approximately seven years later, the dream and her past-life connection to Brian was brought to mind when she saw the actual bridge in waking life:

Brian and I were driving home from France. At the time, he still worked for the service and I worked for American Express in Germany. We stopped for gas and decided to take the more scenic federal highway the rest of the way. Just outside of Saarbrücken we rounded a corner and there in front of us was THE BRIDGE! I had goosebumps all over. The only thing different was that a cement erosion control wall had been built along the hillside, but in every other detail it was the same.

Not only had Helene picked up a relationship with her boyfriend from the past but the two were able to visit the same spot in which they had last been together as a couple.

In another example of karma between spouses, Hannah Olsen is a seventy-five-year-old retired nurse who states that she has come to understand that her “hatred of Catholics, challenges with my husband, interest in metaphysics, and problems with my hip were all connected to the same past life.” As a child, Hannah’s upbringing led her to be sympathetic of all religions; however, she just couldn’t bring herself to accept Catholicism: “I just felt like there was something about the religion I couldn’t trust.”

A nurse for much of her life, after a number of years of marriage, Hannah became interested in metaphysics, reincarnation, spiritual healing and Therapeutic Touch. At best, her husband didn’t support her beliefs; at worst, he couldn’t understand how she

Helene thấy mình bị thương, rơi khỏi mép cầu xuống làn nước đen phía dưới và chết đuối. Khoảng bảy năm sau, giấc mơ và mối liên hệ tiền kiếp với Brian được gọi lại khi bà thấy chính cây cầu đó trong đời tỉnh:

Brian và tôi lái xe từ Pháp về nhà. Lúc đó, anh vẫn còn làm việc cho cơ quan và tôi làm cho American Express ở Đức. Chúng tôi dừng đổ xăng và quyết định đi phần đường còn lại theo tuyến quốc lộ phong cảnh đẹp. Ngay bên ngoài Saarbrücken, chúng tôi ôm cua và trước mặt chúng tôi là CHIẾC CẦU ẤY! Tôi nổi da gà khắp người. Chỉ khác một điều là một bức tường bê tông chống xói mòn đã được xây dọc sườn đồi, còn mọi chi tiết khác thì y hệt.

Không chỉ Helene đã chạm lại một mối quan hệ với người bạn trai từ quá khứ mà hai người còn có thể thăm lại đúng nơi họ từng là một cặp lần sau cuối.

Trong một ví dụ khác về nghiệp giữa vợ chồng, Hannah Olsen là một y tá đã nghỉ hưu, bảy mươi lăm tuổi, nói rằng bà đã hiểu ra “sự căm ghét người Công giáo, những thách thức với chồng, hứng thú với huyền học, và vấn đề ở hông của tôi đều liên hệ đến cùng một tiền kiếp.” Thuở nhỏ, cách nuôi dạy khiến Hannah có cảm tình với mọi tôn giáo; tuy nhiên, bà không thể chấp nhận Công giáo: “Tôi chỉ có cảm giác rằng có điều gì đó ở tôn giáo này tôi không thể tin cậy.”

Là y tá phần lớn đời mình, sau nhiều năm kết hôn, Hannah trở nên quan tâm đến huyền học, tái sinh, chữa lành tinh thần và Therapeutic Touch. Tốt nhất thì chồng bà không ủng hộ niềm tin của bà; tệ nhất, ông không hiểu bằng cách nào bà lại dính vào

had gotten involved in such “nonsense.” Oftentimes, rather than admit to attending a conference or doing something that she knew her husband would throw a fit about, she simply let him think that she was busy with work. The deception caused her mixed emotions: “I felt controlled and angry that he wouldn’t support what I was interested in but at the same time I felt guilty for not being totally honest about what I was doing.” It was somewhat ironic that the sciatica in her hip and leg acted up the most whenever she felt guilty about her activities.

When the day came that Hannah’s son married a Catholic and converted to the religion himself, she felt the need to begin some serious introspection: “I had no earthly reason to feel about Catholics the way I did.” When she prayed for understanding in terms of what she was supposed to do about the situation, it seemed as if a “still small voice” came into her head: “simply learn to love.” Then one day Hannah had an experience that seemed to tie all of the pieces together:

I was attending a spiritual healing workshop in Philadelphia. Part of the program included a healing meditation. During the meditation, I felt my sciatica really begin to act up and I wondered to myself, “Why is this happening now?”

Suddenly, I saw myself in Ireland as some kind of prophetess or oracle. I was really popular with the Irish peasants who came to me for healing and various things. The local bishop was not at all pleased with my popularity—or, with what he saw, as competition with the Church. At first he sent a warning for me to stop what I was doing. When that didn’t work he sent someone to break my leg. As soon as I had the experience, I knew that the bishop had returned as my husband and that my sciatica was connected to that same

những “điều vô nghĩa” như thế. Thường thì, thay vì thú nhận việc tham dự một hội thảo hay làm điều gì đó mà bà biết chồng sẽ nổi giận, bà để ông nghĩ rằng bà bận việc. Sự dối trá khiến bà mang mỗi cảm xúc pha tạp: “Tôi cảm thấy bị kiểm soát và giận vì ông không ủng hộ điều tôi quan tâm, nhưng đồng thời tôi thấy áy náy vì không thật sự thành thật về những gì mình đang làm.” Thật trớ trêu, cơn đau thần kinh tọa ở hông và chân của bà bùng lên mạnh nhất mỗi khi bà thấy áy náy về các hoạt động của mình.

Đến ngày con trai Hannah cưới một người Công giáo và tự mình cải đạo, bà cảm thấy cần phải bắt đầu một cuộc tự vấn nghiêm túc: “Tôi không có lý do trần thế nào để cảm thấy về người Công giáo như vậy.” Khi bà cầu nguyện xin sự thấu hiểu về việc mình phải làm gì trước tình huống, dường như một “tiếng nói nhỏ nhẹ” vang lên trong đầu: “hãy học yêu thương đơn giản.” Rồi một ngày, Hannah có một trải nghiệm dường như xâu chuỗi mọi mảnh ghép:

Tôi tham dự một hội thảo chữa lành tinh thần ở Philadelphia. Một phần chương trình gồm một buổi tham thiền chữa lành. Trong lúc tham thiền, tôi cảm thấy thần kinh tọa của mình bắt đầu hành thật dữ và tôi tự hỏi: “Sao nó lại xảy ra ngay lúc này?”

Đột nhiên, tôi thấy mình ở Ireland như một nữ tiên tri hay đồng trình sấm truyền nào đó. Tôi rất được người nông dân Ireland ưa chuộng—họ đến với tôi để được chữa lành và nhiều điều khác. Giám mục địa phương hoàn toàn không hài lòng với uy tín của tôi—hoặc, theo ông thấy, sự cạnh tranh với Giáo hội. Ban đầu ông gửi cảnh cáo buộc tôi dừng những gì tôi đang làm. Khi điều đó không hiệu quả, ông sai người đến bẻ chân tôi. Ngay khi trải nghiệm xảy ra, tôi biết vị giám mục đã trở lại làm chồng tôi và rằng cơn đau thần kinh tọa của tôi liên hệ với chính trải nghiệm

experience.

After the meditation, Hannah decided that, if she was able to forgive her husband in the present, she could rectify any past-life anger that had created the karmic situation between them in the first place. She immediately began to look back over their marriage, “letting go of all of the blame and resentment.” She also went out of her way to cultivate a relationship with her daughter-in-law who, Hannah says, “is now like a daughter to me.” Slowly, she found the bravery to tell her husband about her interests and her metaphysical pursuits and, in time, although he never accepted them as his own, he stopped complaining about her interest in them: “He just learned to accept that this is who I am.”

When asked why she thinks her karmic situation occurred in the present, Hannah says simply, “It was an experience that helped me learn forgiveness and loving those around me with unconditional love.”

Eunice Midland was forty-seven years old when she contacted Edgar Cayce for help. At her wits' end, she was convinced that she was “failing in every way” in terms of her home and marriage. The mother of two teenage daughters, more often than not her youngest child was disobedient and belligerent. Her marriage was also falling apart and appeared to be coming to an end. Although she had known of her husband's liaisons with other women over the years, his current affair appeared much more serious, causing her to worry about her and the children's future. Her request for help included the following information:

On October eighth I will have been married twenty-two years. My husband has many excellent qualities and is generous to a fault. Physically I am nicely taken care of, but there are other conditions that cause me

ấy.

Sau buổi tham thiền, Hannah quyết định rằng, nếu bà có thể tha thứ cho chồng trong hiện tại, bà có thể sửa sai mọi giận dữ tiền kiếp từng tạo ra tình huống nghiệp giữa họ ngay từ đầu. Bà lập tức nhìn lại cuộc hôn nhân, “buông bỏ mọi trách móc và oán hờn.” Bà cũng cố gắng gây dựng mối quan hệ với con dâu, người mà, theo Hannah, “giờ như con gái của tôi.” Từ từ, bà tìm thấy dũng khí nói với chồng về mối quan tâm và các theo đuổi huyền học của mình và, theo thời gian, dần ông chẳng bao giờ chấp nhận chúng là của riêng, ông ngừng than phiền về niềm quan tâm của bà: “Ông chỉ học cách chấp nhận rằng đây là con người tôi.”

Khi được hỏi vì sao bà nghĩ tình huống nghiệp của mình xảy ra trong hiện tại, Hannah chỉ nói: “Đó là một trải nghiệm giúp tôi học sự tha thứ và yêu thương những người quanh mình bằng tình yêu vô điều kiện.”

Eunice Midland bốn mươi bảy tuổi khi bà liên hệ Edgar Cayce xin giúp đỡ. Ở bước đường cùng, bà tin rằng mình đang “thất bại trên mọi phương diện” trong gia đình và hôn nhân. Là mẹ của hai cô con gái tuổi thiếu niên, phần lớn thời gian đứa nhỏ thường bất tuân và hỗn hào. Hôn nhân của bà cũng đang rạn vỡ và có vẻ đi đến hồi kết. Dẫu bà đã biết chuyện chồng mình giao du với phụ nữ khác nhiều năm, mối quan hệ hiện tại của ông có vẻ nghiêm túc hơn nhiều, khiến bà lo lắng cho tương lai của mình và các con. Lời cầu cứu của bà gồm những thông tin sau:

Vào ngày tám tháng Mười, tôi sẽ kết hôn được hai mươi hai năm. Chồng tôi có nhiều phẩm chất tuyệt vời và hào phóng đến mức có thể gọi là quá mức. Về mặt vật chất tôi được chăm lo chu đáo, nhưng có những điều

much concern and I hardly know what to do about them. I have two daughters, one sixteen and one fourteen years of age. For many years my husband has been interested in other women but never too seriously until now. This is one of the problems I am facing. I have only known about the other woman for a little more than two years, altho the affair has been going on for seven or eight years. My husband has done some very wonderful things for her—things that are done only for those one loves. When I first learned about it I thought I just wouldn't be able to endure it but God heard my prayers and came to my aid in a very wonderful way by removing the anguish entirely. I can't tell you how it was done, I just know that it is gone forever. Even though I am no longer hurt by his actions, I do not wish to stand in his way of happiness but I feel my first concern should be the children and what is best for them. My children seem to have very little respect or courtesy for me. I do not know what has brought about this attitude, it hurts and distresses me so much. Surely I must be at fault to be such a failure in every way ... Maybe my vision and understanding is just too small. Maybe I haven't used wisely what God has given me. I seem confused about so many things. I just don't know what to do but with all my heart I desire to do the right thing.

3292-1 Background Information

While giving the reading, Cayce provided a framework for the family karma that had brought the individuals together in their present relationships. Keeping in mind that karma is individualized for each and every soul, the information Eunice received dealt with her karmic memory and what she was trying to learn. Obviously the tone of the information would be somewhat different had it been given from the perspective of her husband's karmic lessons or even her

kiện khác khiến tôi rất bận lòng và tôi hầu như không biết phải làm gì. Tôi có hai con gái, một mười sáu và một mười bốn tuổi. Nhiều năm nay chồng tôi quan tâm đến phụ nữ khác nhưng chưa bao giờ quá nghiêm túc cho đến bây giờ. Đây là một trong những vấn đề tôi đang đối mặt. Tôi mới chỉ biết về người đàn bà kia hơn hai năm, dẫu mối quan hệ của họ kéo dài bảy hay tám năm. Chồng tôi đã làm nhiều điều rất tuyệt vời cho bà ta—những điều chỉ dành cho người mà ta yêu. Khi mới biết chuyện, tôi nghĩ mình sẽ không thể chịu đựng nổi nhưng Thượng đế đã nghe lời cầu nguyện của tôi và đến trợ giúp theo một cách thật kỳ diệu bằng cách lấy đi toàn bộ nỗi đớn đau. Tôi không thể nói với Ông nó được thực hiện như thế nào, tôi chỉ biết rằng nó đã biến mất vĩnh viễn. Dẫu tôi không còn đau vì hành động của ông ấy, tôi không muốn cản trở hạnh phúc của ông, nhưng tôi cảm thấy mối quan tâm đầu tiên của tôi phải là các con và điều gì là tốt nhất cho chúng. Các con tôi dường như rất ít tôn trọng hay lễ độ với tôi. Tôi không biết điều gì đã tạo ra thái độ ấy, nó làm tôi tổn thương và khổ sở vô cùng. Chắc hẳn lỗi là ở tôi để trở thành kẻ thất bại đến vậy trên mọi phương diện ... Có lẽ tầm nhìn và sự thấu hiểu của tôi quá nhỏ bé. Có lẽ tôi đã không dùng khôn ngoan điều Thượng đế ban cho tôi. Tôi có vẻ bối rối về quá nhiều điều. Tôi chỉ không biết phải làm gì, nhưng với tất cả tấm lòng tôi mong ước làm điều đúng.

Thông tin Bối cảnh 3292-1

Khi cho bài đọc, Cayce đưa ra một khuôn khổ cho nghiệp gia đình đã đưa các cá nhân đến với nhau trong mối quan hệ hiện tại. Ghi nhớ rằng nghiệp là cá thể hoá cho từng linh hồn, thông tin Eunice nhận được liên hệ đến ký ức nghiệp của bà và điều bà đang cố gắng học. Dĩ nhiên cung điệu của thông tin sẽ hơi khác nếu nó được đưa ra từ góc nhìn bài học nghiệp của chồng bà hay thậm chí của các con bà.

children's.

Eunice was told that her challenges with her youngest daughter, who was fourteen at the time of the reading, had begun thousands of years ago in ancient Egypt. During that period, the fourteen-year-old was a grown woman with many children of her own and Eunice was a teacher and emissary whose life had included a variety of experiences beyond motherhood. Evidently, because of the women's different backgrounds and experiences, the two had found frequent occasion to disagree and argue. The frustration each held toward the other had manifested in the present with Eunice often lecturing to her daughter about "do's and don'ts" and the fourteen-year-old rebelling, even to the point of tantrums. Conversely, her relationship with the older daughter was much more positive. The reading stated that part of the reason was that the two had been very close during an incarnation in the Holy Land, and they had apparently both been involved in a similar work during the Egyptian lifetime.

Eunice asked how she might guide and train her daughters in right "thinking and living." Rather than falling into her old Egyptian role of lecturer and teacher, Cayce suggested a different approach: "Live it thyself. Preach it little. For, what ye are speaks so loud, others seldom hear what ye say ... Then let thy life be a pattern that they may take as the light along the road ... Ye have not applied the whole truth. Be not a preacher. Be ye 'doers of the word.'" (3292-1)

When Eunice inquired as to why her husband had been unfaithful to her in the present, Cayce replied that she had been unfaithful to him during a lifetime they had shared as early settlers to the United States. The experience of an unfaithful wife had

Eunice được cho biết rằng những thách thức với cô con gái út, mười bốn tuổi vào lúc bài đọc, đã khởi từ hàng nghìn năm trước ở Ai Cập cổ. Trong thời kỳ đó, cô bé mười bốn tuổi là một phụ nữ trưởng thành với nhiều con và Eunice là một người dạy dỗ và sứ giả, đời sống bà bao gồm nhiều kinh nghiệm vượt khỏi thiên chức làm mẹ. Rõ ràng, vì khác biệt nền tảng và kinh nghiệm, hai người phụ nữ thường xuyên bất đồng và tranh cãi. Nỗi bức bối mỗi người giữ với người kia biểu lộ trong hiện tại khi Eunice thường xuyên thuyết giảng cho con gái về "những điều nên và không nên" còn cô bé mười bốn tuổi thì phản kháng, thậm chí đến mức nổi cơn tam bành. Ngược lại, mối quan hệ của bà với cô con gái lớn tích cực hơn nhiều. Bài đọc nói rằng một phần lý do là vì hai mẹ con rất gần gũi trong một lần lâm phạm ở Thánh Địa, và có vẻ cả hai từng tham gia công việc tương tự trong lần lâm phạm ở Ai Cập.

Eunice hỏi làm sao bà có thể hướng dẫn và rèn luyện các con trong nếp "nghĩ và sống" đúng. Thay vì rơi vào vai trò Ai Cập xưa là người thuyết giảng và dạy dỗ, Cayce gợi ý một cách tiếp cận khác: "Hãy tự mình sống điều đó. Giảng ít thôi. Vì những gì người là vang dội đến nỗi người khác hiếm khi nghe những gì người nói ... Vậy hãy để đời sống của người là một mô hình để họ có thể lấy làm ánh sáng dọc đường ... Người chưa áp dụng trọn vẹn chân lý. Đừng làm người giảng đạo. Hãy là 'người làm theo lời.'" (3292-1)

Khi Eunice hỏi vì sao chồng bà không chung thủy với bà trong hiện tại, Cayce đáp rằng chính bà đã không chung thủy với ông trong một kiếp họ từng chia sẻ với nhau như những người định cư đầu tiên ở Hoa Kỳ. Trải nghiệm một người vợ không chung thủy

apparently caused him much anguish and sadness. Those same feelings now had to be experienced by Eunice in return. Cayce told her that she was: "... meeting much of those material experiences in this sojourn—as related to feelings, relationships, companionship ... for ye are meeting only thyself."

Toward the end of her reading, Eunice asked if it was her fault that she was "failing in every way". The response came: "The entity is not failing. Do not condemn self. Condemning of self is as much an error as condemning others. Live thine own self. Leave the results with God ... do not feel that ye have failed. Do not judge self. You have not failed yet. You only fail if you quit trying."

Apparently what was most important was how Eunice felt about herself and her relationship with her children. At the end of the reading she was advised to divorce her husband as soon as it was clear in the minds of everyone in the family that her daughters were to live with her.

In another contemporary example of karmic memory, Chelsea Jergen came to understand how an irrational fear she had once experienced as a teenager and her husband's tendency to treat her "somewhat fatherly" were both rooted in the same past life. Chelsea describes her situation, as follows:

When I was eighteen I was in a field on my grandparents' farm, enjoying a beautiful day. Suddenly, on the horizon I saw three people on horseback riding in my direction. I don't know why but all at once I panicked. For some unknown reason, I ran like my life depended on it. I have never been so frightened in my life. I ran until I reached my grandparents' house. When I got there, I hid behind the sofa until I was certain that I was safe—silly behavior for an eighteen-year-old

hiển nhiên đã khiến ông đau khổ và buồn bã rất nhiều. Những cảm xúc tương tự giờ đây Eunice phải trải nghiệm lại. Cayce nói với bà rằng bà đang: "... đang gặp lại nhiều kinh nghiệm vật chất trong lần du hành này—liên quan đến cảm xúc, các mối quan hệ, tình bạn đồng hành ... vì người chỉ đang gặp chính mình."

Gần cuối bài đọc, Eunice hỏi liệu lỗi có ở bà vì bà "thất bại trên mọi phương diện" hay không. Câu đáp đến: "Thực thể không hề thất bại. Đừng tự lên án mình. Lên án mình cũng là một sai lầm như lên án người khác. Hãy sống là chính mình. Để kết quả cho Thượng đế ... đừng nghĩ rằng người đã thất bại. Đừng phán xét mình. Người vẫn chưa thất bại. Người chỉ thất bại nếu người thôi cố gắng."

Hiển nhiên điều quan trọng nhất là cách Eunice cảm thấy về chính mình và mối quan hệ của bà với các con. Cuối bài đọc, bà được khuyên ly dị chồng ngay khi mọi người trong gia đình đều thấy rõ rằng các con gái sẽ sống với bà.

Trong một ví dụ đương đại khác về ký ức nghiệp, Chelsea Jergen hiểu được cách một nỗi sợ phi lý bà từng trải qua hồi thiếu niên và khuynh hướng chồng bà cư xử "có phần phụ huynh" với bà đều bắt rễ từ cùng một tiền kiếp. Chelsea mô tả tình huống của mình như sau:

Khi mười tám tuổi, tôi đang ở ngoài cánh đồng nơi trang trại của ông bà, tận hưởng một ngày đẹp trời. Bỗng dưng, trên đường chân trời tôi thấy ba người cưỡi ngựa đang phi về phía mình. Không hiểu sao bỗng chốc tôi hoảng loạn. Vì một lý do không rõ, tôi chạy như thể mạng sống mình tùy thuộc vào đó. Tôi chưa bao giờ sợ hãi đến thế trong đời. Tôi chạy cho đến khi về đến nhà ông bà. Khi tới nơi, tôi trốn sau ghế sofa cho đến khi chắc chắn rằng mình an toàn—hành vi

but I was terrified.

I never forgot the incident, or the feeling of panic, and I often wondered why I had acted that way. It's also interesting to me that this experience occurred shortly before I met the man who would become my husband.

Years passed, during which Chelsea married and had three children. In spite of the fact that she and her husband were only a couple of years apart, one of their relationship dynamics was the fact that her husband often had the tendency of treating her like she was one of the children rather than being his wife. It came across in the way he spoke to her, as well as the way he sometimes responded to some of her ideas or opinions: "At the very least, it made me frustrated and on a number of occasions I found myself saying to him, 'You are not my father'."

At the age of thirty, Chelsea went to see a psychic with a friend of hers. She was determined not to tell the psychic anything beforehand and adds: "And I hadn't thought about the incident at my grandparents in a very long time." Almost immediately, the psychic began telling her about a recent past life in Turkey—the story tied together her fear as well as the way her husband spoke to her:

According to this woman, I had been the daughter of a wealthy family in Turkey. One day I had been out playing when I had wandered a bit too far away. Suddenly, three riders on horseback came along and kidnapped me. I was used as a slave until I was a little older and ended up being won in a card game by a much older man—the man who is now my husband. She told me that he was kind and that we had married and he had reunited me with my family.

Needless to say, the psychic encounter

ngớ ngẩn với một cô gái mười tám tuổi, nhưng tôi kinh sợ.

Tôi không bao giờ quên sự việc ấy, hay cảm giác hoảng loạn, và tôi thường tự hỏi vì sao mình lại hành xử như vậy. Điều cũng thú vị với tôi là trải nghiệm ấy xảy ra ngay trước khi tôi gặp người đàn ông sẽ trở thành chồng tôi.

Nhiều năm trôi qua, Chelsea kết hôn và có ba con. Dẫu vợ chồng chỉ hơn kém nhau vài tuổi, một đặc điểm trong mối quan hệ là chồng cô thường có khuynh hướng đối xử với cô như thể cô là một đứa trẻ chứ không phải là vợ. Điều đó thể hiện trong cách anh nói chuyện với cô, cũng như cách đôi khi anh đáp lại vài ý tưởng hay quan điểm của cô: "Ít nhất, nó khiến tôi bức bối và nhiều lần tôi đã nói với anh ấy, 'Anh không phải là cha tôi'."

Ba mươi tuổi, Chelsea đi gặp một nhà ngoại cảm cùng một người bạn. Cô quyết định không nói trước điều gì cho nhà ngoại cảm và nói thêm: "Và tôi đã không nghĩ về sự việc ở nhà ông bà trong một thời gian rất dài." Gần như ngay lập tức, nhà ngoại cảm bắt đầu kể cho cô về một tiền kiếp gần đây ở Thổ Nhĩ Kỳ—câu chuyện kết nối nỗi sợ của cô cũng như cách chồng cô nói chuyện với cô:

Theo lời người phụ nữ này, tôi từng là con gái của một gia đình giàu có ở Thổ Nhĩ Kỳ. Một ngày nọ tôi đi chơi và lỡ đi quá xa. Đột nhiên, ba kỵ sĩ đi ngang và bắt cóc tôi. Tôi bị dùng làm nô lệ cho đến khi lớn hơn một chút và cuối cùng bị một người đàn ông lớn tuổi—người mà bây giờ là chồng tôi—thắng được tôi trong một ván bài. Bà nói ông ấy tốt bụng và rằng chúng tôi đã kết hôn, và ông đã đoàn tụ tôi với gia đình.

Không cần nói cũng hiểu, cuộc gặp gỡ với

helped Chelsea understand both her teenage fear, as well as her husband's response to her. She ended up telling her husband about the session with the psychic and worked with him until his "somewhat fatherly approach" was no longer an issue.

Contrary to the idea of having to fulfill relationship karma by coming back together as husband and wife, a thirty-three-year-old woman was told that she and her present-day boyfriend—with whom she was having difficulties—had been together at least three times previously. When she asked whether or not they should get married for their "mutual development," Cayce replied that there were definitely things that needed to be worked out in order to "meet" their karmic memory. Apparently, they had experienced a number of lifetimes when they had a hard time agreeing and working with one another cooperatively. It was that situation that needed to be healed. The karmic memory could be addressed as husband and wife, however, the reading tried to counsel her by stating: "But as husband and wife would be a hard way to meet same!" (2582-3) In other words, it might be easier to work through their karma in their present relationship dynamic and not by coming together as spouses.

Another example that explores karmic memory and divorce as the end result is the story of fifty-year-old Fran Wayman, who had been divorced from her husband, Tom, for more than a decade. According to Fran, Tom was domineering and abusive to both her and their children: "He was the most controlling, anger-filled individual I have ever met. He was prone to emotional outbursts and was extremely verbally abusive and eventually physically abusive."

After a dozen years of marriage, Fran's situation deteriorated to the point where she finally filed for a divorce. That same year she had a hypnotic regression that convinced

nhà ngoại cảm đã giúp Chelsea hiểu cả nỗi sợ thiếu niên, lẫn cách chồng cô cư xử với cô. Cô đã kể cho chồng nghe về buổi xem nhà ngoại cảm và làm việc với anh cho đến khi "cách tiếp cận có phần phụ huynh" của anh không còn là vấn đề.

Trái với ý nghĩ rằng phải hoàn tất nghiệp quan hệ bằng cách quay lại với nhau như vợ chồng, một phụ nữ ba mươi ba tuổi được cho biết rằng cô và người bạn trai hiện tại—người mà cô đang gặp khó khăn—đã ở bên nhau ít nhất ba lần trước đây. Khi cô hỏi liệu họ có nên kết hôn vì "sự phát triển chung" không, Cayce đáp rằng chắc chắn có những điều cần được giải quyết để "gặp" ký ức nghiệp của họ. Rõ ràng, họ đã trải qua nhiều lần lâm phạm mà họ khó lòng đồng thuận và hợp tác cùng nhau. Đó là tình huống cần được hàn gắn. Ký ức nghiệp có thể được xử lý trong vai trò vợ chồng, tuy nhiên bài đọc cổ khuyên cô bằng lời: "Nhưng với tư cách vợ chồng sẽ là một cách khó khăn để gặp điều ấy!" (2582-3) Nói cách khác, có lẽ sẽ dễ dàng hơn để làm việc qua nghiệp của họ trong động thái quan hệ hiện tại chứ không phải bằng cách về sống chung như vợ chồng.

Một ví dụ khác khảo sát ký ức nghiệp quả và việc ly hôn như kết cục sau cùng là câu chuyện của Fran Wayman, năm mươi tuổi, người đã ly hôn với chồng là Tom hơn một thập kỷ. Theo lời Fran, Tom chuyên quyền và bạo hành cả với bà lẫn các con: "Ông ấy là người kiểm soát gắt gao và đầy giận dữ nhất mà tôi từng gặp. Ông dễ bộc phát cảm xúc, cực kỳ thóa mạ bằng lời nói và rồi cuộc bạo hành thân thể."

Sau mười hai năm hôn nhân, tình cảnh của Fran xấu đi đến mức bà cuối cùng nộp đơn ly hôn. Cùng năm đó bà thực hiện một lần hồi quy thôi miên khiến bà tin rằng mối quan hệ

her the abusive relationship with Tom had simply been a holdover from their most recent past life. Fran describes the regression:

I saw myself barefoot, wearing a tattered homemade dress and living in a very small, windowless, one-room cabin. I had a couple of children and I knew that my husband had been away for an extended period. While he was gone, a few times a friend of his had come to check on us, just to make certain we were okay. During one of these brief visits, my husband came home and saw his friend there.

In spite of the fact that nothing had happened, my husband went into a jealous rage and began screaming—his friend simply left. I tried to explain that nothing had happened and that his friend had done nothing to betray his trust but my husband was uncontrollable and accused the two of us of having sex while he had been away.

My husband took hold of me and dragged me out into our fields with a bullwhip and repeatedly beat me. Whether it was intentional or not, I ended up dying. I remember hating him the whole time he was hitting me. Later, he went to his friend's and stabbed him in the back.

After the death of the two of us, my husband realized that he could not continue working to support himself and care for his own children. Therefore, he loaded them up in a wagon and took them quite a distance—eventually selling them into indentured servitude.

During this experience, I realized that the man who had killed us both was my husband, Tom. I also knew that the friend he had killed had returned as our present-day son. Amazingly, our son was born with a scar on his back that exactly looks like a stab wound would look if it had not been stitched

bạo hành với Tom chỉ đơn giản là tàn dư kéo dài từ kiếp sống gần nhất của họ. Fran mô tả lần hồi quy:

Tôi thấy mình chân trần, mặc chiếc váy vá vớ tự may và sống trong một túp lều một phòng rất nhỏ, không cửa sổ. Tôi có vài đứa con và biết rằng chồng tôi đã đi xa một thời gian dài. Trong lúc ông ấy vắng nhà, đôi lần một người bạn của ông đến thăm chừng, chỉ để chắc rằng mẹ con tôi vẫn ổn. Trong một lần ghé thăm ngắn như vậy, chồng tôi trở về và thấy bạn mình ở đó.

Dù thực tế không có gì xảy ra, chồng tôi nổi cơn ghen điên cuồng và bắt đầu gào thét—người bạn thì lập tức bỏ đi. Tôi cố giải thích rằng chẳng có gì cả và bạn ông ấy không làm điều gì phản bội lòng tin của ông, nhưng chồng tôi không kiểm soát nổi và buộc tội chúng tôi đã ăn nằm với nhau khi ông vắng nhà.

Chồng tôi túm lấy tôi, lôi tôi ra ngoài đồng với một chiếc roi da và đánh tôi liên hồi. Dù là cố ý hay không, tôi đã chết. Tôi nhớ mình căm ghét ông ta suốt lúc ông đang đánh tôi. Sau đó, ông đến chỗ người bạn và đâm sau lưng anh ta.

Sau cái chết của hai chúng tôi, chồng tôi nhận ra rằng ông không thể tiếp tục làm việc để tự nuôi sống mình và chăm lo cho chính con cái ông. Vì vậy, ông chất chúng lên một cỗ xe và chở đi rất xa—rót cuộc bán chúng vào cảnh lao dịch theo kế ước.

Trong trải nghiệm này, tôi nhận ra rằng người đàn ông đã giết cả hai chúng tôi chính là chồng tôi, Tom. Tôi cũng biết rằng người bạn bị ông giết đã trở lại làm con trai của chúng tôi trong hiện tại. Lạ lùng thay, con trai chúng tôi sinh ra đã có một vết sẹo trên lưng trông hệt như vết đâm nếu như nó

up.

Fran's regression made complete sense to her. First of all, the anger she saw portrayed in the experience was parallel to Tom's uncontrollable anger. In addition, her husband's relationship with his own children had always been somewhat distant and Fran realized that in addition to their son having been killed in the past by his own father, one of the children in the wagon had returned as the couple's present-day daughter. She realized that the relationship each of them shared with her ex was simply a continuation of feelings from the past. Although Fran has remarried and now lives with "a wonderful partner," she admits she still has to deal with Tom on occasion and he is still able to make her angry—it is something she has vowed to overcome:

I know I still struggle with total forgiveness of this man, and yet I know it is something I need to do. He can still spark anger in me—whether it is over the unfairness of his prior actions, or even in the treatment of his grown children. I have to take a deep breath and remind myself that I must overcome this—or face yet another opportunity to work through it with this soul.

Another case illustrating the dynamics between divorce and the fulfillment of personal karma can be seen in the example of Doris Iverson, a forty-nine-year-old housewife at the time of her Edgar Cayce reading in 1943. Doris had a tremendous desire to work with children, especially young girls, but her husband (with whom she was having problems) was apparently against the idea of her having an independent career. Her reading confirmed her desire of working with children, stating it had also been her occupation throughout a number of previous incarnations.

không được khâu lại.

Lần hồi quy của Fran hoàn toàn hợp lý với bà. Trước hết, cơn giận mà bà thấy trong trải nghiệm song hành với cơn giận không thể kiểm soát của Tom. Thêm nữa, mối quan hệ của chồng bà với chính con cái mình luôn có phần xa cách và Fran nhận ra rằng ngoài việc con trai họ từng bị chính cha mình sát hại trong quá khứ, thì một trong những đứa trẻ trên cỗ xe ấy đã trở lại làm con gái của cặp đôi hiện nay. Bà hiểu rằng mối quan hệ mỗi đứa dành cho chồng cũ của bà đơn thuần là sự tiếp nối của những cảm xúc từ quá khứ. Dù Fran đã tái hôn và giờ sống với "một người bạn đời tuyệt vời", bà thừa nhận thỉnh thoảng vẫn phải đối diện với Tom và ông vẫn có thể chọc giận bà—điều mà bà đã nguyện quyết vượt qua:

Tôi biết mình vẫn vật lộn với việc tha thứ trọn vẹn cho người đàn ông này, và tôi cũng biết đó là điều tôi cần phải làm. Ông ấy vẫn có thể khơi dậy cơn giận trong tôi—dù là vì sự bất công trong các hành động trước kia của ông, hay ngay cả trong cách ông đối xử với những đứa con đã trưởng thành. Tôi phải hít một hơi thật sâu và tự nhắc mình rằng tôi phải vượt qua điều này—nếu không tôi sẽ lại đối mặt với một cơ hội khác để xử lý nó với linh hồn này.

Một trường hợp khác minh họa động lực giữa ly hôn và sự hoàn tất nghiệp quả cá nhân có thể thấy trong ví dụ về Doris Iverson, một người nội trợ bốn mươi chín tuổi vào thời điểm bà nhận bài đọc của Edgar Cayce năm 1943. Doris có ước muốn mãnh liệt được làm việc với trẻ em, đặc biệt là các bé gái, nhưng chồng bà (người bà đang gặp trục trặc) dường như phản đối việc bà theo đuổi một sự nghiệp độc lập. Bài đọc xác nhận ước muốn làm việc với trẻ em của bà, cho biết đó cũng là nghề nghiệp của bà trong nhiều kiếp sống trước.

According to the Cayce information, Doris had once helped couples establish their homes and prepare for the care of young children in a previous sojourn in ancient Egypt. During the formation of the early Christian Church, she had served in the role of a Mother Superior, seemingly attending to the needs of unwed mothers and their children. In Colonial America she had cared for her own family and still found the time to take in the children of other settlers, as well: "The entity was a homemaker—yes, with quite a family of its own; then in the name Geanet Hardcastle, the entity kept the children of others that were busy with the activities of the early settlers ... the entity gained and almost determined to ever give itself in such activities." (3379-2)

It was also during the colonial period that she and her present husband had most recently been together. Apparently, at the time, he had not at all been happy about the presence of so many children in their household. The resulting karmic memory was that her husband did not want her to pursue her interest with children in the present.

Cayce told Doris that in their colonial marriage they had got along much better after they had separated and that she might wish to pursue the same course of action today: "... when you got rid of him you got along much better, you may do the same today." The rationale she was given was as follows:

For the entity innately and manifestedly is a leader, a teacher, and an instructor for the young. Here it would be well not to allow the idiosyncrasies of one person—even though it is called the husband—to prevent the entity from fulfilling those abilities that are a part of the manner in which the entity may fulfil those purposes for which it entered this sojourn ...

Theo thông tin từ Cayce, Doris từng giúp các cặp vợ chồng lập gia thất và chuẩn bị chăm sóc con nhỏ trong một lần lưu trú trước đây ở Ai Cập cổ đại. Trong thời kỳ hình thành Giáo hội Cơ Đốc sơ khai, bà từng đảm nhận vai trò Mẹ Bề Trên, có vẻ như chăm lo cho các bà mẹ độc thân và con cái của họ. Ở thời thuộc địa châu Mỹ, bà chăm sóc gia đình mình và vẫn dành thời gian nhận nuôi con của những người định cư khác: "Thực thể là người nội trợ—vâng, với một gia đình khá đông của riêng mình; rồi dưới cái tên Geanet Hardcastle, thực thể còn trông nom con cái của người khác, những người bận rộn với các hoạt động của những người định cư đầu tiên ... thực thể đã thu hoạch và gần như quyết tâm mãi hiến dâng mình cho những hoạt động như thế." (3379-2)

Cũng vào thời kỳ thuộc địa, bà và người chồng hiện tại đã ở bên nhau gần đây nhất. Có vẻ như khi ấy, ông hoàn toàn không hài lòng với sự hiện diện của quá nhiều trẻ em trong nhà họ. Ký ức nghiệp quả phát sinh là người chồng không muốn bà theo đuổi mối quan tâm đến trẻ em trong hiện tại.

Cayce nói với Doris rằng trong cuộc hôn nhân thời thuộc địa, họ hòa thuận hơn nhiều sau khi chia tay và rằng hôm nay bà có thể muốn đi theo hướng tương tự: "... khi bà bỏ ông ấy, bà sống ổn hơn rất nhiều, hôm nay bà cũng có thể làm như vậy." Lý do bà được đưa ra như sau:

Vì thực thể bẩm sinh và biểu lộ đều là người lãnh đạo, là người dạy dỗ và hướng dẫn lớp trẻ. Ở đây, sẽ là tốt nếu không để những tính khí lập dị của một người—dù được gọi là người chồng—ngăn cản thực thể hoàn thành những năng lực vốn là một phần của cách thức nhờ đó thực thể có thể thực hiện những mục đích mà mình đã bước vào lần lưu trú này...

Yes, it is well for the entity to be wedded—this is the natural life of an individual entity in the earth. But when there are those relationships that prevent the fulfilling of the purposes for which the entity entered, and these become apparent and there is no altering, it is better that there be disassociations of such; that each may fall in that category through and in which they each may serve the God they have chosen in a life experience.

3379-2

On the other hand, Edgar Cayce told another couple not to divorce or separate in spite of their difficulties as each apparently needed the other in fulfilling their purpose in life and becoming better people. The reading told the two that they had been together on a number of occasions, including Jamestown, Rome and Persia. Some of their challenges seemed to be connected to the Roman experience when the wife had been in a position of nobility and her present husband had been drawn to her power but also repelled by her aloofness, as she held herself apart as a member of the upper class. Cayce advised the couple it was “not well to separate.” (280-1) Instead they were encouraged to stay together. The wife was encouraged to become a leavening influence, using kindness, gentleness and a quiet manner to calm his rash nature and emotional outbursts. She was also encouraged to pursue her spiritual interests, cultivating her own intuitive abilities and, in turn, the understanding of how she could help bring health and happiness into their household. Five years after the reading the husband passed away, and when the wife gave a follow-up report more than ten years later on her experience with the Cayce information, this is what she had to say, in part:

Yes, I still have a copy of my life reading. I

Vâng, hôn phối là điều tốt lành đối với thực thể—đó là đời sống tự nhiên của một thực thể cá nhân trên trần gian. Nhưng khi có những mối quan hệ ngăn trở việc hoàn thành các mục đích mà thực thể đã nhập thể vì chúng, và những điều này đã trở nên hiển nhiên mà không thể thay đổi, thì tốt hơn là có sự ly tán; để mỗi người có thể rơi vào phạm trù qua đó và trong đó họ mỗi người phụng sự Thượng đế mà họ đã chọn trong một kinh nghiệm đời sống.

3379-2

Mặt khác, Edgar Cayce lại khuyên một cặp đôi khác đừng ly hôn hay ly thân bất chấp khó khăn, vì mỗi người dường như cần người kia để hoàn thành mục đích sống và trở nên tốt hơn. Bài đọc cho hai người biết họ đã ở bên nhau nhiều lần, gồm cả ở Jamestown, La Mã và Ba Tư. Một số thử thách của họ dường như gắn với trải nghiệm ở La Mã, khi người vợ ở địa vị quý tộc và người chồng hiện tại bị hấp dẫn bởi quyền lực của bà nhưng cũng bị đẩy lùi bởi sự xa cách của bà, vì bà giữ mình tách biệt như một thành viên của tầng lớp thượng lưu. Cayce khuyên cặp đôi rằng “không nên ly thân.” (280-1) Thay vào đó, họ được khuyến khích ở bên nhau. Người vợ được khuyến khích trở thành ảnh hưởng làm dịu và nâng đỡ, dùng lòng tốt, sự dịu dàng và tác phong điềm đạm để làm nguôi tính hấp tấp và những cơn bộc phát cảm xúc của chồng. Bà cũng được khuyến khích theo đuổi mối quan tâm tinh thần, bồi dưỡng các năng lực trực giác của chính mình và, từ đó, thấu hiểu cách bà có thể mang lại sức khỏe và hạnh phúc cho gia đình họ. Năm năm sau bài đọc, người chồng qua đời, và khi người vợ gửi báo cáo tiếp nối hơn mười năm sau về kinh nghiệm của bà với thông tin từ Cayce, phần nào bà đã nói như sau:

Vâng, tôi vẫn giữ một bản chép bài đọc về đời

have read it over eleven or twelve times, mostly with friends ... My life reading is a solace to me, as these past-lives are proving a protection and a guidance, and an incentive to develop or grow in spiritual truth ...

We make our own karma, good or bad. As a result of my life reading, I have found peace and harmony through prayer and meditation, and the ability to help others to find themselves, in their trials and temptations, by holding to the ideal in the Creative Forces.

268-3 Report File

In a contemporary example of working through a karmic situation with a spouse, a woman learned from a psychic reading that the “competitive” relationship she had with her husband was directly connected to a time when the two had been neighboring nomadic leaders. Apparently, she had been less structured and more beloved by her people, while he had been extremely controlling, severe and yet more successful in making certain that the tribe had what it needed to survive. Their respective attitudes had continued into the present in terms of their relationship with their children. The woman also learned that his “air of superiority” was a holdover from that period, as well. Since he was open to the idea of reincarnation, the woman discussed the information with her husband and eventually the two agreed there appeared to be definite “patterns” that had resurfaced in the present— patterns that the psychic had identified without knowing the couple personally.

Because of the information, the woman became more understanding of her husband when she saw him fall into habitual responses, and her husband tried to become more aware of how he was coming across

sống của mình. Tôi đã đọc nó mười một hay mười hai lần, phần nhiều với bạn bè ... Bài đọc đời sống là niềm an ủi cho tôi, vì những tiền kiếp ấy đang tỏ ra là một sự bảo vệ và chỉ dẫn, và là động lực để phát triển hay lớn lên trong chân lý tinh thần ...

Chúng ta tự tạo nghiệp quả của mình, tốt hay xấu. Nhờ bài đọc đời sống, tôi đã tìm thấy bình an và hòa hợp qua cầu nguyện và tham thiền, và khả năng giúp người khác tìm lại chính mình, giữa thử thách và cám dỗ của họ, bằng cách nắm giữ lý tưởng trong Các Lực Sáng Tạo.

268-3 Hồ sơ Báo cáo

Một ví dụ đương đại về việc xử lý một tình huống nghiệp quả với người bạn đời: một phụ nữ biết từ một bài đọc thông linh rằng mối quan hệ “cạnh tranh” giữa bà và chồng trực tiếp liên hệ tới thời cả hai là các thủ lĩnh du mục ở hai bộ tộc láng giềng. Dường như, bà ít cấu trúc hơn và được dân mình yêu mến hơn, trong khi ông cực kỳ kiểm soát, nghiêm khắc nhưng lại thành công hơn trong việc đảm bảo bộ tộc có những gì cần để sinh tồn. Thái độ tương ứng của họ tiếp tục vào hiện tại trong cách họ đối xử với con cái. Người phụ nữ cũng được biết rằng “vẻ bề trên” của chồng cũng là tàn dư từ thời kỳ ấy. Vì ông cởi mở với ý tưởng về luân hồi, bà đã thảo luận thông tin với chồng và rốt cuộc cả hai đồng ý dường như có những “mẫu thức” rõ rệt đã tái xuất trong hiện tại—những mẫu thức mà nhà thông linh đã nhận diện dù không hề biết cá nhân về cặp đôi.

Nhờ thông tin đó, người vợ trở nên thấu hiểu hơn với chồng mỗi khi thấy ông rơi vào các phản ứng theo thói quen, và người chồng cố gắng ý thức hơn về cách ông đang thể hiện và đối xử với các thành viên trong gia đình:

and treating members of his family: “Like a tribal leader who knows what’s best for everyone,” a tendency he had still fallen into from time to time. However, the couple has essentially worked through the former problems in their relationship. Today, the wife says: “Sometimes, I still see remnants of his former attitude but he is doing much, much better. I’m glad we stuck it out. We’ve become partners in life and I’ve gained a husband who is extremely devoted.”

Miscellaneous examples of karma between spouses that can be gleaned from the Edgar Cayce material also include the following:

A husband and wife who apparently had a hard time cooperating with one another as well as difficulty treating each other as equals were told that this karmic challenge could be traced to two previous past-lives. In their most recent past life, she had been a male and her husband had been her employer. Previous to that, she had been of royalty in Egypt and her present-day husband had been a eunuch manservant that served under her rule. When asking for advice, the husband was told: “In thine seeking, in thine understanding, make that thou savorest of self do no more than that required of thine neighbor. Be tolerant ... keep thine own body, thine own mind, thine own soul, in readiness to serve where the Master leads.” (473-1)

Another couple learned that the tendency each possessed toward low self-esteem and belittling behaviors arose from an ancient Egyptian incarnation when the two had also been together. At that time they had jointly shared a position of leadership but the two had been frequently doubted and questioned in terms of their motives and leadership abilities. That questioning had led to the questioning of self—a trait that continued into the present. The wife was encouraged to overcome her karmic memory by ministering, teaching or

“Như một thủ lĩnh bộ tộc biết điều gì là tốt nhất cho mọi người,” một khuynh hướng mà đôi lúc ông vẫn sa vào. Tuy vậy, cặp đôi về cơ bản đã vượt qua những vấn đề trước kia trong mối quan hệ. Hôm nay, người vợ nói: “Đôi khi tôi vẫn thấy tàn dư của thái độ cũ nơi anh ấy nhưng anh đang tiến bộ hơn rất nhiều. Tôi mừng là chúng tôi đã kiên trì. Chúng tôi đã trở thành bạn đồng hành trong đời và tôi đã có được một người chồng cực kỳ tận tụy.”

Những ví dụ tạp lục về nghiệp quả giữa vợ chồng có thể rút ra từ tài liệu của Edgar Cayce còn gồm những điều sau:

Một cặp vợ chồng dường như rất khó hợp tác với nhau cũng như khó đối xử bình đẳng với nhau được cho biết thử thách nghiệp quả này có thể truy nguyên tới hai tiền kiếp. Trong kiếp gần đây nhất, bà từng là nam giới và chồng bà là chủ của bà. Trước đó nữa, bà là người hoàng tộc ở Ai Cập và người chồng hiện tại là một hoạn quan hầu cận phục dịch dưới quyền bà. Khi xin lời khuyên, người chồng được nói: “Trong sự tìm kiếm của người, trong sự thấu hiểu của người, hãy khiến điều người ưa thích nơi bản thân không làm quá hơn điều được yêu cầu nơi người lân cận của người. Hãy khoan dung ... hãy giữ thân, trí và linh hồn của người sẵn sàng để phụng sự nơi Thầy dẫn dắt.” (473-1)

Một cặp đôi khác biết rằng khuynh hướng mà mỗi người có—tự ti và có hành vi hạ bệ—phát sinh từ một lần hóa thân ở Ai Cập cổ khi hai người cũng ở bên nhau. Khi ấy họ cùng chia sẻ một vị trí lãnh đạo nhưng thường xuyên bị hoài nghi và chất vấn về động cơ và năng lực lãnh đạo. Sự hoài nghi đó đã dẫn đến hoài nghi chính mình—một đặc tính kéo dài đến hiện tại. Người vợ được khuyến khích vượt qua ký ức nghiệp quả của mình bằng cách phụng sự, dạy dỗ hoặc truyền đạt các chân lý tinh thần cho người khác qua chữ viết, còn người chồng được khuyên dùng

communicating spiritual truths to others through the written word, whereas the husband was encouraged to use his position as an executive to inspire and motivate his employees (1315-2 and 437-2).

On another occasion, a woman inquiring about the karmic connection between herself and her demanding husband was told that their present-day experience was the result of at least two previous experiences. In one of her past lives she had been a kind of seer and prophetess who had men waiting on her hand and foot. In an even earlier incarnation in the Gobi, she had been a leader and teacher who directed the affairs of many. In both of those experiences her husband had been her servant. In the language of the readings: “For ever has the husband been as the servant—as thou servest now!” (1580-1)

Another woman, whose husband’s career as a naval lieutenant often “ran her ragged,” was told that in her most recent lifetime she was instrumental in preparing ships for sea. In inquiring about the karmic connection to her husband, she was told it had most notably been from that period: “In the experience before this—you ran him ragged for a while, and then settled down ... in the present the experience is almost reversed but ye will keep the faith together. Ye have much to work out together.” (3047-1)

In terms of building positive relationships with a spouse, the Edgar Cayce information offers a wealth of advice that is not only invaluable at building for the future, but also as a means of overcoming negative karmic memory from the past. For example, on one occasion when a twenty-year-old woman inquired whether her marriage to her fiancé would result in a “spiritual, mental and physical union,” Cayce replied that it would become such if the two simply chose to make it so. In terms of how to bring it about, the

cương vị giám đốc để truyền cảm hứng và động viên nhân viên (1315-2 và 437-2).

Trong một dịp khác, một phụ nữ hỏi về mối liên hệ nghiệp quả giữa bà và người chồng đòi hỏi của mình được cho biết rằng trải nghiệm hiện tại là kết quả của ít nhất hai trải nghiệm trước. Trong một kiếp, bà là một kiểu nhà tiên tri và nữ tiên tri được đàn ông hầu hạ tận tay. Trong một kiếp còn sớm hơn ở Gobi, bà là một lãnh đạo và giáo sư hướng dẫn công việc của nhiều người. Ở cả hai trải nghiệm ấy, người chồng hiện tại từng là đầy tớ của bà. Theo ngôn ngữ của các bài đọc: “Từ bao đời, người chồng vẫn là kẻ đầy tớ—như người đang hầu hạ bây giờ!” (1580-1)

Một phụ nữ khác, người mà sự nghiệp trung úy hải quân của chồng thường “khiến bà kiệt sức,” được cho biết rằng trong kiếp gần đây nhất bà đóng vai trò chủ chốt trong việc chuẩn bị tàu thuyền ra khơi. Khi hỏi về mối liên hệ nghiệp quả với chồng, bà được cho biết nó đáng kể nhất là từ thời kỳ đó: “Trong trải nghiệm trước kiếp này—bà đã làm ông ấy kiệt sức một thời gian, rồi sau đó ổn định lại ... trong hiện tại trải nghiệm gần như đảo ngược nhưng hai người sẽ giữ vững đức tin cùng nhau. Hai người còn rất nhiều điều cần giải quyết chung.” (3047-1)

Xét về xây dựng mối quan hệ tích cực với người bạn đời, thông tin từ Edgar Cayce đưa ra vô vàn lời khuyên không chỉ vô giá cho việc kiến tạo tương lai mà còn là phương cách vượt qua ký ức nghiệp quả từ quá khứ. Chẳng hạn, trong một dịp khi một phụ nữ hai mươi tuổi hỏi liệu cuộc hôn nhân với vị hôn phu có trở thành một “sự hiệp nhất tinh thần, trí tuệ và thể xác” hay không, Cayce trả lời rằng nó sẽ trở thành như vậy nếu đơn giản cả hai chọn làm cho nó như thế. Về cách để đạt được điều ấy, lời khuyên như sau: “Không

advice was as follows: “Not continually seeking or finding fault, either one with the other—but correcting the errors, the faults, the shortcomings in self; and ye will bring the best that is in self and make for the manifesting of the best that is in thy helpmate.” (1722-1)

Similarly, when a thirty-four-year-old business manager asked about his relationship with his wife and wanted additional information as to how they could meet their karmic memory, the reading promised that as they worked together with a common ideal they could become “a complement to the other.” Cayce stated that, in spite of their attempting to work together, because of the nature of relationships there would definitely be “periods of disturbance.” In order to meet those challenges, part of his advice was to “not both get angry at the same time.” He also recommended the following:

Let the ideals and the principles of each be one. Their manner of approach, their manner of thought need not necessarily be the same, but the purpose, the desire, the hopes, the welfare of each should be as is indicated in such a union, one for the other. Each should be ever mindful as to the welfare of that as may be for the glorifying of the truth, beauty, love, hope, self-sacrifice in their relationships not only to one another but to their problems, their joys, their sorrows, their blessings, their downittings. All of these, let them be with that attitude as of a helpmeet one to the other.

341-48

Finally, when a twenty-three-year-old woman obtained a reading on her impending marriage and asked for advice on how she might adjust to her new life and establish a happy home, she was encouraged to pattern it after what she might surmise

liên tục bới móc hay tìm lỗi, người này đối với người kia—mà hãy sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, thiếu sót nơi chính mình; và các người sẽ mang điều tốt nhất nơi mình ra và làm cho điều tốt nhất nơi người bạn đời được biểu lộ.” (1722-1)

Tương tự, khi một người quản lý kinh doanh ba mươi bốn tuổi hỏi về mối quan hệ với vợ và muốn thêm thông tin về cách họ có thể đáp ứng ký ức nghiệp quả của mình, bài đọc hứa rằng khi họ cùng làm việc với một lý tưởng chung, họ có thể trở thành “sự bổ sung cho nhau.” Cayce nói rằng, mặc dù họ cố gắng làm việc cùng nhau, vì bản chất của các mối quan hệ nên chắc chắn sẽ có “những thời kỳ rối động.” Để đối mặt những thử thách đó, một phần lời khuyên là “đừng cả hai cùng nổi giận cùng lúc.” Ông cũng khuyến nghị như sau:

Hãy để lý tưởng và các nguyên tắc của mỗi người là một. Cách tiếp cận, cách tư duy của họ không nhất thiết phải giống nhau, nhưng mục đích, ước muốn, hy vọng, phúc lợi của mỗi người nên là, như được chỉ ra trong một hôn phối như vậy, người này vì người kia. Mỗi người phải luôn lưu tâm đến phúc lợi của điều có thể nhằm tôn vinh chân lý, vẻ đẹp, tình thương, hy vọng, tự hy sinh trong các mối liên hệ không chỉ giữa họ với nhau mà còn đối với các vấn đề, niềm vui, nỗi buồn, phước lành, sa sút của họ. Tất cả những điều này, hãy để chúng được thực hiện với thái độ như của một người bạn đời trợ giúp cho người kia.

341-48

Cuối cùng, khi một phụ nữ hai mươi ba tuổi nhận một bài đọc về cuộc hôn nhân sắp tới và xin lời khuyên về cách bà có thể thích nghi với đời sống mới và kiến tạo một tổ ấm hạnh phúc, bà được khuyến khích mô hình hóa nó theo điều bà có thể suy đoán là một “ngôi nhà

was a “heavenly home.” The information she received portrays the ideal relationship environment that is depicted within the Edgar Cayce readings:

Not as that set aside for only a place to sleep or to rest, but where not only self but all who enter there may feel, may experience, by the very vibrations that are set up by each in the sacredness of the home, a helpfulness, a hopefulness in the air about the home. As not only a place of rest, not only a place of recreation for the mind, not only a place as a haven for the bodies and minds of both but for all that may be as visitors or as guests. And remember those injunctions that have been in thine experience in many of thine sojourns, and be thou mindful of the entertaining of the guests; for some have entertained angels unawares. Make thine home, thine abode, where an angel would desire to visit, where an angel would seek to be a guest. For it will bring the greater blessings, the greater glories, the greater contentment, the greater satisfaction; the glorious harmony of adjusting thyself and thy relationships one with another in making same ever harmonious. Do not begin with, “We will do it tomorrow—we will begin next week—we will make for such next year.” Let that thou sowest in thy relationships day by day be the seeds of truth, of hope, that as they grow to fruition in thy relationships, as the days and the months and the years that are to come go by, they will grow into that garden of beauty that makes indeed for the home.

480-20

thiên giới.” Thông tin bà nhận được khắc họa môi trường quan hệ lý tưởng, như được trình bày trong các bài đọc của Edgar Cayce:

Không phải như nơi chỉ dành riêng để ngủ hay nghỉ, mà là nơi không chỉ bản thân mà mọi ai bước vào đó đều có thể cảm nhận, có thể trải nghiệm, qua chính các rung động được dựng lên bởi mỗi người trong tính thiêng liêng của mái ấm, một sự nâng đỡ, một niềm hy vọng trong bầu khí của ngôi nhà. Không chỉ như chốn nghỉ ngơi, không chỉ như nơi dưỡng trí, không chỉ như bến bờ cho thân và tâm của cả hai mà cho mọi ai có thể là khách thăm hay người trú ngụ. Và hãy nhớ những mệnh lệnh đã có trong kinh nghiệm của người qua nhiều lần lưu trú, và hãy lưu tâm đến việc tiếp đãi khách; vì có người đã tiếp đãi các thiên thần mà không hay biết. Hãy làm cho nhà người, chỗ ở của người, thành nơi một thiên thần ước ao viếng thăm, nơi một thiên thần muốn làm khách. Vì điều đó sẽ mang đến những phước lành lớn lao hơn, những vinh quang lớn lao hơn, sự mãn nguyện lớn lao hơn, sự thỏa lòng lớn lao hơn; hòa điệu vinh quang của việc điều chỉnh chính người và các mối liên hệ giữa hai người để khiến chúng luôn hài hòa. Đừng bắt đầu bằng câu, “Chúng ta sẽ làm vào ngày mai—chúng ta sẽ bắt đầu tuần tới—chúng ta sẽ tạo như thế vào năm sau.” Hãy để điều người gieo trong các mối liên hệ của mình mỗi ngày là hạt giống của chân lý, của hy vọng, để khi chúng lớn lên kết trái trong các mối liên hệ của người, khi những ngày, những tháng và những năm sắp tới trôi qua, chúng sẽ lớn thành khu vườn của vẻ đẹp, nơi thực sự tạo nên mái ấm.

480-20



3

Karmic Relationships Between Children and Parents—Các Mối Quan Hệ Nghiệp Quả Giữa Con Cái và Cha Mẹ

Q. For what purpose did I choose my present parents in this incarnation?

Hỏi. Vì mục đích gì tôi đã chọn cha mẹ hiện tại trong lần lâm phạm này?

A. For thine own enlightenment, and thy parents' understanding.

Đáp. Vì sự giác ngộ của chính ngươi, và sự thấu hiểu của cha mẹ ngươi.

2632-1

2632-1



Regardless of how individuals may feel about their families, the Edgar Cayce information suggests that part of the lawfulness of karma entails drawing specific individuals to one another, providing the opportunity for souls to learn specific lessons along the way. Stated more simply, people choose their parents. Although this concept of choice may make sense to individuals who were brought up with loving parents or raised in a supportive home environment, the idea may be somewhat challenging for those with extremely difficult upbringings or even with parents who were cruel and abusive. Why would a child choose to be born into such an environment? Why would individuals choose parents who didn't nurture and love

Bất kể mỗi người cảm thấy thế nào về gia đình mình, thông tin từ Edgar Cayce gợi rằng một phần trong tính luật định của nghiệp quả là lôi kéo những cá nhân nhất định đến với nhau, tạo cơ hội để các linh hồn học những bài học xác định trên đường đi. Nói đơn giản hơn, con người chọn cha mẹ của mình. Dù khái niệm lựa chọn này có thể hợp lý với những ai lớn lên cùng cha mẹ yêu thương hoặc trong môi trường gia đình nâng đỡ, ý tưởng ấy có thể khá thách thức đối với những người có tuổi thơ cực kỳ khó khăn hay thậm chí có cha mẹ độc ác và bạo hành. Vì sao một đứa trẻ lại chọn sinh vào một môi trường như vậy? Vì sao người ta lại chọn những bậc cha mẹ không dưỡng nuôi và yêu thương họ? Rất có thể, câu trả lời là không một con người biết suy nghĩ nào lại chọn một

them? In all likelihood, the answer is that no thinking human being would ever choose such a situation. However, that choice is not made at the level of human consciousness, it is made at the level of the soul.

From Cayce's perspective the soul is a spiritual being that, while in the earth, is having a physical experience. The seven to ten decades in human consciousness experienced at the level of personality are a mere flicker of an instant when balanced against the eternality of the soul. In the same manner that individuals will commit to a short period of intense training or an aggressive and demanding educational experience (like boot camp or medical school) in order to experience the rewards that lay beyond, the soul picks specific experiences in order to learn lessons important to the individual's personal growth and development.

With this in mind, a soul that has a problem with a rash and explosive temper might pick a parent with the very same problem as a means of eradicating it from the self. Conversely, an individual with a soul mission of helping vulnerable children could choose to be born into an abusive situation in order to be able to relate to the very same individuals that he or she would eventually try to help. Another possibility is that sometimes individuals get to personally encounter the same things they once imposed upon another. To be sure, people can also choose parents and family members with whom they have been close, and who have been extremely helpful in previous incarnations—picking up exactly where they left off. The case histories for the individuals who came to Edgar Cayce for assistance corroborate each of these situations, and others, as being genuine workings of karmic memory through the process of reincarnating into the earth.

Cayce biographer, Thomas Sugrue, both

tình huống như thế. Tuy nhiên, sự lựa chọn ấy không được thực hiện ở cấp độ tâm thức con người, nó được thực hiện ở cấp độ của linh hồn.

Theo quan điểm của Cayce, linh hồn là một thực thể tinh thần, trong khi ở trần gian đang có một trải nghiệm thể chất. Bảy đến mười thập kỷ trong tâm thức con người, được trải nghiệm ở cấp độ phàm ngã, chỉ như tia lóe của một khoảnh khắc nếu đặt lên bàn cân với tính vĩnh cửu của linh hồn. Tương tự như cách con người sẵn sàng cam kết một giai đoạn huấn luyện khốc liệt ngắn hạn hay một trải nghiệm giáo dục căng thẳng và đòi hỏi (như trại huấn luyện tân binh hay trường y) để gặt hái phần thưởng phía sau, linh hồn chọn những trải nghiệm xác định để học các bài học quan trọng cho sự trưởng thành và phát triển cá nhân của mỗi người.

Với điều này trong tâm, một linh hồn có vấn đề với tính nóng nảy bộc phát có thể chọn một người cha hay mẹ có đúng vấn đề như vậy như phương tiện trừ tiết nó nơi bản thân. Ngược lại, một người có sứ mệnh linh hồn là giúp đỡ trẻ em dễ tổn thương có thể chọn sinh vào một hoàn cảnh bạo hành để có thể đồng cảm với chính những đối tượng mà người ấy rất cuộc sẽ tìm cách giúp đỡ. Khả thể khác là đôi khi con người trực tiếp trải nghiệm chính những điều họ từng áp đặt lên kẻ khác. Chắc chắn là, người ta cũng có thể chọn cha mẹ và các thành viên gia đình mà họ từng thân thiết, từng giúp đỡ họ rất nhiều trong các kiếp trước—tiếp tục chính xác từ nơi đã dở dang. Những tiểu sử trường hợp của những người tìm đến Edgar Cayce cầu trợ đều xác nhận từng tình huống như vậy, và các tình huống khác, như những vận hành chân thực của ký ức nghiệp quả thông qua tiến trình tái sinh vào trần gian.

Nhà viết tiểu sử của Cayce, Thomas Sugrue,

knew Edgar Cayce and for a time lived in the Cayce home. During the process of writing the biography, *There Is a River*, Sugrue obtained a reading and asked a couple of questions about children choosing to be born into the earth. He planned to use the information that he obtained by weaving it into the “Philosophy” chapter of *There Is a River*. One of Sugrue’s questions was: “Does the incoming soul take on some of the parents’ karma?” Cayce responded, “Because of its relative relationship to same, yes. Otherwise, no.” (5749-14) The answer suggests that the “parents’ karma” was only taken on by the incoming soul if it had been personally involved in the situation that had created the karma in the first place. In this instance, the karmic memory would belong to the child as much as it belonged to the parents.

Another question asked by Sugrue was, “Are there several patterns which a soul might take on, depending on what phase of development it wished to work upon—i.e., could a soul choose to be one of several personalities, any of which would fit its individuality?” Cayce’s response was simply, “Correct,” suggesting that there is much more to the soul than is manifested by the personality and that the soul is often involved in choosing what lessons it hopes to work with at any moment in time.

Oftentimes, individuals only briefly inquired about present-day family relationships. In those instances, rather than outlining detailed biographical sketches of the past, the readings simply presented brief explanations of the karmic memory experienced in the present. Some of these examples of the karmic connection between children and their parents are as follows:

On one occasion, a middle-aged woman wanted to know why her father had been

vừa quen biết Edgar Cayce vừa có thời gian sống trong nhà Cayce. Trong quá trình viết cuốn tiểu sử *Có Một Dòng Sông*, Sugrue nhận một bài đọc và hỏi vài câu về việc con cái chọn sinh vào trần gian. Ông dự định dùng thông tin thu nhận được để dệt vào chương “Triết lý” của *Có Một Dòng Sông*. Một câu hỏi của Sugrue là: “Linh hồn sắp nhập thể có gánh một phần nghiệp quả của cha mẹ không?” Cayce đáp, “Vì mối liên hệ tương quan với điều đó, có. Bằng không thì không.” (5749-14) Câu trả lời gợi rằng “nghiệp quả của cha mẹ” chỉ được linh hồn nhập thể gánh vác nếu nó từng trực tiếp dính líu vào tình huống tạo ra nghiệp quả ngay từ đầu. Trong trường hợp này, ký ức nghiệp quả sẽ thuộc về đứa trẻ cũng như thuộc về cha mẹ.

Một câu hỏi khác Sugrue nêu ra là, “Có nhiều mẫu thức mà linh hồn có thể nhận vào, tùy theo giai đoạn phát triển mà nó muốn làm việc—tức là, liệu một linh hồn có thể chọn trở thành một trong vài phạm ngã khác nhau, mà bất kỳ phạm ngã nào trong số đó cũng phù hợp với cá tính chân thực của nó không?” Cayce đáp đơn giản, “Đúng vậy,” gợi rằng có nhiều hơn rất nhiều nơi linh hồn so với điều được biểu lộ qua phạm ngã và rằng linh hồn thường tham dự vào việc chọn những bài học nó hy vọng sẽ làm việc vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhiều khi, người ta chỉ hỏi lướt qua về các mối quan hệ gia đình hiện tại. Trong những lần như vậy, thay vì phác họa các nét tiểu sử chi tiết của quá khứ, các bài đọc chỉ đưa ra những giải thích ngắn gọn về ký ức nghiệp quả đang được trải nghiệm trong hiện tại. Một số ví dụ về mối liên hệ nghiệp quả giữa con cái và cha mẹ như sau:

Trong một lần, một phụ nữ trung niên muốn biết vì sao cha bà lại là nguồn gây đối kháng

such a source of antagonism for her. Cayce responded that it was simply the meeting of self: "For thou also antagonized him." (1183-1)

A mother and daughter who were frequently at odds with one another were told that the issue between them was one of control. The two had apparently switched past-life roles in that the daughter had once been her mother's mother. Cayce explained, "Thus often the questioning as to who shall be boss." (2969-2)

Actually, the switching of parental-child roles seems to be a frequent karmic response throughout many of the case histories contained in the Cayce files. For example, a seventy-two-year-old woman thinking of retirement and living with her daughter was encouraged to do so, just as her daughter had once lived with her when "conditions were reversed." (851-2) On another occasion, a thirty-one-year-old woman discovered that her three-year-old son had once been her father. At the time he had attempted to control and direct her. Part of the reason the youth had chosen her to be his mother was in an effort to have her help him "temper" this tendency (1294-1). A forty-nine-year-old woman learned that her present-day son had once been essentially her adoptive father: "Hence as ye will find, so oft thy present son would tell thee what to do!" (3576-1) When a sixty-nine-year-old farmer inquired about the karmic relationship he had experienced with his son, Cayce responded: "In the experience before this he gave you a good licking once, as ye have given him several this time! These are still innate things that must be worked out. Ye have come together for good. Don't lose patience with yourself nor with thy son." (2051-5) These are just a few of the many examples of role reversal from the readings.

When a thirty-two-year-old woman asked the reason that she and her mother were

với bà đến vậy. Cayce đáp rằng đó chỉ là cuộc gặp gỡ với chính mình: "Vì chính người cũng đã đối kháng ông ấy." (1183-1)

Một bà mẹ và cô con gái thường xuyên bất hòa được cho biết vấn đề giữa họ là chuyện kiểm soát. Hai người dường như đã hoán đổi vai trò tiền kiếp khi cô con từng là mẹ của mẹ mình. Cayce giải thích, "Bởi vậy, thường xuyên có sự chất vấn ai sẽ là người làm chủ." (2969-2)

Thực tế, việc hoán đổi vai trò cha mẹ—con cái dường như là một đáp ứng nghiệp quả khá phổ biến xuyên suốt nhiều hồ sơ trường hợp trong tài liệu Cayce. Chẳng hạn, một phụ nữ bảy mươi hai tuổi đang nghĩ đến nghỉ hưu và sống với con gái được khuyến khích làm như vậy, y như khi cô con từng sống với bà khi "các điều kiện bị đảo ngược." (851-2) Trong một dịp khác, một phụ nữ ba mươi mốt tuổi phát hiện rằng con trai ba tuổi của mình từng là cha của bà. Khi ấy ông từng cố kiểm soát và điều khiển bà. Một phần lý do cậu bé chọn bà làm mẹ là để nhờ bà giúp cậu "làm dịu" khuynh hướng này (1294-1). Một phụ nữ bốn mươi chín tuổi biết rằng con trai hiện tại của bà từng về bản chất là cha nuôi của bà: "Bởi vậy như người sẽ thấy, con trai hiện tại của người thường hay bảo người phải làm gì!" (3576-1) Khi một nông dân sáu mươi chín tuổi hỏi về mối liên hệ nghiệp quả ông từng trải qua với con trai, Cayce đáp: "Trong trải nghiệm trước kiếp này nó đã cho ông một trận đòn nên thân, như ông đã cho nó vài trận lần này! Đây vẫn là những điều bẩm sinh cần phải được giải quyết. Hai người đã đến với nhau vì điều lành. Đừng mất kiên nhẫn với chính mình cũng như với con trai của ông." (2051-5) Đây chỉ là vài ví dụ trong muôn vàn trường hợp hoán đổi vai trò từ các bài đọc.

Khi một phụ nữ ba mươi hai tuổi hỏi lý do vì sao bà và mẹ lại có quan hệ như hiện tại,

related in the present, Cayce explained that the two were reversing the roles they had lived in a French incarnation. Rather than seeing her relationship with her mother as an obligation or a duty, she was encouraged to see it as an “opportunity” to correct what had once gone wrong. The readings suggested that there was still a purpose for them to work together:

Where individuals come together in such an association, ever there is something to be worked out. For one has been or is dependent upon the other for some expression or some means or manner of reaching a development or an attunement to the Creative Forces in the experiences of each.

1695-1

Another woman was told that the two seemingly different relationships she possessed with her daughter were connected to two experiences from the past that had each created their own karmic memory. In one experience the daughter had been a one-time friend who eventually turned away from the friendship. It was from that experience that doubt and resentment often arose. In another lifetime, her present-day daughter had been her daughter then. From that lifetime there was the urge for the daughter to turn to her mother for counsel and advice, just as she had done in that previous incarnation. (2620-2)

These types of examples briefly describing the karmic connections between parents and children are contained throughout the Edgar Cayce life readings. There are also detailed case histories that present fascinating glimpses into how karmic memory works and how it sometimes involves every member of the family. The story of Franklin Wagner, his wife Julia, and

Cayce giải thích rằng hai người đang đảo ngược những vai đã sống trong một kiếp ở Pháp. Thay vì xem mối quan hệ với mẹ như nghĩa vụ hay bổn phận, bà được khuyến khích coi đó là một “cơ hội” để chỉnh sửa điều từng sai hỏng. Các bài đọc gợi rằng vẫn còn mục đích để họ làm việc cùng nhau:

Khi các cá nhân đến với nhau trong một liên kết như vậy, luôn luôn có điều gì đó cần được giải quyết. Vì một người đã là hoặc đang lệ thuộc vào người kia cho một biểu hiện nào đó hay một phương cách nào đó để đạt một phát triển hoặc một sự hòa điệu với Các Lực Sáng Tạo trong các kinh nghiệm của mỗi người.

1695-1

Một phụ nữ khác được cho biết rằng hai mối quan hệ dường như khác nhau mà bà có với con gái gắn với hai trải nghiệm trong quá khứ, mỗi trải nghiệm tạo ra ký ức nghiệp quả riêng. Trong một trải nghiệm, cô con từng là một người bạn thuở nào rồi cuộc quay lưng với tình bạn. Từ trải nghiệm đó, hoài nghi và oán hờn thường nảy sinh. Ở một kiếp khác, cô con hiện tại từng là con gái của bà khi ấy. Từ kiếp đó có một thôi thúc để cô con tìm đến mẹ xin lời khuyên và chỉ dẫn, y như cô từng làm trong hóa thân trước. (2620-2)

Những dạng ví dụ như thế—mô tả ngắn gọn các mối liên hệ nghiệp quả giữa cha mẹ và con cái—có mặt xuyên suốt các bài đọc đời sống của Edgar Cayce. Cũng có những hồ sơ trường hợp chi tiết đưa ra những thoáng nhìn hấp dẫn về cách ký ức nghiệp quả vận hành và cách đôi khi nó liên quan đến mọi thành viên trong gia đình. Câu chuyện của Franklin Wagner, vợ ông là Julia, và con gái

their daughter Debbie is one such example:

Debbie Wagner was twelve years old when the family came to Edgar Cayce for help. The girl was prone to epileptic fits, and family friends had referred the parents for a reading. Debbie's condition had caused her parents much concern, and previously they had sought out quite a number of medical professionals to assist their daughter.

Cayce gave a physical reading that outlined a series of treatments that Franklin and Julia were encouraged to follow. The couple also received life readings that got to the heart of their present situation, as well as the karmic memory involved. During the American Revolution, Franklin and Julia had been married. At the time, the couple believed in the sanctity of the British Crown and they were horrified with the idea that the colonies were trying to gain independence. As a result, they coerced their grown daughter into spying for England. During that incarnation, the girl was both attractive and had a highly developed sense of intuition—apparently, both her body and her psychic abilities had been used in service to the Crown. The couple was told that this daughter had reincarnated as Debbie in the present.

Because the couple had used their daughter for their own selfish purposes, much of their life in the present was spent trying to get help for the girl. Because Debbie had once controlled others with her physical charms as well as her intuitive talents, the epileptic fits had come as a means of making her lose control in the present. It was through the family relationship that each individual was being given the opportunity to heal what had once gone awry. In the language of the readings, “each soul must meet its own self” (2345-1) In an effort to clarify the information and the karmic connection between the three, Hugh Lynn Cayce (Edgar Cayce's eldest son) sent a letter to Franklin,

họ Debbie là một ví dụ như vậy:

Debbie Wagner mười hai tuổi khi gia đình tìm đến Edgar Cayce để được giúp đỡ. Cô bé hay lên cơn động kinh, và bạn bè của gia đình đã giới thiệu cha mẹ đến xin một bài đọc. Tình trạng của Debbie khiến cha mẹ cô hết sức lo lắng, và trước đó họ đã tìm đến khá nhiều chuyên gia y khoa để giúp con gái.

Cayce đưa ra một bài đọc về thể xác, phác thảo một loạt phương thức trị liệu mà Franklin và Julia được khuyến khích làm theo. Cặp đôi cũng nhận các bài đọc về đời sống, đi thẳng vào trọng tâm tình cảnh hiện tại của họ, cũng như ký ức nghiệp quả dính líu. Vào thời Cách mạng Mỹ, Franklin và Julia là vợ chồng. Khi ấy, hai người tin vào tính thiêng liêng của Vương quyền Anh và kinh hoàng trước ý tưởng các thuộc địa muốn giành độc lập. Hệ quả là, họ ép buộc cô con gái đã trưởng thành của mình làm gián điệp cho nước Anh. Trong hóa thân đó, cô gái vừa xinh đẹp vừa có trực giác phát triển cao—rõ ràng, cả thân xác lẫn năng lực thông linh của cô đều được dùng để phục vụ Vương quyền. Cặp đôi được cho biết người con gái ấy đã tái sinh thành Debbie trong hiện tại.

Bởi vì cặp đôi từng sử dụng con gái cho mục đích ích kỷ của riêng họ, phần lớn đời sống hiện tại của họ được dành ra để tìm kiếm sự trợ giúp cho cô bé. Bởi vì Debbie từng kiểm soát người khác bằng sức hấp dẫn thể xác cũng như tài năng trực giác, các cơn động kinh đã đến như một phương tiện làm cô đánh mất quyền kiểm soát trong hiện tại. Chính qua mối quan hệ gia đình mà mỗi cá nhân được trao cơ hội để chữa lành điều từng trật đường ray. Theo ngôn ngữ của các bài đọc, “mỗi linh hồn phải đối diện với chính mình” (2345-1). Nhằm làm sáng tỏ thông tin và mối liên hệ nghiệp quả giữa ba người, Hugh Lynn Cayce (con trai cả của Edgar Cayce) đã gửi thư cho Franklin, giải thích

explaining the situation as follows:

Your daughter's life reading indicates that a [karmic] debt was the basic cause of her physical condition at this time ...

As I understand the picture, in the incarnation just before this, during the period of the American Revolution, you and your wife had a child, this same girl who is your daughter today. At that time you believed in and worked for a British cause. You were instrumental in encouraging and perhaps forcing your daughter to act as a spy in securing information which could be used against the colonies. This in itself need not have been necessarily wrong, but evidently the methods employed broke the spiritual law in that they destroyed the ideals of the girl. I call your attention to the reference in your daughter's readings on page two, "as to relationship which excited the fires of physical beings of many."

Evidently your daughter was then possessed of some psychic ability which was misused ... Evidently you attempted to force the girl to use the psychic ability, which you did not understand, to control others and to secure information which you desired. In your own reading we find the reference to "periods of confusion brought on by these attempt to gather data and information for use of those the entity felt were in authority." (Evidently referring here to the British authority.)

It is interesting to note that all psychic abilities involve the ductless glands of the body. The pineal, the pituitary, the thyroid and the adrenal as well as glands of reproduction are all connected in the expression of any psychic faculty. The fact that your daughter misused such ability in a previous incarnation brings over into the present the tendency, directed through the

tình huống như sau:

Bài đọc đời sống của con gái ông cho thấy rằng một món nợ [nghiệp quả] là nguyên nhân cơ bản của tình trạng thể chất của cháu lúc này ...

Theo sự hiểu của tôi về bức tranh này, trong hóa thân ngay trước hiện tại, vào thời kỳ Cách mạng Mỹ, ông và vợ có một đứa con, chính cô gái ấy là con gái ông hôm nay. Lúc đó ông tin và làm việc cho một mục tiêu của người Anh. Ông là người đã khuyến khích và có lẽ cưỡng bức con gái mình hành động như một gián điệp nhằm thu thập thông tin có thể dùng chống lại các thuộc địa. Tự bản thân việc này không nhất thiết là sai, nhưng hiển nhiên các phương thức được dùng đã phá vỡ luật thiêng liêng ở chỗ chúng phá hủy các lý tưởng của cô gái. Tôi xin lưu ý ông đoạn tham chiếu trong các bài đọc của con gái ông ở trang hai: "về mối liên hệ đã khơi lửa dục tính của nhiều người."

Hiển nhiên con gái ông khi ấy có một số khả năng thông linh đã bị lạm dụng ... Rõ ràng ông đã cố ép cô gái sử dụng năng lực thông linh—mà ông không hiểu—để kiểm soát người khác và thu thập thông tin ông mong muốn. Trong bài đọc riêng của ông, chúng ta thấy câu tham chiếu đến "những thời kỳ rối trí do những nỗ lực này nhằm thu thập dữ kiện và thông tin để sử dụng cho những người mà thực thể cảm thấy là có thẩm quyền." (Rõ ràng ở đây là tham chiếu tới nhà cầm quyền Anh.)

Điều đáng chú ý là mọi năng lực thông linh đều liên quan đến các tuyến nội tiết của cơ thể. Tuyến tùng, tuyến yên, tuyến giáp và tuyến thượng thận cũng như các tuyến sinh sản đều có liên hệ đến sự biểu lộ của bất kỳ năng lực thông linh nào. Việc con gái ông đã lạm dụng năng lực như vậy trong một hóa thân trước đem sang hiện tại khuynh hướng, được điều hướng qua tâm trí-linh hồn, tạo

soul-mind, for a disturbance in the glandular system. Such glandular disturbances involve the type of trouble associated with your daughter's case.

You and your wife have the opportunity and the responsibility of helping this soul meet and overcome this condition. The fact that you have taken this responsibility indicates your own spiritual understanding and development. It is important that you help this child balance her life and express the finer characteristics and abilities. Understanding this relationship will be of great help in guiding and directing her life ...

2345-1 Report File

According to notes on file, Franklin Wagner was extremely impressed with the information. Not only did it give him a recommended treatment to assist his daughter but it also provided a karmic explanation for their experience. Mr. Wagner remained an enthusiast of the Cayce work for years. In fact, when Edgar Cayce died, he sent Cayce's wife Gertrude the following letter of sympathy:

February 13, 1945

My dear Mrs. Cayce:

Upon my return to my office today after an absence of several weeks I was deeply grieved to learn of Edgar's untimely death. I had heard that he was indisposed, but I hadn't the slightest idea that his illness was so serious.

I can well understand what Edgar's death must mean to you and the boys; the loss of a devoted husband and loving father is indeed a grievous one. Always considering Edgar a God-fearing man and deeply admiring his saintly character, I deemed it a privilege to call myself his friend. Although, my acquaintance with Edgar was comparatively

nên rối loạn trong hệ tuyến. Những rối loạn tuyến như vậy liên quan đến dạng trực trực gắn với trường hợp của con gái ông.

Ông và vợ có cơ hội và trách nhiệm giúp linh hồn này đối diện và vượt qua tình trạng này. Việc ông đã nhận lấy trách nhiệm này cho thấy sự thấu hiểu và phát triển tinh thần của chính ông. Điều quan trọng là ông giúp cháu cân bằng đời sống và biểu lộ những phẩm chất và khả năng tốt đẹp hơn. Thấu hiểu mối liên hệ này sẽ rất hữu ích trong việc dẫn dắt và định hướng đời cháu ...

2345-1 Hồ sơ Báo cáo

Theo các ghi chú lưu trữ, Franklin Wagner cực kỳ ấn tượng với thông tin. Không chỉ ông nhận được một phương án điều trị để giúp con gái mà còn có cả một lý giải nghiệp quả cho trải nghiệm của họ. Ông Wagner vẫn là người nhiệt thành với công trình của Cayce trong nhiều năm. Thực ra, khi Edgar Cayce qua đời, ông gửi cho vợ Cayce là bà Gertrude bức thư chia buồn sau:

Ngày 13 tháng 2, 1945

Kính thưa Bà Cayce:

Khi hôm nay tôi trở lại văn phòng sau một thời gian vắng mặt vài tuần, tôi vô cùng đau buồn khi biết tin Edgar qua đời quá sớm. Tôi có nghe rằng ông ấy bị ốm, nhưng tôi không hề nghĩ bệnh tình nghiêm trọng đến thế.

Tôi có thể hiểu Edgar mất đi sẽ có ý nghĩa thế nào với bà và các con; mất mát một người chồng hết lòng và một người cha thương con thực sự là nỗi đau quá lớn. Luôn xem Edgar là một người kính sợ Thượng đế và hết mực khâm phục phẩm cách thánh thiện của ông, tôi coi đó là đặc ân khi được gọi mình là bạn ông. Dẫu quen biết Edgar tương đối ngắn,

brief, he made a profound impression upon me, and since his death has affected me so much I can realize what it must mean to you, your family and Edgar's close associates. I am sure you understand Mrs. Cayce, how deeply I sympathize with you in your bereavement ...

Inasmuch as the Association files are crammed full with his readings, and as I know that these contain invaluable advice and counsel on many important subjects, I do hope that you and the members of the Association will, to the fullest possible extent, make them available to those who, like myself, had such confidence in his judgement.

With sincere best wishes to you and the boys, I am Faithfully yours, Franklin Wagner

Another case from the Cayce files exploring how present-day physical problems can be connected to karmic memory is the story of a twenty-seven-year-old man who had suffered with a "delicate" digestive system for his entire life. Even as a child, he had to have a diet carefully monitored by his mother. According to notations on file later written by his sister:

For instance, he never could eat much cornbread—the roughness upset his stomach. If he ate as much sweets as the other children in the family he would become nauseated and vomit; he could never indulge in rich foods and get away with it as the rest of us did. Many times during his early childhood, I remember, he fell down—stumping his toe on a root or something—and lost consciousness; seeming to indicate, with my later knowledge of the lacteal ducts, etc., that the digestive system was the cause of the fainting or loss of consciousness when he had a physical shock such as falling down.

ông đã để lại ấn tượng sâu đậm nơi tôi, và vì sự ra đi của ông khiến tôi xúc động đến vậy, tôi có thể hình dung nó có ý nghĩa thế nào đối với bà, gia đình bà và những cộng sự thân cận của Edgar. Tôi tin bà hiểu, thưa bà Cayce, tôi chia buồn sâu sắc với bà trong tang quyến ...

Vì hồ sơ của Hội chất đầy các bài đọc của ông, và vì tôi biết chúng chứa đựng lời khuyên và chỉ dẫn vô giá về nhiều chủ đề quan trọng, tôi rất hy vọng bà và các thành viên của Hội sẽ, trong phạm vi rộng nhất có thể, giúp những ai, như tôi, đã đặt niềm tin vào sự nhận định của ông, được tiếp cận chúng.

Với những lời chúc chân thành gửi đến bà và các con, tôi xin Trân trọng, Franklin Wagner

Một trường hợp khác từ tài liệu Cayce khảo sát cách những vấn đề thể chất hiện tại có thể gắn với ký ức nghiệp quả là câu chuyện về một người đàn ông hai mươi bảy tuổi đã phải chịu đựng một hệ tiêu hóa "mong manh" suốt đời. Ngay từ nhỏ, chế độ ăn của anh đã phải được mẹ giám sát cẩn thận. Theo ghi chép trong hồ sơ do chị gái anh viết sau này:

Chẳng hạn, anh ấy không bao giờ ăn được nhiều bánh bắp—độ thô ráp khiến dạ dày anh khó chịu. Nếu anh ăn nhiều đồ ngọt như những đứa trẻ khác trong nhà, anh sẽ buồn nôn và nôn; anh không bao giờ có thể phóng túng với những món giàu béo mà không gặp rắc rối như phần còn lại của chúng tôi. Nhiều lần trong thời thơ ấu, tôi nhớ, anh bị ngã—vấp rễ cây hay gì đó—và ngất đi; dường như cho thấy, với hiểu biết sau này của tôi về các ống dưỡng trấp, v.v., rằng hệ tiêu hóa là nguyên nhân của sự ngất xỉu hay mất ý thức khi anh chịu một chấn động thể chất như té ngã.

During a life reading, the poor digestion was traced to lifetimes in both France and Persia when he had been a member of the courts and frequently prone to the excess of gluttony. The digestive problem was simply a way of enabling his soul to learn moderation. The individual's mother also had experiences in the French and Persian courts but it was a lifetime in Atlantis that proved especially helpful in the present. The two had been associated during that period when the mother had served in the role of dietician for the high priests. That same skill emerged in the present as her interest in health foods, as well as her ability to help her son with his digestive problem. The problem had once been so serious that one file notation reads: "If he had not had the good karma of such a mother he might never have lived to grow up, because such care was necessary in his diet during his early years." (641-6 and 1187-2)

Another exploration of karmic memory in the parent-child relationship is detailed in the story of Edith Maxwell, who had a series of readings from Edgar Cayce. Lonely throughout much of her life, eventually a reading described Edith's loneliness as a karmic situation because she had once abandoned two children. Although Edith had already obtained life readings as well as a reading for a physical condition, her sixth reading requesting additional details of a life during the early nineteenth century revealed the cause of her loneliness.

Besides providing the information that Edith asked for, Cayce proceeded to tell her about another lifetime that was the cause of her karmic loneliness. Apparently she had not been ready to hear the information earlier. Cayce explained that in the year 1592, during an incarnation in Norway, she had committed suicide. That event was at

Trong một bài đọc đời sống, vấn đề tiêu hóa được truy nguyên đến các kiếp ở cả Pháp và Ba Tư khi anh từng là thành viên triều đình và thường vương vào sự phàm ăn quá độ. Vấn đề tiêu hóa đơn giản là phương tiện cho linh hồn anh học sự tiết độ. Người mẹ của anh cũng có những trải nghiệm trong các triều đình Pháp và Ba Tư, nhưng một hóa thân ở Atlantis tỏ ra đặc biệt hữu ích trong hiện tại. Hai mẹ con từng có liên hệ trong thời kỳ ấy, khi người mẹ giữ vai trò chuyên viên dinh dưỡng cho các thượng tế. Chính kỹ năng ấy bộc lộ trong hiện tại qua sự quan tâm của bà đến thực phẩm lành mạnh, cũng như khả năng giúp con trai xử lý vấn đề tiêu hóa. Vấn đề ấy từng nghiêm trọng đến mức một ghi chú trong hồ sơ viết: "Nếu anh không có nghiệp lành là một người mẹ như thế, anh có lẽ đã không sống được đến lúc trưởng thành, vì sự chăm sóc như thế là cần thiết trong khẩu phần của anh suốt những năm đầu đời." (641-6 và 1187-2)

Một khảo cứu khác về ký ức nghiệp quả trong mối quan hệ mẹ—con được trình bày trong câu chuyện về Edith Maxwell, người đã nhận một loạt bài đọc từ Edgar Cayce. Cô đơn suốt phần lớn đời mình, rốt cuộc một bài đọc mô tả nỗi cô đơn của Edith như một tình huống nghiệp quả bởi vì bà đã từng bỏ rơi hai đứa con. Dù Edith đã nhận các bài đọc đời sống cũng như một bài đọc về tình trạng thể chất, bài đọc thứ sáu của bà, yêu cầu thêm chi tiết về một đời sống vào đầu thế kỷ mười chín, đã hé lộ nguyên nhân của nỗi cô đơn ấy.

Ngoài việc cung cấp thông tin Edith yêu cầu, Cayce tiếp tục nói với bà về một hóa thân khác là nguyên nhân của nỗi cô đơn nghiệp quả. Rõ ràng là trước đó bà chưa sẵn sàng nghe. Cayce giải thích rằng vào năm 1592, trong một hóa thân ở Na Uy, bà đã tự sát. Sự kiện đó nằm ở cốt lõi của việc bà mang một "nỗi cô đơn lớn" suốt phần lớn đời mình.

the heart of her carrying a “great loneliness” throughout much of her life.

Gina Cerminara, Ph.D., longtime scholar of the Cayce information and author of numerous books once described Edith's background as follows:

... [her] first husband died shortly after marriage. She married again—this time to a man much older than herself, and the marriage was so unhappy that she soon obtained a divorce. She had no children. All the members of her family had died; she literally had no one. Her position as social secretary brought her into contact with people, but it was a superficial contact. She would have liked to remarry, but the opportunity did not present itself. She was alone. Cerminara, pg. 132

During the Norwegian lifetime, Edith's husband had apparently disgraced the family when he abandoned his religious beliefs. The end result was that Edith and her husband became outcasts in the community. Already the mother of one child, after the birth of her second child, Edith's sixteenth century counterpart decided she could take the exile no longer and she killed herself by throwing herself in a fjord. According to Cayce, this selfish act and the loneliness that Edith had caused for both her husband and two young children had to be met in the present in the form of karmic memory. The reading suggested that her present-day loneliness was simply the means in which she was meeting herself: “Thus we find the influences arising in the experience of the entity in the present—as the periods of what may be called melancholia, disappointments, discouragements.” (1468-6)

Cayce went on to tell her that the husband she had divorced in the present was the same husband she had abandoned in Norway through her suicide. The two

Gina Cerminara, Tiến sĩ, một học giả lâu năm về các thông tin của Cayce và là tác giả của nhiều cuốn sách, đã từng mô tả bối cảnh đời Edith như sau:

... người chồng đầu [bà ấy] qua đời không lâu sau khi kết hôn. Bà lại kết hôn—lần này với một người đàn ông lớn tuổi hơn mình rất nhiều, và cuộc hôn nhân bất hạnh đến mức chẳng bao lâu bà đã ly hôn. Bà không có con. Tất cả thành viên gia đình bà đều đã mất; theo nghĩa đen, bà không còn ai cả. Công việc thư ký xã hội đưa bà tiếp xúc với người khác, nhưng đó chỉ là giao tiếp hời hợt. Bà muốn tái hôn, nhưng cơ hội đã không đến. Bà cô độc. Cerminara, tr. 132

Trong kiếp sống ở Na Uy, người chồng của Edith dường như đã làm gia đình ô nhục khi từ bỏ tín ngưỡng của mình. Hệ quả là Edith và chồng trở thành kẻ bị ruồng bỏ trong cộng đồng. Vốn đã là mẹ của một đứa trẻ, sau khi sinh đứa thứ hai, đời phần thế kỷ XVI của Edith quyết định không còn chịu nổi cảnh lưu đày và đã tự sát bằng cách gieo mình xuống một vịnh hẹp. Theo Cayce, hành vi ích kỷ này và nỗi cô đơn mà Edith đã gây ra cho cả chồng lẫn hai đứa con nhỏ phải được đối diện trong hiện tại dưới dạng ký ức nghiệp quả. Bài đọc gợi ý rằng nỗi cô đơn hiện nay của bà chỉ là phương tiện qua đó bà đang gặp lại chính mình: “Vì thế chúng ta thấy những ảnh hưởng phát sinh trong kinh nghiệm của thực thể ở hiện tại—như những giai đoạn có thể gọi là u uất, thất vọng, chán nản.” (1468-6)

Cayce nói tiếp rằng người chồng mà bà đã ly hôn trong hiện tại chính là người chồng mà bà đã bỏ rơi ở Na Uy qua việc tự sát. Hai đứa con mà bà đã để lại cũng đã trở lại trong lần

children she had left behind had also returned in her present incarnation: one had been her brother who had died, and the other was a friend that was described as being close one minute and distant the next. Cayce went on to assure her that the reason the information was being provided was that she had indeed grown spiritually and he pointed out that the growth had enabled her loneliness to diminish. He ended the reading by encouraging her to continue with her own soul growth and discovering her relationship to the Creator:

For, as the entity continues to look within, there the promise has been and is that He, the way, the truth, the light, will meet thee; in making and bringing that into the experience, mentally, materially, that is the helpful force for the greater spiritual development.

1468-6

A contemporary example of karma in the parent-child relationship is presented in the story of Mark Cavanaugh. For a long while, Mark worked on trying to improve his relationship with his mother. More than anything, he wanted his mother to be nicer to him, and he did things to seek her approval—even trying to be someone that he really wasn't. He tried to be the son that he thought she wanted. He attempted to overcome his feelings of not being good enough. Even though he never recalls having a mother-son connection with her, he really wanted her to care. He knew that at one level she loved him but he really wanted to feel that love. He knows now that he was trying to get her to be someone other than who she really was.

When Mark was in his thirties, he had a dream that perfectly explained the karmic origins of their present-day relationship:

lâm phạm hiện tại của bà: một là người anh trai đã qua đời, và đứa còn lại là một người bạn được mô tả là lúc thì rất thân, lúc lại xa cách. Cayce tiếp tục trấn an bà rằng lý do cung cấp thông tin là vì quả thật bà đã trưởng thành về mặt tinh thần và ông chỉ ra rằng sự trưởng thành ấy đã làm nổi cô đơn của bà với bớt. Ông kết thúc bài đọc bằng cách khích lệ bà tiếp tục sự tăng trưởng của chính linh hồn mình và khám phá mối liên hệ với Đấng Tạo Hóa:

Vì, khi thực thể tiếp tục hướng nội, ở đó đã có và đang có lời hứa rằng Ngài, con đường, chân lý, ánh sáng, sẽ gặp ngươi; trong việc kiến tạo và đưa điều đó vào kinh nghiệm, về mặt trí tuệ, về mặt vật chất, đó là mãnh lực hữu ích cho sự phát triển tinh thần lớn lao hơn.

1468-6

Một ví dụ đương đại về nghiệp quả trong mối quan hệ cha mẹ–con cái được trình bày trong câu chuyện của Mark Cavanaugh. Suốt một thời gian dài, Mark cố gắng cải thiện mối quan hệ với mẹ. Trên hết, anh muốn mẹ đối xử với mình tử tế hơn, và anh đã làm nhiều điều để tìm kiếm sự chấp thuận của bà—thậm chí cố gắng trở thành một người mà thật ra anh không phải. Anh cố làm người con trai như anh nghĩ bà mong muốn. Anh nỗ lực vượt qua cảm giác mình không đủ tốt. Dù không hề nhớ có sự gắn bó mẹ–con nào với bà, anh vẫn rất muốn bà quan tâm. Anh biết ở một mức nào đó bà yêu anh, nhưng anh thật sự muốn cảm được tình yêu ấy. Giờ đây anh hiểu rằng mình đã cố bắt bà trở thành một người khác với con người thật của bà.

Khi ở tuổi ba mươi, Mark có một giấc mơ giải thích hoàn hảo nguồn gốc nghiệp quả của mối quan hệ hiện tại giữa họ:

I dreamt that she was a Roman woman of wealth and power, and I was her slave—a Christian slave. In that lifetime she abused me physically, verbally, and sexually—it is interesting to note that even now, as an adult, I don't like her touching me affectionately. In that life, my mother was angry and critical. I was a Christian and tried to follow Christ's teachings in order to get her to change her behavior towards me.

At one point, I snapped, realizing that she was never going to change, and I was going to be receiving her abusive treatment forever. My resolve and my mind broke, thinking that the abuse was never going to end. I broke her neck, and I was later killed by a Roman soldier for the crime.

During the dream, I saw myself after death and heard the voice of what I thought to be God say, "This is YOUR mother," meaning she was going to be my mother in a future life.

I was horrified. "She is not MY mother!" I replied.

Suddenly, I saw myself standing before Jesus. Although he looked upon me without judgment, He said: "It would have taken you this long to work things out with her." During his statement, He held his hands about six inches apart. Then he widened the gap between his hands to be at least double and added: "Now it's going to take this long."

The dream ended and I awoke.

After the dream, Mark understood that he still had a lot of work to do on his relationship with his mother. The tremendous attitude of being nonjudgmental that Jesus had shown him proved to be extremely helpful in healing his own attitude. He was able to let go of the need to have her change. He began to be comfortable with himself when he was

Tôi mơ rằng bà là một phụ nữ La Mã giàu có và quyền lực, còn tôi là nô lệ của bà—một nô lệ Kitô hữu. Trong kiếp đó bà hành hạ tôi về thể xác, lời nói, và cả tình dục—điều đáng chú ý là ngay bây giờ, khi đã trưởng thành, tôi không thích bà chạm vào tôi một cách âu yếm. Trong kiếp ấy, mẹ tôi giận dữ và hay chỉ trích. Tôi là một Kitô hữu và cố theo giáo huấn của Đức Christ để khiến bà thay đổi cách cư xử với tôi.

Đến một lúc nào đó, tôi đứt phụt, nhận ra rằng bà sẽ chẳng bao giờ thay đổi, và tôi sẽ phải chịu sự ngược đãi của bà mãi mãi. Ý chí và tâm trí tôi gãy vụn, nghĩ rằng sự lạm dụng sẽ không bao giờ chấm dứt. Tôi bẻ gãy cổ bà, và sau đó tôi bị một lính La Mã giết vì tội ác ấy.

Trong giấc mơ, tôi thấy mình sau khi chết và nghe tiếng nói của điều tôi cho là Thượng đế phán: "Đây CHÍNH là mẹ của con," nghĩa là bà sẽ là mẹ tôi trong một đời tương lai.

Tôi kinh hoàng. "Bà ấy không phải là MẸ của tôi!" tôi đáp.

Đột nhiên, tôi thấy mình đứng trước Đức Jesus. Dù Ngài nhìn tôi mà không phán xét, Ngài nói: "Đáng lẽ con chỉ cần từng này thời gian để giải quyết chuyện với bà ấy." Khi nói, Ngài giữ hai bàn tay cách nhau khoảng mười lăm xăng-ti-mét. Rồi Ngài mở rộng khoảng cách giữa hai tay ít nhất gấp đôi và nói thêm: "Giờ thì sẽ cần từng này thời gian."

Giấc mơ chấm dứt và tôi tỉnh dậy.

Sau giấc mơ, Mark hiểu rằng anh vẫn còn rất nhiều việc phải làm với mối quan hệ với mẹ mình. Thái độ không phán xét vô cùng lớn lao mà Đức Jesus thể hiện với anh tỏ ra vô cùng hữu ích trong việc chữa lành thái độ của chính anh. Anh buông bỏ nhu cầu phải khiến bà thay đổi. Anh bắt đầu thoải mái với chính mình khi ở bên bà, buông xả nhu cầu trở thành người khác để giành sự chấp thuận

around her, turning loose of the need to be someone else in order to win her approval. In time, he was able to accept her just the way she was. Because of his efforts, Mark is certain that the karmic situation between them has been healed. In fact, when asked if there is anything he would like to tell his mother at this point in time, Mark replies in the affirmative: "Thank you for being willing to be my mother. Thank you for trying to give me what you feel you were able to. Thank you for teaching me what you had to teach. May God continue to be with you on your journey."

Another contemporary account is told by Judith Beatty in describing a karmic situation with her son that seemed to foster healing on several levels. Now in her seventies, Judith can remember exactly how she felt the day after giving birth to her youngest child, Arnold, when the doctor came to tell her that the boy had Down's Syndrome, she was not at all upset. She says matter-of-factly, "I was on cloud nine at the thought of receiving the blessing of a special child!" Although she quickly admits: "I have never found any other parent with such a positive reaction to news that their baby was not 'normal'." When Arnold was 14, Judith had an experience that seemed to explain her overwhelming joy at being entrusted with a handicapped child.

In the midst of a past-life regression, Judith found herself in a rural setting in the French Alps. She was married to a peasant farmer, and the couple had goats and made cheese, which Judith took into the market. During the scene, Judith realized that her breasts were gorged and that she was in terrible grief. She came to understand that she had given birth to a handicapped child and her husband had taken the infant away to a convent where the child might be taken care of. Judith recalls: "Although he did it because I would not have the time to be able to care for such a baby and still do all of the tasks

của bà. Dần dần, anh có thể chấp nhận bà đúng như con người bà. Nhờ những nỗ lực của mình, Mark tin chắc rằng tình huống nghiệp quả giữa họ đã được chữa lành. Thực tế, khi được hỏi liệu lúc này có điều gì anh muốn nói với mẹ không, Mark trả lời khẳng định: "Cảm ơn mẹ đã sẵn lòng làm mẹ của con. Cảm ơn mẹ đã cố gắng trao cho con những gì mẹ cảm thấy mình có thể. Cảm ơn mẹ đã dạy con những gì mẹ phải dạy. Cầu xin Thượng đế luôn ở cùng mẹ trên hành trình của mẹ."

Một tường thuật đương đại khác được Judith Beatty kể lại khi mô tả một tình huống nghiệp quả với con trai dường như thúc đẩy sự chữa lành trên nhiều tầng. Nay đã ở tuổi bảy mươi, Judith vẫn nhớ như in cảm giác của bà vào ngày hôm sau khi sinh đứa con út, Arnold—khi bác sĩ đến báo rằng cậu bé mắc Hội chứng Down—bà hoàn toàn không buồn chút nào. Bà nói một cách rất tự nhiên: "Tôi như ở trên chín tầng mây khi nghĩ đến việc được ban phúc một đứa trẻ đặc biệt!" Dầu bà cũng nhanh chóng thừa nhận: "Tôi chưa bao giờ tìm thấy phụ huynh nào có phản ứng tích cực như thế trước tin con họ không 'bình thường'." Khi Arnold lên 14 tuổi, Judith trải qua một kinh nghiệm dường như giải thích niềm vui áp đảo của bà khi được trao phó một đứa trẻ khuyết tật.

Giữa một lần hồi quy tiền kiếp, Judith thấy mình ở một miền nông thôn trên dãy An-pơ thuộc Pháp. Bà kết hôn với một nông dân và hai vợ chồng nuôi dê, làm phô mai—Judith mang ra chợ bán. Trong cảnh ấy, Judith nhận ra ngực mình căng sữa và bà đang trong nỗi đau buồn khôn nguôi. Bà hiểu rằng mình đã sinh một đứa trẻ khuyết tật và người chồng đã đem đứa bé tới một tu viện nơi nó có thể được chăm sóc. Judith nhớ lại: "Dù anh ấy làm vậy vì tôi sẽ không có thời gian để chăm một đứa trẻ như thế mà vẫn làm hết những việc cần thiết cho sự sinh tồn của chúng tôi, tôi vẫn rất giận." Chồng bà nghiêm khắc và

that were necessary for our survival, I was still very angry.” Her husband was stern and domineering, and during the reverie Judith saw that she had grown old and died as a very bitter and lonely woman.

The meaning of the experience became clear as Judith understood that her domineering husband had reincarnated as her son: “In that life he had given away the handicapped child, in this life he had to face being handicapped himself.”

When Arnold was a teenager, Judith began to see some of the domineering and controlling behavior that the boy had exhibited in his previous incarnation; however, since she recognized its source, she was able to help Arnold work through it. She also believes that the way he was raised was extremely helpful in enabling him to work through some of the previous domineering behavior: “I think that a great deal of healing took place. Arnold was raised in a very stable home with lots of love and adoring brothers and sisters. Even now, in his thirties, he is so happy. By his own choice, he lives in a group home and is so happy and blesses so many by his loving spirit.”

Today, Judith understands why more than forty years ago she felt such joy when the doctor informed her of Arnold’s condition: “I had been pining away for that handicapped child, and the universe finally sent me a child that I could take care of as I had once desired. I was overjoyed.”

In another instance, Beverly Stevens, who is now in her sixties, recalls the challenging relationship she once had with her daughter: “Starting when Amy was two years old, she and I could not seem to get along. I loved her but there was a two-way antagonism that troubled me and estranged us through her early adulthood.” The animosity between her and Amy continued until Beverly was in her forties and attended a workshop that

gia trưởng, và trong cơn miên tưởng Judith thấy mình già đi và chết như một người đàn bà rất cay đắng và cô độc.

Ý nghĩa của trải nghiệm trở nên rõ ràng khi Judith hiểu rằng người chồng gia trưởng ấy đã tái sinh làm con trai bà: “Trong kiếp đó anh ấy đã đem đứa trẻ khuyết tật đi, trong kiếp này anh ấy phải đối diện việc chính mình bị khuyết tật.”

Khi Arnold ở tuổi thiếu niên, Judith bắt đầu nhận thấy vài biểu hiện gia trưởng và kiểm soát mà cậu đã thể hiện trong kiếp trước; tuy nhiên, do bà nhận ra nguồn cơn, bà có thể giúp Arnold vượt qua. Bà cũng tin rằng cách nuôi dạy của gia đình vô cùng hữu ích trong việc giúp cậu xử lý một phần những hành vi gia trưởng trước kia: “Tôi nghĩ đã có rất nhiều sự chữa lành diễn ra. Arnold được nuôi trong một mái nhà rất ổn định, với nhiều tình thương và các anh chị em yêu mến. Ngay cả bây giờ, ở tuổi ba mươi, cậu rất hạnh phúc. Theo lựa chọn của mình, cậu sống trong một nhà chung và rất hạnh phúc, ban phúc cho rất nhiều người bằng tinh thần yêu thương của mình.”

Hôm nay, Judith hiểu vì sao hơn bốn mươi năm trước bà cảm thấy hân hoan như thế khi bác sĩ thông báo tình trạng của Arnold: “Tôi đã mòn mỏi vì đứa trẻ khuyết tật ấy, và vũ trụ cuối cùng gửi cho tôi một đứa trẻ mà tôi có thể chăm sóc như đã từng mong muốn. Tôi đã vô cùng mừng rỡ.”

Trong một trường hợp khác, Beverly Stevens, nay ở tuổi sáu mươi, hồi tưởng mối quan hệ đầy thử thách bà từng có với con gái: “Bắt đầu từ khi Amy hai tuổi, xem ra tôi và con không thể hòa hợp. Tôi yêu con nhưng có một sự đối kháng hai chiều khiến tôi trăn trở và làm chúng tôi xa cách suốt thời con bước vào tuổi trưởng thành.” Sự hiềm khích giữa bà và Amy tiếp diễn cho đến khi Beverly ở tuổi bốn mươi và tham dự một hội thảo về đề

dealt with the subject of past lives. During the program she experienced a past-life reverie, enabling her to understand the karmic memory between herself and her daughter:

I clearly saw myself as a young father in New England, circa 1700s. It was winter and I was chopping wood for the fire to warm my large family. I felt strong resentment that my wife was about to give birth to our ninth child, which we could not afford to feed or care for. My only positive thought was the prospect that the child might be a boy—then he could at least help us survive through his own labors.

I was extremely angry when the child was born and I had one more daughter that I didn't want and didn't need. I knew in the midst of the reverie that this daughter had returned as Amy.

Beverly states that the reverie made her feel "humbled and saddened, but very enlightened." Ultimately, the experience became a turning point in healing their relationship. Beverly was able to use it as a means of understanding where the negative feelings had come from as well as consciously deciding to change them. She began working on loving Amy "wholly and without reservation." In time, the negative feelings began to dissipate and Beverly became certain the relationship was finally healed. In fact, when asked how she feels about Amy today, she says without hesitation, "I owe her a lifetime of love."

Additional examples of karmic relationships between children and parents appear in these cases from the Cayce files:

A thirty-three-year-old man became a widower when his pregnant wife gave birth and soon died thereafter of pneumonia. The child was premature and sickly. Suddenly,

tài tiền kiếp. Trong chương trình, bà trải nghiệm một cảnh miên tưởng tiền kiếp, giúp bà hiểu ký ức nghiệp quả giữa mình và con gái:

Tôi thấy rất rõ mình là một người cha trẻ ở vùng New England, khoảng những năm 1700. Đó là mùa đông và tôi đang bổ củi sưởi ấm cho gia đình đông con. Tôi cảm thấy oán hận dữ dội vì vợ tôi sắp sinh đứa con thứ chín, điều mà chúng tôi không đủ khả năng nuôi dưỡng hay chăm sóc. Ý nghĩ tích cực duy nhất của tôi là hy vọng đứa bé có thể là con trai—như vậy nó ít nhất có thể giúp chúng tôi sinh tồn nhờ sức lao động của chính nó.

Tôi vô cùng giận dữ khi đứa trẻ chào đời và hóa ra đó lại là thêm một đứa con gái mà tôi không muốn và không cần. Tôi biết ngay trong cơn miên tưởng rằng đứa con gái ấy đã trở lại làm Amy.

Beverly nói rằng cảnh miên tưởng khiến bà cảm thấy "khêm nhu và buồn bã, nhưng rất được soi sáng." Cuối cùng, trải nghiệm trở thành bước ngoặt chữa lành mối quan hệ giữa họ. Beverly có thể dùng nó như phương tiện để hiểu nguồn gốc của những cảm xúc tiêu cực, đồng thời có ý thức quyết định thay đổi chúng. Bà bắt đầu dồn công sức yêu thương Amy "trọn vẹn và không giữ lại điều gì." Theo thời gian, những cảm xúc tiêu cực dần dần tiêu tan và Beverly tin chắc mối quan hệ tốt cuộc đã được chữa lành. Thực tế, khi được hỏi hôm nay bà cảm thấy thế nào về Amy, bà không do dự: "Tôi nợ con cả một đời yêu thương."

Những ví dụ bổ sung về mối quan hệ nghiệp quả giữa con cái và cha mẹ xuất hiện trong các trường hợp sau từ hồ sơ của Cayce:

Một người đàn ông ba mươi ba tuổi thành góa vợ khi vợ anh mang thai sinh con và chẳng bao lâu sau chết vì viêm phổi. Đứa trẻ sinh non và ốm yếu. Bất chợt, người đàn ông

the man found himself responsible for the care of a young daughter. During the course of his life reading, Cayce explained that in his most recent incarnation he had failed to help a young woman who had come to him in need of his aid. That young woman had returned to him in the present as his daughter. Cayce's advice was simple: "In the experience before this you could have helped and didn't. You better help in the present." (3581-1)

A young woman learned that her controlling father had been her husband in their most recent life together. During that experience, she had forsaken her husband and run off with another man, explaining the rationale behind her father's present-day need to exert control. Complicating the karmic situation, however, in the present, the other man had returned as her boss—twenty-three years her senior, and already married. The two began an affair and despite advice from Edgar Cayce and the frustration of her father and other members of the family, the woman and her boss ran off together, repeating the very same roles they had followed in their most recent incarnation. (2960-1)

A thirty-year-old divorced woman was told that the closeness she felt to her mother was due to the fact that in her most recent incarnation she had been a man and married to the woman who was now her mother. It was this same lifetime that frequently prompted the mother to seek her daughter's advice, rather than the reverse. Apparently, as a man her daughter had often provided groups and individuals with wise counsel, and the mother continued to seek what had once been so readily available. (897-1)

When a fifty-three-year-old woman asked about the past-life connections with her daughter, Cayce explained that there had been several. On one occasion, her daughter had been her mother and in another lifetime

thấy mình phải chịu trách nhiệm chăm sóc một cô con gái nhỏ. Trong quá trình bài đọc về đời sống của anh, Cayce giải thích rằng trong lần lâm phạm gần đây nhất, anh đã không giúp một cô gái trẻ đến tìm anh để xin giúp đỡ. Cô gái trẻ ấy đã trở lại với anh trong hiện tại làm con gái anh. Lời khuyên của Cayce rất đơn giản: "Trong kinh nghiệm trước đây anh đã có thể giúp mà lại không giúp. Tốt hơn là anh nên giúp ở hiện tại." (3581-1)

Một phụ nữ trẻ biết rằng người cha hay kiểm soát của cô đã từng là chồng cô trong kiếp gần nhất họ ở bên nhau. Trong kiếp đó, cô đã ruồng bỏ chồng và chạy theo một người đàn ông khác, điều này giải thích lý do đằng sau nhu cầu kiểm soát của người cha ở hiện tại. Làm phức tạp tình huống nghiệp quả, trong hiện tại, người đàn ông kia đã trở lại làm sếp của cô—hơn cô hai mươi ba tuổi và đã kết hôn. Hai người bắt đầu quan hệ và bất chấp lời khuyên của Edgar Cayce cùng sự bức dọc của cha cô và các thành viên khác trong gia đình, người phụ nữ và ông sếp bỏ đi cùng nhau, lặp lại y hệt những vai trò họ đã theo trong kiếp gần nhất. (2960-1)

Một phụ nữ ba mươi tuổi đã ly hôn được cho biết rằng sự gần gũi cô cảm thấy với mẹ là do trong kiếp gần nhất cô từng là đàn ông và kết hôn với người phụ nữ nay là mẹ cô. Chính kiếp đó cũng thường xuyên khiến người mẹ tìm đến lời khuyên của con gái, thay vì ngược lại. Rõ ràng, khi là đàn ông, con gái bà thường đưa lời khuyên khôn ngoan cho các nhóm và cá nhân, và người mẹ tiếp tục tìm kiếm điều từng có sẵn như vậy. (897-1)

Khi một phụ nữ năm mươi ba tuổi hỏi về mối liên hệ tiền kiếp với con gái, Cayce giải thích rằng đã có vài mối liên hệ. Có lần con gái là mẹ của bà và trong một kiếp khác con gái là bạn thân và bạn đồng hành. Chính hai trải

her daughter had been a close friend and companion. It was these two experiences that created their relationship dynamic, which the reading described as follows: “Hence at times ye find the daughter as a companion and at times she wants to tell you what to do!” (3615-1)

It is important to point out that the Edgar Cayce material presents the idea that adopted individuals possess the very same karmic connections within their adopted families as do children who are raised by their birth parents. In fact, the readings suggest that spiritual laws work to bring individuals into the very relationships needed at a soul level. Those spiritual laws maneuver situations in the material world so that those children end up in specific homes, regardless of whether or not adoption has been involved. As a case in point, one woman was told that her son had not come by accident or happenstance, but as a means of helping him learn a lesson he needed as a soul: “For this association has not been by chance, but that ye may be in thine own life ever that upon which [your son] may rely for all that is holy, all that is beautiful, all that represents what home really means.” (2272-1)

When a professor asked about the past-life connection with his adopted son, Cayce stated that the two had often been together. Three of the most notable previous incarnations included a lifetime when the French military forces had aided the American colonies in their battle for independence. At that time father and son had been members of the French troops—the father serving as a commander over his present-day son. Previous to that experience, the two had been together during a life in Palestine in which the son had served as his father’s religious instructor. In one of their earliest incarnations, the two had apparently been

nghiệm này tạo nên động lực quan hệ của họ, được bài đọc mô tả như sau: “Thế nên có lúc người thấy con gái như một người bạn đồng hành và có lúc nó muốn bảo người phải làm gì!” (3615-1)

Điều quan trọng cần chỉ ra là tài liệu Edgar Cayce trình bày ý tưởng rằng người được nhận nuôi có các kết nối nghiệp quả y hệt trong gia đình nhận nuôi như những đứa trẻ được cha mẹ ruột nuôi dưỡng. Thực tế, các bài đọc gợi ý rằng các định luật tinh thần vận hành để đưa từng người vào đúng những mối quan hệ cần thiết ở cấp độ linh hồn. Những định luật tinh thần ấy điều phối các tình huống trong thế giới vật chất để những đứa trẻ đó đến đúng các mái nhà cụ thể, bất kể có liên quan đến việc nhận nuôi hay không. Lấy một trường hợp làm ví dụ, một phụ nữ được cho biết rằng con trai bà không đến với bà do ngẫu nhiên hay tình cờ, mà như một phương tiện giúp cậu học một bài học cần thiết như một linh hồn: “Vì mối liên hệ này không phải do ngẫu nhiên, mà để người có thể, trong chính đời sống mình, mãi là điều mà [con trai của cô] có thể nương dựa cho tất cả những gì là thiêng liêng, tất cả những gì là đẹp đẽ, tất cả những gì biểu trưng cho ý nghĩa thực sự của mái ấm.” (2272-1)

Khi một giáo sư hỏi về mối liên hệ tiền kiếp với con trai nuôi, Cayce nói rằng hai người thường xuyên ở cùng nhau. Ba kiếp đáng chú ý nhất gồm một đời khi lực lượng quân sự Pháp đã hỗ trợ các thuộc địa Mỹ trong cuộc chiến giành độc lập. Khi đó cha và con đều là thành viên quân đội Pháp—người cha giữ chức chỉ huy của người hiện là con trai mình. Trước trải nghiệm ấy, hai người từng ở cùng nhau trong một đời ở Palestine khi người con làm bậc hướng dẫn tôn giáo cho cha. Ở một trong những lần lâm phạm sớm nhất, hai người dường như đã kết hôn ở Atlantis (2246-1).

married in Atlantis (2246-1).

The foster woman of a twelve-year-old boy inquiring about the past-life connection with the youth was told that she was simply continuing the relationship she had once had with the boy when he had been her own son (603-1). A forty-nine-year-old woman was told that she had essentially adopted her adopted son before, during an experience at the time of Jesus (2787-1).

The adoptive parents of a three-year-old boy and a tenth-month-old boy were informed that both children had been with them previously, as well as with one another. The three-year-old had served in the capacity of sort of governor in Egypt when his younger brother had been an interpreter of the law. At the time the two boys had been close friends. In Persia they had also been together, when the elder boy had served as an emissary. The reading stated that the two boys had purposefully chosen to be brothers in this life in order to learn from one another. (3340-1 and 3346-1).

A contemporary example of adoption in which the attempted soul lessons did not appear to turn out quite so well is told in the story of Heidi and Ben Foster, a couple who were unable to conceive children, so they adopted a daughter and named her Janice. Heidi never kept the adoption a secret from her daughter. Instead, since she believed in karma and reincarnation she simply told Janice that their coming together as a family had been prearranged from the very beginning. Although Ben never took to having a daughter the way Heidi did, one day Janice surprised her mother with the statement: "One time daddy was a mean man and he shot me and you were the doctor." Although Heidi asked for additional information, her daughter simply looked at her dubiously, as if to say, "Surely you remember!"

Người mẹ nuôi của một cậu bé mười hai tuổi, khi hỏi về mối liên hệ tiền kiếp với cậu, được cho biết rằng bà chỉ đang tiếp nối mối quan hệ từng có với cậu khi cậu là con ruột của bà (603-1). Một phụ nữ bốn mươi chín tuổi được cho biết rằng về cơ bản bà đã từng nhận nuôi con nuôi của mình trước đây, trong một trải nghiệm vào thời Đức Jesus (2787-1).

Cha mẹ nhận nuôi của một bé trai ba tuổi và một bé trai mười tháng tuổi được thông báo rằng cả hai đứa trẻ đã từng ở với họ trước đây, cũng như ở với nhau. Đứa ba tuổi từng giữ vai trò kiểu như một vị tổng quản ở Ai Cập khi em trai nhỏ hơn là người giải thích luật pháp. Khi đó hai cậu bé là bạn thân. Ở Ba Tư, họ cũng đã ở cùng nhau, khi cậu anh lớn hơn làm sứ giả. Bài đọc nói rằng hai cậu đã có chủ ý chọn làm anh em trong đời này để học hỏi lẫn nhau. (3340-1 và 3346-1).

Một ví dụ đương đại về việc nhận nuôi mà các bài học của linh hồn tìm cách thực hiện dường như không diễn tiến tốt đẹp được kể trong câu chuyện của Heidi và Ben Foster, một cặp vợ chồng không thể sinh con nên đã nhận nuôi một bé gái và đặt tên là Janice. Heidi không bao giờ giấu Janice chuyện nhận nuôi. Trái lại, vì tin vào nghiệp quả và luân hồi, bà chỉ nói với Janice rằng việc họ đến với nhau như một gia đình đã được sắp đặt từ ban đầu. Dù Ben chẳng bao giờ gần bó với cô con gái như Heidi, một ngày kia Janice làm mẹ ngạc nhiên khi nói: "Có lần bố là một người đàn ông độc ác và ông ấy bắn con, còn mẹ là bác sĩ." Dù Heidi hỏi thêm thông tin, con gái chỉ nhìn bà đầy ngờ vực, như thể muốn nói: "Chắc chắn mẹ nhớ chứ!"

According to Heidi, Janice and her adopted father were never close. When Heidi sought a divorce from Ben when her daughter was only nine, it appeared to have little effect on the girl. A few years later when Janice was a teenager, she told her mother: "I'm glad you divorced him. He would have never let me do what I need to do with my life."

Ben remarried and moved out of state with his new wife and stepchildren. He made little attempt to communicate with Janice, and when she spent over two years in Japan for school he never even wrote one letter.

A few years passed and, when Janice was 25, Ben died unexpectedly. Shortly thereafter Janice had a dream in which she was driving her car with the sunroof open and looked up to see Ben trying to get her attention. She told him to go away and closed the sunroof.

Heidi is certain that her daughter and ex-husband came together to heal their karmic memory from the past. She is just as certain that their connection with one another is far from over. According to Heidi, "I have concluded that the two of them definitely have some negative karma, and that it was not resolved in this life." Obviously the two will have to try to meet it at some point in the future.

Katie Eubanks states that "there was a time when I felt overwhelmed in dealing with Dawn," one of her adopted daughters. Dawn had anorexia and the toll on her daughter as well as on the entire family was often more than Katie could handle. Dawn was their first and Katie and her husband subsequently had three additional children. In addition to four children, Katie's role as a schoolteacher entailed the many demands of students on a daily basis. Katie admits, "There were many occasions when my students left me frazzled and my own children completely consumed me."

Theo Heidi, Janice và cha nuôi không bao giờ thân thiết. Khi Heidi xin ly hôn với Ben lúc con gái mới chín tuổi, chuyện này dường như chẳng ảnh hưởng mấy đến cô bé. Vài năm sau, khi Janice là thiếu niên, cô nói với mẹ: "Con mừng vì mẹ ly dị ông ấy. Ông ấy sẽ chẳng bao giờ để con làm những gì con cần làm với cuộc đời mình."

Ben tái hôn và dọn ra khỏi tiểu bang cùng vợ mới và các con riêng. Ông gần như không cố gắng liên lạc với Janice, và khi cô ở Nhật hơn hai năm để học, ông thậm chí không viết nổi một lá thư.

Vài năm trôi qua và khi Janice 25 tuổi, Ben đột ngột qua đời. Không lâu sau, Janice có một giấc mơ trong đó cô đang lái xe, cửa sổ trời mở, và ngược lên thấy Ben đang cố thu hút sự chú ý của cô. Cô bảo ông đi đi và đóng cửa sổ trời lại.

Heidi tin chắc rằng con gái và chồng cũ của bà đã đến với nhau để chữa lành ký ức nghiệp quả từ quá khứ. Bà cũng tin chắc rằng mối liên hệ giữa họ còn lâu mới chấm dứt. Theo Heidi: "Tôi kết luận rằng hai người chắc chắn có một số nghiệp xấu, và nó đã không được giải quyết trong đời này." Rõ ràng họ sẽ phải tìm cách đối diện nó vào một thời điểm nào đó trong tương lai.

Katie Eubanks nói rằng "đã có lúc tôi cảm thấy bị choáng ngợp khi đối diện với Dawn," một trong những người con gái nhận nuôi của bà. Dawn bị chứng biếng ăn tâm thần và gánh nặng đè lên con gái cũng như cả gia đình thường vượt quá sức chịu đựng của Katie. Dawn là đứa con đầu lòng của họ và sau đó Katie cùng chồng có thêm ba đứa nữa. Ngoài việc có bốn đứa con, vai trò giáo viên của Katie còn đi kèm vô số đòi hỏi từ học sinh mỗi ngày. Katie thừa nhận: "Có rất nhiều dịp học sinh khiến tôi kiệt sức và chính con cái tôi đã hoàn toàn chiếm hết tôi."

Without discussing her personal situation, one day Katie obtained a psychic reading from a visiting intuitive. During the reading, the psychic described a past life when Katie had experienced a series of miscarriages, each time “sighing a sigh of relief that there was not the bearing of a child.” Obviously, she did not want the responsibility of having children of her own. Eventually, however, she did have a child, a son. Unfortunately, she abandoned her son to others while the boy was still relatively young.

Katie suddenly realized that Dawn had been the child she had once abandoned: “We had sought her out and adopted her as a tiny baby. She was vital in our lives—without her, I’m certain we would not have had any other children. Katie also understood that the many demands of children placed upon her was a karmic balance to having once neglected her responsibilities. That understanding proved extremely helpful, facilitating a new awareness and an approach that helped Katie get through even the most difficult of times.

Eventually, Dawn received the treatment she needed for anorexia and is today a grown woman with a family of her own. As for Katie, she cannot imagine her life without children: “I am reaping the fruits of my new understanding. I experience so much joy and love from my marriage, my children and my grandchildren, and even from my students. My life feels fulfilled.”

An example of attempting to work through a negative parent-child memory from the past is contained in the story of Ruth Peterson and Ellen Norris. Both women were in their thirties when they met one another through Ellen’s occupations as a manicurist and a cashier. They became friendly acquaintances.

Ruth was a longtime enthusiast of the Edgar Cayce material and after she had known

Không bàn chuyện riêng, một ngày kia Katie xin một bài đọc thông linh từ một nhà trực giác ghé thăm. Trong buổi đọc, nhà thông linh mô tả một kiếp sống khi Katie trải qua một chuỗi lần sẩy thai, mỗi lần đều “thở phào nhẹ nhõm vì không phải sinh con.” Rõ ràng, bà không muốn gánh trách nhiệm có con. Tuy nhiên, sau cùng bà cũng có một đứa con trai. Không may, bà bỏ mặc con trai cho người khác khi cậu còn khá nhỏ.

Katie chợt hiểu rằng Dawn chính là đứa con bà đã từng bỏ rơi: “Vợ chồng tôi đã đi tìm và nhận nuôi con khi con còn là một bé sơ sinh. Con đóng vai trò thiết yếu trong đời chúng tôi—không có con, tôi chắc chắn chúng tôi đã không có thêm đứa nào.” Katie cũng hiểu rằng muôn vàn đòi hỏi con cái đặt lên bà là một thể cân bằng nghiệp quả cho việc từng lơ là trách nhiệm. Sự thấu hiểu đó tỏ ra vô cùng hữu ích, mở ra một nhận thức mới cùng cách tiếp cận giúp Katie vượt qua ngay cả những thời khắc khó khăn nhất.

Sau cùng, Dawn nhận được điều trị cần thiết cho chứng biếng ăn và nay là một phụ nữ trưởng thành có gia đình riêng. Về phần Katie, bà không thể hình dung đời mình nếu không có con: “Tôi đang gặt hái trái thơm của sự thấu hiểu mới. Tôi cảm nhận quá nhiều niềm vui và tình thương từ cuộc hôn nhân, các con, các cháu của tôi, và ngay cả từ học sinh. Đời tôi thấy viên mãn.”

Một ví dụ về nỗ lực hóa giải một ký ức tiêu cực giữa cha mẹ-con cái từ quá khứ nằm trong câu chuyện của Ruth Peterson và Ellen Norris. Cả hai đều ở tuổi ba mươi khi gặp nhau qua công việc của Ellen là thợ làm móng và thu ngân. Họ trở thành những người quen thân thiện.

Ruth là người lâu năm say mê tài liệu của Edgar Cayce, và sau khi quen Ellen đủ lâu để

Ellen long enough to feel comfortable mentioning the subject, she volunteered Cayce's name as an individual who might be of assistance, as Ellen suffered with polio. Ruth had had a number of her own readings, including life, relationship and health readings. In fact, Edgar Cayce told Ruth that in her most recent past life she had been a saloon entertainer in the Old West at the same time that Cayce had been a drifter and a "ne'er do well," and the two had become friends. It was in that same incarnation that Ruth had apparently abandoned a daughter into the care of Indians.

Ellen followed Ruth's advice and obtained both health and life readings. Through the information she learned that the polio was the karmic result of her inflicting bodily harm upon others in a previous incarnation. What came as a greater surprise, however, was that the reading suggested that Ellen had been the very daughter that Ruth had abandoned in the Old West. Cayce went on to say that Ruth's karmic memory of having abandoned a child could be healed in the present by helping Ellen with her polio:

We find that the entity was a child of ... [Ruth Peterson] ... we find that here, in the present experience, much of that as karmic forces in that sojourn by that mother, may be met in the present by her ministry to this entity.

Then, keep thou the faith. And indeed may that mother [Ruth] find herself in that love, in that needed activity in self, to be—herself—consistent; that there may be brought those helps not only to the body here, but the fullness of the purpose towards creative influences in the life.

thấy thoải mái khi đề cập đề tài này, bà gọi tên Cayce như một người có thể giúp ích, vì Ellen mắc bại liệt. Ruth đã có nhiều bài đọc cho chính mình, gồm các bài đọc đời sống, mối quan hệ và sức khỏe. Thực tế, Edgar Cayce từng nói với Ruth rằng trong kiếp gần nhất bà là một nữ ca sĩ phòng rượu ở Miền Viễn Tây thời xưa, cùng thời với khi Cayce là một kẻ lang bạt và "vô tích sự," và hai người trở thành bạn. Cũng trong kiếp đó, Ruth dường như đã ruồng bỏ một cô con gái, trao con cho người da đỏ chăm sóc.

Ellen nghe theo lời khuyên của Ruth và xin cả bài đọc sức khỏe lẫn bài đọc đời sống. Qua thông tin nhận được, cô biết bại liệt là kết quả nghiệp quả do cô đã gây hại thân thể người khác trong một kiếp trước. Điều khiến cô ngạc nhiên hơn là bài đọc gợi ý rằng Ellen chính là cô con gái mà Ruth từng bỏ rơi ở Miền Viễn Tây. Cayce nói tiếp rằng ký ức nghiệp quả của Ruth về việc bỏ rơi một đứa con có thể được chữa lành trong hiện tại bằng cách giúp Ellen với chứng bại liệt:

Chúng ta thấy rằng thực thể là một đứa con của ... [Ruth Peterson] ... chúng ta thấy rằng ở đây, trong kinh nghiệm hiện tại, nhiều điều thuộc về các lực nghiệp quả trong kiếp du hành ấy nơi người mẹ đó, có thể được gặp gỡ trong hiện tại nhờ sự phụng sự của bà dành cho thực thể này.

Vậy, hãy giữ vững đức tin. Và thật vậy, mong rằng người mẹ [Ruth] ấy tự thấy mình trong tình thương, trong hoạt động cần thiết nơi tự thân, để—tự chính bà—được kiên định; hầu có thể mang đến những trợ giúp không chỉ cho thân thể này, mà còn sự viên mãn của mục đích hướng về các ảnh hưởng sáng tạo trong đời sống.

In order to treat the condition, Cayce recommended ongoing massage as well as the use of a heat cabinet and electrical stimulation to various parts of the body. Because she had such faith in the Cayce information, Ruth Peterson undertook the task of providing the treatments. Within six months, Ellen's condition had improved dramatically; however, something that Ruth had not foreseen began to take place in that Ellen appeared to relish the role of patient. Ruth Peterson eventually made a report in the 1950s to the Edgar Cayce Foundation, describing what had transpired:

... because I felt so sorry to see anyone in such a physical condition, I made arrangements for Miss [Norris] to have a room (and board) with my mother, who lived right across the street from me, and further engaged my father to make a rub-down table—had the heat cabinet made and wired, and generally setting everything in order so that the treatments could be carried out ... In the final analysis, I did all of the massaging. So far as I can remember now, the treatments extended for almost 2 years, beginning in August 1942, and running until May, 1944.

During the course of treatments, I learned that the patient had been in and out of hospitals or institutions for Polio from the time she was stricken until her late 'teens. At least 3 or 4 major operations were performed on her feet and legs and thighs, to relieve the drawing in her legs as well as prevent the toe, ankle and knee joints from becoming crystallized. She wore braces which fitted around the thighs, holding the weight of her body from her hips up, when she walked. She spoke often of having no home life and felt that she was not wanted by her parents and in particular—that her mother didn't wish to care for her. I have no way of knowing whether or not this was true, but she felt her "rejection" strongly, and often

Để điều trị tình trạng bệnh, Cayce khuyến nghị xoa bóp liên tục, dùng buồng nhiệt và kích thích điện đến nhiều phần của cơ thể. Vì có niềm tin mạnh mẽ vào thông tin của Cayce, Ruth Peterson đảm nhận việc cung cấp các liệu pháp. Trong vòng sáu tháng, tình trạng của Ellen cải thiện rõ rệt; tuy nhiên, điều Ruth không lường trước đã xảy ra: Ellen có vẻ thích thú vai trò bệnh nhân. Cuối cùng, Ruth Peterson làm một tường trình vào thập niên 1950 cho Quỹ Edgar Cayce, mô tả diễn biến:

... vì tôi cảm thấy quá đau lòng khi thấy ai đó trong tình trạng thể chất như vậy, tôi thu xếp để cô [Norris] có một phòng (và ăn) ở nhà mẹ tôi, người sống ngay đối diện nhà tôi, rồi nhờ cha tôi đóng một chiếc bàn xoa bóp—cho làm một buồng nhiệt, đấu điện, và nhìn chung là sắp đặt mọi thứ để liệu pháp có thể tiến hành ... Sau chót, chính tôi làm toàn bộ việc xoa bóp. Theo tôi nhớ thì các liệu trình kéo dài gần 2 năm, bắt đầu từ tháng Tám 1942 và đến tháng Năm 1944.

Trong quá trình trị liệu, tôi biết rằng bệnh nhân đã ra vào bệnh viện hay các cơ sở dành cho người bại liệt từ khi cô bị bệnh cho đến cuối tuổi thiếu niên. Ít nhất 3 hoặc 4 cuộc phẫu thuật lớn đã được tiến hành trên bàn chân, cổ chân và đùi của cô để giảm co rút chân và ngăn các khớp ngón chân, cổ chân và gối bị kết cứng. Cô mang nẹp ôm quanh đùi, khi đi nẹp giữ trọng lượng cơ thể cô từ hông trở lên. Cô thường nói về việc không có đời sống gia đình và cảm thấy mình không được cha mẹ muốn, đặc biệt—rằng mẹ cô không muốn chăm sóc cô. Tôi không biết điều đó đúng hay không, nhưng cô cảm thấy "bị chối bỏ" rất mạnh và thường nhắc đến điều ấy.

referred to it.

Three months after starting the treatments the patient was able to stand without crutches or braces, and for the first time in her life bore her weight on her legs. However, she could not keep her balance, not stand for any length of time.

By the spring of 1943 the improvement was so marked that the muscles were beginning to respond; for instance her toes, and the muscles inside the knee would move. The feet and toes which hung from the ankle as if they were broken, showed signs of control, with the texture of the skin changing. Thus, in the first months, her progress was outstanding and her attitude was optimistic, construct[ive], and expectant ...

By January, 1943, she was beginning to look forward to the attention the treatments were providing her with. The focus of purpose apparently shifted from getting well to retaining the care. As she persisted in this attitude, the therapy sessions became strained, and disturbing to both of us. The insistence on personal attentions—perhaps seeking the “babying” she had felt deprived of all her life, made it necessary that we attempt to reach an understanding of what our individual purposes and desires were. At this point I asked her, “Would you rather have the personal attention, or would you rather walk?” and she replied, “I’d rather have your personal attention, if I would have to choose between the two.”

2778-6 Report File

When the relationship became strained, a second life reading was obtained in which Cayce clarified the responsibility each bore toward the other. Although Ruth had abandoned her daughter, the karmic experience of polio was not Ruth’s responsibility. In addition, the readings stated that Ruth’s abandonment had not

Ba tháng sau khi bắt đầu trị liệu, bệnh nhân có thể đứng mà không cần nạng hay nẹp, và lần đầu trong đời, tự chịu trọng lượng trên đôi chân mình. Tuy vậy, cô không thể giữ thăng bằng, cũng không thể đứng lâu.

Đến mùa xuân 1943, sự cải thiện rõ đến mức các cơ bắt đầu đáp ứng; ví dụ các ngón chân và cơ trong gối đã cử động. Bàn chân và các ngón, trước đây thõng xuống từ cổ chân như thể bị gãy, đã cho thấy dấu hiệu kiểm soát, với kết cấu da thay đổi. Như vậy, trong những tháng đầu, tiến triển của cô rất nổi bật và thái độ thì lạc quan, xây dựng và đầy mong đợi ...

Đến tháng Giêng 1943, cô bắt đầu mong chờ sự chú ý mà các liệu pháp mang lại. Trọng tâm mục đích dường như chuyển từ việc hồi phục sang việc duy trì sự chăm sóc. Khi cô kiên trì với thái độ này, các buổi trị liệu trở nên căng thẳng và gây xao động cho cả hai chúng tôi. Sự nhấn mạnh vào những chăm sóc mang tính cá nhân—có lẽ là đi tìm sự “vỗ về như trẻ nhỏ” mà cô cảm thấy mình bị thiếu hụt suốt đời—khiến chúng tôi buộc phải cố đạt tới một sự hiểu biết về mục đích và mong muốn riêng của mỗi người. Ở điểm này tôi hỏi cô, “Cô muốn có sự chăm sóc cá nhân hơn, hay muốn đi lại được hơn?” và cô đáp, “Tôi muốn có sự chăm sóc cá nhân của bà, nếu phải chọn một trong hai.”

2778-6 Hồ sơ báo cáo

Khi mối quan hệ trở nên căng thẳng, một bài đọc đời sống thứ hai được xin để Cayce làm rõ trách nhiệm mỗi người dành cho người kia. Dù Ruth đã bỏ rơi con gái, kinh nghiệm nghiệp quả của chúng bại liệt không phải trách nhiệm của Ruth. Thêm nữa, các bài đọc nêu rằng việc bỏ rơi của Ruth không “có chủ

been “premeditated,” but “rather as of stress of circumstance.”

When Ellen threatened repeatedly to quit her treatments, Ruth talked her out of it. This went on for some time until the day came when Ellen refused to have any further treatments. According to Ruth’s report: “She said to me one day, ‘I’m not going to take any more treatments,’ and this time I made no effort to talk her out of it. She left Virginia Beach and I did not see her again.”

Occasional communication did continue between the two and it was learned that Ellen had improved enough to discard the leg braces and was able to use short crutches, “almost like canes ... much better and less confining than the old ones.” Ellen also kept up correspondence with greeting, birthday, and Christmas cards to Ruth and several members of Ruth’s family. The last notations in Ellen’s file suggest that multiple times throughout the 1970s she requested additional information from A.R.E., as well as various copies of her readings.

A contemporary example of past-life abandonment is told by a mother who says, “It was extremely difficult raising a child who constantly seemed to resent me. I spent years questioning what I had done to be so hated by my daughter.” It was only after the girl married and had a child of her own that mother and daughter began a constructive relationship with one another: “after my granddaughter was born, our relationship had a complete turnaround.”

It was several years later during a reverie at a conference program dealing with the subject of past lives that the woman finally got a possible glimpse of the karmic problem. The past-life reverie also gave her an understanding of the feet and leg pain that had been a problem for much of her life.

During the reverie, the woman saw herself

ý từ trước” mà “là do áp lực hoàn cảnh.”

Khi Ellen dọa bỏ trị liệu hết lần này đến lần khác, Ruth đều khuyên can cô. Chuyện này kéo dài khá lâu cho đến ngày Ellen từ chối điều trị thêm. Theo tường trình của Ruth: “Một ngày cô nói với tôi, ‘Tôi sẽ không nhận thêm liệu pháp nào nữa,’ và lần này tôi không cố thuyết phục cô nữa. Cô rời Virginia Beach và tôi không gặp lại cô ấy.”

Việc liên lạc lẻ tẻ vẫn tiếp diễn giữa hai người và người ta biết rằng Ellen đã cải thiện đủ để bỏ nẹp chân và dùng nạng ngắn, “gần như gậy... tốt hơn nhiều và ít gò bó hơn loại cũ.” Ellen cũng tiếp tục gửi thiệp chúc, sinh nhật và Giáng sinh cho Ruth và vài thành viên gia đình Ruth. Những ghi chú sau cùng trong hồ sơ của Ellen cho thấy nhiều lần trong thập niên 1970 cô đã yêu cầu thêm thông tin từ A.R.E., cũng như nhiều bản sao bài đọc của mình.

Một ví dụ đương đại về chuyện bỏ rơi tiền kiếp được kể bởi một người mẹ nói rằng, “Việc nuôi một đứa trẻ dường như luôn oán giận tôi là vô cùng khó khăn. Tôi đã dành nhiều năm tự hỏi mình đã làm gì để bị con gái căm ghét đến vậy.” Chỉ đến khi cô gái kết hôn và có con, mối quan hệ giữa mẹ và con mới bắt đầu có tính xây dựng: “sau khi cháu gái tôi chào đời, mối quan hệ của chúng tôi đã đổi hướng hoàn toàn.”

Vài năm sau, trong một cảnh miên tượng tại một chương trình hội thảo về tiền kiếp, người phụ nữ cuối cùng hé thấy có thể về vấn đề nghiệp quả. Cảnh miên tượng cũng cho bà hiểu về chứng đau chân và chân đã là vấn nạn trong phần lớn đời bà.

Trong cảnh miên tượng, bà thấy mình là một

as a Jewish woman in the Holy Land who had fallen in love with a Christian Knight who had come to fight the Crusades. Their love eventually led to a pregnancy and the woman gave birth to daughter, whom she left behind to follow her knight after he returned home. During the reverie she saw herself walking hundreds of miles and perishing before she found him. Her abandoned infant had returned as her present-day daughter, and the resentment the girl possessed finally had a rationale explanation. The awareness of their past connection was the impetus that finally enabled the woman to begin healing their relationship.

The Edgar Cayce readings frequently related histories in which parents and children are brought together in a relationship to learn from one another. Sometimes that learning is challenging and difficult, on other occasions that learning is facilitated by example and through love. This process of personal growth and development is simply the means by which each individual meets his or her karmic memory—the means by which each individual meets self. As Cayce told the parents of an eleven-year-old boy:

Yet oft, as we find here, individuals again and again are drawn together that there may be the meeting in the experience of each that which will make them aware of wherein they, as individuals (individual entity and soul), have erred respecting experiences in materiality or soul life even. For the soul lives on ...

693-11

From the Edgar Cayce readings as well as contemporary examples it is clear that family relationships are much more complex than may be observed at face value: They involve an ongoing process of karmic

phụ nữ Do Thái ở Thánh Địa, đã yêu một Hiệp sĩ Kitô giáo đến tham chiến trong các cuộc Thập Tự chinh. Tình yêu của họ cuối cùng dẫn đến một thai kỳ và bà sinh con gái, rồi bỏ con lại để theo vị hiệp sĩ khi ông quay về quê hương. Trong cảnh ấy, bà thấy mình đi bộ hàng trăm dặm và chết trước khi tìm được ông. Đứa bé bị bỏ rơi đã trở lại làm con gái hiện tại của bà, và mối oán giận mà cô gái mang theo cuối cùng có lời giải thích hợp lý. Nhận biết về mối liên hệ quá khứ là động lực cuối cùng giúp người phụ nữ bắt đầu chữa lành mối quan hệ của họ.

Các bài đọc của Edgar Cayce thường kể lại những lịch sử trong đó cha mẹ và con cái được đưa lại gần nhau trong một mối quan hệ để học hỏi lẫn nhau. Đôi khi việc học ấy đầy thử thách và khó khăn; những lần khác, việc học được thúc đẩy bằng tấm gương và qua tình thương. Tiến trình trưởng thành và phát triển cá nhân này đơn giản là phương tiện qua đó mỗi người gặp gỡ ký ức nghiệp quả của mình—phương tiện qua đó mỗi người gặp lại chính mình. Như Cayce đã nói với cha mẹ của một cậu bé mười một tuổi:

Tuy nhiên, thường khi, như ta thấy ở đây, các cá nhân hết lần này đến lần khác được thu hút lại với nhau để trong kinh nghiệm của mỗi người có sự gặp gỡ những điều sẽ làm họ nhận ra họ, với tư cách là những cá nhân (thực thể cá nhân và linh hồn), đã sai trệch ở đâu đối với những kinh nghiệm trong vật chất hay thậm chí trong đời sống linh hồn. Vì linh hồn còn sống mãi ...

693-11

Từ các bài đọc của Edgar Cayce cũng như những ví dụ đương đại, rõ ràng rằng các mối quan hệ gia đình phức tạp hơn nhiều so với cái nhìn bề mặt: Chúng bao hàm một tiến trình liên tục của những kinh nghiệm và ký

experiences and memories from the past playing out against the dynamics of free will in present time. [ức nghiệp quả từ quá khứ diễn ra trong động lực của tự do ý chí trong hiện tại.](#)



4

Karmic Relationships Between Siblings—Những Mối Quan Hệ Nghiệp Quả Giữa Anh Chị Em

Then the entity became associated with many of those that are in the entity's own household in the present, and their contacts, their aids, their fallings away, are necessary for the developments of all so associated in the present.

Rồi thực thể gắn bó với nhiều người hiện đang ở chính trong gia đình của thực thể ở hiện tại, và các tiếp xúc của họ, các trợ giúp của họ, các sự rời xa của họ, là cần thiết cho sự phát triển của tất cả những ai cùng gắn bó như thế trong hiện tại.

378-12

378-12



The Edgar Cayce's readings indicate that every individual within a family generally has strong karmic ties with every other member of his or her family. Simply stated, a family's interconnectedness with each other is essentially a complex archaeological dig of past lives and historical experiences that cannot help but influence present-day interactions. To be sure, the strong subconscious memories that each individual possesses of every other family member can lead to intense disagreements, anger and frustration, but it may just as likely contribute to lasting friendships, joy, and some of the deepest connections

Các bài đọc của Edgar Cayce cho thấy rằng mỗi cá nhân trong một gia đình thường có những mối dây nghiệp quả mạnh mẽ với mọi thành viên khác trong gia đình. Nói giản dị, sự tương liên của một gia đình với nhau về cơ bản là một cuộc khai quật khảo cổ học phức tạp của các tiền kiếp và những trải nghiệm lịch sử không thể không ảnh hưởng đến những tương tác hiện tại. Chắc chắn, những ký ức tiềm thức mạnh mẽ mà mỗi người mang theo về từng thành viên khác có thể dẫn đến tranh cãi gay gắt, giận dữ và bực bội, nhưng cũng có khả năng không kém là chúng góp phần tạo nên tình bạn bền vững, niềm vui và vài kết nối sâu sắc nhất mà con

individuals experience.

In regards to the workings of family karma and the best response to that karmic memory, the Edgar Cayce material suggests that there are essentially two things to keep in mind: (1) Relationships pick up exactly where they have been left off; in other words, there is often a continuity of expression (negatively or positively) in every relationship; and, (2) Regardless of past-life memories that are influencing a present-day relationship, free will remains the strongest determinant of how that relationship will evolve.

The Edgar Cayce information often reminded individuals of the importance of free will and encouraged them to keep their focus on the here and now. For example, when a thirty-six-year-old woman asked for further clarification about a past-life experience when she had apparently had problems with her sister, Cayce encouraged her to keep her focus on the present: “ ... know—as just indicated—you are having the same problems with the same individuals in the present.” (288-48)

In regards to the lawful continuity of relationships picking up exactly where they left off, Cayce told a brother and sister that their challenges were simply the same issues from the past that hadn't been “worked out.” The problem had manifested in the present when the brother gave bad financial advice about a business dealing to his sister. In the course of the reading, Cayce assured the sister that the problem could be “righted,” enabling them to have a positive relationship with one another and correcting what had once gone wrong. (1000-14)

On another occasion, a twenty-one-year-old law student was told that he and his younger brother had come into the same family, “choosing the same mother” in the process

người từng trải.

Về cách hoạt động của nghiệp quả gia đình và cách đáp ứng tốt nhất với ký ức nghiệp quả đó, tài liệu của Edgar Cayce gợi ý rằng về cơ bản có hai điều cần ghi nhớ: (1) Các mối quan hệ tiếp nối chính xác ở chỗ chúng đã dừng—nói cách khác, thường có sự liên tục biểu lộ (tiêu cực hoặc tích cực) trong mọi quan hệ; và (2) Bất kể ký ức tiền kiếp đang ảnh hưởng đến một mối quan hệ hiện tại ra sao, tự do ý chí vẫn là yếu tố quyết định mạnh mẽ nhất đối với tiến trình phát triển của mỗi quan hệ ấy.

Thông tin của Edgar Cayce thường nhắc mọi người về tầm quan trọng của tự do ý chí và khuyến khích họ giữ sự chú tâm vào đây-và-bây giờ. Ví dụ, khi một phụ nữ ba mươi sáu tuổi xin làm rõ hơn về một trải nghiệm tiền kiếp khi cô dường như đã có vấn đề với chị gái, Cayce khuyên cô nên giữ sự chú tâm vào hiện tại: “ ... hãy biết—như vừa chỉ ra—cô đang có cùng những rắc rối với chính những người đó trong hiện tại.” (288-48)

Về tính hợp luật của sự liên tục khi các mối quan hệ tiếp nối chính xác nơi chúng đã dừng, Cayce nói với một anh và một chị rằng các thử thách của họ chỉ là những vấn đề từ quá khứ chưa được “giải quyết xong.” Vấn đề biểu lộ trong hiện tại khi người anh đưa cho chị mình lời khuyên sai lầm về tài chính liên quan đến một thương vụ. Trong quá trình bài đọc, Cayce trấn an người chị rằng vấn đề có thể được “sửa cho đúng,” cho phép họ có một mối quan hệ tích cực với nhau và sửa chữa điều từng trục trặc. (1000-14)

Trong một dịp khác, một sinh viên luật hai mươi một tuổi được cho biết rằng anh và em trai đã vào cùng một gia đình, “chọn cùng một người mẹ” trong tiến trình ấy, vì sự gắn

because of their closeness in a past life in Palestine. At that time the student had been in some position of authority and his younger brother had served in the capacity of counselor. Cayce stated that although they had often disagreed during that experience (and would inevitably do so in the present), it had not affected the close bond between them. (2542-1 and 2677-1)

A twenty-three-year-old woman learned that the ongoing resentment and rivalry she felt from her brother was traceable to their shared experience in Rome during the formation of the early Church. Apparently at that time in Church history women could hold positions of spiritual authority, and her brother had become jealous and resentful when she was elevated to Church deaconess—surpassing his own position of authority in the Church. Cayce suggested that the karmic memory of that experience was at the heart of his resentment (2803-2).

Being more positive in nature, two sisters learned that their present-day reliance upon one another was simply the continuation of the same type of relationship they had once shared in ancient Egypt, when the two had been close friends and often counseled with and depended upon one another (958-3).

An interesting case history of sibling karma is found in the story of Anna Campbell and her sister, Vera. For as long as she could remember, the sisters had disliked one another. From Anna's perspective it always seemed as though Vera had been competing with her—at home, at school, and among their friends. Although Vera was the eldest, she had come across as being extremely jealous; she didn't want Anna to share her friends, her toys, or even her secrets. The conflict between them had been so routine that their mother eventually gave up all hope of ever reconciling the two. In fact, she once told them, "You'll have to fight it out between the two of you." And fight it out

bó gần gũi trong một kiếp ở Palestine. Khi đó, sinh viên giữ một vị trí quyền hạn nào đó và em trai giữ vai trò cố vấn. Cayce nói rằng, dù họ thường bất đồng trong kiếp ấy (và tất yếu cũng sẽ như vậy trong hiện tại), điều đó không ảnh hưởng đến sợi dây gắn bó chặt chẽ giữa họ. (2542-1 và 2677-1)

Một phụ nữ hai mươi ba tuổi biết rằng sự oán giận và ganh đua dai dẳng cô cảm nhận từ anh trai bắt nguồn từ trải nghiệm chung của họ ở La Mã khi Giáo hội sơ khai được hình thành. Có vẻ vào thời điểm ấy trong lịch sử Giáo hội, phụ nữ có thể nắm giữ các vị trí quyền hạn tinh thần, và anh cô đã trở nên ghen tị, bức bối khi cô được tấn phong làm nữ phó tế—vượt trên địa vị của chính anh trong Giáo hội. Cayce gợi ý rằng ký ức nghiệp quả của trải nghiệm đó là cốt lõi nỗi oán giận của anh (2803-2).

Tích cực hơn, hai chị em gái biết rằng sự nương tựa vào nhau trong hiện tại chỉ là sự tiếp nối của cùng kiểu quan hệ họ từng chia sẻ ở Ai Cập cổ, khi hai người là bạn thân và thường tham vấn, nương tựa vào nhau (958-3).

Một trường hợp thú vị về lịch sử nghiệp quả giữa anh chị em được tìm thấy trong câu chuyện của Anna Campbell và chị gái của cô, Vera. Từ bao lâu Anna còn nhớ được, hai chị em đã không ưa nhau. Từ góc nhìn của Anna, dường như Vera luôn cạnh tranh với cô—ở nhà, ở trường và trong đám bạn bè. Dù Vera là chị cả, cô lại tỏ ra cực kỳ ghen tuông; cô không muốn Anna chia sẻ bạn bè, đồ chơi, hay thậm chí cả bí mật của mình. Mâu thuẫn giữa họ trở nên thường nhật đến mức mẹ họ cuối cùng từ bỏ mọi hy vọng hòa giải. Thậm chí, có lần bà nói với hai người: "Hai đứa phải tự giải quyết với nhau thôi." Và họ đã "giải quyết" đúng như thế.

they did.

Of six children in the Campbell household, they were the only two that always had a problem with one another. To make matters worse, as the only girls they had been forced to share a room. At one point the anger between them had caused one of the sisters to take a piece of chalk and draw a line across the wooden floor. And, according to Anna, from that time forward: “Vera had her side of the room, and I had mine.” While they were growing up, frequently each had pretended that the other did not even exist.

As time passed and the two grew to adulthood, problems persisted between them. Anna once admitted to Cayce biographer Gina Cerminara that Vera was “so secretive that she didn’t even want me to know how many pairs of hose she owned,” and that Vera seemed to feel justified in taking anything that belonged to her sister: “She always felt quite free to take anything that was mine—first without my knowing it and eventually it didn’t matter whether I knew it or not.” (1523-11 Report File). Eventually Anna married and the relationship with her sister deteriorated to the point that Vera couldn’t even stand to be in the same room as the couple.

Because of a health condition, Anna eventually came to Edgar Cayce for a reading. The effectiveness of his physical recommendations prompted her to seek out additional information in numerous readings about her health, her past lives, her marriage, and a variety of relationships. In fact, it was during one of her follow-up readings that Anna asked for information about the karmic connection with her sister in the following question: “What has been the past association with my sister, Vera, that has brought about the apparent antagonistic attitude toward one another? Just how should I meet this situation for

Trong sáu đứa con nhà Campbell, chỉ có hai người họ là luôn gặp rắc rối với nhau. Tệ hơn nữa, vì là hai đứa con gái duy nhất nên họ bị buộc phải chung phòng. Có lúc cơn giận giữa họ khiến một trong hai lấy viên phấn vạch một đường trên sàn gỗ. Và, theo lời Anna, từ dạo ấy: “Vera có phía của cô ấy trong phòng, còn tôi có phía của tôi.” Khi lớn lên, họ thường xuyên giả vờ như người kia hoàn toàn không hiện hữu.

Theo thời gian, khi cả hai trưởng thành, rắc rối giữa họ vẫn dai dẳng. Anna từng thừa nhận với nhà viết tiểu sử Cayce là Gina Cerminara rằng Vera “quá kín đáo đến mức cô ấy thậm chí không muốn tôi biết cô ấy có bao nhiêu đôi vớ,” và rằng Vera dường như tự cho mình quyền lấy bất cứ thứ gì thuộc về chị: “Cô ấy luôn cảm thấy khá tự do lấy bất cứ thứ gì là của tôi—ban đầu thì không cho tôi biết và sau rốt thì chẳng còn quan trọng là tôi có biết hay không.” (Hồ sơ Báo cáo 1523-11). Sau đó Anna kết hôn và mối quan hệ với chị gái xấu đi đến mức Vera thậm chí không thể chịu nổi khi ở cùng phòng với vợ chồng Anna.

Do một vấn đề sức khỏe, cuối cùng Anna tìm đến Edgar Cayce để xin một bài đọc. Hiệu quả của các khuyến nghị về thể chất khiến cô tiếp tục tìm thêm thông tin trong nhiều bài đọc về sức khỏe, tiền kiếp, hôn nhân và nhiều mối quan hệ khác. Thật vậy, trong một bài đọc tiếp theo, Anna đã hỏi về mối liên hệ nghiệp quả với chị gái qua câu hỏi: “Trong quá khứ tôi đã có mối liên hệ gì với chị gái tôi, Vera, khiến phát sinh thái độ dường như đối nghịch lẫn nhau? Tôi nên đối diện tình huống này thế nào để chúng tôi cùng phát triển?” (1523-11)

our mutual development?” (1523-11)

Cayce replied that in their most recent incarnation the two had known each other in the Tidewater, Virginia, area. At the time, Vera had been married to a man who had become quite ill. Rather than attending to the needs of her husband, Vera kept herself busy with other duties and obligations, apparently allowing her husband to fend for himself. However, another woman in town took pity on the man and nursed him back to health. The other woman had been Anna and the man had been none other than Anna's present-day husband. During that experience, Vera became resentful and bitter because in her mind another woman had stolen the affections of her husband. At the same time, Anna resented Vera for essentially abandoning her husband. Cayce described the situation, as follows:

In that experience we find that in the Tidewater area they were antagonists for the companionship of the present husband. Not that the entity took the husband away from the sister, but because of their associations, because of their companionship, because of the willingness to bring encouragement and to nurse the entity back to life, there came first that of jealousy, then suspicion and then hate.

Thus, as indicated in the present experience of each, they are each suspicious of the other—more than hating or misjudging the other.

1523-11

In terms of how they could heal their relationship in the present, the reading encouraged Anna to give her sister hope, help, confidence, love, harmony and peace. Because of their family connection as well as the fact that they lived in close proximity to one another, the reading also suggested that the two would have frequent “association

Cayce đáp rằng trong lần lâm phạm gần đây nhất, hai người từng biết nhau ở vùng Tidewater, Virginia. Lúc đó, Vera kết hôn với một người đàn ông lâm trọng bệnh. Thay vì chăm sóc chồng, Vera bận rộn với những bổn phận và công việc khác, dường như để mặc chồng tự lo liệu. Tuy nhiên, một người phụ nữ khác trong thị trấn động lòng trắc ẩn và chăm sóc ông đến khi bình phục. Người phụ nữ ấy là Anna, và người đàn ông ấy không ai khác chính là chồng hiện tại của Anna. Trong trải nghiệm đó, Vera trở nên uất ức và cay nghiệt vì trong tâm trí cô, một phụ nữ khác đã cướp mất tình cảm của chồng mình. Đồng thời, Anna oán trách Vera vì về cơ bản đã bỏ rơi chồng. Cayce mô tả tình huống như sau:

“Trong trải nghiệm đó, chúng ta thấy rằng ở vùng Tidewater họ là đối thủ cho sự bầu bạn của người chồng hiện tại. Không phải là thực thể đã cướp người chồng khỏi chị mình, mà bởi vì mối giao du của họ, bởi vì sự bầu bạn của họ, bởi vì sự sẵn lòng đem lại khích lệ và chăm sóc thực thể ấy hồi sinh, nên trước hết nảy sinh ghen tuông, rồi ngờ vực và sau đó là oán hận.”

“Vì thế, như đã chỉ ra trong trải nghiệm hiện tại của mỗi người, họ nghi kỵ nhau—hơn là ghét bỏ hay đánh giá sai về nhau.”

1523-11

Về cách hàn gắn mối quan hệ hiện tại, bài đọc khuyến khích Anna đem đến cho chị mình hy vọng, sự giúp đỡ, niềm tin, tình thương, hòa hợp và bình an. Vì mối liên hệ gia đình cũng như việc hai người sống gần nhau, bài đọc còn gợi ý rằng họ sẽ thường xuyên có những “giao tiếp và bầu bạn.” Cayce động viên Anna như sau: “Hãy gieo hạt giống của

and companionship.” Cayce encouraged Anna with the following: “Sow seeds of confidence, even though they are trampled upon. But don’t sow them and expect them to be trampled upon! Be hurt whenever they are, yes—but do it again and again!”

Although the advice was not easy, over the years Anna continued to work on her relationship with Vera. When the parents of the two sisters grew old and became ill and the sisters had to help take care of them, the situation provided more than a decade of opportunities to continue to work with their feelings toward one another. Eventually, Anna even admitted that the two could now “tolerate” one another. However, just being tolerant would not finish their work together.

Late in life Anna and Vera found themselves thrown together as each other’s closest relative. When she was nearly eighty, Vera became bedridden with no one to care for her except for her seventy-year-old sister. The situation lasted for two years, and although Anna had nursing assistance in caring for her sister, in a very real sense they had many opportunities to be alone together and talk, and reminisce, and think of days gone by. Toward the end of Vera’s life it seemed as though all animosity that had existed between them was finally gone. In fact, two days before she died, with words carrying a great deal of emotion and sincerity Vera whispered to Anna, “I hope we can be sisters again.”

Since relationship roles frequently change throughout a soul’s various incarnations, the Edgar Cayce readings often present case histories in which one-time brothers and sisters returned in different roles, or examples in which previous past-life relationships resulted in a brother-sister experience in the present. The following two contemporary case histories tell stories in which past-life siblings returned to pick up

niềm tin, dù cho chúng bị giẫm đạp. Nhưng đừng gieo với kỳ vọng rằng chúng sẽ bị giẫm đạp! Bị tổn thương mỗi khi điều ấy xảy ra, phải—nhưng hãy làm lại, hết lần này đến lần khác!”

Dù lời khuyên không dễ thực hành, qua nhiều năm Anna vẫn tiếp tục làm việc với mối quan hệ của mình với Vera. Khi cha mẹ hai chị em về già và lâm bệnh, buộc hai người phải góp sức chăm sóc, tình huống ấy đem lại hơn mười năm cơ hội để tiếp tục chuyển hóa cảm xúc dành cho nhau. Cuối cùng, Anna thậm chí thừa nhận rằng giờ đây hai người có thể “chịu đựng” nhau. Tuy vậy, chỉ khoan dung thôi thì chưa thể hoàn tất công việc chung của họ.

Về cuối đời, Anna và Vera thấy mình buộc phải gắn bó với nhau như những thân nhân gần gũi nhất. Khi gần tám mươi tuổi, Vera nằm liệt giường và không ai chăm sóc ngoài người em gái bảy mươi tuổi. Tình trạng ấy kéo dài hai năm, và dù Anna có sự hỗ trợ điều dưỡng để chăm sóc chị, thì theo một nghĩa rất thực, họ có nhiều cơ hội ở riêng với nhau để trò chuyện, hồi tưởng, và nghĩ về ngày xưa. Về cuối đời Vera, dường như mọi hiểm khích giữa họ cuối cùng đã tan biến. Thực vậy, hai ngày trước khi qua đời, với lời lẽ chan chứa cảm xúc và chân thành, Vera thì thầm với Anna: “Tôi hy vọng chúng ta có thể lại làm chị em.”

Bởi vì vai trò trong các mối quan hệ thường thay đổi qua các lần lâm phạm khác nhau của một linh hồn, các bài đọc Edgar Cayce thường đưa ra những ca điển hình trong đó những người từng là anh chị em trở lại trong những vai khác, hoặc các ví dụ khi mối liên hệ tiền kiếp dẫn thành trải nghiệm anh chị em trong hiện tại. Hai trường hợp đương đại sau đây kể câu chuyện những anh chị em tiền kiếp trở lại để tiếp nối mối gắn bó thân

their close relationships, but assumed different roles in the present.

In the first example, a man in his twenties became good friends with a woman in her thirties through their mutual interest in a spiritual organization. Their relationship began when on numerous occasions the two had found themselves at the same conference or social function and were drawn together. Rather than being a romantic connection, their friendship seemed more like that of a brother and sister; in fact, the man even began calling the woman, “Sis.” At one particular conference in which the two were in attendance the source of their friendship became clear during a past-life reverie. In the reverie, the woman saw a past life when she was a member of an Indian tribe out west and extremely close to one of the warriors, who was her brother. In the midst of the reverie, she suddenly realized that her brother from the past had returned as her present-day friend. Perhaps, surprisingly, during the very same reverie, the man had simply been thinking about his female friend and wondering, “I wonder if I knew her before?” All at once he heard a loud voice register inside his head: “SHE WAS YOUR SISTER!” After the reverie, the two shared the synchronistic experience with one another.

The second example is the story of Allen Brockman who had been living with his girlfriend for a couple of years but could not bring himself to ask her to marry. According to Allen, “I could never understand why I loved her and cared about her, but I was not ‘in love’ with her.”

Because Allen had long worked with his dreams—often asking a question before falling asleep and getting an answer in his dreams—he decided to ask about his relationship. That night he saw his girlfriend living in Scotland during a previous period in history. In the same

thiết nhưng đảm nhận vai khác trong đời này.

Trong ví dụ thứ nhất, một người đàn ông ngoài hai mươi kết thân với một phụ nữ ngoài ba mươi qua mối quan tâm chung đến một tổ chức tinh thần. Mối quan hệ bắt đầu khi nhiều lần họ cùng tham dự một hội nghị hay sinh hoạt xã hội và bị thu hút đến với nhau. Không phải một liên kết lãng mạn, tình bạn của họ giống như giữa anh và em gái; thực tế, người đàn ông còn bắt đầu gọi người phụ nữ là “Em Gái.” Ở một hội nghị mà cả hai cùng có mặt, nguồn cội của tình bạn trở nên sáng rõ trong một hồi tưởng tiền kiếp. Trong hồi tưởng, người phụ nữ thấy một kiếp sống khi cô là thành viên của một bộ tộc người bản địa ở miền Tây và vô cùng thân thiết với một chiến binh, là anh trai của cô. Giữa hồi tưởng, cô bỗng nhận ra người anh từ quá khứ đã trở lại thành người bạn hiện tại. Có lẽ bất ngờ, ngay trong cùng hồi tưởng ấy, người đàn ông chỉ vừa nghĩ về bạn nữ của mình và tự hỏi: “Không biết tôi đã từng biết cô ấy trước đây chưa?” Bất chợt anh nghe một tiếng nói lớn vang lên trong đầu: “CÔ ẤY ĐÃ LÀ CHỊ EM GÁI CỦA ANH!” Sau hồi tưởng, hai người chia sẻ với nhau trải nghiệm trùng hợp này.

Ví dụ thứ hai là câu chuyện của Allen Brockman, người đã sống chung với bạn gái vài năm nhưng không tài nào ngỏ lời cưới. Theo Allen, “Tôi chẳng bao giờ hiểu vì sao tôi yêu và quan tâm cô ấy, nhưng tôi lại không ‘đang yêu’ cô ấy.”

Vì Allen từ lâu đã thực hành làm việc với giấc mơ—thường đặt câu hỏi trước khi ngủ và nhận được câu trả lời trong mơ—anh quyết định hỏi về mối quan hệ của mình. Đêm ấy anh thấy bạn gái sống ở Scotland vào một thời kỳ lịch sử trước đây. Trong cùng giấc mơ, anh thấy mình là một phụ nữ, và trở nên

dream he saw himself as a female, and it became clear from the dream that he and his girlfriend had once been sisters.

When Allen awoke he understood their present-day connection. He also understood why the love he felt was not the same kind of love he had hoped to find in a marriage relationship. Shortly thereafter, the two amicably agreed to break up as boyfriend and girlfriend.

Another contemporary example of karma between siblings in which the feelings in the relationship were not completely amicable is the story of a middle-aged man who describes his relationship with his sister as follows: “We have always had strong feelings for each other, but at the same time I would say that our relationship is quite distant.” When the two are together at family functions and holiday get-togethers, there is a strong recognition of an emotional bond—a bond that is just as likely to prompt frustration and animosity as it is love and understanding. Part of their present-day relationship dynamic is that in between family functions there is no attempt by either brother or sister to maintain contact. The basis of their sibling karma finally seemed to have a rational explanation when the brother caught a glimpse of their most recent lifetime together:

I saw a scene in which she was my wife during the colonial period. We lived in Boston where I was a doctor. We had a daughter that had become ill, and in spite of my medical training, I was unable to save her, and she died. The tragedy devastated our marriage. My wife withdrew from me, as I withdrew from her, and our marriage deteriorated. In the midst of this experience, I “knew” that this situation was at the heart of our present relationship dynamic.

A story that details how karmic memory can surface in everyday life is told by Wanda

rõ ràng rằng anh và bạn gái từng là chị em gái.

Khi tỉnh dậy, Allen hiểu mối liên hệ hiện tại của họ. Anh cũng hiểu vì sao tình thương anh cảm nhận không phải là thứ tình yêu anh kỳ vọng sẽ tìm thấy trong một cuộc hôn nhân. Chẳng bao lâu sau, hai người đồng thuận chia tay nhau trong êm thấm.

Một ví dụ đương đại khác về nghiệp quả giữa anh chị em, trong đó cảm xúc không hoàn toàn hòa thuận, là câu chuyện của một người đàn ông trung niên miêu tả mối quan hệ với em gái mình như sau: “Chúng tôi luôn có tình cảm mạnh mẽ dành cho nhau, nhưng đồng thời tôi cho rằng mối quan hệ của chúng tôi khá xa cách.” Khi họ ở cùng nhau trong các dịp gia đình và lễ hội, có một sự nhận ra rõ rệt về mối dây tình cảm—một mối dây cũng có thể khơi gợi bức bối và hiềm khích chẳng kém gì tình thương và thấu hiểu. Một phần động lực mối quan hệ hiện tại là: giữa các dịp gia đình, cả anh lẫn em đều không cố gắng giữ liên lạc. Nền tảng nghiệp quả giữa hai anh em rất cuộc có một lời giải thích hợp lý khi người anh thoáng thấy kiếp sống gần nhất của họ bên nhau:

“Tôi thấy một cảnh, khi cô ấy là vợ tôi trong thời kỳ thuộc địa. Chúng tôi sống ở Boston, tôi là bác sĩ. Chúng tôi có một cô con gái bị bệnh, và mặc dầu tôi được đào tạo y khoa, tôi không cứu được con bé, và nó qua đời. Bị kịch ấy tàn phá cuộc hôn nhân. Vợ tôi rút lui khỏi tôi, và tôi cũng rút lui khỏi cô ấy, hôn nhân xuống dốc. Giữa trải nghiệm đó, tôi ‘biết’ rằng tình huống ấy là cốt lõi của động lực quan hệ hiện tại giữa chúng tôi.”

Một câu chuyện cho thấy ký ức nghiệp quả có thể trỗi lên trong đời thường được kể bởi

Groves. Now in her fifties, Wanda recalls as a child how she used to dream about a little dark-haired girl. The dreams lasted well into high school and Wanda assumed they were simply a vision of a child that would be hers one day in the future. She now knows that the dreams were past-life in nature and that she was actually glimpsing a past-life version of herself:

I eventually came to understand that the girl was about nine years old and lived around the late 1890s. She came from a very close-knit family and was particularly close to an older brother. She died before her 10th birthday of complications from a cold and pneumonia.

What made the recall information so interesting to Wanda was the fact that her present life seemed to mirror a major event from the previous lifetime; when she was nine years old she was hospitalized with pneumonia and nearly died: “At the time, I was terrified that I was going to die.” She survived and has been health conscious ever since, “taking care of myself through good nutrition, exercise and check-ups.” In terms of the family karma from that experience, Wanda says with certainty, “I now know that my older son, with whom I am very close, had been my brother back when I died of pneumonia.”

Another example of karma between siblings from the Cayce files is the story of Anthony and John Williams—two brothers who each had physical readings from Edgar Cayce. John was forty-one-years old and two years older than Anthony when he sent a letter to Cayce asking for additional information about his relationship with his brother: “I wonder whether you would be kind enough, to give me another reading which would throw light on the relationship between my brother Anthony and myself and also give me some rules for my own conduct in this relationship.” (2564-3 Report File)

Wanda Groves. Nay đã ở tuổi năm mươi, Wanda nhớ hồi nhỏ cô thường mơ về một bé gái tóc đen. Những giấc mơ kéo dài cho đến tận thời trung học và Wanda cho rằng chúng chỉ là hình ảnh về đứa con gái sẽ là con cô trong tương lai. Giờ đây cô biết rằng những giấc mơ mang tính chất tiền kiếp và cô thực ra đã thoáng thấy một phiên bản tiền kiếp của chính mình:

“Cuối cùng tôi hiểu ra cô bé khoảng chín tuổi và sống vào cuối thập niên 1890. Cô bé đến từ một gia đình rất gắn kết và đặc biệt thân với một người anh lớn. Cô bé qua đời trước sinh nhật mười tuổi vì biến chứng từ cảm lạnh và viêm phổi.”

Điều khiến thông tin hồi ức trở nên thú vị với Wanda là đời hiện tại của cô dường như phản chiếu một biến cố lớn từ kiếp trước; khi chín tuổi cô phải nhập viện vì viêm phổi và suýt chết: “Khi đó, tôi kinh hoàng sợ mình sẽ chết.” Cô sống sót và từ đó luôn chú tâm sức khỏe, “chăm sóc bản thân bằng dinh dưỡng tốt, vận động và khám định kỳ.” Về nghiệp quả gia đình từ trải nghiệm ấy, Wanda quả quyết: “Giờ tôi biết rằng con trai lớn của tôi, người mà tôi rất thân, đã từng là anh trai tôi khi tôi chết vì viêm phổi.”

Một ví dụ khác về nghiệp quả giữa anh em trong hồ sơ Cayce là câu chuyện của Anthony và John Williams—hai anh em đều từng nhận bài đọc thể chất từ Edgar Cayce. John bốn mươi một tuổi và lớn hơn Anthony hai tuổi khi ông gửi thư cho Cayce xin thêm thông tin về mối quan hệ với em mình: “Tôi tự hỏi liệu ông có thể vui lòng cho tôi một bài đọc khác để soi sáng mối quan hệ giữa em trai tôi, Anthony, và tôi, và cũng đưa cho tôi vài chỉ dẫn cho cách xử sự của chính tôi trong mối quan hệ này.” (Hồ sơ Báo cáo 2564-3) Theo các ghi chú sau này trong hồ sơ của John, mối quan hệ bị chi phối bởi ghen

According to notations eventually made in John's file, the relationship was marked with jealousy and frequent problems in spite of the fact that John felt that he had always tried to help Anthony, who suffered with multiple sclerosis.

The reading highlighted three incarnations in early America, Rome and ancient Egypt. Cayce stated that the basis of their problematic relationship was essentially because of a difference in motivating ideals in those lifetimes. In John's case, the reading stated that he was generally motivated by freedom of the individual, including freedom of worship as well as the freedom to work together for a collective idea (such as the establishment of the United States). Conversely, Anthony's approach had generally been more controlling and fear-based, even going so far as to advocate government by intimidation. According to the reading, "These different attitudes that arise are as the basis of the disturbances that are the experience of each in the present." (2524-4) In terms of healing their relationship in the present, Cayce gave John the following advice:

And in thy dealings with thy brother, meet rather that as would be if conditions were reversed; being patient, being understanding; not as preachments but rather as following of precepts and living the ideal that is manifest in the word of the entity.

And let thy prayer ever be, in this direction:

Father, God! Speak thou to me in words that I may understand. But let me, O God, speak ever to my brother in deeds, rather than words.

tuông và những vấn đề thường xuyên, dù John cảm thấy mình luôn cố gắng giúp Anthony, người mắc bệnh đa xơ cứng.

Bài đọc làm nổi bật ba lần lâm phạm ở nước Mỹ thời kỳ đầu, La Mã và Ai Cập cổ đại. Cayce cho biết nền tảng mối quan hệ rắc rối của họ chủ yếu do sự khác biệt về những lý tưởng thúc đẩy trong các kiếp sống đó. Với John, bài đọc nói rằng ông thường được thúc đẩy bởi tự do cá nhân, gồm cả tự do thờ phượng cũng như tự do cùng nhau làm việc cho một lý tưởng tập thể (như việc lập nên Hợp Chúng Quốc). Trái lại, cách tiếp cận của Anthony thường mang tính kiểm soát và dựa trên sợ hãi, thậm chí đến mức cổ xúy việc cai trị bằng hăm dọa. Theo bài đọc, "Những thái độ khác biệt nảy sinh này chính là nền tảng của những rối loạn mà mỗi người đang trải nghiệm trong hiện tại." (2524-4) Về phương diện chữa lành mối quan hệ hiện nay, Cayce cho John lời khuyên sau:

"Và trong các giao tiếp của người với anh/em người, hãy đối đãi như thể điều kiện đảo ngược; hãy nhẫn nại, hãy thấu hiểu; không phải bằng những lời rao giảng mà bằng việc theo các giới điều và sống lý tưởng được biểu lộ trong lời của thực thể.

Và nguyện cầu của người hãy luôn là:

Cha ơi, Thượng Đế! Xin Ngài phán với con bằng những lời con có thể hiểu. Nhưng xin cho con, lạy Thượng Đế, luôn nói với anh/em con bằng việc làm hơn là bằng lời.

These (words), in the state of each, only cause disputations. Yet these conditions may be met, if there is the manifesting of patience and brotherly love.

2524-4

As previously mentioned, individuals in adopted families have the same kind of karmic connections from the past as those in birth families. For example, parents of two adopted boys wanted to know if they had ever been related “by blood or marriage” to their sons. They were told that they had all been together as a family in Ancient Persia, where one of the boys had been essentially a governor. That same son had talents in politics and was very self-certain, whereas his younger brother was much more shy. The reading said that, in part, the two boys had chosen to come back again into the same family by way of adoption so that the younger boy could learn how to feel positive about himself from his elder brother. Previously the two had also shared a strong social connection in Egypt at a time when “much was brought to light” in terms of spiritual truths and the physical, mental and spiritual development of humankind. (3346-1 and 3340-1)

Another example is that of a boy and a girl who had been adopted into the same family at different times. The two frequently fought with one another, causing their adopted mother to ask about their past-life connection. Cayce explained that in various periods in history they had been members of opposing groups, including in Rome and in Egypt. In the present, the adopted parents were encouraged to “temper” the children’s responses to one another, provide them each with a spiritual foundation and instill hope and purposefulness into their upbringing. In this manner, their present-day relationship problems could be healed. (2690-1 and 2691-1)

Những (lời) này, trong trạng thái của mỗi người, chỉ gây tranh cãi. Tuy vậy những điều kiện này có thể được hóa giải, nếu có sự biểu lộ của nhẫn nại và tình huynh đệ.”

2524-4

Như đã đề cập, các cá nhân trong gia đình nhận nuôi có các mối liên kết nghiệp quả quá khứ giống như trong gia đình huyết thống. Chẳng hạn, cha mẹ của hai cậu con trai nhận nuôi muốn biết liệu họ đã từng “cùng huyết thống hay hôn phối” với các con trai hay chưa. Họ được cho biết rằng cả nhà đã từng ở bên nhau như một gia đình tại Ba Tư cổ, nơi một trong hai cậu trai về cơ bản là một vị quan cai trị. Cậu con trai ấy có năng khiếu chính trị và rất tự tin, trong khi người em thì rụt rè hơn nhiều. Bài đọc nói rằng, phần nào đó, hai cậu đã chọn trở lại cùng một gia đình qua con đường nhận nuôi để cậu em có thể học cách cảm thấy tích cực về bản thân từ người anh. Trước đó hai em cũng có một mối liên hệ xã hội chặt chẽ ở Ai Cập vào một thời khi “nhiều điều được đưa ra ánh sáng” về các chân lý tinh thần và sự phát triển thể chất, trí tuệ và tinh thần của nhân loại. (3346-1 và 3340-1)

Một ví dụ khác là về một cậu bé và một cô bé được nhận vào cùng một gia đình ở những thời điểm khác nhau. Hai đứa thường xuyên cãi nhau, khiến người mẹ nuôi phải hỏi về mối liên hệ tiền kiếp giữa chúng. Cayce giải thích rằng trong nhiều thời kỳ lịch sử chúng từng thuộc các nhóm đối địch, kể cả ở La Mã và Ai Cập. Hiện tại, cha mẹ nuôi được khuyến khích “giảm bớt” phản ứng của bọn trẻ đối với nhau, cho mỗi đứa một nền tảng tinh thần và gieo vào việc giáo dục chúng hy vọng cùng tính mục đích. Bằng cách này, những rắc rối quan hệ hiện tại có thể được chữa lành. (2690-1 và 2691-1)

The following cases from the Cayce readings offer more examples of sibling karma:

A woman found herself widowed at a very young age and, having nowhere else to turn, she moved in with her brother. For years, the two lived together as housemates, apparently becoming very close because of the arrangement. Cayce stated that part of the karmic memory that had drawn the two together was the fact that they had been together in ancient Egypt. During that experience they had aggressively disagreed and opposed one another in regards to a rebellion that was taking place against the king. Although they eventually worked through some of the issues in that experience, their present relationship had finally enabled them to heal whatever negative karmic memory had remained. (3564-2 and 3062-2)

When parents of a five-year-old girl and a baby boy obtained a reading for their daughter and asked why the girl had chosen to be born into her present family, the reply suggested that her entrance would ultimately enable each member of the family to learn something about themselves. In the language of the readings: “or the meeting of much in each.” (1635-3)

On another occasion, a forty-one-year-old cook asked Edgar Cayce why she had always felt distant from her brother and sisters. Cayce explained that during a past life in England during the uprising against Charles II, she had tried to be an influence for political calm and diplomacy. However, members of her community were not pleased with her endeavors and managed to have her evicted from her home and sent to France. According to the readings, the individuals responsible for her banishment had incarnated as her present-day siblings. (2624-1)

Những trường hợp sau đây từ các bài đọc của Cayce cung cấp thêm ví dụ về nghiệp quả anh chị em:

Một phụ nữ góa chồng khi còn rất trẻ và, không còn nơi nương tựa, dọn đến sống với anh trai. Trong nhiều năm, họ sống cùng như bạn nhà, và dường như trở nên rất thân thiết vì sắp đặt này. Cayce nói rằng một phần ký ức nghiệp quả kéo họ lại với nhau là vì họ từng ở bên nhau tại Ai Cập cổ. Trong trải nghiệm ấy, họ gay gắt bất đồng và đối nghịch nhau xung quanh một cuộc nổi loạn chống lại nhà vua. Dù rốt cuộc họ cũng xử lý được một số vấn đề trong trải nghiệm đó, mối quan hệ hiện tại sau cùng đã giúp họ chữa lành những ký ức nghiệp quả tiêu cực còn sót lại. (3564-2 và 3062-2)

Khi cha mẹ của một bé gái năm tuổi và một bé trai sơ sinh xin một bài đọc cho con gái và hỏi vì sao cô bé lại chọn sinh vào gia đình hiện tại, câu trả lời gợi ý rằng sự xuất hiện của cô rốt cuộc sẽ giúp mỗi thành viên gia đình học được điều gì đó về chính mình. Theo ngôn ngữ các bài đọc: “tức là cuộc tương ngộ của nhiều điều trong mỗi người.” (1635-3)

Một dịp khác, một đầu bếp bốn mươi một tuổi hỏi Edgar Cayce vì sao cô luôn cảm thấy xa cách với anh và chị em gái. Cayce giải thích rằng trong một kiếp sống ở Anh vào thời nổi dậy chống Charles II, cô đã cố gắng làm ảnh hưởng theo hướng bình ổn chính trị và ngoại giao. Tuy nhiên, dân làng không hài lòng với nỗ lực này và tìm cách trục xuất cô khỏi nhà, đày sang Pháp. Theo các bài đọc, những người chịu trách nhiệm về việc trục xuất cô đã tái sinh thành anh chị em hiện tại của cô. (2624-1)

A forty-seven-year-old woman was told that during the early formation of the Church in Laodicea, she had been married to the disciple who oversaw that group of the Church's faithful. When she asked how she had been related to her mother and father at the time, Cayce replied that they had been, "A brother and a sister, in that particular experience." (1468-3)

A forty-three-year-old woman asked for additional insights into her past-life connections with members of her family. Cayce replied that some of the roles were similar and that some had reversed (such as parent and child), but that regardless of the specific relationship there were "needs" in the present that had come as a karmic response or an outgrowth to that previously experienced. The overall purposefulness of these relationships—approached aright—was for the development and growth of everyone involved:

And these become then the real reasons—if there is as a reason—rather because the brother was then the sister, or the sister rather than as the relationships of the companion ... [but] in the present the relationships are such that if the relationships are related to Creative Forces, as they are expressed in the fruits of the spirit, and these exercised in the relationships, the development of body, mind and soul becomes in its proper relationship in the present.

338-4

On another occasion, quibbling siblings from an incarnation in the early settling of Canada had returned in the present to work through their frequent dissension over minor things, only this time their relationship was that of husband and wife. Cayce told the couple that the same attitude they often possessed as brother and sister

Một phụ nữ bốn mươi bảy tuổi được cho biết rằng trong buổi đầu hình thành Giáo hội tại Laodicea, cô kết hôn với người môn đồ giám trông nhóm tín hữu đó. Khi cô hỏi lúc ấy cô có quan hệ thế nào với cha và mẹ mình, Cayce trả lời rằng họ là: "Một người là anh, một người là chị, trong trải nghiệm đó." (1468-3)

Một phụ nữ bốn mươi ba tuổi xin hiểu thêm về liên hệ tiền kiếp với các thành viên gia đình. Cayce trả lời rằng có vai trò tương tự, có vai đạo nghịch (như cha mẹ—con cái), nhưng bất chấp mối quan hệ cụ thể, có những "nhu cầu" trong hiện tại đã đến như một đáp ứng nghiệp quả hay là sự tiếp nối từ trải nghiệm trước đó. Mục đích tổng quát của những mối quan hệ này—nếu được tiếp cận đúng—là để sự phát triển và tăng trưởng của mọi người liên quan:

"Và vì thế những điều này trở thành những lý do thực sự—nếu như có cái gọi là lý do—đúng hơn là vì hồi đó người anh là người chị, hay người chị thay cho quan hệ của người bạn đời ... [nhưng] trong hiện tại, các mối quan hệ là như vậy, rằng nếu các mối quan hệ được quy chiếu về Các Lực Sáng Tạo, như chúng được biểu lộ trong hoa trái của tinh thần, và những điều này được thực hành trong các mối quan hệ, thì sự phát triển của thân, tâm và linh hồn sẽ đạt đến mối tương quan thích đáng trong hiện tại."

338-4

Một dịp khác, cặp anh chị em hay cãi cọ trong một kiếp sống thời kỳ khai phá Canada đã trở lại hiện tại để xử lý sự bất hòa thường xuyên về những chuyện nhỏ nhặt; chỉ khác là lần này mối quan hệ là vợ chồng. Cayce nói với cặp đôi rằng cùng một thái độ họ thường có khi là anh chị em thường len lỏi vào sinh hoạt hiện nay; tuy vậy, họ đã dần hòa hợp

often crept into their present activities; however, they had gradually become more amicable in working together than they had previously. In fact, Cayce told the woman: “Ye are working it out beautifully! Keep it in the same way and manner—to give and forgive, counsel and re-counsel, one with the other.” (2174-1)

When a twenty-seven-year-old woman inquired about the advisability of moving out of her family’s apartment and finding a place of her own because of the difficulties she was having with family members, Cayce responded that if she was able to do it, it would actually be best to try to work things out before moving. Knowing that the situation was difficult, Cayce provided a couple of ways of looking at the situation. He said that if she was unable to be other than antagonistic toward her family members, or they could only be antagonistic towards her, then it would be better to move. If she moved immediately, however, she needed to know that it would lead to spite and animosity, and additional karma in the future. The best approach would be for her to discover how she could be helpful and assist them in the present:

But if there is sought by the entity for not the differences that exist in the minds of the family and the associations but as to how the entity may be a help to those in the family in finding their relationships to Creative Forces, this will make for the better surroundings, making the security of the entity in its abilities for stabilizing itself in a much surer and a much better means or manner.

1436-3

Along the same lines, when a thirty-nine-year-old photographer asked, “What do you suggest would be best for me to do regarding my family relations?” The reading reminded

hơn trong việc cộng tác so với trước. Thực vậy, Cayce nói với người vợ: “Các người đang giải nó rất đẹp! Hãy giữ theo cùng cách thức ấy—cho và tha thứ, khuyên nhủ và lại khuyên nhủ, cùng nhau.” (2174-1)

Khi một phụ nữ hai mươi bảy tuổi hỏi về việc có nên ra khỏi căn hộ của gia đình và tìm một nơi cho riêng mình vì những khó khăn với các thành viên, Cayce đáp rằng nếu làm được, tốt nhất là cố gắng giải quyết trước khi dọn đi. Biết rằng tình thế khó khăn, Cayce đưa ra vài cách nhìn. Ngài nói rằng nếu cô không thể cư xử ngoài sự đối nghịch với các thành viên gia đình, hoặc họ chỉ có thể đối nghịch với cô, thì tốt hơn nên dọn đi. Tuy nhiên, nếu dọn ngay, cô cần biết rằng điều đó sẽ dẫn đến hằn học và hiểm khích, và thêm nghiệp quả về sau. Cách tiếp cận tốt nhất là để cô khám phá làm sao có thể hữu ích và trợ giúp họ trong hiện tại:

“Nhưng nếu thực thể tìm kiếm không phải là những khác biệt tồn tại trong tâm trí gia đình và các liên hệ, mà là thực thể có thể giúp những người trong gia đình tìm mối quan hệ của họ với Các Lực Sáng Tạo như thế nào, thì điều này sẽ tạo nên môi trường tốt hơn, khiến sự an ổn của thực thể trong khả năng tự ổn định mình được bảo đảm hơn và tốt hơn nhiều về phương tiện hay cách thức.”

1436-3

Tương tự, khi một nhiếp ảnh gia ba mươi chín tuổi hỏi, “Ông đề nghị điều gì là tốt nhất tôi nên làm liên quan đến các mối quan hệ gia đình?” Bài đọc nhắc ông rằng ông đang

him that he was meeting his own self. He was encouraged to meet all of his family obligations and to keep the following approach in mind: “As ye would have them do to you, do ye even so to them.” (876-1)

On one occasion, when a thirty-five-year-old accountant whose sister had already obtained a reading asked the following question: “Do I owe the members of my family anything and what?” Cayce responded:

There is a duty, an obligation that ye owe self in the relationship to every member of the family; as every member owes same to thee; to make the associations constructive and each better for having been thrown or drawn together.

For nothing happens as by accident, but that the glory of the Father may be manifested in the doings and the relationships of each individual as one to another.

1432-1

Families are drawn together as a means of enabling every individual to become a better person for having been with other family members. There is also a lawfulness as to why certain individuals are drawn into a family at a given time. As one reading puts it, “No association or experience is by chance, but is the outgrowth of a law—spiritual, mental or material.” (2753-2) Therefore, every individual is drawn into his or her family as a means of learning specific lessons pertinent to that individual’s soul growth and development. Whether or not those lessons are learned at any given time remains a matter of free will; however, the readings suggest that eventually each of those lessons will be learned—it is simply a matter of time. As Cayce told one woman: “Know that this has not been completed in

gặp chính mình. Ông được khuyến khích chu toàn mọi bổn phận gia đình và ghi nhớ cách tiếp cận sau: “Người muốn người ta làm cho mình điều gì, thì cũng hãy làm cho họ như vậy.” (876-1)

Một lần khác, khi một kế toán ba mươi lăm tuổi—người có chị gái đã nhận một bài đọc—hỏi: “Tôi có mắc nợ các thành viên gia đình điều gì không và là gì?” Cayce đáp:

“Có một bổn phận, một nghĩa vụ mà người nợ chính mình trong mối quan hệ với mọi thành viên gia đình; như mỗi thành viên cũng nợ điều ấy với người; để làm cho các mối giao kết mang tính xây dựng và mỗi người trở nên tốt hơn nhờ đã được đặt chung hay thu hút về chung với nhau.

Vì chẳng có gì xảy ra như bởi tình cờ, mà là để vinh quang của Cha được tỏ bày trong hành động và mối tương quan của mỗi cá nhân với người khác.”

1432-1

Các gia đình được kéo lại với nhau như một phương tiện giúp mỗi người trở nên tốt hơn nhờ đã ở cùng những thành viên khác. Đồng thời có một tính luật định về lý do một số người được thu hút vào một gia đình vào thời điểm nhất định. Như một bài đọc nói: “Không một mối liên hệ hay trải nghiệm nào là do ngẫu nhiên, mà là sản phẩm của một định luật—tinh thần, trí tuệ hay vật chất.” (2753-2) Vậy nên, mỗi cá nhân được kéo vào gia đình như một phương tiện để học những bài học cụ thể thích hợp với sự tăng trưởng và phát triển của linh hồn người ấy. Việc những bài học đó có được học vào thời điểm nào hay không vẫn là vấn đề của ý chí tự do; tuy nhiên, các bài đọc gợi ý rằng rốt cuộc mỗi bài học rồi sẽ được học—đó chỉ là vấn đề thời gian. Như Cayce nói với một phụ nữ: “Hãy biết rằng điều này chưa được hoàn tất trong

the present, and thus is to be met in each!
Then why not now?" (1523-6)

hiện tại, nên sẽ phải được đối diện trong
mỗi trải nghiệm! Vậy tại sao không phải là
bây giờ?" (1523-6)



5

Miscellaneous Karmic Relationships—Một Số Quan Hệ Nghiệp Quả Khác

Yet oft, as we find here, individuals again and again are drawn together that there may be the meeting in the experience of each that which will make them aware of wherein they, as individuals (individual entity and soul), have erred respecting experiences in materiality or soul life even. For the soul lives on ...

“Song thường khi, như chúng ta thấy ở đây, các cá nhân hết lần này đến lần khác được kéo lại với nhau để có cuộc gặp gỡ trong trải nghiệm của mỗi người, hầu khiến họ trở nên ý thức về chỗ mà họ, với tư cách cá nhân (thực thể và linh hồn), đã lầm lỗi liên quan đến các trải nghiệm trong vật chất hay ngay cả trong đời sống linh hồn. Vì linh hồn tiếp tục sống...”

693-3

693-3



An underlying premise in the Edgar Cayce readings is that individuals who have a strong emotional feeling toward one another— positively or negatively— generally have karmic memory that constantly influences their present relationship. In other words, oftentimes people respond to one another with greater depth of emotion than might seem appropriate to an objective observer because those individuals are not only responding to an incident in the present but, in all likelihood, to other experiences that have ever occurred between them throughout all

Một tiền đề nền tảng trong các bài đọc Edgar Cayce là: những cá nhân có cảm xúc mạnh với nhau—tích cực hay tiêu cực—thường có ký ức nghiệp quả không ngừng ảnh hưởng đến mối quan hệ hiện tại. Nói cách khác, nhiều khi người ta đáp ứng lẫn nhau với chiều sâu cảm xúc vượt quá điều có vẻ thích đáng với một quan sát viên khách quan, bởi vì họ không chỉ phản ứng với một sự cố hiện tại mà, rất có thể, với những trải nghiệm từng xảy ra giữa họ suốt mọi thời và không gian. Dầu có những ký ức tiền kiếp và ảnh hưởng theo sau, Cayce vẫn quả quyết rằng ý chí tự do là ảnh hưởng mạnh nhất trong bất

time and space. In spite of these past-life memories and the subsequent influences they have, however, Cayce was adamant in maintaining that free will remained the strongest influence in any given relationship because, although there may be negative patterns and inclinations that exist at an unconscious level, those “impulses” do not need to be reenergized or given power in the present.

The importance of free will was emphasized in a reading, for a woman in her forties who was a strong supporter of Edgar Cayce and his work. She was extremely close to her nieces and nephews, for whom she obtained readings. One of her nephews was thirteen at the time of his reading and the aunt and nephew apparently wavered between a very amicable relationship and one in which each seemed to be a source of irritation to the other. When the question was asked in the boy’s reading as to whether they would be closely associated throughout his life or end up separating, Cayce responded that the answer was not set; instead it had to do with the use of their will in the present: “This depends to be sure upon the activities ... No life, no individual is set! It is not a line; it deviates. For the will of each may change the relationships.” (1235-1)

Cayce went on to explain that the greatest source of their connection was the karmic memory from a lifetime in Rome in which the two had been friends. During that experience, the nephew had often provided guidance that his present-day aunt depended upon. In the present, their roles had been reversed and the aunt now found herself in the role of guiding the youth, especially in terms of his spiritual direction. Apparently, the conflict existed because not only did the nephew now find himself in a subservient position but at a subconscious level the aunt realized that she could no longer turn to her former friend for help, as she had done in the past. When the question

kỳ mối quan hệ nào, bởi lẽ, dù có thể tồn tại những khuôn mẫu và khuynh hướng tiêu cực ở mức vô thức, những “xung lực” đó không nhất thiết phải được nạp lại năng lượng hay trao quyền lực trong hiện tại.

Tầm quan trọng của ý chí tự do được nhấn mạnh trong một bài đọc cho một phụ nữ tuổi bốn mươi—một người ủng hộ mạnh mẽ Edgar Cayce và công việc của Ông. Bà vô cùng thân thiết với các cháu—bà xin bài đọc cho họ. Một người cháu trai mười ba tuổi vào thời điểm nhận bài đọc, và dường như giữa hai cô cháu có lúc rất hòa thuận, có lúc lại gây khó chịu cho nhau. Khi câu hỏi được nêu trong bài đọc của cậu bé về việc liệu hai cô cháu sẽ gắn bó suốt đời hay sẽ xa cách, Cayce trả lời rằng câu trả lời không cố định; đúng hơn là tùy thuộc vào việc sử dụng ý chí trong hiện tại: “Điều này dĩ nhiên tùy thuộc vào các hoạt động ... Không có đời sống nào, không có cá nhân nào đã được định sẵn! Nó không phải là một đường thẳng; nó có những chệch hướng. Vì ý chí của mỗi người có thể thay đổi các mối quan hệ.” (1235-1)

Cayce giải thích tiếp rằng nguồn liên hệ lớn nhất của họ là ký ức nghiệp quả từ một kiếp sống ở La Mã khi hai người là bạn. Trong trải nghiệm ấy, người cháu trai thường cung cấp chỉ dẫn mà người cô hiện tại phụ thuộc vào. Ở hiện tại, vai trò bị đảo ngược và người cô thấy mình trong vị thế dẫn dắt cậu thiếu niên, đặc biệt về phương diện định hướng tinh thần. Dường như xung đột nảy sinh vì giờ đây người cháu thấy mình ở vị thế lệ thuộc, và ở tầng vô thức, người cô nhận ra rằng bà không còn có thể tìm đến người bạn cũ để xin giúp đỡ như trước nữa. Khi có người hỏi liệu mối quan hệ có tiềm năng mang lại lợi ích cho cậu trong hiện tại không, Cayce lại quy câu trả lời về việc áp dụng ý chí cá nhân:

was asked as to whether or not the relationship had the potential to be beneficial for the youth in the present, Cayce again turned the answer over to the application of individual will: “Depends upon the application again. Everything in the experience depends upon the application. How wilt thou use thy opportunities? if for weal or for woe? These are not set!”

The readings also repeat that there is an underlying purposefulness behind every relationship and experience encountered by a soul. For example, during the course of a reading given to a thirty-five-year-old musician interested in past lives, work prospects and his personal relationships, Cayce stated that wherever an individual found himself or herself in the present is an opportunity to be a meaningful experience:

Yet, let the entity know that it is not by chance that it has entered this experience at this time, but the life is a purposeful experience; and the place in which it finds itself in the present is that from which it may use the present abilities, the present faults, the present failures—yea, the present virtues— in fulfilling that purpose for which the soul manifests in the material or three-dimensional plane.

2421-2

On another occasion, a forty-one-year-old woman interested in the karmic connection between herself and her daughter was told: “It is true for the entity, and for most individual souls manifesting in the earth, that nothing, no meeting comes by chance. These are a design or a pattern. These patterns, however, are laid out by the individual entity. For there are laws.” (2620-2)

Edgar Cayce frequently emphasized the lawfulness of karma by paraphrasing a line

“Lại tùy vào sự áp dụng. Mọi thứ trong trải nghiệm đều tùy vào sự áp dụng. Người sẽ dùng các cơ hội của mình thế nào? để mang phúc hay gây họa? Những điều này không hề cố định!”

Các bài đọc cũng lặp lại rằng có một mục đích nền tảng đằng sau mọi mối quan hệ và trải nghiệm mà một linh hồn gặp phải. Chẳng hạn, trong một bài đọc cho một nhạc sĩ ba mươi lăm tuổi quan tâm đến tiền kiếp, triển vọng công việc và các mối quan hệ cá nhân, Cayce nói rằng bất cứ nơi nào một người thấy mình ở hiện tại đều là cơ hội để có một trải nghiệm có ý nghĩa:

“Dẫu vậy, để thực thể biết rằng không phải tình cờ mà nó đi vào trải nghiệm này vào thời điểm này, mà đời sống là một trải nghiệm có mục đích; và nơi chốn hiện tại là nơi nó có thể dùng những khả năng hiện có, các lỗi hiện có, những thất bại hiện có—vâng, cả những đức hạnh hiện có—để hoàn thành mục đích mà linh hồn biểu hiện trong cõi vật chất hay cõi ba chiều.”

2421-2

Một lần khác, một phụ nữ bốn mươi một tuổi quan tâm đến mối liên kết nghiệp quả giữa bà và con gái được cho biết: “Điều này đúng với thực thể, và với hầu hết các linh hồn cá nhân lâm phạm trên trần thế, rằng không có gì, không một cuộc gặp gỡ nào là do tình cờ. Đây là một đồ hình hay một khuôn mẫu. Tuy nhiên, các khuôn mẫu này được vạch ra bởi chính thực thể cá nhân. Vì có các định luật.” (2620-2)

Edgar Cayce thường nhấn mạnh tính luật định của nghiệp quả bằng cách diễn giải một

from the New Testament: “ ... for whatsoever a man soweth, that shall he also reap.” (Galatians 6:7) For example, when a fifty-six-year-old woman had questions about the karmic relationships between herself and various family members, she was told: “Learn the law; that ye reap what ye sow! The manner in which ye measure to others, it will be measured to thee again! That is an unchangeable law! Then, live the law; be the law, as respecting such.” (2185-1)

Along the same lines, a thirty-eight year-old member of the U.S Treasury Department’s Secret Service was reminded:

... each soul meets that it—the soul—has builded in the experiences.

For the law of the universe, the law of a merciful Father, remaineth ever. Though there may be turmoils within the earth, though there may be confusions in the elements about the earth, the law remains that what ye sow ye reap, what ye sow ye must meet.

1205-1

A fifty-six-year-old investment counselor apparently having problems at work was reminded that his experience was simply a lawful recompense for his own actions in a previous life. In other words, he was simply meeting himself:

The entity took advantage of a group. Hence expect a group to take advantage of thee! For what ye measure, it must be, it will be measured to thee. For ye must pay every whit that ye measure to others. And this applies in the future as well as in the past. Do you wonder that your life is in such a mess!

3063-1

câu trong Tân Ước: “Vì ai gieo giống chi, sẽ gặt giống ấy.” (Galatia 6:7) Chẳng hạn, khi một phụ nữ năm mươi sáu tuổi hỏi về các mối quan hệ nghiệp quả giữa bà và các thành viên gia đình, bà được bảo: “Hãy học định luật; rằng người gặt điều người gieo! Người đong cho người ta bằng đấu nào, thì sẽ được đong trả bằng đấu ấy! Đó là một định luật bất biến! Vậy thì, hãy sống theo định luật; hãy làm hiện thân của định luật liên quan đến những điều như thế.” (2185-1)

Tương tự, một người ba mươi tám tuổi thuộc Cơ quan Mật vụ của Bộ Ngân khố Hoa Kỳ được nhắc nhở:

“... mỗi linh hồn gặp chính điều mà nó—linh hồn—đã xây dựng trong các trải nghiệm.

Vì định luật của vũ trụ, định luật của một Cha nhân từ, vẫn luôn còn đó. Dẫu có những xáo động trong trần thế, dẫu có những rối loạn nơi các yếu tố quanh địa cầu, định luật vẫn là: người gieo gì gặt nấy, điều người gieo người phải đối diện.”

1205-1

Một cố vấn đầu tư năm mươi sáu tuổi dường như gặp vấn đề ở chỗ làm được nhắc rằng trải nghiệm của ông đơn giản là sự đền bù theo luật cho hành động của chính ông trong một kiếp trước. Nói cách khác, ông đang gặp chính mình:

“Thực thể đã lợi dụng một nhóm. Vậy hãy trông đợi một nhóm sẽ lợi dụng ngươi! Vì điều ngươi đong cho người ta, phải thế, sẽ được đong trả cho ngươi. Vì ngươi phải trả đủ mọi phân lượng mà ngươi đã đong cho người khác. Và điều này áp dụng cho tương lai cũng như quá khứ. Ngươi còn lấy làm lạ vì đời ngươi rồi ren đến thế sao!”

3063-1

As stated previously, rather than being some type of a punishment or a debt, the karmic memory that enables people to “meet” themselves in their experiences and relationships is ultimately the means through which individuals grow, develop and become more in alignment with their Creator. Oftentimes, that growth entails learning how to love unconditionally—whether it’s love of self or love of others. The contemporary story of Hiromi Martin is one such example:

Hiromi admits that for a long time she didn’t understand her karmic relationship with her mother-in-law or the lesson that each had been attempting to learn. She was born in Asia, and her own parents immigrated first to Holland and then to the United States. During World War II, her father had spent four years as a POW in a Japanese prison camp. When she became an adult, Hiromi married a United States citizen, a Caucasian. Although close to her husband, she always had a very challenging time with her mother-in-law, who came across as being prejudice about Hiromi’s nationality. To make matters worse, because of a series of life events, her mother-in-law lived with her and her husband for over twenty years.

According to Hiromi, her mother-in-law was mean, critical, insulting, and prone to frequent yelling: “For a number of years, I thought I was the cause of the way she treated me, and it was devastating.” For years she waited on the woman’s every demand: “I felt like an indentured slave whose servitude would never be up.” The situation went on for seventeen years, causing Hiromi to become despondent: “I wallowed in feelings of selfishness and despair and I ignored my need to love myself and take care of my health.” In the seventeenth year she developed cancer and

Như đã nói, thay vì là một hình phạt hay món nợ, ký ức nghiệp quả khiến người ta “gặp” chính mình trong các trải nghiệm và mối quan hệ tốt cuộc là phương tiện qua đó cá nhân tăng trưởng, phát triển và trở nên tương hợp hơn với Đấng Tạo Hóa của mình. Thường thì sự tăng trưởng ấy bao hàm việc học cách yêu vô điều kiện—dù là yêu bản thân hay yêu người khác. Câu chuyện đương đại của Hiromi Martin là một ví dụ như vậy:

Hiromi thừa nhận rằng suốt một thời gian dài cô không hiểu mối quan hệ nghiệp quả với mẹ chồng hay bài học mà mỗi người đang cố học. Cô sinh ra ở châu Á, cha mẹ cô di cư trước đến Hà Lan rồi sang Hoa Kỳ. Trong Thế chiến II, cha cô bị giam bốn năm như một tù binh chiến tranh trong trại giam Nhật Bản. Khi trưởng thành, Hiromi kết hôn với một công dân Hoa Kỳ, một người da trắng. Dù thân thiết với chồng, cô luôn gặp thời gian vô cùng khó khăn với mẹ chồng, người tỏ ra định kiến về quốc tịch của Hiromi. Tệ hơn nữa, vì nhiều biến cố, mẹ chồng sống cùng cô và chồng suốt hơn hai mươi năm.

Theo Hiromi, mẹ chồng cô độc ác, hay chỉ trích, xúc phạm và thường xuyên la mắng: “Trong nhiều năm, tôi nghĩ mình là nguyên nhân khiến bà đối xử với tôi như vậy, và điều đó thật hủy hoại.” Nhiều năm cô chiều theo mọi đòi hỏi của bà: “Tôi thấy mình như một nô lệ khế ước mà thời hạn phục dịch chẳng bao giờ mãn.” Tình cảnh kéo dài mười bảy năm, khiến Hiromi rơi vào tuyệt vọng: “Tôi đắm mình trong cảm giác ích kỷ và tuyệt vọng và lơ đi nhu cầu yêu bản thân, chăm sóc sức khỏe.” Đến năm thứ mười bảy, cô bị ung thư và tin rằng thái độ cùng sự vô vọng đã làm suy kiệt hệ miễn dịch, cho phép ung thư

became convinced that her attitude and hopelessness had depleted her immune system and allowed the cancer to manifest. Hiromi became determined that she would not allow herself to die from the situation.

In addition to following the treatment recommended by her doctor, Hiromi eventually went to a psychic and asked what past-life experience was most affecting her situation in the present. The response was that she had once been an Egyptian slave serving a cruel and arrogant master—eventually she had escaped the situation and was able to live a happy life with a family of her own. It did not take a stretch of the imagination to realize that the master she had once served and despised had returned as her present-day mother-in-law. It is only now that Hiromi realizes the lessons that each had tried to teach the other:

She tried to teach me the very hard lesson of self-worth and the fact that I didn't need her approval. She needed to learn from me that people of a different color or race are no different than herself—no one is any better or any worse than anyone else. In time, I learned patience and self-worth. I even learned to love myself.

Hiromi did all the right things and she quickly regained her health, and her peace of mind. Within a couple of years, her entire life had changed—her children grew up and left home, she made a new life for herself and no longer felt like the “victim” she had once been. It was only after she had transformed her relationship with her mother-in-law that the elder woman passed on. Rather than dreading their next encounter, Hiromi now thinks of their karmic memory with a different attitude: “I never again want to repeat the history we have had. I no longer have the need to be challenged in order to love myself or to feel my self-worth through another's approval or acceptance. Because I have changed, I

phát tác. Hiromi quyết tâm sẽ không để mình chết vì tình cảnh ấy.

Bên cạnh việc tuân thủ phác đồ điều trị của bác sĩ, Hiromi sau đó tìm đến một nhà ngoại cảm và hỏi kiếp sống nào ảnh hưởng nhiều nhất đến tình huống hiện tại. Câu trả lời là cô từng là một nô lệ Ai Cập phục dịch một ông chủ tàn nhẫn và ngạo mạn—cuối cùng cô đã trốn thoát và sống hạnh phúc với gia đình riêng. Không khó để nhận ra rằng ông chủ mà cô từng phục dịch và căm ghét đã trở lại thành mẹ chồng hiện tại của cô. Chỉ đến bây giờ Hiromi mới nhận ra những bài học mà mỗi người cố dạy nhau:

“Bà cố dạy tôi bài học vô cùng khó về giá trị bản thân và rằng tôi không cần sự chấp thuận của bà. Bà cần học từ tôi rằng người khác màu da hay chủng tộc chẳng khác gì bà—không ai hơn hay kém ai. Theo thời gian, tôi đã học nhẫn nại và giá trị bản thân. Tôi thậm chí học được cách yêu chính mình.”

Hiromi đã làm đúng mọi điều và nhanh chóng hồi phục sức khỏe cũng như sự bình an nội tâm. Chẳng bao lâu sau, toàn bộ cuộc sống của cô thay đổi—các con khôn lớn rời nhà, cô xây dựng một đời sống mới và không còn thấy mình là “nạn nhân” như trước. Chỉ sau khi cô chuyển hóa mối quan hệ với mẹ chồng, người phụ nữ lớn tuổi ấy mới qua đời. Thay vì sợ hãi cuộc gặp gỡ lần tới, Hiromi giờ nghĩ về ký ức nghiệp quả của họ với một thái độ khác: “Tôi không bao giờ muốn lặp lại lịch sử mà chúng tôi đã có. Tôi không còn cần bị thách thức để yêu chính mình hay cảm nhận giá trị bản thân qua sự chấp thuận hay công nhận của người khác. Vì tôi đã đổi thay, tôi hy vọng cuộc gặp gỡ của chúng tôi sẽ là một cuộc hội ngộ của tình thương và sự chấp

hope our next meeting will be one of mutual love and acceptance.”

The story of Phyllis Lambert is also one that entails its share of personal challenges. One of the earliest challenges concerned her boyfriend, Paul, whom she describes as follows:

Paul was my brother’s best friend. He was always a part of our family. Paul and I dated through high school and said that we would get married. His father was a plumber and he planned to follow in his father’s footsteps but first he wanted to serve his military time. He enlisted in the army. He was killed six weeks after his arrival in Vietnam.

Paul’s death was devastating but Phyllis got on with her life as best as she could. She married someone else at eighteen but divorced at nineteen. She spent two years hitchhiking across the country before marrying again at twenty-three. She had two sons before getting her second divorce at twenty-five. She married again at thirty and divorced three years later. After that, she dated a number of men but avoided any kind of real commitment. For a long time, it seemed like her life was out of control: “I was single, working full-time, drinking, raising two sons, sleeping with anyone who asked, and using recreational drugs (cocaine and grass).” When her life seemed at its lowest point, Phyllis had a dream that changed everything:

It seems that there was a highway. No cars, no trucks, just people walking ... The road was bordered on each side with green grass running into the valley ... I was enjoying the walk. Off in the distance the trees were so pretty and so tempting that I started to walk in that direction. As I wandered towards the forest, a man came out. He wore blue jeans, a red plaid shirt and tennis shoes. He had dark hair and glasses. As we came closer to each

nhận lẫn nhau.”

Câu chuyện của Phyllis Lambert cũng là một câu chuyện có phần chia sẻ những thử thách cá nhân. Một trong những thử thách sớm nhất liên quan đến bạn trai cô, Paul, người cô mô tả như sau:

“Paul là bạn thân nhất của anh trai tôi. Anh ấy luôn là một phần của gia đình chúng tôi. Paul và tôi hẹn hò suốt thời trung học và từng nói rằng sẽ kết hôn. Cha anh là thợ ống nước và anh dự định nối nghiệp, nhưng trước hết muốn hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Anh gia nhập quân đội. Anh hy sinh sáu tuần sau khi đến Việt Nam.”

Cái chết của Paul là một cú sốc nhưng Phyllis đã cố gắng tiếp tục sống. Cô kết hôn với người khác lúc mười tám tuổi nhưng ly hôn khi mười chín. Cô dành hai năm đi nhờ xe xuyên nước Mỹ trước khi tái hôn lúc hai mươi ba. Cô có hai con trai trước khi ly hôn lần hai ở tuổi hai mươi lăm. Cô kết hôn lần nữa lúc ba mươi và ly hôn ba năm sau. Sau đó, cô hẹn hò với nhiều người đàn ông nhưng né tránh mọi cam kết thực sự. Suốt một thời gian dài, cuộc đời cô dường như ngoài tầm kiểm soát: “Tôi độc thân, làm việc toàn thời gian, uống rượu, nuôi hai con trai, ngủ với bất cứ ai ngỏ ý, và dùng ma túy giải trí (cocaine và cần sa).” Khi cuộc đời ở điểm chạm đáy, Phyllis đã có một giấc mơ thay đổi tất cả:

Có vẻ như có một xa lộ. Không xe hơi, không xe tải, chỉ có người đi bộ... Con đường có bãi cỏ xanh hai bên chạy dài vào thung lũng... Tôi đang tận hưởng cuộc dạo bộ. Đằng xa, những hàng cây đẹp đến mê lòng và mời gọi đến mức tôi bắt đầu bước về phía đó. Khi tôi đang lần bước về phía khu rừng, một người đàn ông đi ra. Anh mặc quần jean xanh, áo sơ mi ca-rô đỏ và giày thể thao. Anh có mái tóc sẫm và đeo kính. Khi chúng tôi tiến lại gần

other, I realized that this was Paul. But Paul was dead—killed years ago in Vietnam!

I was so happy to see him, tears welled into my eyes and my heart exploded with happiness. I ran toward him and just stared for a minute. He looked just like he always had, only older and more mature. He had the same rosy cheeks and the same habit of pushing his glasses up his nose with his index finger. I held him and felt the warmth of his body and smelled the familiar smell that was his alone. I cried from happiness and never questioned why he was there ...

I wanted so much to stay with Paul, to be in his presence, to talk to him about all of the things that had happened in my life, but he told me I needed to leave. He said that my sons needed me, but he promised that he would be at the end of this road later and we would have forever to talk.

I remember crying, yet feeling so safe and secure and peaceful within myself. It was like getting a breath of clean, cool air after a hot, humid day. Paul told me to hurry and he turned and walked back into the trees. I wanted to follow, but I was torn between him and my boys. But Paul did say that he would be at the end of the road, and I trusted him. I turned and headed back in the direction that I had come.

After she awoke, Phyllis' life was never the same. She is convinced that the dream became a turning point and enabled her to start getting her life in order. She eventually earned an associate's degree in accounting to help her in her career. She focused on raising her sons, and she also became involved in a spiritual discussion group. Eventually, she began having a series of dreams and past-life experiences that convinced her that she had been a "saloon girl" in the 1800s. During a past-life reverie, she got the sense that she

nhau hơn, tôi nhận ra đó là Paul. Nhưng Paul đã chết—bị giết nhiều năm trước ở Việt Nam!

Tôi mừng đến trào nước mắt và trái tim vỡ òa trong hạnh phúc. Tôi chạy về phía anh và chỉ đứng sững nhìn một lúc. Anh trông giống như trước đây, chỉ có vẻ già dặn và chín chắn hơn. Anh vẫn đôi má ửng hồng và cái tật đẩy gọng kính lên sống mũi bằng ngón trỏ. Tôi ôm anh, cảm được hơi ấm thân thể anh và hít hà mùi hương quen thuộc chỉ riêng anh có. Tôi khóc vì hạnh phúc và không hề tự hỏi vì sao anh ở đó...

Tôi muốn ở lại với Paul đến chừng nào có thể, được ở trong sự hiện diện của anh, được nói với anh về tất cả những điều đã xảy ra trong đời tôi, nhưng anh bảo tôi cần phải rời đi. Anh nói các con trai tôi cần tôi, nhưng anh hứa rằng anh sẽ chờ ở cuối con đường này sau đó và chúng tôi sẽ có mãi mãi để chuyện trò.

Tôi nhớ là mình vừa khóc, vừa cảm thấy an toàn, vững dạ và bình yên trong nội tâm. Nó giống như được hít một hơi không khí mát lạnh sau một ngày nóng ẩm. Paul bảo tôi hãy nhanh lên rồi anh quay đi và bước trở lại vào rừng cây. Tôi muốn đi theo, nhưng bị giằng xé giữa anh và các con trai tôi. Nhưng Paul đã nói rằng anh sẽ ở cuối con đường, và tôi tin anh. Tôi quay người và đi về theo hướng mình đã đến.

Sau khi tỉnh giấc, cuộc đời của Phyllis không bao giờ như cũ nữa. Bà tin chắc rằng giấc mơ là một bước ngoặt, giúp bà bắt đầu đưa cuộc sống mình vào nề nếp. Cuối cùng bà lấy được bằng cao đẳng kế toán để hỗ trợ cho sự nghiệp. Bà tập trung vào việc nuôi dạy các con trai, và bà cũng tham gia một nhóm thảo luận về tinh thần. Rồi dần dần, bà bắt đầu có một loạt giấc mơ và những trải nghiệm tiền kiếp khiến bà tin rằng vào những năm 1800, bà đã từng là "cô gái phòng rượu." Trong một lần miên tượng về tiền kiếp, bà có

had been abandoned by her parents at the age of fifteen in southern Canada and had ended up working in a saloon in Montana as a means of supporting herself. She now realizes that after Paul's death she had picked up a past-life pattern that was connected to her present-day karmic struggles with men:

I understand that each man I've had a relationship with may well be connected to that lifetime in Montana, and other lives as well. I'm aware of a pattern of not trusting men, on insisting that I maintain my "freedom" and independence. I finally understand that some of these patterns don't have to be repeated.

Phyllis is certain that her relationship with Paul was the continuation of a relationship they had shared in the past and will undoubtedly share in the future. The concept of reincarnation has also helped her transform some of her more challenging relationships:

I know this isn't the end of who I am, and that what I learn and experience will come with me in future lives—it's an ongoing process for us all. I also know that people I deal with today are some of those with whom I've interacted in the past, and will no doubt contend with in the future. This can be comfort as well as a motivation to change a situation today.

In another contemporary example, Lois Holmes describes how past-life recall enabled her to overcome an overeating problem, understand why she had such an affinity to various minorities and realize where her strong connection to her granddaughter came from. Now in her seventies, Lois admits that all of her life she had a problem with her weight and overeating—a problem that is also shared by

cảm giác rằng mình bị cha mẹ bỏ rơi năm mười lăm tuổi ở miền nam Canada và sau đó đã phải làm việc trong một quán rượu ở Montana để tự nuôi mình. Bây giờ bà nhận ra rằng sau cái chết của Paul, bà đã lặp lại một mô thức tiền kiếp có liên hệ đến những chất vật nghiệp quả hiện thời của bà với đàn ông:

Tôi hiểu rằng mỗi người đàn ông mà tôi có quan hệ có khả năng gắn với kiếp sống ở Montana ấy, và cả những kiếp khác nữa. Tôi nhận biết một mô thức là không tin đàn ông, nhất quyết giữ "tự do" và độc lập của mình. Cuối cùng tôi hiểu rằng một số mô thức ấy không cần phải lặp lại.

Phyllis tin chắc rằng mối quan hệ của bà với Paul là sự tiếp nối của một mối quan hệ mà họ đã chia sẻ trong quá khứ và không nghi ngờ gì sẽ còn chia sẻ trong tương lai. Khái niệm luân hồi cũng đã giúp bà chuyển hóa một số mối quan hệ khó khăn hơn:

Tôi biết đây không phải là điểm kết thúc của con người tôi, và rằng những gì tôi học hỏi và trải nghiệm sẽ đi cùng tôi vào những kiếp tương lai—đó là một tiến trình đang tiếp diễn cho tất cả chúng ta. Tôi cũng biết rằng những người tôi giao tiếp hôm nay là vài người trong số những người tôi đã từng tương tác trong quá khứ, và không nghi ngờ gì sẽ còn phải đối mặt trong tương lai. Điều này vừa có thể là niềm an ủi vừa là động lực để thay đổi một tình huống ngay hôm nay.

Trong một ví dụ đương đại khác, Lois Holmes mô tả cách ký ức tiền kiếp giúp bà vượt qua vấn đề ăn quá độ, hiểu vì sao bà có sự đồng cảm mạnh mẽ với nhiều nhóm thiểu số và nhận ra nguồn gốc mối nối sâu dày của bà với cháu gái. Nay đã ở tuổi bảy mươi, Lois thừa nhận rằng suốt đời bà gặp vấn đề về cân nặng và ăn quá độ—một vấn đề mà cháu gái bà cũng mắc phải. Tuy là phụ nữ da trắng, nhưng khi lớn lên bà thường bị chọc cười với

her granddaughter. Although a Caucasian woman herself, while growing up she often resented white people for their racial prejudice:

I always felt that I was born into the wrong family. Nobody was like me—they didn't think like me. I loved them, and they loved me but we were so very different in our thinking especially about religion and race. I have always felt a strong connection for the "underdog," no matter who the person was or what color he or she happened to be. I have always felt a strong connection to Native Americans, African Americans, and people from India ... this was all very different than my upbringing.

After Lois became interested in reincarnation, she had a past-life experience in which she saw herself living in India as a member of the lower class: "I saw myself as a resident of India and I also saw that my present-day granddaughter, with whom I am very close, was my beloved younger sister." During the experience, Lois realized that both she and her younger sister had starved in that lifetime. When it was over, the past-life memory became the impetus she needed to overcome her overeating problem: "I was able to see why I overate in this lifetime. As a result, I have stopped overeating since that recall experience." She was also able to see how being a member of one of India's lower classes enabled her to have an affinity with individuals who were the "underdog" or of a minority. When asked if there was anything she would like to say to family members about her experience, Lois responded:

I would like to talk to my mother, my dad, my sister, and my brothers—all of who have passed over ... I would like to tell them all of the things that I have experienced, and how understanding reincarnation has been such a light in my life— answering so many questions. While alive, they would have

người da trắng vì thành kiến chủng tộc của họ:

Tôi luôn cảm thấy mình sinh lầm gia đình. Không ai giống tôi—họ không nghĩ như tôi. Tôi yêu họ, và họ yêu tôi nhưng chúng tôi rất khác nhau trong cách nghĩ, nhất là về tôn giáo và chủng tộc. Tôi luôn cảm thấy một mối liên đới mạnh mẽ với "kẻ yếu thế," bất kể người đó là ai hay màu da thế nào. Tôi luôn thấy gần bó với người Bản địa châu Mỹ, người Mỹ gốc Phi, và người từ Ấn Độ... tất cả điều này rất khác với nếp nhà tôi.

Sau khi Lois quan tâm đến luân hồi, bà có một trải nghiệm tiền kiếp trong đó bà thấy mình sống ở Ấn Độ với tư cách là thành viên tầng lớp thấp: "Tôi thấy mình là một cư dân Ấn Độ và tôi cũng thấy rằng cháu gái hiện tại của tôi, người mà tôi rất thân, đã là cô em gái yêu dấu của tôi." Trong trải nghiệm ấy, Lois nhận ra rằng cả bà và em gái đã chết đói trong kiếp đó. Khi trải nghiệm kết thúc, ký ức tiền kiếp trở thành động lực bà cần để vượt qua vấn đề ăn quá độ: "Tôi có thể thấy vì sao tôi ăn quá độ trong kiếp này. Hệ quả là từ sau lần hồi tưởng đó, tôi đã dừng việc ăn quá độ." Bà cũng thấy được rằng, là thành viên của một trong những tầng lớp thấp ở Ấn Độ đã giúp bà có sự đồng cảm với những người "yếu thế" hay thuộc nhóm thiểu số. Khi được hỏi có điều gì bà muốn nói với các thành viên gia đình về trải nghiệm của mình, Lois đáp:

Tôi muốn nói chuyện với mẹ, cha, chị và các anh của tôi—tất cả đều đã qua đời... Tôi muốn kể cho họ mọi điều tôi đã trải nghiệm, và rằng sự thấu hiểu luân hồi đã là một ánh sáng trong đời tôi—trả lời biết bao câu hỏi. Khi còn sống, họ hẳn đã cho rằng các ý tưởng của tôi là tà thuyết, thậm chí là phạm

thought my ideas heresy and even blasphemy. They could not understand why I liked black people or why I was so liberal. I have told my remaining family about my experiences, and at least most of them have seemed pretty open to the ideas I have to share.

A less positive example of karmic memory and being unwilling or unable to work through it is evidenced in the story of two women who were told in their Cayce readings of a strong past-life connection with Edgar Cayce himself. Donna Vincenze was from Virginia Beach, Virginia, and sometimes volunteered to work in Cayce's office; Magdalena Capputto was somewhat of a socialite, who lived in New York City and saw Cayce when he was there on business. Although the two did not know each other personally, both women had been told that they had once had a very close personal relationship with Cayce during the same past life. According to Magdalena's readings, she had been married to Edgar Cayce when he essentially kept what amounted to a Roman mistress; Donna was told that she had been that mistress. One day Magdalene decided to make a trip to Virginia Beach, and Edgar Cayce decided it would make for an interesting experiment to see what would happen when the two women finally met for the very first time. It was Donna who eventually made the following report for the Cayce archives:

Mr. Cayce told me that Mrs. Capputto was coming to Va. Beach and that he would be most interested in seeing us meet ... He told me that he had not told her about me—at least he had not identified me, and that when I met her—I would know but she would not. He seemed interested in what her reaction would be to me. It interested me that he did not seem concerned about how I might react to her.

thượng. Họ không hiểu vì sao tôi thích người da đen hay vì sao tôi quá phóng khoáng. Tôi đã nói với những người còn lại trong gia đình về trải nghiệm của mình, và chỉ ít đa số họ có vẻ khá cởi mở với các ý tưởng tôi chia sẻ.

Một ví dụ kém tích cực hơn về ký ức nghiệp quả và sự không sẵn lòng hay không thể giải quyết nó được thể hiện trong câu chuyện của hai phụ nữ được cho biết trong các bài đọc của Cayce rằng họ có một mối nối tiền kiếp mạnh mẽ với chính Edgar Cayce. Donna Vincenze đến từ Bãi biển Virginia, bang Virginia, đôi khi tình nguyện làm việc tại văn phòng của Cayce; Magdalena Capputto là người có phần thượng lưu, sống ở Thành phố New York và gặp Cayce khi ông có công việc ở đó. Dù hai người không hề quen biết nhau, cả hai đều được cho biết rằng họ từng có một mối quan hệ cá nhân rất thân thiết với Cayce trong cùng một kiếp trước. Theo các bài đọc của Magdalena, bà đã kết hôn với Edgar Cayce vào thời điểm ông thực chất giữ một tình nhân theo kiểu La Mã; Donna được cho biết rằng bà chính là tình nhân ấy. Một ngày nọ Magdalene quyết định đi Bãi biển Virginia, và Edgar Cayce cho rằng sẽ thú vị nếu làm một thử nghiệm xem điều gì sẽ xảy ra khi hai phụ nữ cuối cùng gặp nhau lần đầu. Sau đó Donna là người gửi báo cáo sau đây cho kho lưu trữ của Cayce:

Ông Cayce nói với tôi rằng Bà Capputto sẽ đến Bãi biển Virginia và rằng ông rất muốn chứng kiến cảnh chúng tôi gặp nhau... Ông bảo tôi rằng ông chưa nói với bà ấy về tôi—ít nhất là ông chưa nêu rõ tôi là ai, và rằng khi tôi gặp bà ấy—tôi sẽ biết nhưng bà ấy thì không. Ông có vẻ hứng thú muốn biết phản ứng của bà ấy với tôi sẽ thế nào. Tôi thấy thú vị là ông dường như không quan tâm tôi sẽ phản ứng ra sao với bà ấy.

As I recall she arrived on a Monday or Tuesday—of the week—I do not recall what month, but I do remember the weather was very nice. The first time I met her, we picked her up to take her to the Tuesday Night Bible Meeting. Mrs. Cayce, Gladys, Mr. Cayce, Mrs. Capputto and I were the only ones in the car—Actually I do not know what I expected to feel, but I can tell you that I was very surprised to find that I felt very sure of my position—as related to Mr. Cayce and Mrs. Capputto, but the unexpected thing was that I felt very flirtatious. She had planned to stay at the Beach two weeks—but checked out the next day and went back to N.Y. After Mr. Cayce had seen her in N.Y. he told (when he came home) that she explained that she was so upset by my presence that she just had to go home.

1523-16 Report File

A contemporary example of almost reliving karmic memory from the past is told in the story of Alicia Albertson who broke off her three-year relationship with her boyfriend Rick. Alicia admits that even though she initiated the break-up, she was still upset, as she had often contemplated the possibility of marrying Rick. As Alicia recalls, “Even upon our first meeting and all along the way, I just knew that this was an important relationship for us.”

Part of the problem had been the fact that Rick seemed to have a “cruel and distant streak” that made life miserable. Even though Alicia realized that the break-up was for the best, she obtained a reincarnation regression tape by Brian Weiss and tried to get at the heart of her connection. The regression enabled her to see the karmic memory that had led to their relationship in the present:

I very clearly saw myself in 1800s France. I was the wife of a very wealthy man, who

Theo tôi nhớ bà ấy đến vào một ngày thứ Hai hay thứ Ba—trong tuần—tôi không nhớ tháng nào, nhưng tôi nhớ thời tiết rất đẹp. Lần đầu tôi gặp bà, chúng tôi đón bà để đưa đến Buổi Họp Kinh Thánh tối thứ Ba. Bà Cayce, Gladys, Ông Cayce, Bà Capputto và tôi là những người duy nhất trên xe—Thực ra tôi không biết mình mong sẽ cảm thấy gì, nhưng tôi có thể nói rằng tôi rất ngạc nhiên khi thấy mình rất chắc chắn về vị trí của mình—liên quan đến Ông Cayce và Bà Capputto, nhưng điều bất ngờ là tôi cảm thấy rất lả lơi. Bà ấy định ở lại Bãi biển hai tuần—nhưng hôm sau đã làm thủ tục trả phòng và quay về New York. Sau khi Ông Cayce gặp bà ở New York, ông nói (khi ông về nhà) rằng bà giải thích là bà đã quá bối rối vì sự hiện diện của tôi đến mức phải về nhà ngay.

1523-16 Hồ sơ Báo cáo

Một ví dụ đương đại về việc gần như sống lại ký ức nghiệp quả từ quá khứ được kể trong câu chuyện của Alicia Albertson, người đã chấm dứt mối quan hệ ba năm với bạn trai Rick. Alicia thừa nhận rằng dù chính bà khởi xướng việc chia tay, bà vẫn buồn bã, vì bà đã từng nghĩ đến khả năng kết hôn với Rick. Như Alicia nhớ lại: “Ngay lần gặp đầu tiên và suốt chặng đường, tôi đã biết rằng đây là một mối quan hệ quan trọng với chúng tôi.”

Một phần vấn đề là Rick dường như có một “chuỗi tàn nhẫn và xa cách” khiến cuộc sống khổ sở. Dù Alicia nhận ra rằng chia tay là tốt nhất, bà đã lấy một băng hồi quy luân hồi của Brian Weiss và cố gắng đi thẳng vào cốt lõi mối nối của họ. Cuộc hồi quy cho phép bà thấy ký ức nghiệp quả đã dẫn đến mối quan hệ của họ ở hiện tại:

Tôi nhìn thấy rất rõ mình ở nước Pháp thế kỷ 19. Tôi là vợ của một người đàn ông rất giàu,

was older than I. I could see that he had dark hair and a beard. He was also very cruel and harsh. As a result, I hated my life but I had no way out. I did not have the upper hand or any income of my own. I was desperate to break away but I didn't know how I could. When I looked closely at my husband's face in the reverie, I realized that it was Rick.

When the reverie was over, Alicia understood that her three-year relationship with Rick had been the opportunity to re-script what she had been unable to change in the past. She also found it interesting that in this life she had had the "upper hand" all along: she was seven years older than Rick, she was the one that had been formally educated, and her career had been the more financially rewarding.

Peggy McGrath tells an even more positive example of healing a past-life memory through the use of the will. As background information, Peggy was born in Ireland more than seventy years ago to a Catholic mother and a Protestant father. At the time it was unthinkable that a Catholic would marry a Protestant, and placing Peggy with her maternal grandmother solved the dilemma of her illegitimate birth. She was essentially abandoned by her birthparents—her mother was sent off to England to pursue a nursing career and her father was shipped to India as part of the British government's police presence. She never met either her mother or father, as her birth had somehow "shamed" them and they felt forced to completely alter the course of their lives. However, Peggy's grandmother adored her and she had a wonderful upbringing.

Peggy moved to the United States in the 1940s to pursue an education. Eventually, she married and had children of her own. In time, her children married and had their own children. She was delighted when the time came for her to become a grandmother.

lớn tuổi hơn tôi. Tôi thấy ông ta tóc đen và có râu. Ông ta cũng rất tàn bạo và khắc nghiệt. Vì thế, tôi căm ghét cuộc đời mình nhưng không có lối thoát. Tôi không nắm thế thượng phong cũng không có thu nhập riêng. Tôi tuyệt vọng muốn thoát đi nhưng không biết làm sao. Khi nhìn kỹ khuôn mặt chồng trong cảnh miên tưởng, tôi nhận ra đó là Rick.

Khi cảnh miên tưởng kết thúc, Alicia hiểu rằng mối quan hệ ba năm với Rick là cơ hội để viết lại kịch bản điều bà đã không thể thay đổi trong quá khứ. Bà cũng thấy thú vị là trong kiếp này bà nắm thế thượng phong ngay từ đầu: bà lớn hơn Rick bảy tuổi, bà là người được giáo dục chính quy, và sự nghiệp của bà đem lại tài chính dồi dào hơn.

Peggy McGrath kể một ví dụ còn tích cực hơn nữa về việc chữa lành một ký ức tiền kiếp bằng sức mạnh ý chí. Về bối cảnh, Peggy sinh ra ở Ireland cách đây hơn bảy mươi năm, mẹ theo Công giáo và cha theo Tin Lành. Thời bấy giờ một người Công giáo lấy người Tin Lành là điều khó chấp nhận, và việc gửi Peggy cho bà ngoại bên ngoại nuôi đã giải quyết thế bí của một đứa trẻ sinh ngoài giá thú. Bà bị cha mẹ ruột bỏ rơi—mẹ bị gửi sang Anh để theo đuổi nghề y tá còn cha bị điều sang Ấn Độ trong lực lượng cảnh sát của chính quyền Anh. Bà chưa bao giờ gặp mẹ hay cha mình, vì việc bà ra đời bằng cách nào đó đã "làm họ hổ thẹn" và họ thấy mình buộc phải đổi hướng cuộc đời hoàn toàn. Tuy vậy, bà ngoại rất yêu bà và bà có một tuổi thơ tuyệt vời.

Peggy chuyển đến Hoa Kỳ vào thập niên 1940 để học hành. Rồi bà kết hôn và có con. Theo thời gian, các con bà lập gia đình và cũng có con cái. Bà vô cùng hân hoan khi đến lúc mình làm bà ngoại. Tuy nhiên, niềm vui chóng tàn khi thấy rõ rằng cháu gái của bà—

Her joy was shortlived, however, when it became apparent that her granddaughter—though only an infant—did not want to be around her: “For whatever reason, she just didn’t feel comfortable with me.” Because she had always been popular with children, Peggy couldn’t understand what the problem was but regardless of how she spoke to, cuddled or held her granddaughter, the baby’s attitude did not change. The child did not like her or want to be around her. One night, however, Peggy had a dream that seemed to answer where the problem had originated:

I was riding a merry-go-round with my favorite aunt, who I knew was deceased, but in the dream she was alive and well. All at once the merry-go-round started going backwards and I realized it was moving back in time. I turned and noticed that my granddaughter was sitting near my aunt and as the merry-go-round continued its journey back in time my granddaughter became my mother. As my mother, she spoke happily with my aunt. My aunt looked at me to make certain I had gotten the message—that this woman who had been forced to change her life because of my birth was now my granddaughter—and when it was clear I understood, my aunt got off at the next stop. I was left alone on the merry-go-round with my mother.

Upon awakening, Peggy knew that she had to heal the relationship with her granddaughter/mother. Immediately, she started praying for their relationship and for their ability to forgive one another. She also worked with meditation. Almost like a silent affirmation, in her mind she began thanking her mother for all of the good things that the woman had been instrumental in bringing to her life. Peggy even thanked her mother for life itself. The approach seemed to work, for gradually, her granddaughter began to change. As Peggy recalls:

dù chỉ là một hài nhi—không muốn ở gần bà: “Vì một lý do nào đó, bé không thấy thoải mái với tôi.” Vì vốn luôn được trẻ con quý mến, Peggy không hiểu vấn đề ở đâu, nhưng bất kể bà nói chuyện, ôm ấp hay bồng bế cháu thế nào, thái độ của đứa bé vẫn không đổi. Đứa trẻ không thích bà hay muốn ở gần bà. Thế rồi một đêm, Peggy có một giấc mơ dường như trả lời nguồn gốc vấn đề:

Tôi đang cưỡi ngựa gỗ trong vòng quay với người cô yêu quý của mình, người mà tôi biết là đã qua đời, nhưng trong mơ cô vẫn còn sống và khỏe mạnh. Bỗng chốc vòng quay bắt đầu quay ngược lại và tôi nhận ra nó đang đi lùi về quá khứ. Tôi quay lại và thấy cháu gái tôi đang ngồi gần cô, và khi vòng quay tiếp tục cuộc hành trình về quá khứ, cháu gái tôi trở thành mẹ tôi. Trong vai mẹ tôi, cô ấy trò chuyện vui vẻ với cô tôi. Cô tôi nhìn tôi để chắc rằng tôi đã hiểu thông điệp—rằng người phụ nữ từng buộc phải đổi đời vì tôi chào đời giờ đây là cháu gái tôi—và khi thấy rõ tôi đã hiểu, cô tôi xuống ở điểm dừng tiếp theo. Tôi còn lại một mình trên vòng quay với mẹ tôi.

Khi thức dậy, Peggy biết rằng bà phải chữa lành mối quan hệ với cháu gái/mẹ mình. Ngay lập tức, bà bắt đầu cầu nguyện cho mối quan hệ của họ và cho khả năng tha thứ lẫn nhau. Bà cũng thực hành tham thiền. Gần như một lời khẳng định thỉnh lặng, trong tâm bà bắt đầu cảm ơn mẹ mình vì tất cả điều tốt lành mà người phụ nữ ấy đã góp phần mang đến cho đời bà. Peggy thậm chí cảm ơn mẹ vì sự sống của chính bà. Cách tiếp cận này dường như hiệu nghiệm, vì dần dần, cháu gái bà bắt đầu thay đổi. Như Peggy nhớ lại:

By the time my granddaughter was a toddler, she insisted on coming to visit with me and staying overnight with me. Any of her tiny problems were brought specifically to me to be solved. As the years passed, anything I ever gave to her became like a special treasure in her eyes, even to this day. When she grew up, I found it especially interesting that she chose her previous career of nursing. This time she took it a step further and became a neo-natal nurse, as though she wanted to make certain that she could help take care of little children, as she had to leave one behind the last time around. She simply adores children.

Peggy states that without the dream, she and her granddaughter might have gone through life ignoring each other, never healing the situation from the past.

Another example of personal healing is evidenced in the past-life story of Nadine Brockman. According to Nadine, it was during a hypnotic regression that she came to the realization that two lifelong personal phobias and her favorite aunt's inability to have children were all connected to the same experience—an experience in which she and her aunt had last been together. Nadine states that throughout her life she has been afraid of two things: having another person touch her head and traveling any distance away from her home:

As far back as I can remember, I hated anyone touching my head or combing my hair. I even refused to go to the beauty shop—preferring instead to cut my own hair. In terms of travel, anytime I had to go somewhere I developed some kind of a sickness: severe dizziness, head colds, middle ear infections, etc.

In part because of her phobias, Nadine eventually went to a regression therapist to see about the possibility of being hypnotized and regressed as a means of being healed of

Đến khi cháu tôi biết đi, cháu nằng nặc đòi đến thăm tôi và ngủ lại với tôi. Bất kỳ vấn đề nhỏ nào của cháu đều được mang đến cho riêng tôi để giải quyết. Theo năm tháng, bất cứ thứ gì tôi tặng cháu đều trở thành một kho báu đặc biệt trong mắt cháu, cho đến tận hôm nay. Khi lớn lên, tôi thấy đặc biệt thú vị là cháu chọn nghề cũ của mình là điều dưỡng. Lần này cháu đi xa hơn và trở thành y tá sơ sinh, như thế cháu muốn bảo đảm rằng mình có thể giúp chăm sóc trẻ nhỏ, vì lần trước cháu đã phải bỏ lại một đứa trẻ phía sau. Cháu vô cùng yêu trẻ.

Peggy cho biết nếu không có giấc mơ ấy, có lẽ bà và cháu gái đã sống hết đời mà phớt lờ nhau, không bao giờ chữa lành được tình huống từ quá khứ.

Một ví dụ khác về chữa lành cá nhân thể hiện trong câu chuyện tiền kiếp của Nadine Brockman. Theo Nadine, chính trong một lần hồi quy thôi miên bà nhận ra rằng hai nỗi ám sợ suốt đời và việc người cô yêu quý nhất không thể có con đều gắn với cùng một trải nghiệm—một trải nghiệm trong đó bà và người cô ấy đã ở bên nhau lần cuối. Nadine nói rằng suốt đời bà sợ hai điều: bị người khác chạm vào đầu và đi xa nhà:

Từ khi nhớ được, tôi ghét ai đó chạm vào đầu hay chải tóc cho tôi. Tôi thậm chí từ chối đến tiệm làm tóc—thích tự cắt tóc hơn. Về chuyện đi xa, hề tôi phải đi đâu là tôi lại mắc một chứng bệnh nào đó: chóng mặt dữ dội, cảm nặng, viêm tai giữa, v.v.

Một phần vì các ám sợ này, Nadine cuối cùng đã tìm đến một nhà trị liệu hồi quy để xem liệu có thể được thôi miên và hồi quy như một phương tiện chữa lành cả hai vấn đề

both problems. The results she experienced ended up being instantaneous:

I saw myself as a three-year-old girl, living near the beach in Sweden. My mother in that lifetime was my childless aunt from the present. One evening I wanted to go out to play but my mother told me it was too late and I needed to go to bed. I was very unhappy with her response, so when she was not looking I saw myself sneak out of the house and run out to the beach to play.

As early evening turned to darkness, I became scared. I was lost. I saw a light atop some rocks so I began climbing what amounted to a cliff. Unfortunately, when I was up quite a ways, I ended up falling off the cliff and smashing my head on the rocks below.

The scene changed and I could see my mother (now aunt) holding me and weeping over me, crying aloud, "I will never have children again."

The experience proved to be very emotional for Nadine. While still in the regression she started crying and saying, "It's all my fault, it's all my fault." The hypnotist reassured her by gently repeating that she had only been a child and had never meant for the tragedy to happen. Still, it really affected her to see her now-aunt in such pain: "I'm closer to her than even my own mother!"

In the end, however, the experience proved to be helpful and healing. Today, it doesn't bother Nadine to have someone else touch her hair and she no longer gets sick when traveling. Not only have the concepts of reincarnation and karma enabled Nadine to make strides in her personal growth and development but she is convinced that they hold the same promise for everyone:

We have the opportunity to stretch and reach our soul's potentials. There is a Higher

không. Kết quả bà trải nghiệm hóa ra tức thời:

Tôi thấy mình là một bé gái ba tuổi, sống gần bãi biển ở Thụy Điển. Mẹ tôi trong kiếp đó chính là người cô không con của tôi hiện thời. Một buổi tối tôi muốn ra ngoài chơi nhưng mẹ bảo đã quá muộn và tôi cần đi ngủ. Tôi rất không hài lòng với câu trả lời, nên khi mẹ không nhìn, tôi thấy mình lén ra khỏi nhà và chạy ra bãi biển chơi.

Khi chiều tà chuyển sang tối, tôi bắt đầu sợ. Tôi bị lạc. Tôi thấy một ánh sáng trên đỉnh vài tảng đá nên bắt đầu leo lên, thực ra là một vách đá. Không may, khi đã leo khá cao, tôi bị trượt và rơi khỏi vách đá, đập đầu xuống những tảng đá phía dưới.

Cảnh đổi đi và tôi thấy mẹ tôi (bây giờ là cô tôi) ôm tôi và khóc nức nở, kêu lên: "Tôi sẽ không bao giờ có con nữa."

Trải nghiệm ấy rất xúc động với Nadine. Khi còn trong trạng thái hồi quy, bà bắt đầu khóc và nói: "Tất cả là lỗi của tôi, tất cả là lỗi của tôi." Nhà thôi miên trấn an bà bằng cách nhẹ nhàng lặp lại rằng bà khi ấy chỉ là một đứa trẻ và chẳng bao giờ muốn bị kịch xảy ra. Dù vậy, việc thấy người cô—nay là cô ruột—đau đớn như thế thực sự tác động đến bà: "Tôi còn thân với cô hơn cả mẹ ruột!"

Cuối cùng, trải nghiệm tỏ ra hữu ích và chữa lành. Ngày nay, Nadine không còn khó chịu khi người khác chạm vào tóc mình và bà cũng không còn đổ bệnh khi đi xa. Không chỉ các khái niệm luân hồi và nghiệp quả đã giúp Nadine tiến bộ trong sự trưởng thành và phát triển cá nhân, mà bà còn tin chắc rằng chúng chứa đựng cùng một lời hứa cho mọi người:

Chúng ta có cơ hội vươn tới và khai phát các tiềm năng của linh hồn mình. Có một Quyền

Power, a Source, within each and every one of us. If only people would try to accept life's challenges, to understand that there is a reason for everything. We are solely responsible for creating our reality.

An interesting example of family karma created and played out within the same hundred-year period is told by Angela Anderson. According to Angela, her story began when she was a young girl on a train with her mother traveling from California to Oklahoma. The ride seemed fine until her mother tried to take her from the passenger car to the dining car. Between cars, the noise of the wheels on the tracks was so loud that Angela began to scream and cry until her mother took her back to the passenger car. From that time on Angela had an irrational fear of trains. As she grew older, she noticed other idiosyncrasies developing such as disgust for the sound of the German language and an irrational fear that as a mother she herself would lose a child.

Time passed and eventually Angela married a police officer, became a nurse and had two children: a boy and a girl. Her children were wonderful. Her son liked to draw and seemed especially interested in drawing cars. In addition to her duties as a nurse, she and her husband both taught Baptist Sunday school. For the most part, her life was very good. However, one night she had a terrifying dream:

I felt during the dream as though I was awake and this was real. I heard the screen door open and looked up into the face of a man standing beside me. The streetlight shone on his face. He was dressed all in black from his feet to his head. Only his face, hair and hands were not covered. His eyes were black and slanted and they had the most evil look I had ever seen. I knew he meant to kill me. I tried to scream and punch my husband but could not make a sound nor could I move a muscle. I was filled with terror. The man

năng Cao cả, một Nguồn, trong từng người một. Chỉ cần mọi người thử chấp nhận các thách thức của đời sống, hiểu rằng mọi thứ đều có lý do. Chúng ta hoàn toàn chịu trách nhiệm tạo ra thực tại của mình.

Một ví dụ thú vị về nghiệp gia đình được tạo và diễn ra trong cùng một khoảng trăm năm được Angela Anderson kể lại. Theo Angela, câu chuyện của bà bắt đầu khi bà còn là một cô bé đi tàu cùng mẹ từ California đến Oklahoma. Chuyến đi có vẻ ổn cho đến khi mẹ cố dẫn bà từ toa hành khách sang toa ăn. Giữa hai toa, tiếng bánh xe nghiền trên đường ray ầm ầm đến mức Angela bắt đầu hét lên và khóc cho đến khi mẹ đưa bà trở lại toa hành khách. Từ đó Angela có một nỗi sợ vô lý đối với tàu hỏa. Khi lớn lên, bà nhận thấy những nét kỳ dị khác xuất hiện như cảm giác ghê tởm với âm thanh tiếng Đức và một nỗi sợ vô lý rằng với tư cách người mẹ, bà sẽ mất một đứa con.

Thời gian trôi qua, cuối cùng Angela cưới một sĩ quan cảnh sát, trở thành y tá và có hai con: một trai, một gái. Con cái bà thật tuyệt. Con trai thích vẽ và đặc biệt hứng thú vẽ ô tô. Ngoài công việc y tá, cả bà và chồng đều dạy Trường Chúa nhật Baptist. Phần lớn cuộc sống của bà rất tốt đẹp. Tuy nhiên, một đêm bà có một giấc mơ kinh hoàng:

Trong mơ tôi có cảm giác như mình đang thức và điều này là thật. Tôi nghe cửa lưới mở và ngẩng lên nhìn khuôn mặt một người đàn ông đứng cạnh mình. Ánh đèn đường chiếu lên mặt hắn. Hắn mặc toàn đồ đen từ chân đến đầu. Chỉ có mặt, tóc và bàn tay là không che. Đôi mắt hắn đen và xếch và có vẻ độc ác nhất mà tôi từng thấy. Tôi biết hắn định giết tôi. Tôi cố hét và đánh chồng nhưng không phát ra nổi âm thanh nào cũng chẳng động đậy được. Tôi tràn ngập sợ hãi. Hắn bước về phía tôi và nỗi kinh hoàng của tôi càng tệ

stepped toward me and my terror became worse.

Angela forced herself to awaken and was unable to go back to sleep. Still terrified, she was certain that she had seen the face of death. Her husband tried to reassure her that everything was okay, but Angela became convinced that something horrible was about to happen. Her fears proved prophetic one week later when her husband was involved in a car accident with another car while riding with their fifteen-year-old son. Their son was killed instantly and her husband was left a cripple, retaining only the use of one arm. The crash resulted in her husband's onslaught of epilepsy as well as a struggle with severe depression. He also felt guilty for not being able to avoid the accident. Angela herself became very bitter over the loss of their son. For a time it seemed that her husband might not survive his own injuries. At the very least, his work as a police officer was over. Their life as a family was horribly altered and seemed almost impossible to deal with. In addition to all this tragedy, for some reason, Angela had an intense fear of her daughter being raped and often told friends, "I would rather be raped myself than have my daughter raped." The intervention of two people helped to turn Angela's life around. The doctor who saved her husband's life was from India. In addition to helping her husband, the doctor tried to comfort Angela. He encouraged her and told her that in his opinion, "the soul changes bodies like the body changes clothes." His words opened her mind to an entirely new philosophy and according to Angela, "Thus began my current journey toward wisdom and enlightenment." The second individual was a friend and a hypnotherapist who agreed to hypnotize Angela to see if she could discover why this tragedy was a part of her life's experience. To her amazement, while under hypnosis Angela remembered exact details

hơn.

Angela gắng tỉnh dậy và không thể ngủ lại. Vẫn sợ hãi, bà chắc rằng mình vừa thấy khuôn mặt của tử thần. Chồng bà cố trấn an rằng mọi thứ vẫn ổn, nhưng Angela tin rằng điều khủng khiếp sắp xảy ra. Nỗi sợ của bà tỏ ra như điềm báo: một tuần sau, chồng bà gặp tai nạn với một xe khác khi đang đi cùng con trai mười lăm tuổi. Con trai họ chết ngay lập tức và chồng bà trở thành người tàn tật, chỉ còn dùng được một cánh tay. Vụ va chạm khiến chồng bà bị động kinh bùng phát và phải vật lộn với trầm cảm nặng. Ông cũng cảm thấy tội lỗi vì không tránh được tai nạn. Bản thân Angela trở nên cay đắng vì mất con. Có lúc tưởng như chồng bà không qua khỏi thương tích của chính mình. Ít nhất thì công việc cảnh sát của ông cũng chấm dứt. Cuộc sống gia đình của họ bị thay đổi khủng khiếp và dường như bất khả chịu đựng. Thêm vào tất cả bi kịch ấy, vì lý do nào đó, Angela có nỗi sợ mãnh liệt rằng con gái mình sẽ bị cưỡng hiếp và thường nói với bạn bè: "Tôi thà bị cưỡng hiếp còn hơn để con gái tôi bị cưỡng hiếp." Sự can thiệp của hai người đã giúp xoay chuyển cuộc đời Angela. Bác sĩ cứu sống chồng bà đến từ Ấn Độ. Bên cạnh việc giúp chồng bà, ông cố an ủi Angela. Ông động viên và nói rằng theo ý kiến ông, "linh hồn thay thân xác như thân xác thay y phục." Lời ông mở tâm trí bà đến một triết lý hoàn toàn mới và theo lời Angela: "Thế là bắt đầu cuộc hành trình hiện thời của tôi hướng đến minh triết và giác ngộ." Người thứ hai là một người bạn và nhà thôi miên, người đã đồng ý thôi miên Angela để xem liệu bà có thể khám phá vì sao bi kịch này là một phần trải nghiệm đời bà. Thật đáng ngạc nhiên, khi đang được thôi miên, Angela nhớ lại chi tiết chính xác một tiền kiếp dường như giải thích lý do nghiệp quả đằng sau bi kịch:

of a past life that seemed to explain the karmic reason behind the tragedy:

I remembered a life in Poland when I was a Polish Jew named Claude Rainey. I had a jewelry store and a watch repair shop on a corner. My wife was named Edith (I knew she had returned as my daughter in this life) and my son was named Reuben (I knew he had returned as my son). The year was 1943.

In my memory we heard the Nazis coming and all of us went into hiding. I hid behind a showcase inside a wall where money and jewelry were hidden. I could see through a tiny crack in the wall. The Nazis found Reuben and beat, kicked, and stomped him to death. They also found Edith and took turns raping her before they killed her. I did nothing to try and stop them. By the time the Nazis found me, there was blood everywhere. Since I was strong, I was sent by train to Bergen-Belzen [a Nazi concentration camp]. I knew that my husband in this life had been a member of the SS at the camp and had been killed during the war. Later I was sent by train to Auschwitz, where I was murdered.

The experience explained many things: Angela's fear of trains, her fear of losing a child, her fear about her daughter being raped, her feelings about the German language, even her husband's own injuries seemed to be in recompense for his actions in Nazi Germany.

Since that experience, Angela has come to grips with her son's death. She has even forgiven the man who caused the accident. Because of the events in her life and the people who helped her gain a new understanding, her philosophy has changed to the point where she now believes, "The soul cannot escape itself." She is convinced that her life's experiences have been purposeful, and that the individuals who

Tôi nhớ một kiếp ở Ba Lan khi tôi là một người Do Thái Ba Lan tên Claude Rainey. Tôi có một tiệm nữ trang và sửa đồng hồ ở một góc phố. Vợ tôi tên Edith (tôi biết bà đã trở lại làm con gái tôi trong kiếp này) và con trai tôi tên Reuben (tôi biết cậu đã trở lại làm con trai tôi). Năm ấy là 1943.

Trong ký ức của tôi, chúng tôi nghe thấy bọn Đức Quốc xã đang đến và tất cả đều trốn. Tôi trốn sau một tủ kính trong một bức tường nơi cất tiền và nữ trang. Tôi có thể nhìn qua một khe nứt rất nhỏ trên tường. Bọn Đức Quốc xã tìm thấy Reuben và đánh đập, đá, giẫm cậu đến chết. Chúng cũng tìm ra Edith và lần lượt cưỡng hiếp bà trước khi giết bà. Tôi đã không làm gì để cố ngăn chúng. Đến khi bọn Đức Quốc xã phát hiện tôi, máu me ở khắp nơi. Vì tôi khỏe, tôi bị đưa lên tàu đến Bergen-Belzen [một trại tập trung của Đức Quốc xã]. Tôi biết rằng chồng tôi trong kiếp này từng là thành viên SS ở trại và đã bị giết trong chiến tranh. Sau đó tôi bị đưa bằng tàu đến Auschwitz, nơi tôi bị sát hại.

Trải nghiệm này giải thích nhiều điều: nỗi sợ tàu hỏa của Angela, nỗi sợ mất con, nỗi sợ con gái bị cưỡng hiếp, cảm giác của bà về tiếng Đức, thậm chí cả thương tích của chồng bà cũng dường như là sự bù hoàn cho hành động của ông trong nước Đức Quốc xã.

Từ sau trải nghiệm đó, Angela đã chấp nhận cái chết của con trai. Bà thậm chí đã tha thứ cho người gây ra tai nạn. Nhờ các biến cố trong đời và những người đã giúp bà đạt một nhận hiểu mới, triết lý sống của bà thay đổi đến mức giờ đây bà tin rằng: "Linh hồn không thể trốn khỏi chính mình." Bà tin chắc rằng những trải nghiệm của đời bà là có mục đích, và rằng những người giúp bà thay đổi triết lý không phải ngẫu nhiên mà đến. Hai

helped her to change her philosophy were not sent by accident. Twenty years have passed since the accident, and although she still misses her son, she is convinced that he has returned to her family. She is now a grandmother and amazingly her grandson is like her son “in every way.” His personality, his appearance and his interaction with family members remind Angela of the son she lost. She adds, “He even draws cars almost identical to those our son used to draw!”

Certainly, past-life experiences influence present-day relationships. As a demonstration of how Cayce’s clients experienced this lawful meeting of karmic memory in their own lives, some examples from the files follow:

A sixty-four-year-old woman inquired about her past-life relationship with her son-in-law, an individual whose purposes she often questioned and yet she generally felt very close to him, sometimes even feeling “of one mind.” Her reading stated that she had been closely associated with him as a friend on at least two different occasions: in Egypt during the rise of the Hebrew Joseph from prisoner to second-in-command of the country, and also during the second breaking up of the continent of Atlantis. During these experiences the two friends often found occasion to debate one another. In the present, she was counseled to be a source of encouragement to him in terms of his own spiritual and mental development—a role she had apparently served in their previous experiences together. (2612-1)

A thirty-year-old man who had become extremely interested in the Edgar Cayce information was told that in one of his past lives he had been alive at the time of Jesus. During that lifetime he had been married to a woman that doubted Jesus was, in fact, the long-awaited Messiah, as she preferred

mười năm đã trôi qua từ tai nạn, và dù bà vẫn nhớ con trai, bà tin chắc rằng cậu đã trở lại với gia đình bà. Giờ bà đã làm bà ngoại và thật ngạc nhiên, cháu trai bà giống con trai bà “trong mọi phương diện.” Phàm ngã, diện mạo và cách cháu tương tác với các thành viên gia đình đều gợi Angela nhớ đến đứa con đã mất. Bà nói thêm: “Cháu còn vẽ ô tô gần như y hệt những chiếc mà con trai chúng tôi từng vẽ!”

Chắc chắn, những trải nghiệm tiền kiếp ảnh hưởng đến các mối quan hệ hiện đời. Để minh họa cách các thân chủ của Cayce trải nghiệm cuộc hội ngộ hợp luật của ký ức nghiệp quả trong đời họ, sau đây là vài ví dụ từ hồ sơ:

Một phụ nữ sáu mươi bốn tuổi hỏi về mối liên hệ tiền kiếp của bà với con rể—một người mà mục đích của anh ta bà thường hoài nghi, thế nhưng bà nói chung lại cảm thấy rất gần gũi, đôi khi thậm chí “đồng tâm” với anh. Bài đọc cho biết bà đã từng gắn bó thân thiết với anh ta như một người bạn ít nhất trong hai dịp: ở Ai Cập vào thời người Hê-bơ-rơ Joseph từ tù nhân vươn lên làm nhân vật quyền lực thứ hai của đất nước, và cũng trong lần vỡ lục địa Atlantis lần thứ hai. Trong các trải nghiệm ấy, hai người bạn thường tranh biện với nhau. Ở hiện tại, bà được khuyên hãy là nguồn động viên cho anh trên phương diện phát triển tinh thần và trí tuệ—một vai trò bà dường như từng đảm nhận trong những trải nghiệm chung trước đây. (2612-1)

Một người đàn ông ba mươi tuổi, cực kỳ quan tâm đến thông tin của Edgar Cayce, được cho biết rằng trong một kiếp ông từng sống vào thời Đức Jesus. Trong kiếp đó ông đã kết hôn với một phụ nữ hoài nghi việc Jesus thật sự là Đấng Cứu Thế đã chờ đợi từ lâu, vì bà thích bám vào nền tảng tôn giáo truyền thống của

instead to cling to her traditional religious upbringing. When the man inquired if he presently knew the woman who had once been his wife, Cayce replied in the affirmative—his wife then had returned as his mother-in-law. Interestingly enough, the woman had retained her skeptical and disbelieving nature regarding the Edgar Cayce information with which both her daughter and son-in-law had become involved. (137-121)

A childless woman was extremely close to her nephew, a toddler. She often had occasion to take him to the beach and frequently strangers would stop and comment on what a beautiful child she had. She never corrected them, allowing them to imagine that the boy was her child. She felt unconditional love for the boy and he seemed to have the same feelings for her in return. When the woman's brother and wife moved out of state, taking her nephew with them, she was heartbroken. She longed for the boy's visits, which mainly corresponded to family occasions and holidays. When asked about the past-life connection between the two, Edgar Cayce stated that the boy had been the woman's son during a lifetime in Palestine. Their closeness was a continuation from that experience, and in the present their relationship was such that they would be a "prop one to the other" throughout their lives. (1990-3)

The grandmother of a fourteen-year-old boy was told that the boy's condition—an incoordination of the sensory system and the brain, causing the child to be unable to speak—was the result of karma. However, it was not simply the boy's karma: Both the child and those responsible for him were apparently meeting the memory of a previous experience when they had been together. This joint responsibility was described as follows: "Thus the condition is karmic in its reaction ... for the body is meeting itself; but so must those responsible

mình hơn. Khi người đàn ông hỏi liệu hiện tại ông có quen biết người phụ nữ từng là vợ mình không, Cayce đáp là có—người vợ khi ấy đã trở lại làm mẹ vợ ông. Thật thú vị, người phụ nữ ấy vẫn giữ bản chất hoài nghi và không tin về các thông tin của Edgar Cayce mà cả con gái và con rể bà đã dẫn thân vào. (137-121)

Một phụ nữ không con rất thân thiết với cháu trai nhỏ. Bà thường đưa cậu bé ra bãi biển và nhiều người lạ thường dừng lại khen bà có đứa con thật đẹp. Bà không bao giờ đính chính, để họ tưởng cậu bé là con bà. Bà yêu cậu vô điều kiện và cậu dường như cũng có cảm xúc như thế với bà. Khi anh trai và chị dâu của bà chuyển ra sống ở bang khác, đưa cả cháu trai đi theo, bà đau lòng. Bà mong ngóng những chuyến thăm của cậu, chủ yếu vào các dịp gia đình và ngày lễ. Khi được hỏi về mối nối tiền kiếp giữa hai người, Edgar Cayce cho biết cậu bé từng là con trai của người phụ nữ trong một kiếp ở Palestine. Sự gắn bó của họ là sự tiếp nối từ trải nghiệm đó, và trong hiện tại mối quan hệ của họ là "nuơng đỡ lẫn nhau" suốt đời. (1990-3)

Bà ngoại của một cậu bé mười bốn tuổi được cho biết rằng tình trạng của cậu—sự thiếu phối hợp giữa hệ cảm giác và não, khiến cậu không thể nói—là kết quả của nghiệp quả. Tuy nhiên, đó không chỉ là nghiệp của cậu bé: cả đứa trẻ và những người chịu trách nhiệm với cậu dường như đang đối diện với ký ức của một trải nghiệm trước đây khi họ đã từng ở cùng nhau. Trách nhiệm chung này được mô tả như sau: "Vậy nên tình trạng này là nghiệp quả trong phản ứng của nó... vì thân này đang gặp lại chính mình; nhưng những người chịu trách nhiệm với thực thể

for this entity meet themselves.” (4013-1)

Later, in the course of a reading for the grandmother, this karmic connection was further clarified. It seems that the grandmother and others had once been employed in temple service in Jerusalem but had become subject to harsh edicts and strict measures governing the affairs of all individuals during the reign of Nehemiah, a ruler who helped to rebuild the walls of the city. Some individuals became so angered by Nehemiah’s dictatorial control that they swore vengeance upon him. Cayce reminded the family: “And he who swears vengeance pays even unto the last farthing. So it brought developments, retardments, for when there is jealousy, hate, things that do not make the soul of man free, these bring retardments to an individual in his activities in the earth.” (5177-1) On other occasions, Cayce reminded people that regardless of what other individuals had done to them hate was not an option, as there were serious karmic ramifications to hating someone else: “And the soul that holds resentment owes the soul to whom it is held, much!” (1298-1)

During a reading given to a fifty-eight-year-old grandmother, the woman inquired about her past-life connection to her grandchildren (a boy and a girl). She also wanted to know why she felt more love and concern for her grandson than she did for her granddaughter. Cayce explained that in one of her most recent incarnations her two grandchildren had been her close friends. The boy had frequently sought out her guidance and opinion, whereas the girl had been much more self-sufficient. These friendships from the past had resulted in them all being drawn back together in the present. In terms of why she felt so much more concern for one over the other, Cayce replied:

này cũng phải gặp lại chính mình như thế.” (4013-1)

Sau đó, trong một bài đọc dành cho bà ngoại, mối nối nghiệp này được làm rõ thêm. Có vẻ bà ngoại và những người khác từng phục vụ trong đền thờ ở Jerusalem nhưng đã bị áp đặt những sắc lệnh hà khắc và các biện pháp nghiêm ngặt cai quản công việc của mọi người dưới triều Nehemiah, một vị cai trị giúp xây lại tường thành của thành phố. Một số người tức giận trước sự độc đoán của Nehemiah đến mức thề sẽ báo thù ông. Cayce nhắc gia đình: “Và kẻ thề báo thù sẽ phải trả cho đến đồng xu cuối cùng. Vậy nên điều đó mang đến những phát triển, những trì trệ, vì khi có ghen tuông, hận thù, những điều không khiến linh hồn con người được tự do, thì chúng mang sự trì trệ đến cho một cá nhân trong các hoạt động của y trên dương thế.” (5177-1) Ở những dịp khác, Cayce nhắc mọi người rằng bất kể người khác đã làm gì với họ, hận thù không phải là một lựa chọn, vì hận thù ai đó có hậu quả nghiệp quả nghiêm trọng: “Và linh hồn nào ôm giữ oán hận thì mắc nợ rất nhiều với linh hồn mà nó oán hận!” (1298-1)

Trong một bài đọc dành cho một bà ngoại năm mươi tám tuổi, người phụ nữ hỏi về mối nối tiền kiếp của bà với các cháu (một trai, một gái). Bà cũng muốn biết vì sao bà cảm thấy yêu thương và quan tâm đến cháu trai hơn cháu gái. Cayce giải thích rằng trong một trong những lần đầu thai gần đây, hai đứa cháu từng là bạn thân của bà. Cậu bé thường tìm đến bà để xin lời khuyên và ý kiến, còn cô bé thì tự lập hơn nhiều. Các tình bạn từ quá khứ ấy đã kéo họ trở lại với nhau trong hiện tại. Về việc vì sao bà cảm thấy quan tâm nhiều đến một đứa hơn đứa kia, Cayce đáp:

... there was the ability of the one to be self-sufficient— which brings an indifference; while the seeking for counsel, for help, or for instruction in the other, naturally brings the greater feeling of response. For, it is a universal and a divine law that like begets like. So, in the present experience, while there is loving—yet in the one it might be truly called loving indifference, while in the other it is love that is truly a creative, growing experience in the activities of each.

1472-13

Due to the death of her brother's wife, a forty-one-year-old woman ended up with the responsibility of raising her brother's daughter—her own niece. She essentially became the girl's mother. When she asked about her connection to the child in a past-life reading from Edgar Cayce, the explanation was that she was simply picking up her relationship with the girl from an Egyptian experience when her niece had been her daughter. (2011-3)

Sometimes the karma of family relationships entails individuals incarnating back into the same family. For example, the Cayce readings state that Edgar Cayce's own grandfather eventually reincarnated into the family as Cayce's grandson. (2824-1) In a similar manner, Paula Woodruff states that a karmic connection she has with the past is with one of her own relatives. In fact, she is convinced that she and her husband are the return of her own great-grandmother and great-grandfather. The awareness came to her after her mother died and Paula inherited all of her mother's mementos and personal property. Among the belongings was an enormous chest filled with family pictures of numerous generations—people she knew as well as people she had never even seen. There were wedding pictures and

... có nơi một đứa khả năng tự lập—điều này mang lại một sự dửng dưng; trong khi việc tìm kiếm lời khuyên, sự giúp đỡ, hay sự chỉ dẫn nơi đứa kia tự nhiên mang đến cảm thức đáp ứng lớn hơn. Vì đó là một định luật phổ quát và thiêng liêng rằng đồng sinh đồng. Vậy nên, trong trải nghiệm hiện tại, dù có yêu thương—nhưng ở một đứa có thể thực sự gọi là yêu thương mang tính dửng dưng, còn nơi đứa kia thì đó là tình yêu đúng nghĩa là một trải nghiệm sáng tạo, lớn dậy trong các hoạt động của mỗi bên.

1472-13

Do vợ của anh trai qua đời, một phụ nữ bốn mốt tuổi đã nhận trách nhiệm nuôi dưỡng con gái của anh—cô cháu gái của chính mình. Bà trở thành mẹ của cô bé. Khi bà hỏi về mối nối với đứa trẻ trong một bài đọc tiền kiếp của Edgar Cayce, lời giải thích là bà chỉ đang nối lại mối quan hệ với cô bé từ một trải nghiệm ở Ai Cập khi cháu gái bà từng là con gái bà. (2011-3)

Đôi khi nghiệp của các quan hệ gia đình bao hàm việc các cá nhân đầu thai trở lại cùng một gia đình. Ví dụ, các bài đọc của Cayce nói rằng chính ông nội của Edgar Cayce rồi cuộc đã tái sinh vào gia đình làm cháu nội của Cayce. (2824-1) Tương tự, Paula Woodruff cho biết một mối nối nghiệp bà có với quá khứ chính là với một người bà con của mình. Thực tế, bà tin chắc rằng bà và chồng là sự trở lại của cụ cố bà và cụ cố ông. Nhận biết ấy đến với bà sau khi mẹ bà qua đời và Paula thừa hưởng tất cả kỷ vật và tài sản cá nhân của mẹ. Trong đồ hộp có một chiếc gương khổng lồ đầy ảnh gia đình qua nhiều thế hệ—những người bà biết cũng như những người bà chưa từng thấy. Có ảnh cưới và ảnh chân dung mà bà không hề biết là tồn tại. Một ngày, bà đang lục xem thì một người bạn đến thăm và bắt đầu xem ảnh cùng bà:

portraits she hadn't known existed. One day, she was sorting through them when a friend came to visit and began looking through the pictures with her:

My friend lifted a portrait and was taken aback by the fact that one of the older pictures looked exactly like my husband! It was a picture of my great-grandfather, whom I had never seen before. When I saw the picture, it was overwhelming! He looked exactly like my husband except for the fact that my great-grandfather appeared to have a scar on his left temple.

Later, when I had the opportunity to show others the portrait, they were as amazed as my friend and I had been. There was no doubt that my husband had been my great-grandfather! As we looked through the pictures we came across a picture of a woman who was short and round, and appeared to look very much like me—the writing on the back identified the woman as my great-grandmother. I knew then and there that my husband and I had returned to the very same family.

Finally, the story of Pearl Davenport suggests that there are often connections individuals possess that may not have yet surfaced but wait until the time is right. Pearl says that her experiences have led her to believe that “we are all connected in ways that we never imagined before.” One of her most memorable examples concerned a doctor that she had no conscious knowledge of. They met because, as she was being wheeled into the emergency room, “His name just rolled off my tongue and I asked for him.”

After her stay in the hospital, Pearl repeatedly found herself thinking about the doctor just when he was in the midst of traumas or personal problems. Whenever he came to mind, she would call: “Whenever he

Bạn tôi nhắc một bức chân dung và bỗng lại vì một bức ảnh xưa trông chính xác như chồng tôi! Đó là ảnh cụ cố tôi, người tôi chưa từng thấy. Khi tôi nhìn bức ảnh, cảm giác thật choáng ngợp! Ông trông hệt như chồng tôi, trừ việc cụ cố có vẻ có một vết sẹo ở thái dương trái.

Sau đó, khi tôi có dịp cho người khác xem bức chân dung, họ kinh ngạc như tôi và bạn tôi đã từng. Không nghi ngờ gì, chồng tôi đã từng là cụ cố tôi! Khi chúng tôi xem tiếp, chúng tôi bắt gặp ảnh một phụ nữ thấp và tròn, trông rất giống tôi—chữ viết sau ảnh xác nhận người phụ nữ là cụ cố bà tôi. Ngay khi ấy tôi biết rằng chồng tôi và tôi đã trở lại chính gia đình này.

Cuối cùng, câu chuyện của Pearl Davenport gợi ý rằng thường có những mối nối mà mỗi người sở hữu nhưng chưa xuất lộ, đợi đến khi thời điểm chín muồi. Pearl nói những trải nghiệm của bà khiến bà tin rằng “chúng ta đều kết nối với nhau theo những cách mà trước đây ta chưa từng hình dung.” Một ví dụ đáng nhớ nhất của bà liên quan đến một bác sĩ mà bà không hề có nhận biết có thức nào về ông. Họ gặp nhau vì, khi bà được đẩy vào phòng cấp cứu, “Tên ông cứ tự nhiên bật ra khỏi miệng tôi và tôi đã xin gặp ông.”

Sau khi xuất viện, Pearl liên tục thấy mình nghĩ về bác sĩ đúng lúc ông đang ở giữa các sang chấn hay vấn đề cá nhân. Hễ ông hiện lên trong tâm trí, bà lại gọi điện: “Hễ ông cần ai đó, tôi đều có mặt—một bi kịch trong đời,

needed someone, I was there—a tragedy in his life, problems with his son, the death of a close friend, a divorce, etc. I just seemed to show up exactly when he needed someone to talk to.” Rather than having some kind of sexual attraction or connection, Pearl describes their relationship as follows: “I always felt responsible for him.” One night she had an intense vision that made her wonder if she was going crazy:

I was driving to work in the dark on one of the most heavily traveled roads in our area, and yet I seemed to be the only one there. When I looked up at the sky, I saw the sky turn to the color of blue velvet and the stars began to appear like diamonds. Suddenly, I saw the hands of God open up my chest and place a heart inside of me and told me to: “Keep it safe for another time.” I knew that this heart belonged to my physician-friend.

The next day she contacted a talented psychic she knew to inquire what her past-life relationship had been with the doctor. The woman told her that the doctor had been her son and—without knowing of her feelings or their connection—stated that the overriding attraction was that, “You feel responsible for this man.” Once the relationship was explained, Pearl no longer felt crazy; it was as if a big burden had been removed and everything began to make sense:

What I have learned is that life is really very simple. We are all connected. Ultimately, we choose our lives and our lessons. The various lifetimes that a soul has is like the pieces of a huge quilt, all woven together—never ending, just continuing to weave its way through various experiences and relationships.

Perhaps one of the most helpful concepts contained within the Edgar Cayce files dealing with the karma of family

vấn đề với con trai, cái chết của một người bạn thân, một cuộc ly dị, v.v. Tôi cứ xuất hiện đúng lúc ông cần một người để trò chuyện.” Thay vì có một hấp lực hay kết nối tình dục nào, Pearl mô tả mối quan hệ của họ như sau: “Tôi luôn cảm thấy mình có trách nhiệm với ông.” Một đêm bà có một thị kiến mạnh mẽ đến mức khiến bà tự hỏi mình có điên không:

Tôi đang lái xe đi làm trong đêm trên một trong những con đường đông đúc nhất khu vực, vậy mà dường như chỉ có mỗi mình tôi. Khi ngược nhìn bầu trời, tôi thấy trời chuyển sắc nhưng xanh và các vì sao hiện lên như kim cương. Đột nhiên, tôi thấy đôi tay của Thượng đế mở lồng ngực tôi ra, đặt một trái tim vào trong và bảo tôi: “Hãy giữ gìn nó cho một lần khác.” Tôi biết trái tim ấy thuộc về người bác sĩ-bằng-hữu của tôi.

Ngày hôm sau, bà liên lạc với một nhà tâm linh tài năng mà bà quen để hỏi về mối quan hệ tiền kiếp của mình với vị bác sĩ. Người phụ nữ nói với bà rằng bác sĩ từng là con trai bà—và không hề biết gì về cảm xúc hay mối nối của họ—xác nhận rằng sức hút chủ đạo là: “Chị cảm thấy có trách nhiệm với người đàn ông này.” Khi mối quan hệ được cắt nghĩa, Pearl không còn thấy mình điên nữa; như thể một gánh nặng lớn được dỡ xuống và mọi thứ bắt đầu có nghĩa:

Điều tôi học được là đời sống thực ra rất đơn giản. Chúng ta đều kết nối với nhau. Sau cùng, chúng ta chọn đời mình và các bài học của mình. Những kiếp sống khác nhau mà một linh hồn sở hữu giống như những mảnh của một tấm chăn bông khổng lồ, tất cả dệt lại—không bao giờ kết thúc, chỉ tiếp tục dệt đường đi của mình qua nhiều trải nghiệm và mối quan hệ khác nhau.

Có lẽ một trong những khái niệm hữu ích nhất nằm trong hồ sơ Edgar Cayce khi đề cập đến nghiệp quả của các mối liên hệ gia đình

relationships is that these experiences are purposeful for all concerned. Individuals grow through their relationships with others. To be sure, sometimes that growth can be extremely challenging but, regardless of where or with whom a person finds herself or himself; that experience is simply a lawful response to the past, enabling the individual to meet something in self in the present.

Individuals that have a strong emotional connection to one another are inevitably connected by karmic memory; however, what is done with that memory remains a matter of free will and choice. Although life's feelings, challenges and relationships are often predicated by the past, they do not predetermine the future. In fact, part of the lawfulness of karma and reincarnation is that eventually each soul will come to love all others in the same way that the Creator loves all of us—unconditionally. With this in mind, all relationships are ultimately the means through which the soul learns to love self, one another, and God, and, as Cayce once told a group of individuals studying the application of spiritual principles: “‘Thou shalt love the Lord thy God with all thy heart, thy mind, thy soul; thy neighbor as thyself.’ For this is the whole law, the whole law.” (262-100)

là: những trải nghiệm ấy đều có chủ đích đối với tất cả những ai liên can. Con người trưởng thành qua các mối liên hệ với người khác. Dĩ nhiên, đôi khi sự trưởng thành ấy vô cùng thách thức, nhưng, bất kể một người thấy mình ở đâu hay ở với ai; trải nghiệm đó đơn giản là một đáp ứng hợp luật đối với quá khứ, giúp cá nhân có thể gặp gỡ một điều gì đó trong chính mình ở hiện tại.

Những người có gắn bó cảm xúc mạnh mẽ với nhau tất yếu được kết nối bởi ký ức nghiệp quả; tuy vậy, làm gì với ký ức ấy vẫn là vấn đề của ý chí tự do và sự chọn lựa. Dầu cho cảm xúc, thách thức và các mối liên hệ trong đời thường do quá khứ đặt nền, chúng không định sẵn tương lai. Thực vậy, một phần của tính hợp luật của nghiệp và tái sinh là rốt cuộc mỗi linh hồn sẽ đến chỗ yêu thương mọi linh hồn khác theo cùng một cách mà Đấng Sáng Tạo yêu thương tất cả chúng ta—vô điều kiện. Với điều này trong tâm trí, mọi mối liên hệ rốt ráo là phương tiện qua đó linh hồn học yêu thương chính mình, yêu thương nhau, và yêu Thượng đế, và, như Cayce đã từng nói với một nhóm người đang học cách ứng dụng các nguyên tắc tinh thần: “‘Người hãy yêu Chúa là Thượng đế của người hết lòng, hết trí, hết linh hồn; và yêu người lân cận như chính mình.’ Vì đó là toàn bộ luật pháp, toàn bộ luật pháp.” (262-100)



6

Overcoming Personal Karma—Vượt qua Nghiệp quả Cá nhân

For as ye would that men should do to you, do ye even so to them! This is not merely a rule—it is a principle, it is an active force in which one may oft see self not as through a glass darkly but as face to face with thy own ideal!

Vì điều gì các người muốn người ta làm cho mình, hãy làm cho họ như vậy! Đây không chỉ là một quy luật—đó là một nguyên lý, là một mãnh lực tác động nhờ đó người ta thường có thể thấy chính mình không phải như nhìn qua tấm gương mờ tối mà là mặt đối mặt với lý tưởng của chính người!

2185-1

2185-1



In 1935, a thirty-three-year-old woman who had procured many readings from Edgar Cayce obtained a follow-up reading, asking for further insights into the karmic connection between herself and her two sons. Cayce reminded her that their karmic connection had already been discussed previously and suggested instead that the mother consider why souls in general (and the mother and her two sons in particular) were repeatedly drawn back together. He stated that the answer was connected to each soul's unique development as well as its destiny to become a companion to the Creator:

Năm 1935, một phụ nữ ba mươi ba tuổi, người đã xin rất nhiều bài đọc từ Edgar Cayce, nhận một bài đọc tiếp theo, thỉnh cầu hiểu biết sâu hơn về mối liên hệ nghiệp quả giữa Bà và hai người con trai. Cayce nhắc Bà rằng mối liên hệ nghiệp quả của họ đã được bàn trước đó và thay vào đó gợi ý người mẹ suy xét vì sao các linh hồn nói chung (và người mẹ cùng hai con trai nói riêng) cứ được kéo trở lại với nhau nhiều lần. Ngài nói rằng câu trả lời gắn với sự phát triển độc đáo của mỗi linh hồn cũng như định mệnh của linh hồn trở nên bạn đồng hành với Đấng Sáng Tạo:

Hence souls in their varied experiences ...

Vì thế các linh hồn trong những trải nghiệm

are again and again drawn together by the natural law of attractive forces for the activity towards what? The development of the soul to the one purpose, the one cause—to be companionate with the First Cause [God]!

903-23

In other words, all relationships encountered by all people are ultimately for the growth and development of everyone involved. What this suggests is that any challenging relationship inevitably involves the need for everyone to change, grow and develop to some extent resources that the individual does not yet possess. Often the greatest barrier to personal growth may be the dynamic of wanting to make certain that the other person learns his or her lessons and meets self, rather than understanding that self is only responsible for learning one's own lessons. People can commit only to their own personal growth. People can take responsibility only for themselves. People cannot assume responsibility for someone else learning a particular lesson—they can only change themselves.

On one occasion, Edgar Cayce gave a thirty-eight-year-old businessman a definition of karma to assist the gentleman's understanding of one of the ways it could be created. The definition is connected to this very idea of learning something that the soul is presently lacking as the means of overcoming personal karma. Cayce told him: "Karma is, then, that that has been in the past builded as indifference to that known to be right! Taking chances—as it were—'[I] will do better tomorrow—this suits my purpose today—I'll do better tomorrow'." (257-78)

Keeping this in mind, a helpful attitude in terms of overcoming personal karma is not,

muôn hình ... cứ hết lần này đến lần khác được kéo lại gần nhau bởi định luật tự nhiên của các lực hấp dẫn để hoạt động hướng đến điều gì? Sự phát triển của linh hồn cho một mục đích duy nhất, một nguyên do duy nhất—để trở nên đồng bạn với Nguyên Nhân Đầu Tiên [Thượng đế]!

903-23

Nói cách khác, mọi mối liên hệ mà mọi người gặp đều rất ráo rắm nhằm cho sự trưởng thành và phát triển của tất cả những ai tham dự. Điều này gợi ý rằng bất kỳ mối liên hệ thách thức nào cũng tất yếu bao hàm nhu cầu mọi người phải thay đổi, lớn lên và phát triển ở một mức độ nào đó những nguồn lực mà cá nhân hiện chưa sở hữu. Thường thì rào cản lớn nhất đối với sự trưởng thành cá nhân là xu thế muốn bảo đảm người khác học bài học của họ và đối diện với chính họ, thay vì hiểu rằng bản thân chỉ chịu trách nhiệm học các bài học của chính mình. Con người chỉ có thể cam kết với sự trưởng thành cá nhân của chính mình. Con người chỉ có thể chịu trách nhiệm về chính mình. Con người không thể gánh trách nhiệm thay cho người khác trong việc học một bài học nào đó—họ chỉ có thể thay đổi chính mình.

Có lần, Edgar Cayce đã đưa cho một doanh nhân ba mươi tám tuổi một định nghĩa về nghiệp quả để giúp Ông thấu hiểu một trong những cách thức nghiệp có thể được tạo ra. Định nghĩa này gắn với chính ý niệm học điều mà linh hồn hiện đang thiếu như là phương tiện vượt qua nghiệp cá nhân. Cayce nói với Ông: "Vậy nghiệp là cái đã được tạo dựng trong quá khứ như sự đứng dưng với điều đã biết là đúng! Đem bản thân ra đánh cược—nào là—'[Tôi] sẽ làm tốt hơn vào ngày mai—điều này hợp với mục đích của tôi hôm nay—tôi sẽ làm tốt hơn vào ngày mai'." (257-78)

Ghi nhớ điều này, một thái độ hữu ích để vượt qua nghiệp cá nhân không phải là, "Tôi

“I need to meet this lesson and get it over with,” but is instead, “This is enabling me to become a better person ... this will enable me to become the person I was meant to be ... this will help me to become whole.” In this manner, the purposefulness of life as well as of every relationship is made clear: to become more attuned to the soul nature of the individual and of the soul’s ultimate connection to God—a connection that is the birthright of each and every soul. In regards to that purposefulness, Cayce once told a twenty-nine-year-old man: “For it is not by chance that one enters a material experience, but by the grace and mercy of an all wise universal consciousness; that each soul may become aware of its relationships to the Creative Forces, as may be manifested by and through its relationships to its fellow men.” (2301-1)

Just as Cayce discussed the importance of becoming a better person through dealing with one’s personal family karma, the contemporary story of Lyn Warren details how that process can work—often in spite of us. Through a series of life experiences, Lyn became aware of a previous lifetime that had a tremendous impact upon her, involving a parent from a previous incarnation returning as one of her children in the present. Today, Lyn is an eighty-five-year-old woman who is grateful for having had the experience as well as the challenges that it brought to her: “I feel this experience enabled me to become free of much anger and to learn to love. I have learned that it is possible to truly love unconditionally ... I still have much to learn in that area, but I’ve come a long way.”

Lyn remembered a past life in which she once lived as the daughter of a domineering, controlling father, whom she had grown to hate. Whether it was out of love, concern or temperament, her father had attempted to hold complete dominion

cần gặp bài học này và xử cho xong,” mà là, “Điều này đang giúp tôi trở thành một con người tốt hơn ... điều này sẽ giúp tôi trở nên con người mà tôi được định là như thế ... điều này sẽ giúp tôi trở nên trọn vẹn.” Theo cách này, tính có chủ đích của đời sống cũng như của mọi mối liên hệ trở nên rõ ràng: trở nên hòa điệu hơn với bản tính linh hồn của cá nhân và với mối nối rất ráo của linh hồn với Thượng đế—một mối nối là quyền bẩm sinh của mọi linh hồn. Về tính có chủ đích ấy, Cayce từng nói với một người đàn ông hai mươi chín tuổi: “Vì không phải ngẫu nhiên mà người ta bước vào một kinh nghiệm nơi cõi hồng trần, mà là bởi ân sủng và lòng xót thương của một tâm thức phổ quát đầy minh triết; để mỗi linh hồn có thể trở nên ý thức về các mối liên hệ của mình với các Mạnh Lực Sáng Tạo, như có thể được biểu lộ bởi và qua các mối liên hệ của mình với đồng loại.” (2301-1)

Cũng như Cayce đã luận về tầm quan trọng của việc trở nên một con người tốt hơn qua việc xử lý nghiệp gia đình cá nhân, câu chuyện đương đại của Lyn Warren cho thấy quá trình ấy có thể vận hành thế nào—thường là bất chấp chúng ta. Qua một chuỗi trải nghiệm, Lyn trở nên biết về một tiền kiếp có tác động to lớn trên Bà, liên quan đến một người cha từ kiếp trước trở lại làm một trong những người con của Bà ở hiện tại. Ngày nay, Lyn là một phụ nữ tám mươi lăm tuổi biết ơn vì đã có trải nghiệm ấy cũng như những thách thức nó mang đến: “Tôi cảm thấy trải nghiệm này đã giúp tôi thoát khỏi nhiều giận dữ và học biết yêu thương. Tôi đã học rằng thật sự có thể yêu vô điều kiện ... Tôi vẫn còn nhiều điều phải học trong lĩnh vực đó, nhưng tôi đã đi được một chặng đường dài.”

Lyn nhớ một đời sống trong đó Bà từng là con gái của một người cha gia trưởng, kiểm soát, người mà Bà đã dần dần căm ghét. Dù là vì thương yêu, lo lắng hay do khí chất, người cha đã tìm cách nắm quyền thống trị hoàn toàn trên Bà và phản ứng của Bà là trở nên

over her and her response had been to become angry and rebellious. Lyn believes that a marriage, which her father would not approve, afforded her the opportunity to leave her father's control and she took it without hesitation, abandoning her father and their relationship in the process. All communication between father and daughter came to an end, and Lyn never did learn to forgive him. Her opportunity came in her present incarnation when she found she was pregnant with her fifth child:

Having two sons and two daughters already, I felt our family was well balanced and complete. One night, I was startled to hear an inner communication say as I was falling asleep: "It's time for me." Several nights later I was dropping off to sleep and I heard the same voice again.

Unlike Lyn's previous pregnancies, this one felt different from the very beginning: "I knew immediately when he was conceived for he entered with a powerful force and I started rebelling against the whole idea of being pregnant." After he was born, Lyn found it hard to love her new son with the same love that she shared with her previous children. Throughout the entire experience, Lyn describes how she had become "an angry, depressed mother." In spite of the fact that she knew better, Lyn could not find it in her heart to love this child. Even the daily demands of having a baby in the house caused her to become angry and bitter. Almost immediately she felt as if this child held dominion over her and controlled her entire life.

Lyn describes him as being a good baby but still she resented his presence and found dealing with him a real challenge. She recalls one of her lowest points, as follows:

One afternoon when he had awakened from

giận dữ và phản kháng. Lyn tin rằng một cuộc hôn nhân mà người cha sẽ không chấp thuận đã cho Bà cơ hội rời khỏi sự kiểm soát của ông và Bà đã nắm lấy không do dự, bỏ mặc cha mình và mối liên hệ của họ trong quá trình ấy. Mọi giao tiếp giữa cha và con gái chấm dứt, và Lyn đã không bao giờ học cách tha thứ cho ông. Cơ hội đến trong kiếp sống hiện tại khi Bà phát hiện mình mang thai đứa con thứ năm:

Đã có sẵn hai con trai và hai con gái, tôi cảm thấy gia đình mình cân bằng và trọn vẹn. Một đêm, tôi giật mình khi nghe một tiếng giao tiếp nội tâm vang lên lúc tôi đang chìm vào giấc ngủ: "Đến lúc ta rồi." Vài đêm sau, tôi chập chờn ngủ và lại nghe đúng giọng nói ấy.

Khác với những lần mang thai trước, lần này cảm giác khác ngay từ đầu: "Tôi biết ngay khoảnh khắc nó được thụ thai vì nó bước vào với một mãnh lực mạnh mẽ và tôi bắt đầu phản kháng cả ý nghĩ mình đang mang thai." Sau khi bé chào đời, Lyn thấy khó mà yêu thương cậu con mới với cùng tình yêu như Bà dành cho các con trước. Suốt trải nghiệm, Lyn mô tả mình đã trở thành "một bà mẹ giận dữ, u uất." Dẫu biết điều hay lẽ phải, Lyn vẫn không thể tìm trong trái tim mình tình yêu dành cho đứa trẻ này. Ngay cả những đòi hỏi thường ngày của việc có một em bé trong nhà cũng khiến Bà trở nên giận dữ và cay đắng. Gần như ngay lập tức, Bà cảm thấy như đứa trẻ này nắm quyền thống trị mình và kiểm soát cả đời Bà.

Lyn mô tả bé là một đứa trẻ ngoan nhưng Bà vẫn oán ghét sự hiện diện của bé và thấy việc xử lý bé là một thách thức thật sự. Bà nhớ một trong những thời khắc thấp nhất như sau:

Một buổi chiều khi bé thức dậy sau giấc ngủ

his nap, he cried out just a little bit to let me know that he wanted to get up. I hurried into his room and angrily yanked him out of his crib and was rough with him as I carried him into the next room. He was only about six months old but when I came to a stop, he pushed himself away from me and looked me squarely in the eyes. I felt him ask in confusion: "What's wrong with you? I only wanted to get up?"

It was then I cried out to God: "How low must I fall before you help me?"

Shortly after the experience, Lyn felt a presence in the room that she believes had come to help her. Still, the change did not come immediately: "It took me two years to love this child and it wasn't until he was six that I no longer felt that he was dominating me. In fact, when he was six I finally became the parent rather than acting the part of the rebellious child." There is no doubt in Lyn's mind that the father she had once rebelled against in her previous existence had returned in the present as her youngest son. Today, Lyn is happy to say that she loves her grown son equal to each of her other children and no longer feels the anger and resentment that had plagued her as a young mother.

It's important to note that soul growth and the overcoming of personal karma is not so much a finite goal as it is an ongoing process. Countless citations of this dynamic exist in the readings. For example, when a forty-two-year-old widow asked whether or not she and her late husband had overcome their negative karma from the past and instead grown and developed through their most recent experience with one another, Cayce replied: "The growth has been well. It will be again," (3175-1) suggesting that they had learned a great deal but that there would be more to come at some point in the future.

trưa, bé khóc nhẹ một chút để cho tôi biết là muốn dậy. Tôi vội vàng vào phòng, bực tức kéo bé ra khỏi nôi và thô bạo bế bé qua phòng bên cạnh. Bé chỉ khoảng sáu tháng tuổi, nhưng khi tôi dừng lại, bé đẩy người ra khỏi tôi và nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi cảm thấy bé bối rối hỏi: "Mẹ bị sao vậy? Con chỉ muốn dậy thôi mà?"

Lúc ấy tôi kêu lên với Thượng đế: "Con phải rơi xuống thấp đến mức nào nữa trước khi Ngài giúp con?"

Chẳng bao lâu sau trải nghiệm ấy, Lyn cảm nhận một hiện diện trong phòng mà Bà tin là đến để giúp Bà. Tuy vậy, sự chuyển hóa không đến ngay tức thì: "Tôi mất hai năm để yêu đứa trẻ này và mãi đến khi nó lên sáu tôi mới không còn cảm giác nó đang thống trị mình. Thực ra, khi nó sáu tuổi thì cuối cùng tôi trở thành người làm cha mẹ thay vì đóng vai cô bé phản kháng." Không còn nghi ngờ gì trong tâm trí Lyn rằng người cha mà Bà từng phản kháng trong kiếp trước nay đã trở lại làm con trai út của Bà. Hiện nay, Lyn hạnh phúc nói rằng Bà yêu người con trai trưởng thành này ngang bằng các con khác và không còn cảm thấy cơn giận và sự oán hờn từng đeo đẳng Bà khi còn là một bà mẹ trẻ.

Điều đáng lưu ý là sự trưởng thành của linh hồn và việc vượt qua nghiệp cá nhân không phải là một mục tiêu hữu hạn mà là một quá trình đang diễn tiến. Vô số trích dẫn về năng động này có trong các bài đọc. Chẳng hạn, khi một góa phụ bốn mươi hai tuổi hỏi liệu Bà và người chồng quá cố đã vượt qua nghiệp xấu từ quá khứ và thay vào đó lớn lên, phát triển nhờ trải nghiệm gần đây nhất với nhau hay chưa, Cayce đáp: "Sự trưởng thành là tốt. Nó sẽ lại đến," (3175-1) hàm ý họ đã học được rất nhiều nhưng đến một lúc nào đó trong tương lai, sẽ còn nữa.

In another instance, a fifty-six-year-old woman who had divorced her husband wanted to know if her relationship with him had been karmic as well as whether or not she had learned her lesson. She asked: "Have I known [ex-husband] in previous lives, was the marriage a karmic debt and is it now finished?" Cayce's reply suggested that she had definitely learned specific lessons she had apparently agreed to at a soul level but their joint learning experience would continue in a subsequent lifetime together: "It is now finished. There was much to be worked out. It is complete in itself, but will be met again in another experience." (2185-1)

Although some individuals may vehemently wish to complete all of their karma with another individual in one incarnation, that desire may not always be fulfilled. As a case in point, when a thirty-five-year-old schoolteacher asked about the possibility of separating from or remaining with her husband for soul growth and development, learning the lessons that had brought the couple together, the reading advised separation. Apparently the relationship had become so negative that her staying could no longer be beneficial—the two would have to meet their karma at some point in the future. Cayce's advice was for them to "separate" and included the following rationale:

For, where there has come those influences that make for the continued nagging, or the continued activities that become repulsive to the body-consciousness and the activities of an individual in relationships with others, this is not for the welfare or the mental associations of ideas; but the repulsiveness of body-associations and relations becomes such as to make for destructive influences in the experiences of both.

Một trường hợp khác, một phụ nữ năm mươi sáu tuổi đã ly hôn chồng muốn biết liệu mối liên hệ của Bà với Ông có mang tính nghiệp quả hay không, và Bà đã học xong bài học chưa. Bà hỏi: "Tôi đã biết [chồng cũ] trong những đời trước chưa, cuộc hôn nhân có phải là một món nợ nghiệp và bây giờ nó đã xong chưa?" Câu trả lời của Cayce gợi ý rằng Bà thật sự đã học những bài học cụ thể mà dường như Bà đã đồng ý ở cấp linh hồn, nhưng trải nghiệm học hỏi chung của họ sẽ tiếp tục trong một kiếp sau với nhau: "Bây giờ nó đã xong. Có rất nhiều điều cần được giải quyết. Nó đã tự nó hoàn tất, nhưng sẽ được gặp lại trong một trải nghiệm khác." (2185-1)

Dẫu có những người kịch liệt mong muốn hoàn tất toàn bộ nghiệp với một người nào đó trong một kiếp, ước muốn ấy không phải lúc nào cũng được đáp ứng. Đơn cử, khi một cô giáo ba mươi lăm tuổi hỏi về khả năng ly thân hay tiếp tục ở với chồng để phát triển linh hồn, học các bài học đã đưa hai người đến với nhau, bài đọc khuyên nên ly thân. Rõ ràng mối liên hệ đã trở nên tiêu cực đến mức việc Bà ở lại sẽ không còn ích lợi—hai người sẽ phải gặp nghiệp của họ vào một thời điểm nào đó trong tương lai. Lời khuyên của Cayce là "ly thân" và kèm theo lập luận sau:

Vì, khi đã có những ảnh hưởng tạo nên sự cản trở dai dẳng, hay những hoạt động liên tục trở thành điều gây ghê tởm đối với ý thức thân thể và các hoạt động của một cá nhân trong mối liên hệ với người khác, thì đó không phải là vì phúc lợi hay vì các liên kết tư tưởng; mà sự ghê tởm trong các liên hệ và tiếp xúc thân xác trở nên đến mức tạo ra những ảnh hưởng hủy hoại trong trải nghiệm của cả hai bên.

Another way of looking at this process of soul growth and meeting self is simply the fact that the lawfulness of karma eventually enables a soul to gain an awareness of what the soul is currently lacking. In other words, a lesson learned or the successful meeting of self enables the soul to move ever closer to personal wholeness and the awareness of oneness with God.

Sometimes it is challenging to understand karma when two individuals may be facing a similar experience or relationship and yet the lesson each needs to learn is very different. For example, during the course of a reading given to a twenty-year-old man who was shy and had problems in his relationships, Edgar Cayce stated that the young man needed to learn to listen and see the needs of others much more often than he spoke: "There is given only two eyes, two ears. We should hear and see twice, yes, four times as much as we say ... " (5242-1) Conversely, a twenty-three-year-old woman also with self-esteem problems and in a karmic relationship with an overly critical father was told (in no uncertain terms) that she needed to set a spiritual ideal, become responsible for herself and learn to speak up for herself. Cayce advised: "Know thy ideal, and live to that. For, each soul must give account for its own self ... But, so live that ye may look everyone in the face and tell him to go to hell!" (2803-2)

Obviously, in the above examples, neither individual would have been given the other person's advice. The successful meeting of self and the overcoming of personal karma involves being able to develop an awareness and a response from within the self that is currently lacking. Too often individuals mistakenly assume that karma simply entails putting up with something repeatedly, but instead the successful

Một cách khác để nhìn vào tiến trình trưởng thành linh hồn và gặp gỡ chính mình đơn giản là sự thật rằng tính hợp luật của nghiệp rất cuộc giúp linh hồn nhận biết điều mà linh hồn hiện đang thiếu. Nói cách khác, một bài học đã học hay một lần đối diện chính mình thành công giúp linh hồn tiến gần hơn mãi đến sự toàn vẹn cá nhân và nhận biết về sự nhất thể với Thượng đế.

Đôi khi thật khó hiểu nghiệp khi hai người có thể đang đối diện một trải nghiệm hay mối liên hệ tương tự mà bài học mỗi người cần học lại rất khác nhau. Chẳng hạn, trong một bài đọc cho một chàng trai hai mươi tuổi rụt rè và gặp vấn đề trong các mối liên hệ, Edgar Cayce nói rằng chàng trai cần học lắng nghe và nhìn thấy nhu cầu của người khác thường xuyên hơn nhiều so với việc nói: "Chúng ta chỉ có hai mắt, hai tai. Ta nên nghe và nhìn gấp đôi, vâng, gấp bốn lần so với nói ... " (5242-1) Ngược lại, một phụ nữ hai mươi ba tuổi cũng gặp vấn đề về tự trọng và đang trong một mối liên hệ nghiệp quả với người cha quá khắt khe được nói (một cách không chút vòng vo) rằng Bà cần lập một lý tưởng tinh thần, chịu trách nhiệm về chính mình và học cách lên tiếng cho chính mình. Cayce khuyên: "Hãy biết lý tưởng của người, và sống theo điều đó. Vì mỗi linh hồn phải tự trả lẽ cho chính mình ... Nhưng, hãy sống sao cho người có thể nhìn thẳng mặt mọi người và bảo ông ta xuống địa ngục!" (2803-2)

Rõ ràng, trong các ví dụ trên, không ai trong hai người sẽ nhận lời khuyên dành cho người kia. Việc đối diện chính mình một cách thành công và vượt qua nghiệp cá nhân đòi hỏi phát triển được một nhận thức và một đáp ứng từ trong nội tâm vốn hiện đang thiếu. Quá thường khi, người ta lầm tưởng rằng nghiệp đơn thuần là chịu đựng một điều gì đó lặp đi lặp lại, nhưng thực ra việc gặp gỡ ký ức nghiệp quả thành công thường

meeting of karmic memory more often involves coming up with new resources and new modes of behavior. The contemporary example of three grown siblings, Betty, Alan, and Nancy, provides an illustration:

As adults, the three found themselves equal owners of a family company that employed twenty-some people. According to Alan and Betty, one of their greatest challenges at work was their relationship with Nancy. As Alan tells it, “Nancy is a know-it-all. Regardless of the topic, the problem, the plan, the customer, or the employee, Nancy has the one and only answer. God forbid that Betty or I should disagree with her. Nancy is always right.”

To be sure, Nancy has her strengths—she’s adept with computers and has a thorough knowledge of the market, but the ongoing challenge of working with her for more than ten years put a strain on the siblings’ relationship and on the company founded by their late father. Betty comments, as follows: “It got to the point where I didn’t even want to be in the same room with her—I avoided her whenever possible, and during our weekly management meetings I generally kept my thoughts to myself, and stewed.” Conversely, Alan found himself often speaking up and “flying off the handle” whenever they were together: “I couldn’t begin to add up the number of times Nancy and I have argued between ourselves or in front of some of the staff.” Rather than changing the situation, Alan admits all that was accomplished was Nancy’s growing sense that her brother didn’t like her or appreciate her contribution to the company.

Aware of the laws of reincarnation and karma, Alan said that one day, when he was “trying to figure out the karmic connection between the three of us,” a possible way of solving their relationship problem finally came to him:

bao hàm việc đưa ra những nguồn lực mới và những cách ứng xử mới. Ví dụ đương đại về ba anh chị em trưởng thành, Betty, Alan và Nancy, là một minh họa:

Khi trưởng thành, cả ba thấy mình là đồng sở hữu một công ty gia đình sử dụng chừng hơn hai chục người. Theo Alan và Betty, một trong những thách thức lớn nhất tại nơi làm việc là mối liên hệ của họ với Nancy. Như Alan kể, “Nancy là một kẻ biết-tuốt. Bất kể chủ đề, vấn đề, kế hoạch, khách hàng hay nhân viên, Nancy có câu trả lời duy nhất đúng. Thượng đế chớ để Betty hay tôi bất đồng với cô ấy. Nancy lúc nào cũng đúng.”

Phải nói, Nancy có thể mạnh—cô ấy thạo máy tính và hiểu tường tận thị trường, nhưng thách thức kéo dài khi làm việc với cô hơn mười năm đã khiến mối liên hệ anh chị em và cả công ty do người cha quá cố của họ sáng lập bị căng thẳng. Betty bình luận như sau: “Đến mức tôi chẳng muốn ở chung phòng với cô ấy—tôi lảng tránh khi có thể, và trong các buổi họp quản trị mỗi tuần tôi thường giữ ý kiến cho riêng mình và âm ỉ bực bội.” Ngược lại, Alan thấy mình thường xuyên lên tiếng và “nổi nóng” mỗi khi ở cùng nhau: “Tôi không thể bắt đầu đếm nổi số lần Nancy và tôi tranh cãi giữa chúng tôi hoặc trước mặt một số nhân viên.” Thay vì thay đổi tình hình, Alan thừa nhận điều duy nhất đạt được là cảm giác ngày càng lớn nơi Nancy rằng anh trai không thích cô hoặc không trân trọng đóng góp của cô cho công ty.

Nhận biết các định luật tái sinh và nghiệp quả, Alan nói rằng một ngày kia, khi anh “đang cố tìm hiểu mối nối nghiệp giữa ba chúng tôi,” một cách khả dĩ để giải quyết vấn đề trong mối quan hệ của họ bỗng đến với anh:

I suddenly understood that I needed to quit responding to Nancy in the rash, decisive, abrupt way that can be a part of my personality. I also understood that Betty was not helping herself or the situation by remaining quiet and just becoming upset and holding everything in. I theorized that perhaps Betty and I were both supposed to be learning something from the situation and perhaps there was even something we could learn from each other. The amazing thing is that I needed to become more reflective and soft-spoken, like Betty, and it seemed that Betty needed to become more outspoken and forceful.

Although it was challenging for both Alan and Betty, they had a conversation and decided to give it a try. During their next meeting with Nancy, Betty was the one that spoke up in a more decisive manner and Alan remained reflective, although he admits he “had to say something” about one of the issues and tried to do so in a more soft-spoken manner. According to Betty, the results speak for themselves:

Over the last six months our arguments are about one-fourth what they used to be. I can't speak for Nancy because we haven't talked about the issue in these terms, but I know Alan comes across much more calm and collected and I try to be more assertive and less of a pushover. I can't say it's always been easy. Sometimes during a meeting I see Alan's look and I know he wants to say something and doesn't or he's expecting me to say something and I haven't, but overall I think both my brother and I have grown in our capacity to deal with our sister. I also think we've grown as human beings.

In the same way that Betty and Alan came to understand that the successful meeting of karma was somehow connected to personal development and soul growth, an adult male who had ongoing problems with his father

Tôi bỗng hiểu rằng tôi cần thôi đáp ứng với Nancy theo lối nóng nảy, quyết liệt, cộc cằn vốn có thể là một phần của phạm ngã tôi. Tôi cũng hiểu rằng Betty đang không giúp chính mình hay tình hình bằng cách cứ im lặng rồi khó chịu, dồn nén mọi thứ. Tôi giả thuyết rằng có lẽ cả Betty và tôi đều phải học một điều gì đó từ tình huống này và thậm chí có khi chúng tôi có thể học lẫn nhau nữa. Điều đáng kinh ngạc là tôi cần trở nên điềm đạm và nói năng nhẹ nhàng hơn, giống Betty, và có vẻ Betty cần trở nên quả quyết và dứt khoát hơn.

Dẫu khó khăn cho cả Alan lẫn Betty, họ đã trò chuyện và quyết định thử. Trong cuộc họp tiếp theo với Nancy, Betty là người lên tiếng với giọng điệu dứt khoát hơn và Alan giữ thái độ điềm tĩnh, dù anh thừa nhận anh “phải nói vài điều” về một trong các vấn đề và cố gắng nói theo cách nhẹ nhàng hơn. Theo Betty, kết quả tự nó đã nói lên:

Sáu tháng qua, các cuộc cãi vã của chúng tôi giảm còn khoảng một phần tư so với trước. Tôi không thể nói thay cho Nancy vì chúng tôi chưa bàn vấn đề theo các thuật ngữ này, nhưng tôi biết Alan thể hiện bình tĩnh và điềm đạm hơn nhiều và tôi cố gắng quả quyết hơn, bớt dễ bị lấn lướt. Tôi không thể nói là luôn dễ dàng. Đôi khi trong một cuộc họp, tôi thấy ánh mắt của Alan và tôi biết anh muốn nói điều gì đó nhưng lại không nói, hoặc anh đang chờ tôi nói mà tôi chưa nói, nhưng nhìn chung tôi nghĩ cả anh trai và tôi đều đã lớn lên trong năng lực đối diện với chị gái. Tôi cũng nghĩ chúng tôi đã trưởng thành hơn như những con người.

Cũng như Betty và Alan đi đến hiểu biết rằng việc gặp gỡ nghiệp thành công có liên hệ nào đó với phát triển cá nhân và trưởng thành linh hồn, một người đàn ông trưởng thành có vấn đề dai dẳng với cha và bản khoản liệu

and wondered about the advisability of simply avoiding the karmic situation was counseled by Edgar Cayce:

These conditions should be worked out in self. This should be the attitude of self ... With what measure ye mete, with what condemnation ye make, so shall it be measured to you again! Ye cannot hide thine self in numbers, in running away to distant places or anywhere! Self is ever in the presence of the godly conditions of thy making ... Ask not who will ascend to bring peace and harmony from on high, or where shall I go to seek peace and harmony abroad. Know it must be created within thine own heart, and soul!

1264-1

On a number of occasions, Edgar Cayce discussed the fact that growing in personal awareness and the overcoming of personal karma were inextricably connected. One example is the story of a thirty-one-year-old woman who came to him for help suffering from what was labeled “emotional hysteria.” The woman’s problem developed after a miscarriage and also included the loss of her voice, and the inability to swallow foods and eat normally. Although doctors thought she might have had a stroke or was suffering from a mental condition, Cayce explained that the condition was karmic and was apparently connected to the loss of a child in a former life—a condition that had been brought to her subconscious awareness after the miscarriage. He stated that she did not have a mental problem, instead the condition had arisen deep within the consciousness of her being in the form of karmic memory, resulting in the pathological condition she was experiencing. Although the treatment included various physical therapies and a specialized diet, Cayce contended that the

đơn giản tránh né tình huống nghiệp có nên chẳng đã được Edgar Cayce khuyên nhủ:

Những điều kiện này nên được giải quyết trong chính mình. Đó nên là thái độ của người ... Với thước đo nào người đo người khác, với lên án nào người đưa ra, thì sẽ được cân lại cho người như vậy! Người không thể ẩn mình trong đám đông, trong việc chạy trốn đến những nơi xa xôi hay bất cứ đâu! Cái tôi luôn ở trong sự hiện diện của các điều kiện thiêng liêng do chính người tạo nên ... Đừng hỏi ai sẽ thăng lên để mang bình an và hòa hợp từ trên cao xuống, hoặc ta sẽ đi đâu để tìm bình an và hòa hợp ở nơi xa. Hãy biết rằng nó phải được tạo ra trong chính trái tim và linh hồn của người!

1264-1

Nhiều lần, Edgar Cayce luận rằng việc tăng trưởng trong nhận thức cá nhân và việc vượt qua nghiệp cá nhân gắn kết với nhau đến không thể tách rời. Một ví dụ là câu chuyện của một phụ nữ ba mươi một tuổi đến nhờ Ngài giúp đỡ vì tình trạng được gán nhãn “cuồng loạn cảm xúc.” Vấn đề của Bà phát sinh sau một vụ sảy thai và còn gồm mất tiếng nói, không thể nuốt thức ăn và ăn uống bình thường. Dù các bác sĩ nghĩ Bà có thể đã bị đột quỵ hay mắc một rối loạn tâm thần, Cayce giải thích rằng tình trạng ấy mang tính nghiệp quả và dường như gắn với việc mất một đứa con trong kiếp trước—một tình trạng đã được đưa lên tầng nhận biết tiềm thức của Bà sau lần sảy thai. Ngài nói rằng Bà không mắc vấn đề tâm thần, mà tình trạng này khởi lên từ sâu trong tâm thức của hữu thể Bà dưới dạng ký ức nghiệp quả, đưa đến tình trạng bệnh lý Bà đang trải qua. Dù phác đồ gồm nhiều trị liệu thể chất và một chế độ ăn đặc biệt, Cayce cho rằng trị liệu hữu ích nhất sẽ là tham thiền hằng ngày, hòa điệu với điều thiêng liêng nội tại rồi dùng cảm hứng ấy để trở thành “sự trợ giúp về vật chất,

most helpful treatment would be daily meditation, attuning to the divine within and then using that inspiration to be of “material, mental and spiritual aid to others.”

What is most interesting in this case, however, is, after outlining the recommended treatment and emphasizing the importance of spiritual attunement in the woman’s healing process, Cayce added that the condition could actually be reversed “almost instantly” through hypnosis. While hypnosis would not enable her to actually meet the karma and therefore should be tried only as a last resort, the condition would return or it would have to be met at some point in the woman’s future. (The importance of gaining a specific awareness in this process of overcoming karma will be discussed in greater detail in the next chapter on “Karma Versus Grace.”) The woman’s reading ended with the following:

For, all healing comes from the one source. And whether there is the application of foods, exercise, medicine, or even the knife—it is to bring the consciousness of the forces within the body that aid in reproducing themselves—the awareness of creative or God forces.

2696-1

Frequently, the Cayce readings demonstrate how karma can manifest through a health situation or problem because often the entire family is affected and/or involved in the problem or in the search for healing. (Refer to the story of Franklin, Julia and Debbie Wagner discussed in [Chapter 3](#) for an earlier example). An interesting case concerned an eleven-year-old boy who came to Edgar Cayce with a severe bedwetting problem. As a last resort, the parents obtained a reading because doctors had been unable “to find a cause or cure.” Regardless

trí tuệ và tinh thần cho người khác.”

Điều đáng chú ý nhất trong trường hợp này, tuy vậy, là sau khi phác thảo trị liệu đề nghị và nhấn mạnh tầm quan trọng của sự hòa điệu tinh thần trong tiến trình chữa lành của người phụ nữ, Cayce bổ sung rằng tình trạng này thực ra có thể được đảo ngược “gần như tức thì” qua thôi miên. Dù thôi miên sẽ không giúp Bà thật sự gặp nghiệp và vì thế chỉ nên dùng như biện pháp sau cùng, tình trạng ấy sẽ quay trở lại hoặc nó sẽ phải được gặp vào một lúc nào đó trong tương lai của người phụ nữ. (Tầm quan trọng của việc đạt một nhận thức cụ thể trong tiến trình vượt qua nghiệp sẽ được bàn kỹ hơn trong chương kế tiếp về “Nghiệp quả và Ân sủng.”) Bài đọc của người phụ nữ khép lại với những lời sau:

Vì, mọi sự chữa lành đều đến từ một nguồn duy nhất. Và bất kể có ứng dụng thực phẩm, luyện tập, dược phẩm, hay thậm chí là dao mổ—đều là nhằm mang đến ý thức về các lực trong thân thể, vốn hỗ trợ tự tái sinh—tức là nhận biết về các lực Sáng Tạo hay của Thượng đế.

2696-1

Thường xuyên, các bài đọc của Cayce cho thấy nghiệp có thể biểu hiện qua một tình huống hay vấn đề sức khỏe bởi vì nhiều khi cả gia đình đều bị ảnh hưởng và/hoặc liên đới trong vấn đề hay trong hành trình tìm kiếm chữa lành. (Xin tham chiếu câu chuyện về Franklin, Julia và Debbie Wagner đã được bàn trong như một ví dụ trước đó). Một trường hợp thú vị liên quan đến một cậu bé mười một tuổi đến gặp Edgar Cayce vì bị đái dầm nặng. Như một biện pháp sau cùng, cha mẹ xin một bài đọc vì các bác sĩ đã không thể “tìm ra nguyên nhân hay cách chữa.” Bất kể

of what the boy ate or drank or regardless of how the boy's parents tried to help their son, the child wet the bed every single night. According to the boy's mother: "Every night. We expected it. We never scolded him or blamed him, nor tried to make him unhappy over it. We tried all kinds of methods, advised by many doctors. As, no fluids after 3 o'clock, giving him salty foods and nothing to drink (supposed to absorb the fluids), etc."

During the course of the boy's reading, Cayce traced the problem to a lifetime during the late seventeenth century when he had been an associate minister and somewhat of a tyrant during the Salem witch trials. In that life the boy's name had been Marshall Whittaker, and Marshall had been fond of the practice of "ducking" a witch—plunging an individual accused of witchcraft into a lake or a pond to prove guilt or innocence. According to belief at the time, if the individual floated he or she was guilty of witchcraft; if the individual drowned he or she was innocent. The reading stated that the nightly bedwetting was essentially the lawful response for the soul's "ducking" of others; in other words, each night he was symbolically "ducking" himself. The reading went on to say that in time the bedwetting would cause an even greater emotional problem in the boy's life unless he overcame his tendency of being so condemning of others. A portion of the young man's reading is as follows:

Before this, then, the entity was in the land of the present nativity, but during the early periods when there were those disturbances wrought by the activity of the minister of a church—as of one Marshall Whittaker.

The entity then was the minister, or the associate minister, who caused the uprising and the condemnation of children who saw, who heard, who experienced the voices of those in the inter-between.

cậu bé ăn uống gì hay cha mẹ đã cố giúp con ra sao, đứa trẻ đái dầm mỗi đêm. Theo lời mẹ cậu bé: "Đêm nào cũng vậy. Chúng tôi đã chuẩn bị tinh thần. Chúng tôi không bao giờ mắng mỏ hay đổ lỗi cho con, cũng không làm con buồn vì chuyện đó. Chúng tôi thử mọi cách, theo khuyên nhủ của nhiều bác sĩ. Như là, sau 3 giờ chiều không uống chất lỏng, cho ăn mặn và không cho uống gì (được cho là để hấp thu chất lỏng), v.v."

Trong quá trình bài đọc, Cayce truy nguyên vấn đề về một kiếp sống cuối thế kỷ mười bảy khi cậu từng là một mục sư phụ tá và phần nào có tính bạo tyr trong các phiên tòa xét xử phù thủy tại Salem. Trong đời đó, tên cậu là Marshall Whittaker, và Marshall ưa chuộng thực hành "dìm nước" phù thủy—nhúng người bị cáo buộc phù thủy xuống hồ hay ao để chứng minh tội hay vô tội. Theo tín niệm thời ấy, nếu người đó nổi thì có tội phù thủy; nếu chết đuối thì vô tội. Bài đọc nói rằng việc đái dầm mỗi đêm về bản chất là đáp ứng hợp luật cho việc linh hồn đã "dìm nước" người khác; nói cách khác, mỗi đêm cậu đang tượng trưng "dìm" chính mình. Bài đọc tiếp rằng theo thời gian, việc đái dầm sẽ gây một vấn đề cảm xúc còn lớn hơn trong đời cậu nếu cậu không vượt qua xu hướng kết án người khác quá mức. Một phần bài đọc cho chàng trai như sau:

Trước đó, thực thể ở trong vùng đất là nơi đầu thai hiện tại, nhưng vào giai đoạn đầu khi có những xáo trộn gây ra bởi hoạt động của vị mục sư của một giáo đường—như là một người tên Marshall Whittaker.

Thực thể khi ấy là mục sư, hay mục sư phụ tá, người đã gây nên cuộc nổi dậy và sự lên án những đứa trẻ đã thấy, đã nghe, đã trải nghiệm những tiếng nói của những kẻ ở khoảng trung gian.

And because of the entity's condemning there was brought a hardship into the experience of the entity, especially the adopting of that rule of "ducking" others.

Hence the entity physically has experienced the ducking, from its own self, in its daily activities—which will grow to become more and more of a hindrance in self, unless there will be set aright that incoordination between the mental mind, or the physical mind and the spiritual mind of the individual entity, as related to condemnation of things in others.

And these, as indicated in the present, are conflicting emotions in the experience of the entity. Hence, unless changes are made, these will grow to be more and more of such a nature as to cause the entity to turn within. For, such conditions will bring that tendency for the entity to subjugate its opinions, when these become expressions, especially after the twelfth, thirteenth and fourteenth year of experience.

2779-1

To overcome the condition, as well as the soul's tendency of being condemning, the reading recommended pre-sleep suggestion. Each night as the boy was falling asleep, the parents were encouraged to make positive statements to the youth—statements that would describe the kind of behavior that the parents hoped the boy would emulate in his relationships with others. These statements were supposed to have an immediate and lasting effect upon the boy's subconscious mind. The boy's mother eventually reported on how they had followed the reading's recommendations:

At first we did nothing about it, thinking that a hypnotist was necessary, and we didn't want that. But then we thought we'd try suggestion ourselves. So I sat by his bedside and just as he was dropping off to

Và vì sự kết án của thực thể nên có một gian truân được mang vào trải nghiệm của thực thể, đặc biệt là việc chấp nhận luật "dìm nước" người khác.

Vì thế thực thể về mặt thể xác đã trải nghiệm việc bị dìm, bởi chính mình, trong các hoạt động hằng ngày—điều mà sẽ tăng lớn, trở thành chướng ngại trong chính mình, trừ khi sẽ được sửa ngay sự bất điều hòa giữa tâm trí trí tuệ, hay tâm trí thể xác và tâm trí tinh thần của thực thể cá nhân, liên hệ đến việc kết án các điều nơi người khác.

Và như đã chỉ ra trong hiện tại, đây là những cảm xúc xung đột trong trải nghiệm của thực thể. Do đó, nếu không có thay đổi, chúng sẽ tăng trưởng, trở nên ngày càng có tính chất khiến thực thể quay vào trong. Vì, những điều kiện như thế sẽ mang đến xu hướng nơi thực thể là khuất phục các ý kiến của mình, khi các ý kiến ấy trở thành biểu lộ, nhất là sau năm thứ mười hai, mười ba và mười bốn của trải nghiệm.

2779-1

Để vượt qua tình trạng này, cũng như xu hướng kết án người khác của linh hồn, bài đọc khuyến nghị ám thị trước khi ngủ. Mỗi đêm khi cậu bé chập chờn ngủ, cha mẹ được khuyến khích nói với cậu những lời khẳng định tích cực—những mệnh đề mô tả kiểu hành vi mà cha mẹ hy vọng con sẽ noi theo trong các mối liên hệ với người khác. Những mệnh đề này được cho là có tác động tức thời và bền vững lên tiềm thức của cậu. Mẹ cậu bé kể lại việc họ đã làm theo khuyến nghị:

Ban đầu chúng tôi không làm gì, nghĩ rằng cần một nhà thôi miên, mà chúng tôi lại không muốn thế. Nhưng rồi chúng tôi nghĩ sẽ tự mình thử ám thị. Vậy là tôi ngồi bên giường, và ngay lúc con sắp thiếp đi, tôi nói:

sleep I said: “You’re going to be very happy, [2779]. You’re going to make many people happy. You’re going to do many kind things for people. Every person you meet you will do something kind for.” The very first night we tried this, he was dry! We kept giving him the suggestion every night and he never wet the bed again until he went to camp on the 1st of August. The counselor knew nothing about the situation; he wet the bed all the time in camp. At the end of the first week we went out to visit him, and I spoke to the Camp Counselor about it, giving him the suggestion. He gave it to [2779] every night, and he stopped wetting the bed. We continued giving the suggestion every night until the next September. Then one night we stopped, and he was dry just the same; and ever after that. The suggestion was no longer necessary. Very, very occasionally since then it has happened.

Since the successful meeting of karma often requires personal soul development, the Cayce information presents three keys to soul growth that are applicable to each and every soul. Those keys include: setting a spiritual ideal, the application of spiritual principles, and personal attunement to the divine. Each of these is discussed in greater detail below:

Setting a Spiritual Ideal

Repeatedly, the Edgar Cayce readings told individuals that the most important tool they could use to help transform their lives was to set a spiritual ideal. Essentially an ideal is a positive spiritual quality or standard that is vital in each person’s movement toward wholeness. Examples might include such behaviors as unconditional love, forgiveness, empathy, oneness, cooperation, and so forth. Every spiritual ideal is essentially a component of the ultimate ideal, which is the “awareness

“Con sẽ rất hạnh phúc, [2779]. Con sẽ làm nhiều người hạnh phúc. Con sẽ làm nhiều điều tử tế cho mọi người. Mỗi người con gặp, con sẽ làm một điều tốt cho họ.” Ngay đêm đầu tiên chúng tôi thử điều này, con đã khô ráo! Chúng tôi tiếp tục đưa ra ám thị mỗi đêm và con không đái dầm nữa cho đến khi đi trại vào ngày 1 tháng Tám. Người phụ trách trại không biết gì về tình trạng này; con đái dầm suốt khi ở trại. Cuối tuần đầu, chúng tôi đến thăm, và tôi nói với người phụ trách về chuyện đó, đưa cho ông ấy lời ám thị. Ông ấy nói với [2779] mỗi đêm, và con ngừng đái dầm. Chúng tôi tiếp tục đưa ra ám thị hằng đêm cho đến tháng Chín kế tiếp. Rồi một đêm chúng tôi ngừng, và con vẫn khô ráo như thường; và từ đó về sau. Ám thị không còn cần thiết nữa. Thỉnh thoảng, rất rất hiếm hoi từ đó, nó mới xảy ra.

Vì việc gặp gỡ nghiệp thành công thường đòi hỏi phát triển linh hồn cá nhân, thông tin của Cayce đưa ra ba chìa khóa cho sự trưởng thành linh hồn, có thể ứng dụng cho mọi linh hồn. Những chìa khóa đó gồm: lập một lý tưởng tinh thần, ứng dụng các nguyên tắc tinh thần, và hòa điệu cá nhân với điều thiêng liêng. Mỗi điểm được bàn kỹ hơn dưới đây:

Lập một Lý tưởng Tinh thần

Nhiều lần, các bài đọc của Edgar Cayce nói với mọi người rằng công cụ quan trọng nhất họ có thể dùng để giúp chuyển hóa đời sống là lập một lý tưởng tinh thần. Về bản chất, một lý tưởng là một phẩm chất hay chuẩn mực tinh thần tích cực có tính sống còn cho hành trình tiến đến sự toàn vẹn của mỗi người. Ví dụ có thể gồm những hành vi như yêu vô điều kiện, tha thứ, đồng cảm, nhất thể, hợp tác, v.v. Mọi lý tưởng tinh thần rốt lại đều là một thành phần của lý tưởng tối hậu, đó là “sự nhận biết trong mỗi linh hồn

within each soul ... of the soul's oneness with God." (5749-14) A selection of the case histories from the Cayce files that connected the overcoming of family karma with the establishment of a spiritual ideal include the following:

When a twenty-three-year-old man asked about the means through which he could create "harmonious relations" with his mother, Cayce advised:

Set thyself a standard, an ideal. Not merely an ideal of filial or home or social relationships, or political or any other type, but an ideal relationship as with friends and foes alike. The ideal relationship as would be in a mental self to all associations, the ideal relationship as in the spiritual. And know, all has to be founded upon what spiritual ideal is. For, this alone is universal, and this alone is eternal. That which is safe, sure, peace, harmonious, can only be founded on the spiritual ideal.

Know thy ideal—what it stands for! Know Who is the author of same. And then live it!

This will establish better relationships with self and with the mother, with the friends and acquaintances. For, then, personalities cease to be the barriers that cause contentions or inharmony.

1931-4

On another occasion, a woman having relationship problems with her husband asked, "What can be done for greater harmony between us?" The response recommended that the couple unify their purposes and ideals:

Let each be of one purpose; not necessarily thinking the same on questions, but their

... về sự nhất thể của linh hồn với Thượng đế." (5749-14) Một số trích đoạn hồ sơ trường hợp từ các hồ sơ Cayce kết nối việc vượt qua nghiệp gia đình với việc thiết lập một lý tưởng tinh thần gồm những điều sau:

Khi một chàng trai hai mươi ba tuổi hỏi về phương cách để tạo "những mối liên hệ hài hòa" với mẹ mình, Cayce khuyên:

Hãy tự đặt ra cho mình một chuẩn mực, một lý tưởng. Không chỉ là lý tưởng về mối quan hệ hiếu thảo hay trong nhà hay xã hội, hay chính trị hay bất cứ kiểu nào khác, mà là một mối quan hệ lý tưởng như với cả bạn lẫn thù. Mối quan hệ lý tưởng như sẽ có trong tự tâm trí đối với mọi giao tiếp, mối quan hệ lý tưởng như trong lĩnh vực tinh thần. Và hãy biết, mọi sự đều phải đặt nền trên lý tưởng tinh thần là gì. Vì chỉ điều này là phổ quát, và chỉ điều này là vĩnh cửu. Cái gì an toàn, chắc chắn, bình an, hài hòa, chỉ có thể được đặt nền trên lý tưởng tinh thần.

Hãy biết lý tưởng của người—nó đại diện cho điều gì! Hãy biết Ai là Đấng tác thành của điều ấy. Và rồi sống theo nó!

Điều này sẽ tạo lập mối liên hệ tốt đẹp hơn với chính mình và với người mẹ, với bạn bè và quen biết. Vì rồi, các phạm ngã thôi còn là những hàng rào gây tranh chấp hay bất hòa.

1931-4

Một lần khác, một phụ nữ đang có vấn đề trong mối liên hệ với chồng hỏi, "Có thể làm gì để giữa chúng tôi hài hòa hơn?" Câu trả lời khuyến nghị hai người phối hiệp các mục đích và lý tưởng:

Để mỗi người cùng một mục đích; không nhất thiết nghĩ giống nhau về các câu hỏi,

ideals and purposes. Let each think of the other and not of self alone. Know that the relationships in the present should be ever as much for the other as for self ...

These each have ideals. Make them coordinate with the material, the mental and the spiritual lives of each. Know that it must begin in the spiritual. Then material results will be brought into the experience as the mind is controlled towards those ideals set by each as to the spirit with which they will control and act in relationships one to another.

3051-4

Similarly, in a reading for a forty-four-year-old music teacher, Cayce stated that the essential problem in the teacher's relationships with others was his tendency to be self-centered, that he had forgotten the importance of the divine in his daily life and that he had yet to set a spiritual ideal. The reading's advice included the following:

Yet remember, "The Lord thy God is one Lord!" O that man would but attain to that consciousness and apply that principle in his dealings with every activity ...

Thou shalt love the Lord thy God with all thy heart, thy mind, thy body: thy neighbor as thyself! ... For this is the beginning and the end of the law ...

Find thy ideals, and then study to show thyself approved unto same; rightly stressing the words of truth, applying them in that same phase of consciousness, whether to spiritual, mental or physical-material phases.

5142-1

nhưng giống nhau trong lý tưởng và mục đích. Hãy để mỗi người nghĩ về người kia chứ không chỉ nghĩ về riêng mình. Hãy biết rằng các mối liên hệ trong hiện tại luôn luôn nên vì người kia không kém gì vì chính mình ...

Mỗi người trong số này đều có lý tưởng. Hãy làm cho chúng phối hợp với đời sống vật chất, trí tuệ và tinh thần của mỗi người. Hãy biết rằng nó phải khởi đầu trong lĩnh vực tinh thần. Khi ấy, các kết quả vật chất sẽ được mang vào trải nghiệm khi tâm trí được điều hướng về các lý tưởng mà mỗi người đã lập, theo tinh thần mà họ sẽ kiểm soát và hành xử trong mối liên hệ với nhau.

3051-4

Tương tự, trong một bài đọc cho một thầy dạy nhạc bốn mươi bốn tuổi, Cayce nói rằng vấn đề cốt yếu trong các mối liên hệ của người thầy với người khác là xu hướng tự kỷ trung tâm; rằng Ông đã quên mất tầm quan trọng của điều thiêng liêng trong đời sống hằng ngày và rằng Ông vẫn chưa lập một lý tưởng tinh thần. Lời khuyên trong bài đọc gồm những điều sau:

Tuy nhiên, hãy nhớ, "Chúa là Thượng đế của người là Chúa duy nhất!" Ôi ước gì con người đạt tới được tâm thức ấy và áp dụng nguyên lý đó trong cách xử sự với mọi hoạt động ...

Người hãy yêu Chúa là Thượng đế của người hết lòng, hết trí, hết thân: và yêu người lân cận như chính mình! ... Vì đây là khởi đầu và kết thúc của luật pháp ...

Hãy tìm lý tưởng của người, và rồi học tập để tỏ mình xứng hợp với điều ấy; nhấn mạnh cho đúng những lời chân lý, và áp dụng chúng trong cùng một bình diện tâm thức, dù là đối với các phương diện tinh thần, trí tuệ hay vật chất-thể xác.

5142-1

Simply stated, a spiritual ideal is a motivating influence that an individual uses to measure her or his thoughts and actions. This ideal then leads to appropriate attitudes and activities that will help to manifest the spiritual ideal in daily life. As an illustration, if the chosen spiritual ideal is forgiveness then the individual would attempt to dwell upon those thoughts, attitudes and ideas that helped to nurture the ideal of forgiveness. If a parent was trying to work with the ideal of forgiveness in relationship to a grown child, for example, then any former attitudes that did not measure up to that ideal would not be appropriate. Appropriate attitudes might include such things as forgiveness itself, unconditional love, compassion, understanding, and so forth. Each of those positive attitudes should then empower activities and interactions that help to manifest that spiritual ideal. Using this same example, perhaps the attitude of forgiveness might lead to the activity of writing a note to the child in an effort to try to heal the relationship. The attitude of understanding might lead to the activity of “active listening” during the next encounter with the child. The attitude of compassion might lead to the activity of daily meditation, focusing on compassion, and so forth. It is in this manner that a spiritual ideal begins to affect and alter an individual’s thoughts and activities in daily life. From Cayce’s perspective, if a potential thought or action does not measure up to one’s chosen spiritual ideal, then it is neither helpful nor appropriate.

When working with ideals, the readings suggested creating three columns. Label the first, “My Spiritual Ideal,” and list whatever ideal is currently being worked with. Label the second, “My Mental Attitudes,” and list perhaps four to seven attitudes that can best facilitate the manifestation of that spiritual ideal. Finally, label the third column, “My Physical Activities,” and generate one or two

Nói giản dị, một lý tưởng tinh thần là một lực thúc đẩy mà một người dùng để cân đo các ý nghĩ và hành động của mình. Lý tưởng này rồi sẽ dẫn đến các thái độ và hoạt động tương ứng giúp biểu lộ lý tưởng tinh thần trong đời sống hằng ngày. Chẳng hạn, nếu lý tưởng tinh thần được chọn là tha thứ, thì người ấy sẽ nỗ lực nuôi dưỡng các ý nghĩ, thái độ, ý niệm giúp bồi đắp lý tưởng tha thứ. Nếu một bậc cha mẹ đang cố gắng làm việc với lý tưởng tha thứ trong mối liên hệ với một người con đã trưởng thành, chẳng hạn, thì mọi thái độ trước đây không đo được theo lý tưởng ấy sẽ không còn thích đáng. Các thái độ thích đáng có thể gồm chính sự tha thứ, yêu vô điều kiện, từ bi, thấu hiểu, v.v. Mỗi thái độ tích cực đó rồi nên trao quyền cho các hoạt động và tương tác giúp biểu lộ lý tưởng tinh thần. Vẫn theo ví dụ này, có lẽ thái độ tha thứ có thể dẫn đến hành động viết một lá thư cho người con nhằm chữa lành mối liên hệ. Thái độ thấu hiểu có thể dẫn đến hoạt động “lắng nghe tích cực” trong lần gặp gỡ tiếp theo với con. Thái độ từ bi có thể dẫn đến hoạt động tham thiền hằng ngày, tập trung vào lòng từ bi, v.v. Chính theo cách này, một lý tưởng tinh thần bắt đầu ảnh hưởng và chuyển đổi các ý nghĩ, hoạt động của một người trong đời sống hằng ngày. Theo quan điểm của Cayce, nếu một ý nghĩ hay hành động tiềm tàng không đo được theo lý tưởng tinh thần đã chọn, thì nó không hữu ích cũng chẳng thích đáng.

Khi làm việc với lý tưởng, các bài đọc gợi ý lập ba cột. Đặt nhãn cột thứ nhất, “Lý tưởng Tinh thần của tôi,” và liệt kê lý tưởng đang được làm việc. Đặt nhãn cột thứ hai, “Các Thái độ Trí tuệ của tôi,” và liệt kê khoảng bốn đến bảy thái độ có thể giúp nhất cho việc biểu lộ lý tưởng tinh thần ấy. Cuối cùng, đặt nhãn cột thứ ba, “Các Hoạt động Thể chất của tôi,” và tạo ra một hoặc hai hoạt động cho mỗi thái

activities for each of the attitudes on the list. Actually, creating an ideals chart is one of the readings' most frequent recommendations for how to apply spiritual principles in daily life.

The Application of Spiritual Principles

Once an individual has gained an awareness of specific qualities or principles that might be helpful in meeting a situation, the next step is applying those principles. For example, a thirty-six-year-old secretary who had expressed concerns about problems she was having in various karmic relationships was told: "As ye would be forgiven, so forgive in others. That is the manner to meet karma." (2271-1) In terms of personal application, oftentimes the readings used the phrase, "Do what you know to do and the next step will be given," suggesting that the greatest challenge in application was not so much discovering what needed to be accomplished but instead actually following through on applying it.

On another occasion, during the course of a follow-up life reading given to a thirty-three-year-old woman who wanted to know what she could do to prevent herself from becoming so upset by the "little things" that her husband did—things that apparently drove her crazy. The reading suggested that her response was simply a carryover from their English incarnation together when she had been extremely willful and disagreements between them had often been the result of her willfulness. In order to meet this karmic memory, she was told to extract herself and her will from the situation, to set it aside, and to consciously let it go. The reading assured her that in this process she could overcome her response to the situation. (2390-9) Conversely, during the husband's follow-up reading, the couple

độ trong danh sách. Quả thật, lập một bảng lý tưởng là một trong những khuyến nghị xuất hiện thường xuyên nhất về cách ứng dụng các nguyên tắc tinh thần trong đời sống hằng ngày.

Sự Ứng dụng các Nguyên tắc Tinh thần

Khi một người đã nhận ra những phẩm chất hay nguyên tắc cụ thể có thể hữu ích để đối diện một tình huống, bước tiếp theo là áp dụng các nguyên tắc ấy. Chẳng hạn, một thư ký ba mươi sáu tuổi bày tỏ lo lắng về các vấn đề trong nhiều mối liên hệ mang tính nghiệp được nói: "Như người muốn được tha thứ, hãy tha thứ cho người khác. Đó là cách để gặp nghiệp." (2271-1) Về phương diện ứng dụng cá nhân, nhiều khi các bài đọc dùng câu: "Hãy làm điều người biết phải làm, và bước kế tiếp sẽ được ban cho," ngụ ý rằng thách thức lớn nhất trong việc ứng dụng không hẳn là khám phá cần làm gì mà là quả quyết làm theo điều đã biết.

Một lần khác, trong một bài đọc đời sống tiếp theo cho một phụ nữ ba mươi ba tuổi muốn biết Bà có thể làm gì để không còn quá bức bối vì "những chuyện nhỏ" do chồng làm—những chuyện rõ ràng khiến Bà phát điên. Bài đọc gợi ý rằng phản ứng của Bà đơn giản là một dư hưởng từ kiếp sống người Anh cùng nhau, khi Bà cực kỳ cố chấp và bất đồng giữa họ thường do ý chí cứng rắn của Bà. Để gặp ký ức nghiệp ấy, Bà được bảo hãy rút chính mình và ý chí của mình ra khỏi tình huống, gác nó sang bên, và ý thức buông bỏ. Bài đọc quả quyết với Bà rằng trong tiến trình này, Bà có thể vượt qua phản ứng với tình huống. (2390-9) Ngược lại, trong bài đọc tiếp theo cho người chồng, cặp đôi được khuyến khích bắt đầu dùng lời khẳng định sau đây mỗi ngày:

was encouraged to begin using the following affirmation each day:

Then, let the prayer of each be—three times each day—agree upon a time—not merely say it, but feel it, be it:

“Lord! Thy will be done in me, today. Lord, thy will be done in me today.”

Then, as ye go about thy daily tasks, in associations with others, let thy words, thy acts, thy thoughts, be ever, “Lord, thy will be done in me today.”

2533-7

Similarly, Cayce encouraged a forty-four-year-old woman wanting to transform her life, overcome her personal karma and become a better person:

Practice then in thy daily experience, and thy associations with thy fellow man, charity to all, love to all; finding fault with none; being patient with all, showing brotherly love and brotherly kindness. Against these there is no law! And ye who have put on and as ye put on these, by the application of them in thy dealings with thy fellow man, ye become free of the laws that are of body or of mind; for ye are then conscious of being one with the Creative Forces that bring into the experience and consciousness of all the love of the Father for the children of men.

And it is only as ye deal with thy fellowman that ye show forth His love. For as ye do it unto the least of these, thy brethren, ye do it unto thy Maker.

Vậy, hãy để lời cầu nguyện của mỗi người—mỗi ngày ba lần—thống nhất một thời điểm—không chỉ nói, mà cảm nhận, trở thành nó:

“Lạy Chúa! Ý Chí của Ngài được nên trong con, hôm nay. Lạy Chúa, ý Chí của Ngài được nên trong con hôm nay.”

Rồi, khi các người đi làm các việc hằng ngày, trong liên hệ với người khác, hãy để lời nói, hành động, ý nghĩ của người, luôn là, “Lạy Chúa, ý Chí của Ngài được nên trong con hôm nay.”

2533-7

Tương tự, Cayce đã khích lệ một phụ nữ bốn mươi bốn tuổi đang mong muốn chuyển hóa đời sống, vượt qua nghiệp cá nhân và trở thành một con người tốt hơn:

Hãy thực hành trong kinh nghiệm hằng ngày của người, và trong giao tiếp với đồng loại, lòng bác ái với mọi người, tình thương với tất cả; đừng bắt lỗi ai; kiên nhẫn với mọi người, biểu lộ tình huynh đệ và lòng nhân ái huynh đệ. Chống lại những điều ấy chẳng có định luật nào cả! Và các người, những người đã khoắc lầy và đang khoắc lầy những điều này, bằng việc áp dụng chúng trong cách các người đối đãi với đồng loại, các người trở nên thoát khỏi những định luật thuộc thân hay thuộc trí; vì khi ấy các người ý thức được mình là một với các Mạnh Lực Sáng Tạo, vốn mang vào kinh nghiệm và tâm thức của mọi người tình thương của Đức Cha dành cho những người con của nhân loại.

Và chỉ khi các người đối xử với đồng loại thì các người mới thể hiện được Tình thương của Ngài. Vì khi các người làm điều đó cho một người hèn mọn nhất trong các huynh đệ của các người, là các người đã làm cho Đấng Tạo Hóa của mình.

Cayce's basic advice of simply applying what one knows to do was given to a thirty-two-year-old man who apparently felt he had experienced a very karmic first marriage and subsequently a negative divorce. The man was interested in pursuing other relationships but his first marriage had left him quite fearful of getting involved with someone else. Edgar Cayce encouraged the man to simply take it one step at a time:

Then, do that thou knowest to do today! Tomorrow will be given thee the next step to take.

Be patient; be gentle; be kind. Show brotherly love. For what ye sow, ye reap. What thou art today is because of what thou hast done about that which thou didst know towards doing good.

Personal Attunement to the Divine

One of the most important transformative tools available to individuals is the act of attuning to the divine through both meditation and prayer. From Cayce's perspective, prayer and meditation were instrumental in personal development; they were also the means through which an individual could effectively cultivate his or her spiritual ideal and develop the awareness of what the soul should be about at any moment in life. The readings described prayer as talking to God and meditation as listening to the divine within. A thirty-eight-year-old man was given the following definition of each: "For prayer is supplication for direction, for understanding. Meditation is listening to the

Lời khuyên căn bản của Cayce về việc đơn giản áp dụng điều mình biết cần làm đã được đưa ra cho một người đàn ông ba mươi hai tuổi, người này dường như cảm thấy mình đã trải qua một cuộc hôn nhân đầu đầy nghiệp quả và sau đó là một cuộc ly hôn tiêu cực. Người đàn ông quan tâm đến việc theo đuổi những mối quan hệ khác nhưng cuộc hôn nhân đầu đã khiến anh ta khá sợ hãi việc gần bó với ai khác. Edgar Cayce khích lệ người này hãy cứ tiến từng bước một:

Vậy thì, hãy làm điều ngươi biết cần làm hôm nay! Ngày mai sẽ cho ngươi bước tiếp theo để thực hiện.

Hãy kiên nhẫn; hãy dịu dàng; hãy tử tế. Hãy biểu lộ tình huynh đệ. Vì gieo gì gặt nấy. Con người của ngươi hôm nay là vì những gì ngươi đã làm đối với điều mà ngươi đã biết là nhằm làm điều thiện.

Sự Chính hợp Cá nhân với Đấng Thiêng liêng

Một trong những dụng cụ chuyển hóa quan trọng nhất sẵn có cho mỗi người là hành vi chính hợp với Đấng thiêng liêng qua cả tham thiền và cầu nguyện. Theo quan điểm của Cayce, cầu nguyện và tham thiền đóng vai trò công cụ trong phát triển cá nhân; chúng cũng là phương tiện qua đó cá nhân có thể hữu hiệu vun trồng lý tưởng tinh thần của mình và phát triển nhận biết về việc linh hồn nên làm gì ở bất kỳ khoảnh khắc nào trong đời. Các bài đọc mô tả cầu nguyện là trò chuyện với Thượng đế và tham thiền là lắng nghe tiếng thiêng liêng ở bên trong. Một người đàn ông ba mươi tám tuổi đã được cho định nghĩa về mỗi điều như sau: "Vì cầu nguyện là lời khẩn cầu xin chỉ dẫn, xin thấu hiểu. Tham thiền là lắng nghe Đấng Thiêng

Divine within.” (1861-19) The impact of personal attunement on an individual’s life is described by a contemporary forty-one-year-old woman, as follows:

Before my spiritual journey began I was beaten down, angry, despondent. I didn’t want to be like that but I was not able to change it—even after reading a number of self-help books. Finally, someone introduced me to meditation and it enabled me to change from within, to the very core of my being. Life is so much better, and the only thing that has really changed is me!

When a fifty-six-year-old woman came to Edgar Cayce, still holding onto regrets in her relationships, especially regrets related to a deceased sister and a karmic relationship she had once had with an old boyfriend, the reading recommended that she change her consciousness through prayer and meditation:

Open thy consciousness and let it ever be as, not merely in words but in purposes, of hopes, of desires:

“Here am I, o Lord, use me, send me! And may I seek only to do, to be a channel through which thy blessings, thy promises, may be fulfilled to my friends, my neighbors, those about me. Others, Lord, others!”

In that attitude and in those manners may the entity fully enter into the more perfect understanding, not seeking something from without but knowing as the body, the mind, the soul-consciousness is attuned by meditation, by prayer to the infinite, the voice, the feeling, the hope may all come to thee.

5276-1

Similarly, a thirty-one-year-old commercial

liêng ở bên trong.” (1861-19) Tác động của sự chỉnh hợp cá nhân lên đời sống của một người được một phụ nữ bốn mươi một tuổi đương thời mô tả như sau:

Trước khi hành trình tinh thần của tôi bắt đầu, tôi bị đánh quỵ, đầy giận dữ, chán nản. Tôi không muốn như thế nhưng tôi không thể thay đổi—even sau khi đọc nhiều sách tự lực. Cuối cùng, có người giới thiệu tôi với việc tham thiền và nó giúp tôi thay đổi từ bên trong, đến tận cốt lõi hiện hữu của tôi. Cuộc đời tốt hơn nhiều, và điều duy nhất thực sự thay đổi là chính tôi!

Khi một phụ nữ năm mươi sáu tuổi tìm đến Edgar Cayce, vẫn còn ôm giữ những nuối tiếc trong các mối quan hệ, đặc biệt là những nuối tiếc liên quan đến một người chị đã qua đời và một mối quan hệ nghiệp quả mà bà từng có với một người bạn trai cũ, bài đọc khuyến nghị bà hãy chuyển đổi tâm thức qua cầu nguyện và tham thiền:

Hãy mở tâm thức của người và để nó luôn như thế, không chỉ trong lời nói mà trong mục đích, trong hy vọng, trong ước muốn:

“Con đây, lạy Chúa, xin dùng con, xin sai con đi! Và nguyện con chỉ tìm làm, trở nên một kênh qua đó các phước lành của Ngài, các lời hứa của Ngài, được ứng nghiệm cho bạn bè con, láng giềng con, những người quanh con. Những người khác nữa, lạy Chúa, những người khác nữa!”

Trong thái độ ấy và trong những cung cách ấy, thực thể có thể hoàn toàn bước vào sự thấu hiểu trọn vẹn hơn, không tìm kiếm điều gì từ bên ngoài mà biết rằng khi thân, trí và tâm thức linh hồn được chỉnh hợp bằng tham thiền, bằng cầu nguyện với Đấng Vô cùng, thì tiếng nói, cảm xúc, hy vọng đều có thể đến với người.

5276-1

Tương tự, một họa sĩ thương mại ba mươi

artist interested in the karmic connection between himself and his wife, as well as between himself and a close friend, was informed of the connection between soul growth and spiritual attunement:

For the law is perfect, if the entity seeks to interpret and to apply the spiritual laws that change not except by their natural or actual growth. For each soul grows to the awareness, or to heaven—not go to heaven but grow to heaven, that is within the consciousness of each soul to attain if it applies self and meets oft in the temple of the living God within the individual entity.

3605-1

By working with these three keys to soul growth—setting a spiritual ideal, the application of spiritual principles, and personal attunement to the divine—individuals can overcome personal karma and grow in spiritual awareness. What follows are comments from a variety of contemporary individuals who have come to terms with the lawfulness of karma, the dynamic and necessity of “meeting self” and the importance of personal growth, spiritual development, and attunement to the divine:

From a forty-three-year-old man: “I have learned that all the things that have happened to me are because of me, not society, my family, the government, my ex-wife, or even the devil. I brought on all my problems myself. It is up to me, with God’s help, to change anything that I am not happy with. We are not victims.”

From a fifty-two-year-old woman: “The concepts of karma and reincarnation made me understand that you cannot ‘cop out’ on

một tuổi quan tâm đến mối liên hệ nghiệp quả giữa chính mình và vợ, cũng như giữa mình và một người bạn thân, đã được chỉ rõ mối liên hệ giữa tăng trưởng linh hồn và sự chỉnh hợp tinh thần:

Vì định luật là hoàn hảo, nếu thực thể tìm cách diễn giải và áp dụng những định luật tinh thần vốn không thay đổi ngoại trừ bởi sự tăng trưởng tự nhiên hay thực chất của chúng. Vì mỗi linh hồn tăng trưởng đến nhận biết, hay đến thiên đàng—không phải đi đến thiên đàng mà là lớn lên đến thiên đàng, vốn nằm trong tâm thức của mỗi linh hồn để đạt được nếu nó áp dụng tự ngã và thường gặp gỡ trong đền thờ của Thượng đế hằng sống ở trong chính thực thể cá nhân.

3605-1

Bằng việc làm việc với ba chìa khóa cho tăng trưởng linh hồn—đặt một lý tưởng tinh thần, áp dụng các nguyên tắc tinh thần, và sự chỉnh hợp cá nhân với Đấng thiêng liêng—cá nhân có thể vượt qua nghiệp quả cá nhân và tăng trưởng trong nhận biết tinh thần. Sau đây là những nhận xét từ nhiều người đương thời đã chấp nhận tính hợp luật của nghiệp quả, sự năng động và sự cần thiết của việc “gặp chính mình” và tầm quan trọng của tăng trưởng cá nhân, phát triển tinh thần, và chỉnh hợp với Đấng thiêng liêng:

Từ một người đàn ông bốn mươi ba tuổi: “Tôi đã học được rằng mọi điều đã xảy đến với tôi là vì tôi, không phải xã hội, gia đình tôi, chính phủ, vợ cũ tôi, hay thậm chí ma quỷ. Chính tôi đã tự mang tất cả những vấn đề của mình đến. Tùy ở tôi, với sự trợ giúp của Thượng đế, để thay đổi bất cứ điều gì mà tôi không hài lòng. Chúng ta không phải là nạn nhân.”

Từ một phụ nữ năm mươi hai tuổi: “Những khái niệm về nghiệp quả và luân hồi khiến tôi hiểu rằng bạn không thể ‘trốn tránh’ bất

any life experience. It's important to learn to roll with every punch, or every challenge that comes your way, and ultimately we need to learn how to love ourselves and one another unconditionally."

A fifty-nine-year-old woman states: "I have overcome my long-lasting inferiority complexes and my fears of doing innovative, challenging tasks. I have learned to take responsibility for my mistakes and to go on searching to better myself."

A sixty-two-year-old man attributes his ability to comprehend life's lessons and his individual purpose to his awareness of the laws of reincarnation and karma: "For me, understanding how life works in terms of reincarnation and karma have been extremely helpful in understanding such questions as: 'Who am I?' 'Why am I here?' 'Where am I going?' and 'What is the purpose of life?'"

A forty-six-year-old man has a similar response:

Knowing about my past lives helped me to work on letting go of unconscious resentment and anger. It also helped me to understand why I so often felt on guard around my father. I worked on learning that he really didn't owe me anything. I worked on forgiveness and letting go of the idea that something was owed me. It really helped me to understand that my father didn't owe me anything.

A fifty-two-year-old woman adds: "Understanding karma has been extremely helpful in explaining my loves and hates, my fears and phobias, particularly those involving people who are close to me. In addition, approaching things—even bad things—with love has made a profound difference on my life."

Another woman offers the following: "We

cứ kinh nghiệm sống nào. Điều quan trọng là học cách xoay sở với mọi cú đánh, hay mọi thách thức đến với bạn, và sau cùng chúng ta cần học cách yêu thương chính mình và nhau một cách vô điều kiện."

Một phụ nữ năm mươi chín tuổi nói: "Tôi đã vượt qua những mặc cảm tự ti kéo dài và nỗi sợ làm những việc mang tính đổi mới, thách thức. Tôi đã học cách chịu trách nhiệm cho lỗi lầm của mình và tiếp tục kiếm tìm để cải thiện bản thân."

Một người đàn ông sáu mươi hai tuổi quy việc có thể thấu hiểu những bài học của đời sống và mục đích cá nhân của ông cho nhận biết về các định luật luân hồi và nghiệp quả: "Đối với tôi, thấu hiểu cách đời sống vận hành theo quan hệ luân hồi và nghiệp quả đã vô cùng hữu ích trong việc hiểu những câu hỏi như: 'Tôi là ai?' 'Tôi ở đây để làm gì?' 'Tôi sẽ đi đâu?' và 'Mục đích của đời sống là gì?'"

Một người đàn ông bốn mươi sáu tuổi có phản hồi tương tự:

Biết về những tiền kiếp của mình đã giúp tôi làm việc để buông bỏ những oán hận và giận dữ vô thức. Nó cũng giúp tôi hiểu vì sao tôi thường cảm thấy phải cảnh giác khi ở cạnh cha mình. Tôi đã rèn tập để hiểu rằng ông thực sự chẳng mắc nợ tôi điều gì. Tôi đã làm việc với sự tha thứ và buông bỏ ý nghĩ rằng có điều gì đó nợ tôi. Nó thực sự giúp tôi hiểu rằng cha tôi chẳng nợ tôi điều gì.

Một phụ nữ năm mươi hai tuổi bổ sung: "Hiểu nghiệp quả đã vô cùng hữu ích trong việc giải thích những yêu và ghét, những nỗi sợ và ám ảnh của tôi, đặc biệt là những điều liên quan đến những người thân cận với tôi. Thêm nữa, tiếp cận mọi sự—even những điều tồi tệ—bằng tình thương đã tạo nên khác biệt sâu xa đối với đời tôi."

Một phụ nữ khác đưa ra điều sau: "Chúng ta

contract for learning in our various lives, trying to apply the best that we know. Sooner or later we will all make it. Ultimately, we help each other along the way. I get exactly what I need, when I need it. There are no victims in the universe.”

A woman in her fifties discusses how a seemingly difficult challenge ended up being for her own good: “My divorce resulted in great growth for me. I feel I became a much stronger person and a much greater artist. I published a book on creativity and personal growth, became well known as an artist, got my MA, developed a business, began teaching on a university level, and so on.”

A seventy-four-year-old woman had this to say: “It took me years to realize how loved I am. For so long I felt so invisible and insignificant. I tried so hard to be perfect and worthy. Now, I finally realize that I am a channel of blessings, and I try to reflect to others the bountiful love of God that so fills my heart. My cup runneth over and can’t hold it in. I am so blessed.”

A parent of three grown children learned the following:

I have come to know that my children are not an extension of myself but individuals on their own separate paths. We have come together for a joint purpose but their paths are uniquely their own. Perhaps I can be a role model for them and teach them and equally learn from them but I cannot know their path or purpose, I can only strive to find my own.

Because of his life experiences and his growing awareness, a fifty-year-old man

ký kết để học hỏi trong các đời sống khác nhau, cố gắng áp dụng điều tốt nhất mà chúng ta biết. Rồi sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ đạt. Sau cùng, chúng ta giúp nhau trên đường. Tôi nhận đúng điều tôi cần, vào đúng lúc tôi cần. Không có nạn nhân trong vũ trụ.”

Một phụ nữ ở độ tuổi năm mươi bàn về cách một thách thức tưởng như khó khăn rốt cuộc lại là điều tốt cho bà: “Cuộc ly hôn mang lại sự tăng trưởng lớn lao cho tôi. Tôi cảm thấy mình trở nên một con người mạnh mẽ hơn nhiều và một nghệ sĩ lớn hơn nhiều. Tôi xuất bản một cuốn sách về sáng tạo và tăng trưởng cá nhân, trở nên nổi tiếng như một nghệ sĩ, lấy bằng Thạc sĩ, phát triển một doanh nghiệp, bắt đầu giảng dạy ở bậc đại học, v.v.”

Một phụ nữ bảy mươi bốn tuổi nói như sau: “Tôi mất nhiều năm mới nhận ra mình được yêu thương đến thế nào. Trong một thời gian dài tôi cảm thấy vô hình và vô nghĩa. Tôi đã cố gắng thật nhiều để trở nên hoàn hảo và xứng đáng. Giờ đây, cuối cùng tôi nhận ra rằng tôi là một kênh của phúc lành, và tôi cố phản chiếu cho người khác tình yêu dạt dào của Thượng đế đang tuôn đầy trái tim tôi. Chén tôi đầy tràn và không thể giữ lại. Tôi thật được phúc.”

Một phụ huynh có ba con đã trưởng thành đã học được điều sau:

Tôi đã hiểu rằng con cái tôi không phải là sự nối dài của bản thân tôi mà là những cá thể đi trên những con đường riêng. Chúng ta đã đến với nhau vì một mục đích chung nhưng con đường của chúng là độc nhất của riêng chúng. Có lẽ tôi có thể làm gương cho chúng và dạy dỗ chúng và cũng học từ chúng, nhưng tôi không thể biết con đường hay mục đích của chúng, tôi chỉ có thể nỗ lực tìm ra con đường của chính mình.

Nhờ các kinh nghiệm đời sống và nhận biết đang tăng trưởng, một người đàn ông năm

now understands the ongoing nature of soul growth: “I am far from being a perfect person but I have become a much better person. I have gotten to the point where I generally ask myself, ‘What am I supposed to be learning from this?’ Ultimately, all of my relationships have helped me to become a better person.”

Finally, a middle-aged woman recites all she has learned in this ongoing process of overcoming her personal karma:

I’ve learned patience and compassion through caring for parents and grandparents that were ill.

I’ve learned that life will bring me what I need and that worry is an unnecessary habit. Numerous times what I’ve needed has fallen right into my lap with such uncanny timing that it goes far beyond coincidence.

I’ve learned that only brutal honesty when examining the self will yield worthwhile results. When it comes to personal growth, the ego—with all of its built in defense mechanisms—has to be set aside.

I’ve learned that other people really are my magic mirror and I study them and my feelings towards them in order to better understand myself. For example, I’ve learned to be more sensitive to others when I speak. This came from working with someone who was so incredibly insensitive that I would cringe from the things she would say to others or myself. After years of being exposed to this I found myself hearing her voice in my head when I said something even remotely insensitive or negative. It was quite a deterrent and although it was unpleasant I am grateful for the growth that it brought me.

mười tuổi giờ hiểu bản chất liên tục của tăng trưởng linh hồn: “Tôi còn xa mới là người hoàn hảo nhưng tôi đã trở thành một con người tốt hơn nhiều. Tôi đã đạt đến chỗ mà tôi thường tự hỏi: ‘Tôi phải học gì từ việc này?’ Sau cùng, mọi mối quan hệ của tôi đã giúp tôi trở thành một con người tốt hơn.”

Cuối cùng, một phụ nữ trung niên thuật lại tất cả những gì bà đã học được trong tiến trình liên tục vượt qua nghiệp quả cá nhân:

Tôi đã học kiên nhẫn và từ bi bằng việc chăm sóc cha mẹ và ông bà bị bệnh.

Tôi đã học rằng đời sống sẽ mang đến cho tôi điều tôi cần và rằng lo lắng là một thói quen không cần thiết. Biết bao lần điều tôi cần rơi đúng vào lòng tôi với một sự trùng hợp kỳ lạ đến mức vượt xa ngẫu nhiên.

Tôi đã học rằng chỉ có sự trung thực khắc nghiệt khi xét mình mới đem lại kết quả đáng giá. Khi nói đến tăng trưởng cá nhân, phạm ngã—với tất cả cơ chế tự vệ bẩm sinh của nó—phải được gác sang một bên.

Tôi đã học rằng người khác thực sự là tấm gương nhiệm mầu của tôi và tôi quan sát họ và cảm xúc của mình đối với họ để hiểu mình tốt hơn. Chẳng hạn, tôi đã học để nhạy cảm hơn với người khác khi tôi nói. Điều này đến từ việc làm việc với một người vô cùng vô cảm đến mức tôi rùng mình trước những điều cô ấy nói với người khác hoặc với chính tôi. Sau nhiều năm tiếp xúc như vậy, tôi thấy mình nghe giọng nói của cô ấy trong đầu khi tôi nói điều gì đó dù chỉ hơi thiếu nhạy cảm hay tiêu cực. Nó là một sự răn đe rõ rệt, và dù khó chịu tôi vẫn biết ơn vì sự tăng trưởng mà nó mang lại cho tôi.



7

Karma Versus Grace—Nghiệp Quả và Ân Điển

Thus we may through those administrations of that which is the spirit of truth made manifest, turn this karma, or law, to grace and mercy.

Vì vậy chúng ta có thể, qua những sự tác động của tinh thần của chân lý đã được biểu lộ, chuyển hóa nghiệp quả này, hay định luật này, thành ân điển và thương xót.

5209-1

5209-1



Upon hearing the terms “karma” and “grace,” some individuals may not at first see any connection between the two but both are laws that operate within the absolute lawfulness of the universe. Both are also inextricably connected to each soul’s movement toward wholeness. An essential difference between the two, however, is that the law of grace empowers an individual with the divine pattern of the Creator in the process of meeting self, whereas the law of karma leaves the self with self’s resources alone.

Khi nghe các thuật ngữ “nghiệp quả” và “ân điển”, ban đầu một số người có thể không thấy mối liên hệ nào giữa hai điều, nhưng cả hai đều là những định luật vận hành trong tính luật tắc tuyệt đối của vũ trụ. Cả hai cũng gắn bó không thể tách rời với sự vận hành của mỗi linh hồn hướng đến tính trọn vẹn. Tuy nhiên, một khác biệt cốt yếu giữa hai điều là định luật ân điển trao quyền cho cá nhân bằng mẫu hình thiêng liêng của Đấng Tạo Hóa trong tiến trình gặp chính mình, trong khi định luật nghiệp quả để lại cho cá nhân chỉ với các nguồn lực của chính nó.

On one occasion, while describing how meeting self could be accomplished through either karma or grace, Cayce told a thirty-two-year-old sheet metal worker:

Có lần, khi mô tả cách việc gặp chính mình có thể được thực hiện qua nghiệp quả hoặc ân điển, Cayce nói với một công nhân tôn ba mươi hai tuổi:

For the law of the Lord is perfect, and whatsoever an entity, an individual sows, that must he reap ... As to whether one meets it in the letter of the law or in mercy, in grace, becomes the choice of the entity. If one would have mercy, grace, love, friends, one must show self in such a manner to those with whom one becomes associated. For like begets like.

5001-1

The New Testament tells us that the law of karma is superceded by the law of grace when discussing the fruits of the spirit: "But the fruit of the Spirit is love, joy, peace, longsuffering, gentleness, goodness, faith, meekness, temperance: against such there is no law." (Galatians 5:22-23; emphasis mine) Each of these fruits of the spirit are essentially components of a consciousness described as the universal Christ Consciousness: "the awareness within each soul, imprinted in pattern on the mind and waiting to be awakened by the will, of the soul's oneness with God." (5749-14)

The Cayce readings state that this consciousness was perfectly manifested by Jesus. However, rather than thinking that this awareness is somehow connected to the religion of Christianity (after all, Jesus was not a Christian, He was a Jew), it is important to realize that it instead depends on the perfect manifestation of the fruits of the spirit by any individual. In other words, Christ Consciousness is the birthright of each and every soul, regardless of his or her religion.

What may be conceptually challenging to some people is the idea that living a life in accord with the spirit is not necessarily a matter of religion. But Jesus Himself stated that His mission was not really to change

Vì định luật của Chúa là hoàn hảo, và hễ một thực thể, một cá nhân gieo gì thì người ấy phải gặt nấy ... Việc một người gặt nó theo văn tự của định luật hay trong lòng thương xót, trong ân điển, trở thành sự chọn lựa của thực thể. Nếu ai muốn có thương xót, ân điển, tình thương, bạn hữu, người đó phải biểu lộ mình theo cung cách ấy với những người mà người ấy kết giao. Vì đồng khí tương cầu.

5001-1

Tân Ước cho chúng ta biết rằng định luật nghiệp quả được vượt trội bởi định luật ân điển khi bàn về hoa trái của Thánh Linh: "Nhưng bông trái của Thánh Linh, ấy là lòng yêu thương, sự vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhân từ, hiền lành, trung tín, mềm mại, tiết độ: không có luật pháp nào cấm các sự đó." (Ga-la-ti 5:22-23; tôi nhấn mạnh) Mỗi hoa trái của Thánh Linh này về thực chất là các thành phần của một tâm thức được mô tả là Tâm thức Christ phổ quát: "sự nhận biết ở trong mỗi linh hồn, được in dấu theo mẫu hình trên trí, và đang chờ được đánh thức bởi ý chí, về sự hợp nhất của linh hồn với Thượng đế." (5749-14)

Các bài đọc của Cayce nói rằng tâm thức này đã được Đức Jesus biểu lộ một cách hoàn hảo. Tuy nhiên, thay vì nghĩ rằng nhận biết này bằng cách nào đó gắn với tôn giáo Cơ Đốc (rốt cuộc, Đức Jesus không phải là người Cơ Đốc, Ngài là người Do Thái), điều quan trọng là nhận ra rằng nó lệ thuộc vào việc biểu lộ hoàn hảo hoa trái của Thánh Linh bởi bất kỳ cá nhân nào. Nói cách khác, Tâm thức Christ là quyền bẩm sinh của mọi linh hồn, bất kể tôn giáo của người ấy.

Điều có thể là thách thức về mặt khái niệm đối với một số người là ý tưởng rằng sống một đời sống phù hợp với Thần Linh không nhất thiết là vấn đề tôn giáo. Nhưng chính Đức Jesus đã nói rằng sứ mạng của Ngài

religion nor was it to somehow put the religion of the Old Testament prophets back on track. Instead, it was to perfectly manifest the laws of the Creator in the earth and in the process fulfill the meeting of self:

Think not that I come to destroy the law, or the prophets: I am not come to destroy, but to fulfill.

For verily I say unto you, till heaven and earth pass, one jot or one tittle shall in no wise pass from the law, till all be fulfilled.

(Matthew 5:17-18)

Regardless of whether an individual becomes subject to karma alone or is empowered with grace, the lawfulness of life does not change—he or she must still eventually meet self. Grace does not do away with the necessity of meeting self; it enables the individual to meet self in the best possible manner by putting self in accord with the pattern of spiritual perfection that was demonstrated by Jesus. In this process, the soul avails itself of the grace of God.

An example from the Cayce files is the case of a fifty-two-year-old schoolteacher who asked for guidance and direction in order to deal with her personal karma. Cayce explained that karma could best be met by aligning self with the pattern of the Christ Consciousness, as demonstrated by Jesus: “Not that every soul shall not give account for the deeds done in body, and in the body meet them! But in each meeting, in each activity, let the pattern [of the Christ Consciousness]—not in self, not in mind alone, but in Him—be the guide.” (2067-2) In the same reading, the woman was told that by putting her life in perfect accord with the pattern of Christ’s life, she would eventually transform all of her karma: “He alone is each

không thật sự nhằm thay đổi tôn giáo cũng không nhằm bằng cách nào đó đưa tôn giáo của các tiên tri Cựu Ước trở lại đúng đường. Thay vào đó, là để biểu lộ hoàn hảo các định luật của Đấng Tạo Hóa ở trần gian và trong tiến trình ấy hoàn tất việc gặp chính mình:

Chớ tưởng rằng ta đến để phá luật pháp hay các đấng tiên tri; ta đến không phải để phá, song để làm cho trọn.

Vì quả thật, ta nói cùng các người, trước khi trời đất qua đi, thì một chấm, một nét nào trong luật pháp thấy đều không qua đi, cho đến khi mọi sự được trọn.

(Ma-thi-ơ 5:17-18)

Bất kể một cá nhân trở nên chịu sự chi phối của riêng nghiệp quả hay được trao quyền bằng ân điển, tính hợp luật của đời sống không thay đổi—người ấy rồi cũng phải gặp chính mình. Ân điển không xóa bỏ sự cần thiết của việc gặp chính mình; nó giúp cá nhân gặp chính mình bằng cách tốt nhất có thể, bằng cách đặt cái tôi hòa hợp với mẫu hình hoàn hảo tinh thần đã được Đức Jesus phô diễn. Trong tiến trình này, linh hồn nương nhờ ân điển của Thượng đế.

Một ví dụ từ hồ sơ Cayce là trường hợp một nữ giáo viên năm mươi hai tuổi, bà xin chỉ dẫn và định hướng để giải quyết nghiệp quả cá nhân. Cayce giải thích rằng nghiệp quả có thể được gặp một cách tốt nhất bằng cách chỉnh hợp tự ngã với mẫu hình của Tâm thức Christ, như Đức Jesus đã biểu lộ: “Không phải rằng mọi linh hồn sẽ không phải khai trình về các việc đã làm trong thân, và trong thân mà gặp chúng! Nhưng trong mỗi lần gặp, trong mỗi hoạt động, hãy để mẫu hình [của Tâm thức Christ]—không ở nơi tự ngã, không chỉ nơi trí, mà ở nơi Ngài—làm kim chỉ nam.” (2067-2) Trong cùng bài đọc, người phụ nữ được cho biết rằng bằng việc đặt đời sống của mình hoàn toàn phù hợp với mẫu hình đời sống của Christ, rốt cuộc bà sẽ

soul pattern! He is thy karma, if ye put thy trust wholly in Him!"

Rather than seeing the soul pattern of Jesus as being allegiance to a particular faith, it would be more accurate to see it as conformity with divine spirit and the resulting behavior. Cayce went on to describe this pattern as "doing good, being kind, being patient, being loving in every experience of man's activity." Another way of understanding the helpfulness of the pattern set by Jesus is to realize that, regardless of what issues or experiences an individual may be facing in the present, those issues have already been met by Jesus as He lived in perfect accord with the laws of the Creator.

Cayce author and scholar Lynn Sparrow once described Jesus' life as a map that could be followed through the oftentimes-confusing issues in the maze of life:

Perhaps we can best understand the compatibility of karma and grace by looking at an analogy. Suppose you are in the center of a maze, and your job is to get out. Now there are two ways that you can go about getting through the maze. You can blindly fumble and bumble your way down various corridors. When you hit a dead end, you must go back and retrace your steps to the point where you made the wrong turn, then try once again ... This path of trial and error would be like taking the way of karma ...

Suppose, on the other hand, that someone said to you, "I've successfully completed that maze, and I have a map that shows every turn. Furthermore, if you'll accept my map, I'll impart to you the strength and wisdom you need to follow my map. You may not understand how I can give you this special

chuyển hóa tất cả nghiệp quả của mình: "Chỉ một mình Ngài là mẫu hình của mỗi linh hồn! Ngài là nghiệp quả của người, nếu người đặt trọn niềm tin nơi Ngài!"

Thay vì xem mẫu hình linh hồn của Đức Jesus như là sự trung thành với một đức tin riêng biệt, sẽ chính xác hơn nếu xem đó là sự tương hợp với Thần Linh và hành vi hệ quả. Cayce tiếp tục mô tả mẫu hình này là "làm điều thiện, tử tế, kiên nhẫn, yêu thương trong mọi kinh nghiệm của hoạt động của con người." Một cách khác để hiểu sự hữu ích của mẫu hình do Đức Jesus đặt ra là nhận ra rằng, bất kể các vấn đề hay kinh nghiệm hiện tại mà một cá nhân đang đối mặt là gì, những vấn đề ấy đã từng được Đức Jesus gặp rồi khi Ngài sống hoàn hảo theo các định luật của Đấng Tạo Hóa.

Tác giả và học giả về Cayce, Lynn Sparrow, từng mô tả đời sống của Đức Jesus như một tấm bản đồ có thể theo mà đi qua những vấn đề thường rối rắm trong mê cung của cuộc đời:

Có lẽ chúng ta có thể hiểu tốt nhất tính tương thích của nghiệp quả và ân điển bằng cách nhìn vào một phép loại suy. Giả sử bạn đang ở giữa một mê cung, và nhiệm vụ của bạn là thoát ra. Giờ có hai cách để bạn vượt qua mê cung. Bạn có thể mày mò mẫm trong mù mờ dọc theo các hành lang khác nhau. Khi gặp ngõ cụt, bạn phải quay lại và lần theo bước chân đến chỗ mình rẽ sai, rồi thử lại lần nữa ... Con đường thử và sai này giống như đi theo con đường của nghiệp quả ...

Mặt khác, giả sử có người nói với bạn: "Tôi đã vượt qua xong mê cung ấy, và tôi có một tấm bản đồ chỉ mọi chỗ rẽ. Hơn nữa, nếu bạn chấp nhận bản đồ của tôi, tôi sẽ truyền cho bạn sức mạnh và minh triết mà bạn cần để theo bản đồ của tôi. Bạn có thể không hiểu làm sao tôi có thể ban cho bạn sự trợ giúp đặc biệt

help, but if you will just accept it, you will experience it working on your trip through the maze. You will succeed, not through your own efforts, but by trusting that I have already secured your release from this maze.” This would be the way of grace: accepting the map—which would be analogous to Jesus as the pattern—and accepting the power to follow the map.

(Sparrow, pg. 202)

Along the same lines, Edgar Cayce told a fifty-seven-year-old man interested in healing the karma he had with his immediate family that the best approach was to live in accord with the pattern of the Christ Consciousness that had been exemplified by Jesus: “For, since the foundations of the world He has paved the ways, here and there entering into the experience of man’s existence that He may know every temptation that might beset man in all of his ways.” (442-3)

In 1933, an individual who had obtained readings for both himself and his mother wrote a letter to Edgar Cayce and inquired about what the readings had to say regarding karmic influences. Cayce’s reply suggested that the law of karma could be wiped away with the law of grace by living in accord with the soul’s pattern of perfection and becoming “godlike in the world.” A portion of Cayce’s response to Mr. [256] follows:

Yes, the readings have had a great deal to say about Karmic influences, and that—according to the readings—is where the saving grace of the Christ comes in our activity ...

Yes, the [karmic] obligations that individuals have one to another from former associations must be met. This accounts for

này, nhưng nếu bạn chỉ cần chấp nhận nó, bạn sẽ kinh nghiệm nó vận hành trên chuyến đi qua mê cung. Bạn sẽ thành công, không phải nhờ nỗ lực riêng của bạn, mà bằng việc tin cậy rằng tôi đã đảm bảo cho bạn sự giải thoát khỏi mê cung này rồi.” Đây sẽ là con đường của ân điển: chấp nhận tấm bản đồ—tức là tương tự với Đức Jesus như mẫu hình—và chấp nhận quyền năng để theo tấm bản đồ.

(Sparrow, tr. 202)

Cùng theo hướng ấy, Edgar Cayce nói với một người đàn ông năm mươi bảy tuổi quan tâm đến việc chữa lành nghiệp quả giữa ông và gia đình ruột thịt rằng cách tiếp cận tốt nhất là sống phù hợp với mẫu hình của Tâm thức Christ đã được Đức Jesus làm gương: “Vì, từ khi nền tảng của thế gian được lập, Ngài đã lát sẵn các con đường, đôi lúc bước vào kinh nghiệm hiện hữu của con người để Ngài có thể biết mọi cám dỗ có thể vấy bừa con người trong mọi đường lối của y.” (442-3)

Năm 1933, một người đã xin các bài đọc cho cả bản thân và mẹ mình viết thư cho Edgar Cayce và hỏi về những điều các bài đọc nói liên quan đến ảnh hưởng nghiệp quả. Hồi đáp của Cayce gợi ý rằng định luật nghiệp quả có thể được xóa nhòa bởi định luật ân điển bằng cách sống phù hợp với mẫu hình hoàn hảo của linh hồn và trở nên “giống Thượng đế trong thế gian.” Một phần hồi âm của Cayce gửi Ông [256] như sau:

Vâng, các bài đọc đã nói rất nhiều về những ảnh hưởng nghiệp quả, và—theo các bài đọc—đó chính là nơi ân điển cứu rỗi của Christ bước vào trong hoạt động của chúng ta ...

Vâng, những [nghiệp] nghĩa vụ mà các cá nhân mắc với nhau từ những mối liên hệ trước kia phải được giải quyết. Điều này lý

the attraction individuals have, or the repellent forces that come. Of course, realizing this in relationship to individuals, and as to what is the saving grace or power with such associations wherever karmic influences must be worked out, or where obligations are due, we know that the ministrations in the manner of the Christ's injunctions may wipe out any bill—we might say—in the opposite direction ... Man alone is given a soul, with the power to be a co-creator with God, having the ability—through his will—to separate himself from the divine forces or powers. This is determined by his associations with his fellow man, who—as himself—is a manifestation, with the ability to become godlike in his associations with the whole, or with all forms of life as manifested in the Christ Consciousness or the Christ Life; for He became the Son to whom all power was given in heaven and in earth, in exchange for His ability to manifest God's force, God's power, or to become godlike in the world; thus, He became the Savior of men, through His ability to manifest life in its correct relationship and form in the earth. Hence man may turn to Him for whatever may be necessary for him to make right with this fellow man, through the counsel, through the love He manifested. We each arrive at that position at some time, or every day in our experience, when we have to answer the question “What will ye do with this man called Jesus?”

256-1 Report File

One component of the “letter of the law” that governs karmic memory has to do with the quantitative response an individual encounters in the process of meeting self. In other words, part of the lawfulness of “what you sow you must reap” is that an individual

giải sức hút giữa các cá nhân, hoặc những lực đẩy lẫn nhau phát sinh. Dĩ nhiên, khi nhận thức điều này trong mối liên hệ với các cá nhân, và về ân điển cứu rỗi hay quyền năng trong những liên hệ như vậy ở bất cứ nơi nào các ảnh hưởng nghiệp quả phải được giải tỏa, hay nơi còn có nghĩa vụ phải trả, chúng ta biết rằng các sự phục vụ theo phương cách tuân theo chỉ giáo của Christ có thể xóa sạch bất cứ khoản nợ nào—chúng ta có thể nói vậy—theo chiều ngược lại ... Chỉ con người được ban cho một linh hồn, với quyền năng để trở nên một đồng-sáng tạo với Thượng đế, có khả năng—thông qua ý chí—tách mình khỏi các lực hay quyền năng thiêng liêng. Điều này được quyết định bởi những mối liên hệ của y với đồng loại, người mà—như chính y—là một biểu hiện, với khả năng trở nên giống Thượng đế trong mối liên hệ của mình với toàn thể, hay với mọi hình thức sự sống như được biểu lộ trong Tâm thức Christ hay Đời sống Christ; vì Ngài đã trở nên Con, Đấng mà mọi quyền năng trên trời và dưới đất được ban cho, đổi lấy khả năng của Ngài để biểu lộ lực của Thượng đế, quyền năng của Thượng đế, hay trở nên giống Thượng đế trong thế gian; do đó, Ngài trở thành Đấng Cứu Rỗi của loài người, qua khả năng của Ngài để biểu lộ sự sống trong mối liên hệ và hình thái đúng đắn của nó ở trần gian. Vì vậy con người có thể hướng về Ngài để xin bất cứ điều gì cần thiết cho y nhằm làm cho đúng với đồng loại của mình, qua lời khuyên, qua tình thương mà Ngài đã biểu lộ. Mỗi chúng ta đều đến điểm ấy vào một thời điểm nào đó, hoặc mỗi ngày trong kinh nghiệm của mình, khi chúng ta phải trả lời câu hỏi “Các người sẽ làm gì với người gọi là Jesus này?”

256-1 Hồ sơ Báo cáo

Một thành tố của “văn tự của định luật” vốn chi phối ký ức nghiệp quả liên quan đến phản hồi định lượng mà cá nhân gặp phải trong tiến trình gặp chính mình. Nói cách khác, một phần của tính hợp luật “giao gì gặt nấy” là cá nhân gặp ký ức nghiệp quả theo một

meets karmic memory in equal measure to how that memory was created. If a person did something out of accord with the pattern of wholeness “X” number of times to someone else, then he or she would have to personally encounter the same situation in life the same number of times in order to meet it. Grace, however, has the ability to do away with the quantity and instead enables the individual to meet the situation and gain the necessary awareness with a qualitative response. This is essentially meeting self in the spirit of the law rather than the letter of the law.

When a group of individuals in New York requested a reading from Edgar Cayce on the possibility of understanding karma and studying, researching and proving the topic of reincarnation, Cayce suggested that the life of King David in the Old Testament would be a helpful pattern for them to study:

Using the experience of David the king as an example, what was it in his experience that caused him to be called a man after God’s own heart? That he did not falter, that he did not do this or that or be guilty of every immoral experience in the category of man’s relationship? Rather was it that he was sorry, and not guilty of the same offence twice!

Well that ye pattern thy study of thyself after such a life!

5753-2

The same reading also explained the proper rationale for studying the topics of reincarnation and karma in the first place:

And to find that ye only lived, died and were buried under the cherry tree in Grandmother’s garden does not make thee one whit better neighbor, citizen, mother or father!

mức độ tương xứng với cách ký ức ấy đã được tạo ra. Nếu một người làm điều gì đó sai lệch với mẫu hình trọn vẹn “X” lần đối với người khác, thì người ấy sẽ phải tự mình gặp cùng tình huống tương tự trong đời “X” lần để có thể đối diện nó. Ân điển, tuy nhiên, có khả năng loại bỏ yếu tố định lượng và thay vào đó giúp cá nhân gặp tình huống và đạt được nhận biết cần thiết bằng một phản hồi mang tính định tính. Về thực chất, đây là gặp chính mình theo tinh thần của định luật thay vì văn tự của định luật.

Khi một nhóm người ở New York yêu cầu Edgar Cayce một bài đọc về khả năng thấu hiểu nghiệp quả và việc nghiên cứu, khảo cứu và chứng minh đề tài luân hồi, Cayce đề nghị rằng đời sống của Vua Đa-vít trong Cựu Ước sẽ là một mẫu hình hữu ích cho họ để nghiên cứu:

Dùng kinh nghiệm của vua Đa-vít làm ví dụ, điều gì trong kinh nghiệm của ông khiến ông được gọi là người hợp lòng Thượng đế? Phải chăng là vì ông không hề chao đảo, rằng ông không hề làm điều này hay điều nọ hay không hề phạm mọi kinh nghiệm vô luân trong mọi phạm trù các quan hệ của con người? Hay đúng hơn là vì ông biết ăn năn, và không phạm cùng một lỗi hai lần!

Thật tốt nếu các người lấy đời sống như thế mà làm mẫu để xét mình!

5753-2

Cùng bài đọc ấy cũng giải thích lý do đúng đắn để nghiên cứu các đề tài luân hồi và nghiệp quả ngay từ đầu:

Và việc phát hiện rằng người từng sống, chết và được chôn dưới gốc anh đào trong vườn của Bà ngoại không khiến người trở thành một người láng giềng, một công dân, một người mẹ hay người cha tốt hơn dù chỉ một

But to know that ye spoke unkindly and suffered for it, and in the present may correct it by being righteous—that is worth while!

What is righteousness? Just being kind, just being noble, just being self-sacrificing; just being willing to be the hands for the blind, the feet for the lame—these are constructive experiences.

Ye may gain knowledge of same, for incarnations are a fact! How may ye prove it? In thy daily living!

As individuals attune themselves to the soul's pattern of wholeness, not only is the individual better able to meet self but all of the memories of past experiences may be brought to the soul's awareness in the process. This is referred to in the New Testament when Jesus speaks about "the Comforter" (the Holy Spirit): "... he shall teach you all things, and bring all things to your remembrance, whatsoever I have said unto you." (John 14:26) A fascinating account of how this bringing of "all things to your remembrance" might be experienced is told by Blanche Nelson, who had the following experience:

One morning, as I awoke, I became aware of a man standing beside my bed. I had the impression of white hair and a beard and he was wearing a white robe as well. He was a being of light and was bent over me with his arm outstretched and his hand positioned above my forehead. He said the word, "Remember!" He repeated this word and he said it with such intensity and focus that my mind followed his command ...

I was amazed at what I knew. The structure of the universe, the mystery of all creation,

chút!

Nhưng biết rằng người đã nói lời không tử tế và chịu khổ vì nó, và trong hiện tại có thể sửa nó bằng cách sống công chính—điều ấy mới đáng giá!

Công chính là gì? Chỉ là tử tế, chỉ là cao thượng, chỉ là biết hi sinh; chỉ là sẵn lòng làm đôi tay cho người mù, làm đôi chân cho người què—đó là những kinh nghiệm xây dựng.

Các người có thể đạt tri thức về điều ấy, vì các lần nhập thể là một sự kiện! Các người có thể chứng minh thế nào? Bằng đời sống hằng ngày của các người!

Khi các cá nhân chỉnh hợp mình với mẫu hình trọn vẹn của linh hồn, không chỉ cá nhân có thể gặp chính mình tốt hơn mà mọi ký ức về các kinh nghiệm quá khứ cũng có thể được đem đến cho linh hồn trong tiến trình. Điều này được nhắc đến trong Tân Ước khi Đức Jesus nói về "Đấng An Ủi" (Chúa Thánh Thần): "... Ngài sẽ dạy dỗ các người mọi sự, và nhắc lại cho các người nhớ mọi điều mà ta đã nói cùng các người." (Giăng 14:26) Một thuật sự hấp dẫn về cách "nhắc lại cho các người nhớ mọi điều" có thể được kinh nghiệm được kể bởi Blanche Nelson, người đã có trải nghiệm sau:

Một buổi sáng, khi tôi thức dậy, tôi nhận biết có một người đang đứng bên giường tôi. Tôi có ấn tượng về mái tóc bạc và bộ râu, và ông mặc cả áo choàng trắng. Ông là một hữu thể của ánh sáng, cúi xuống phía tôi với cánh tay đưa ra và bàn tay đặt trên trán tôi. Ông nói từ "Hãy nhớ!" Ông lặp lại từ này và nói với một cường độ và tập trung đến mức tâm tôi làm theo mệnh lệnh của ông ...

Tôi kinh ngạc trước những gì mình biết. Cấu trúc của vũ trụ, mẫu nhiệm của toàn thể tạo

the purpose of not only my own life, but also the lives of everyone I knew. From the forming of atoms to the complexities of the soul, from human development to the millions of other life forms in all of creation, from the stars in the physical world to the memory of every detail of every life I have ever lived, all these things and much, much more, were known to me. Knowledge that would have taken hundreds of years to learn on earth was now a part of me.

I stood upon a precipice overlooking the universe, reveling in this knowledge, filled with an indescribable peace. I remember thinking, "But it's so simple! Why a child could understand it! How could it be that I have been living so long and never saw this while I was in the body!? It's so perfect! And so obvious!"

Suddenly something monumental I had understood was gone! It was like having something on the tip of your tongue, just beyond your ability to bring it forth, this was how I felt, but this wasn't just some name of a movie or of a phone number, this was a HUGE loss. I tried to focus on it and recall it and as I did so, another large chunk of knowledge disappeared. And so a snowball effect began and the harder I tried to retain this precious gift, the faster it began to slip from my grasp. I began falling back and soon found myself back in my body with my spiritual traveler standing over me saying, "Remember ... remember!"

All I remember is what I've written here.

Elizabeth Reynolds was fifty-seven years old when she obtained a reading from Edgar Cayce. One of her greatest karmic challenges was her husband, from whom she was separated. In addition to wanting to know where the karma with her husband had originated, Elizabeth was apparently wondering whether their getting together

hóa, mục đích không chỉ của đời tôi mà cả đời của mọi người tôi biết. Từ sự hình thành các nguyên tử đến những phức tạp của linh hồn, từ sự phát triển của con người đến hàng triệu hình thức sự sống khác trong toàn thể tạo hóa, từ các vì sao trong thế giới vật chất đến ký ức mọi chi tiết của mọi đời sống tôi từng sống, tất cả những điều ấy và còn nhiều, nhiều nữa, đã trở thành tri thức của tôi. Tri thức đáng lẽ phải mất hàng trăm năm để học trên trần gian giờ đã là một phần của tôi.

Tôi đứng trên một mỏm đá nhìn ra vũ trụ, say sưa trong tri thức ấy, tràn đầy một bình an khôn tả. Tôi nhớ mình đã nghĩ, "Nhưng nó đơn giản quá! Một đứa trẻ cũng có thể hiểu! Sao lại có thể như thế được rằng tôi đã sống lâu đến vậy mà không hề thấy điều này khi còn ở trong thân xác!? Mọi sự thật quá hoàn hảo! Và hiển nhiên như thế!"

Bất chợt, một điều vĩ đại mà tôi đã hiểu biến mất! Nó giống như có điều gì đó ở trên đầu lưỡi, ngay ngoài tầm gọi lại, tôi đã cảm như thế, nhưng đây không chỉ là tên một bộ phim hay một số điện thoại, đây là một mất mát KHỔNG LỒ. Tôi cố tập trung vào nó và hồi tưởng, và khi tôi làm vậy, một mảng lớn tri thức khác biến mất. Thế là hiệu ứng quả cầu tuyết bắt đầu và càng cố giữ lại món quà quý báu này, nó càng trượt khỏi tay tôi nhanh hơn. Tôi bắt đầu rơi trở lại và chẳng bao lâu đã thấy mình ở trong thân xác, với người lữ khách tinh thần của tôi vẫn đứng bên tôi nói: "Hãy nhớ ... hãy nhớ!"

Tất cả những gì tôi nhớ chỉ là điều tôi đã viết ở đây.

Elizabeth Reynolds năm mươi bảy tuổi khi bà xin một bài đọc từ Edgar Cayce. Một trong những thách thức nghiệp quả lớn nhất của bà là người chồng mà bà đã ly thân. Ngoài việc muốn biết nghiệp quả giữa bà và chồng đã khởi nguyên thế nào, Elizabeth dường như băn khoăn liệu việc họ đến với nhau có phải là sai lầm; Cayce bảo đảm với bà rằng

had been a mistake; Cayce assured her that it had not: “As has been indicated through these channels, there is never a chance meeting, or any association, that hasn’t its meaning or purpose in the development of an individual entity or soul.” (1648-2) The karma that she was facing was traced to a lifetime in which the couple had been together as brother and sister.

In terms of how she could best meet karmic memory in the present, the reading told Elizabeth that if an individual focused on self alone, she or he would remain subject to karma, whereas by focusing on the soul’s pattern of wholeness the person would open to grace, the karma would be met, and the individual would move toward greater soul development.

A thirty-six-year-old insurance agent was given similar advice:

For, it is not by chance that each entity enters, but that the entity—as a part of the whole—may fill that place which no other soul may fill so well. For He hath not willed that any soul should perish. Thus with each material manifestation there is an undertaking by an entity to so manifest that it, as a part of the whole, may become more and more attuned to that consciousness, and thus glorify Him in the entity’s relationships to others in any and in every experience.

Each soul was, is, and is to be a companion with that creative influence or force called God. Thus each entity is a child of God, or is a part of that whole.

2533-1

The Cayce material states that the purpose of life is to move ever closer toward personal wholeness and the soul’s awareness of its

không phải: “Như đã được chỉ dẫn qua những kênh này, chẳng có cuộc gặp gỡ tình cờ nào, hay bất cứ mối liên hệ nào mà lại không có ý nghĩa hay mục đích cho sự phát triển của một thực thể hay linh hồn cá nhân.” (1648-2) Nghiệp quả mà bà đang đối diện được truy về một kiếp mà hai người từng là anh em ruột.

Về cách tốt nhất để bà có thể gặp ký ức nghiệp quả trong hiện tại, bài đọc nói với Elizabeth rằng nếu một cá nhân chỉ tập trung vào cái tôi, người ấy sẽ vẫn chịu nghiệp quả; trong khi nếu tập trung vào mẫu hình trọn vẹn của linh hồn, người ấy sẽ mở ra với ân điển, nghiệp quả sẽ được gặp, và cá nhân sẽ tiến tới phát triển linh hồn lớn lao hơn.

Một nhân viên bảo hiểm ba mươi sáu tuổi nhận được lời khuyên tương tự:

Vì, không phải tình cờ mà mỗi thực thể bước vào, mà là để thực thể—như một phần của toàn thể—có thể lấp đầy chỗ mà không linh hồn nào khác có thể lấp đầy tốt bằng. Vì Ngài chẳng hề muốn cho một linh hồn nào bị hư mất. Do đó, với mỗi lần biểu lộ vật chất, có một sự dẫn thân bởi một thực thể để biểu lộ như vậy hầu cho thực thể ấy, như một phần của toàn thể, có thể ngày càng được chỉnh hợp với tâm thức ấy, và như thế tôn vinh Ngài trong các mối liên hệ của thực thể với người khác trong bất cứ và mọi kinh nghiệm.

Mỗi linh hồn đã, đang và sẽ là một bạn đồng hành với ảnh hưởng hay mãnh lực sáng tạo gọi là Thượng đế. Do đó, mỗi thực thể là một con của Thượng đế, hay là một phần của toàn thể ấy.

2533-1

Tài liệu Cayce nêu rằng mục đích của đời sống là tiến gần hơn nữa đến tính trọn vẹn cá nhân và nhận biết của linh hồn về mối quan

ultimate relationship to God. Two laws that assist all individuals in this process are the laws of karma and grace. The law of karma enables an individual to meet memory patterns within the self that are out of harmony with the soul's oneness with the Creator. Meeting these karmic memory patterns enables an individual to grow in awareness through personal challenges and obedience to the law. Grace provides a means to gain the necessary awareness without having to necessarily meet the same measure of karmic memory created. Regardless of whether an individual chooses to remain subject to the law of karma or instead align with the pattern of the law of grace, the lawfulness of the universe does not change.

hệ tối hậu của nó với Thượng đế. Hai định luật hỗ trợ mọi người trong tiến trình này là định luật nghiệp quả và ân điển. Định luật nghiệp quả giúp cá nhân gặp các mô thức ký ức ở trong chính mình vốn sai lệch so với sự hợp nhất của linh hồn với Đấng Tạo Hóa. Gặp các mô thức ký ức nghiệp quả này giúp cá nhân tăng trưởng trong nhận biết qua các thách thức cá nhân và sự vâng theo định luật. Ân điển cung cấp phương cách để đạt được nhận biết cần thiết mà không nhất thiết phải gặp cùng mức độ các ký ức nghiệp quả đã tạo. Bất kể cá nhân chọn ở lại dưới định luật nghiệp quả hay thay vào đó chỉnh hợp với mẫu hình của định luật ân điển, tính hợp luật của vũ trụ không hề thay đổi.



Conclusion

Thus we may through those administrations of that which is the spirit of truth made manifest, turn this karma, or law, to grace and mercy.

5209-1

Kết luận

Vì vậy chúng ta có thể, qua những sự tác động của tinh thần của chân lý đã được biểu lộ, chuyển hóa nghiệp quả này, hay định luật này, thành ân điển và thương xót.

5209-1



Families are purposeful, and every person in one's family is there for a reason. Ultimately, that reason is to enable all individuals to grow in soul development and personal wholeness, becoming better people in the process. Along the way each individual meets self, healing karmic memory patterns that are out of harmony with the soul's awareness of its connection to the rest of Creation and its oneness with the Creator. Each relationship experienced by all individuals has the capacity to bring a person ever closer to an awareness of that oneness. Even the most difficult of family relationships can be viewed as an individual's soul choice, leading to personal growth. As Edgar Cayce told one woman, "then in every contact is there the opportunity for an entity, a soul, to fulfil or meet itself ..." (903-23) With this in mind, there is an underlying purposefulness

Gia đình là có mục đích, và mỗi người trong gia đình của một người hiện diện ở đó vì một lý do. Sau cùng, lý do ấy là để giúp mọi cá nhân tăng trưởng trong phát triển linh hồn và tính trọn vẹn cá nhân, trở nên những con người tốt hơn trong tiến trình. Trên đường đi, mỗi cá nhân gặp chính mình, chữa lành các mô thức ký ức nghiệp quả sai lệch so với nhận biết của linh hồn về sự nối kết với phần còn lại của Tạo Hóa và sự hợp nhất với Đấng Tạo Hóa. Mỗi mối quan hệ mà tất cả mọi người trải nghiệm đều có khả năng đưa một người đến gần hơn nữa với nhận biết về sự hợp nhất ấy. Ngay cả những mối quan hệ gia đình khó khăn nhất cũng có thể được nhìn như một sự chọn lựa của linh hồn, dẫn đến tăng trưởng cá nhân. Như Edgar Cayce nói với một phụ nữ, "vậy thì trong mọi tiếp xúc đều có cơ hội để một thực thể, một linh hồn, hoàn tất hay gặp chính mình ..." (903-23) Nghĩ như thế, có một tính mục đích nền tảng

behind every relationship and each experience a soul encounters.

In the process of compiling information for the “Philosophy” chapter of Cayce’s biography, *There Is a River*, author Thomas Sugrue wanted to know if souls generally made progress in their experiences in the earth with the following question: “Is the average fulfillment of the soul’s expectation [of lessons to be learned] more or less than fifty percent?” Cayce’s answer suggests that in spite of how things may sometimes appear in the outer world there is growth. He replied, “It’s a continuous advancement, so it is more than fifty percent.” (5749-14) Cayce went on to say that an understanding of the laws of reincarnation and karma had once been an integral part of Christianity but they had been removed by founders of the early Church in “the attempts to take short cuts.”

Oftentimes, the readings explained the lawfulness of karma by stating that whatever an individual sowed would eventually have to be reaped. Although some individuals might use this cause-and-effect dynamic to describe karma as justice, a consequence or even a debt, it is most accurate to describe it as a pool of unconscious memory. To be sure, an individual draws upon karmic memory in a variety of ways in her or his present experience, but karma is simply memory. This memory has elements that may appear to be both positive and negative. For example, a lifelong closeness to one family member is as likely to be karmic as an ongoing animosity to another. Although karma definitely has an effect upon life and one’s attitude toward others, the exercise of free will determines the actual experience an individual has in the present.

In practical terms, individuals may not always be able to understand why a certain relationship was drawn to them, but the

phía sau mọi mối quan hệ và mỗi kinh nghiệm mà một linh hồn gặp.

Trong tiến trình thu thập thông tin cho chương “Triết học” của tiểu sử Cayce, *There Is a River*, tác giả Thomas Sugrue muốn biết liệu các linh hồn nói chung có tiến bộ trong các kinh nghiệm ở trần gian không với câu hỏi: “Mức độ hoàn thành trung bình đối với kỳ vọng của linh hồn [về các bài học cần học] là nhiều hay ít hơn năm mươi phần trăm?” Câu trả lời của Cayce gợi ý rằng bất chấp cách mọi điều đôi khi dường như xuất hiện ở thế giới bên ngoài, vẫn có sự tăng trưởng. Ông đáp: “Đó là một sự thăng tiến liên tục, nên là hơn năm mươi phần trăm.” (5749-14) Cayce nói tiếp rằng sự hiểu biết về các định luật luân hồi và nghiệp quả đã từng là một phần không thể thiếu của Cơ Đốc giáo nhưng chúng đã bị những vị sáng lập Giáo hội sơ khai loại bỏ trong “những nỗ lực đi đường tắt.”

Nhiều lần, các bài đọc giải thích tính hợp luật của nghiệp quả bằng cách nói rằng hễ cá nhân gieo gì thì rốt cuộc phải gặt nấy. Dù một số người có thể dùng động thái nhân-quả này để mô tả nghiệp quả như công lý, như hệ quả hoặc thậm chí là món nợ, thì chính xác nhất là mô tả nó như một kho ký ức vô thức. Chắc chắn, cá nhân rút từ ký ức nghiệp quả theo nhiều cách trong kinh nghiệm hiện tại của mình, nhưng nghiệp quả đơn giản là ký ức. Ký ức này có các yếu tố có thể có vẻ cả tích cực lẫn tiêu cực. Chẳng hạn, sự gắn bó suốt đời với một thành viên gia đình cũng có khả năng mang tính nghiệp quả như sự hằn học dai dẳng với một người khác. Dù nghiệp quả chắc chắn có ảnh hưởng đến đời sống và thái độ của một người đối với người khác, thì việc vận dụng ý chí tự do quyết định trải nghiệm thực tế mà cá nhân có trong hiện tại.

Về mặt thực tiễn, các cá nhân không phải lúc nào cũng có thể hiểu vì sao một mối quan hệ nào đó được thu hút đến với họ, nhưng “vì

“why” may not be primary. What is important is “how” individuals choose to respond to each relationship and life experience. Imagine, for example, that two people encounter a similar circumstance in their upbringing—perhaps an overly critical parent—yet each person chooses to deal with the situation in a very different manner. One might spend a lifetime remaining angry and bitter, perhaps becoming overly critical in response, and the other might instead work through the situation by forgiving the parent and vowing to never exhibit similar traits in his or her relationships with others. Although the situation starts out the same, each person’s choice determines a very different life experience.

Sometimes an understanding of karmic connections can be conceptually challenging in that there really isn’t karma between people; instead, memory exists in relationship to people and is really a karmic experience within one’s self. However, people come to terms with that memory or meet themselves most effectively through interaction with others. This interesting dynamic of family relationships can mislead people to perceive various family members as the source of their challenges and frustrations, rather than accepting personal responsibility.

The Cayce readings indicate that each individual retains the memory of former experiences, often as patterns that manifest through the emotional and even cellular levels of the body. These memory patterns must be met and their “meeting” generally entails a growth in personal awareness. In this manner an individual lawfully meets personal karma and acquires personal resources and growth in awareness that are necessary for the soul’s personal development.

In this process of growing toward at-one-

sao” có thể không phải là quan trọng nhất. Điều quan trọng là “cách” mà cá nhân chọn để đáp ứng với mỗi mối quan hệ và kinh nghiệm sống. Hãy hình dung, chẳng hạn, hai người gặp một hoàn cảnh tương tự trong tuổi thơ—có lẽ là một phụ huynh quá hay chỉ trích—vậy mà mỗi người chọn cách đối diện rất khác nhau. Một người có thể dành cả đời để nuôi giận dữ và cay đắng, có lẽ đáp lại bằng cách trở nên quá chỉ trích, còn người kia có thể làm việc với tình huống bằng cách tha thứ cho phụ huynh và nguyện không bao giờ thể hiện những đặc tính tương tự trong các mối quan hệ của mình với người khác. Dù tình huống khởi đầu giống nhau, lựa chọn của mỗi người quyết định hai trải nghiệm sống rất khác.

Đôi khi việc hiểu các mối liên hệ nghiệp quả có thể là thách thức về mặt khái niệm bởi thật ra không có nghiệp quả giữa người với người; thay vào đó, ký ức tồn tại trong mối liên hệ với người khác và thực ra là một kinh nghiệm nghiệp quả ở trong chính mình. Tuy nhiên, con người xử lý ký ức ấy hay gặp chính mình một cách hữu hiệu nhất thông qua tương tác với người khác. Tính năng động thú vị này của các mối quan hệ gia đình có thể khiến người ta hiểu lầm mà cho rằng các thành viên gia đình khác nhau là nguồn gốc của các thách thức và bức bối của họ, thay vì chấp nhận trách nhiệm cá nhân.

Các bài đọc của Cayce cho biết rằng mỗi cá nhân giữ lại ký ức về các kinh nghiệm trước kia, thường là dưới dạng các mô thức biểu hiện qua các tầng cảm xúc và thậm chí tế bào của thân thể. Các mô thức ký ức này phải được gặp và “việc gặp” chúng nói chung bao hàm một sự tăng trưởng trong nhận biết cá nhân. Bằng cách này, cá nhân hợp luật mà gặp nghiệp quả cá nhân và thu nhận các nguồn lực cá nhân cùng sự tăng trưởng trong nhận biết cần thiết cho sự phát triển cá nhân của linh hồn.

Trong tiến trình lớn lên hướng đến trạng

ment with the Creator, there is a choice: An individual can repeatedly meet his or her own karmic memory and allow it to remain a stumblingblock in life, or the individual can open to the law of grace and draw upon the pattern of wholeness inherent in every situation. In this manner, personal karma and life's challenges can instead become stepping-stones toward greater development.

Individuals avail themselves of grace by putting themselves in accord with the fruits of the spirit, by aligning to the soul's pattern of wholeness and perfection and by consciously choosing a path of personal growth and development. From the perspective of the Cayce readings, three tools that are extremely effective in soul growth entail the setting of spiritual ideals, the application of spiritual principles in everyday life and becoming personally attuned to the divine.

Family karma is not some kind of punishment or divine retribution; instead, it is the means through which individuals can gain an awareness of themselves, their relationships to all others and ultimately their relationship to the Creator. Family karma is the lawful response to choices and actions that have occurred in the past. It demonstrates the exacting nature of individual responsibility and it allows for the ever-present hopefulness of personal free will. In the end, family karma enables every individual to have the opportunity to become a better person for having had the experience of being in that family. It also enables each individual to eventually come to the realization that the Creator is all loving and fair, and that life is now and will forever be a completely lawful experience.

thái hợp nhất với Đấng Tạo Hóa, có một sự chọn lựa: Một cá nhân có thể lặp đi lặp lại việc gặp ký ức nghiệp quả của chính mình và để nó tiếp tục là chướng ngại trong đời, hoặc cá nhân có thể mở ra với định luật ân điển và nương tựa vào mẫu hình trọn vẹn vốn tiềm ẩn trong mọi tình huống. Bằng cách này, nghiệp quả cá nhân và các thách thức của đời sống có thể trở thành những bước đệm hướng tới phát triển lớn lao hơn.

Các cá nhân thụ hưởng ân điển bằng cách tự đặt mình hòa hợp với hoa trái của tinh thần, bằng cách chỉnh hợp với mô thức trọn vẹn và hoàn hảo của linh hồn và bằng cách có ý thức chọn một con đường tăng trưởng và phát triển cá nhân. Từ quan điểm của các bài đọc Cayce, ba khí cụ hết sức hiệu quả cho sự tăng trưởng của linh hồn bao gồm: thiết lập các lý tưởng tinh thần, vận dụng các nguyên tắc tinh thần trong đời sống hằng ngày và trở nên hòa điệu cá nhân với cái thiêng liêng.

Nghiệp gia đình không phải là một loại hình phạt hay sự báo ứng thiêng liêng; trái lại, đó là phương tiện nhờ đó cá nhân có thể đạt được sự tự nhận biết về chính mình, về các mối tương quan với tất cả những người khác và sau cùng là mối tương quan của mình với Đấng Sáng Tạo. Nghiệp gia đình là sự đáp ứng hợp luật đối với những chọn lựa và hành động đã xảy ra trong quá khứ. Nó cho thấy tính nghiêm minh của trách nhiệm cá nhân và cho phép niềm hy vọng luôn hiện hữu của ý chí tự do cá nhân. Rốt cuộc, nghiệp gia đình giúp mỗi người có cơ hội trở nên một con người tốt đẹp hơn nhờ đã có kinh nghiệm sống trong gia đình đó. Nó cũng giúp mỗi người rốt lại nhận ra rằng Đấng Sáng Tạo là toàn ái và công bằng, và rằng sự sống hiện nay và mãi mãi về sau là một kinh nghiệm hoàn toàn hợp với định luật.

Notes

1. For a more thorough examination of reincarnation and karma in the Bible, see *Why Jesus Taught Reincarnation* by Herbert Bruce Puryear, Ph.D. 2. In addition to *There Is a River*, by Thomas Sugrue, a further examination of Cayce's life and work can be found in Sidney D. Kirkpatrick's *Edgar Cayce: An American Prophet*. 3. The Edgar Cayce readings are numbered to maintain confidentiality. The first set of numbers (e.g. "440") refers to the individual or group for whom the reading was given. The second set of numbers (e.g. "5") refers to the number of the reading for that individual or group. 4. For the most part, all names used within this volume have been changed to maintain confidentiality. 5. "Candid Camera of the Cosmos," by Gina Cerminara. *A.R.E. Bulletin*, November 1945. 6. For additional information on the topic of soul mates, see *Edgar Cayce on Soul Mates* by Kevin J. Todeschi.

References and Recommended Reading

- Bowman, Carol. *Children's Past Lives: How Past Life Memories Affect Your Child*. New York: Bantam, 1998.
- Cerminara, Gina. *Many Mansions*. New York: New American Library, 1967.
- Easton, Stewart C., translator. *Man and the World in the Light of Anthroposophy*. Spring Valley, New York: Anthroposophic Press, 1975.
- Hamilton, Edith. *Mythology*. Boston: Back Bay Books (Little Brown and Company), 1998.
- The Holy Bible, King James Version, 1979.
- Puryear, Herbert Bruce, Ph.D. *Why Jesus Taught Reincarnation: A Better News Gospel*. Scottsdale, Arizona: New Paradigm Press, 1992.
- Smith, Huston. *The World's Religions*. New York: HarperCollins, 1991.
- Sparrow, Lynn Elwell. *Edgar Cayce and Christian Faith*. Virginia Beach, Virginia: A.R.E. Press, 1999.
- Stevenson, Ian. *Twenty Cases Suggestive of Reincarnation*. Charlottesville, Virginia: University Press of Virginia, 1974.
- Sugrue, Thomas. *There Is a River*. Virginia Beach, Virginia: A.R.E. Press, 1997.
- Todeschi, Kevin J. *Edgar Cayce on the Akashic Records*. Virginia Beach, Virginia: A.R.E. Press, 1998.
- Todeschi, Kevin J. *Edgar Cayce on Soul Mates*. Virginia Beach, Virginia: A.R.E. Press, 1999.
- Weiss, Brian. *Only Love Is Real: A Story of Soulmates Reunited*. New York: Warner Books,